

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**




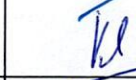



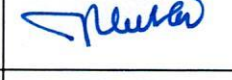

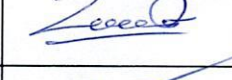
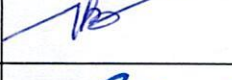




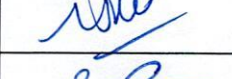
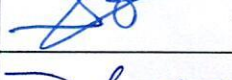


Trí tuệ và Phát triển

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 02-2023

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (CHUYÊN
NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG) CỦA HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
(Kèm theo Quyết định số 771/QĐ-HVCSPT ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc
Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký
1	Trần Trọng Nguyên	Phó bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện, Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT	Chủ tịch	
2	Nguyễn Thế Vinh	Phó Giám đốc Học viện	Phó Chủ tịch	
3	Ngô Phúc Hạnh	Trưởng Khoa CSC	Phó Chủ tịch thường trực	
4	Lê Minh Vân	Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCL	Thư ký	
5	Giang Thanh Tùng	Bí Thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Học viện	Ủy viên	
6	Nguyễn Như Hà	Trưởng Khoa LKT	Ủy viên	
7	Nguyễn Thị Đông	Phụ trách phòng QLĐT	Ủy viên	
8	Nguyễn Tiên Hùng	Trưởng phòng CT& CTSV	Ủy viên	
9	Lê Công Thành	Trưởng phòng TC-HC	Ủy viên	
10	Ngô Xuân Khoa	Phụ trách phòng QL KH-HT	Ủy viên	
11	Nguyễn Mã Lương	Phó Chủ tịch công đoàn Học viện	Ủy viên	
12	Chu Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng	Ủy viên	
13	Nguyễn Nam Hải	Giảng viên Khoa CSC	Ủy viên	
14	Nguyễn Thị Thu	Giảng viên Khoa CSC	Ủy viên	
15	Vũ Thị Tâm	Giảng viên Khoa CSC	Ủy viên	
16	Nguyễn Tiến Thành	Bí thư đoàn thanh niên	Ủy viên	
17	Lê Thị Ngọc Diệp	Sinh viên K10 ngành QLNN	Ủy viên	

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ.....	vi
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	15
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo..	15
Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.	15
Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.	19
Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	23
Kết luận về Tiêu chuẩn 1:	25
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	26
Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật	26
Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....	28
Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	32
Kết luận về Tiêu chuẩn 2:	34
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	35
Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.	35
Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.....	38
Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.	40
Kết luận về tiêu chuẩn 3:	46
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	46
Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....	47
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....	49
Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.	51
Kết luận về Tiêu chuẩn 4:	52

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.....	53
Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.	53
Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.	58
Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	61
Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....	67
Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.	70
Kết luận về Tiêu chuẩn 5:	72
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	73
Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	73
Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	77
Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	82
Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.	84
Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	87
Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	89
Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	91
Kết luận về Tiêu chuẩn 6:	95

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.....	96
Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	97
Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	100
Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.	101
Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	104
Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	105
Kết luận về Tiêu chuẩn 7:	108
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	108
Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.	109
Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....	113
Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	116
Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.....	119
Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.	122
Kết luận về Tiêu chuẩn 8:	124
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	125
Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	125
Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	127
Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	130

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	132
Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	134
Kết luận về Tiêu chuẩn 9:	136
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.....	137
Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.	138
Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....	141
Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.	144
Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.	146
Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....	149
Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....	151
Kết luận về Tiêu chuẩn 10:	153
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	154
Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	155
Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	158
Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	160
Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	162
Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	164
Kết luận về Tiêu chuẩn 11:	168
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	170
PHẦN IV. PHỤ LỤC	189

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
CĐR	Chuẩn đầu ra
CS&PT	Chính sách và phát triển
CT&CTSV	Chính trị và Công tác sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐGN	Đánh giá ngoài
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
HTQT	Hợp tác quốc tế
KHCN	Khoa học công nghệ
KQHT	Kết quả học tập
KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
QLC	Quản lý công
QLNN	Quản lý Nhà nước
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NXB	Nhà xuất bản
QLĐT	Quản lý đào tạo
TC-HC	Tổ chức - Hành chính
TĐG	Tự đánh giá
ĐTQLDA	Đấu thầu và Quản lý dự án
PTDL	Phân tích dữ liệu
QLNN &	Quản lý Nhà nước và Quản lý công

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ

Bảng 3.1.1. Ma trận tích hợp các phương pháp giảng dạy đáp ứng CĐR.....	37
Bảng 6.1 Cơ cấu, số lượng giảng viên của Học viện theo ngạch viên chức.....	75
Bảng 6.2.3: Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi ngành Quản lý Nhà nước giai đoạn 2016-2022.....	78
Bảng 6.2.1: Định mức giờ nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	79
Bảng 6.2.2. Khối lượng giờ dạy và giờ nghiên cứu khoa học bình quân/1giảng viên/ năm của Giảng viên Ngành QLNN.....	80
Bảng 6.2.3. Khối lượng giờ nghiên cứu khoa học của Giảng viên Ngành QLNN giai đoạn 2016-2022.....	81
Bảng 6.3.1. Số lượng Giảng viên Ngành QLNN tính đến 30/09/2022.....	83
Bảng 6.7.1. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây ...	93
Bảng 6.7.2. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây	93
Bảng 6.7.3. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây	94
Bảng 7.1. Số lượng nhân viên tính đến ngày 30/09/2022.....	98
Bảng 8.1. Kết quả tuyển sinh ngành Quản lý nhà nước giai đoạn 2016 – 2022	112
Bảng 8.2. Thống kê tình hình tuyển sinh của ngành Quản lý nhà nước giai đoạn 2016 -2022.....	115
Bảng 8.3. Tình hình sinh viên QLNN thôi học qua các năm học từ 2016 – 2021	117
Bảng 10.1. Số giải thưởng NCKH SV của CTĐT đã đạt được qua các năm ...	147
Bảng 11.1.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành QLNN giai đoạn 2016 - 2022....	157
Bảng 11.1: So sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT Ngành Quản lý nhà nước giai đoạn 2018 – 2022.....	166
Bảng 11.2: So sánh mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp Ngành Quản lý nhà có việc làm.....	166

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Học viện Chính sách và Phát triển (CS&PT) được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) cho phép đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý Nhà nước theo quyết định số 4814/QĐ-BGDĐT ngày 30/07/2009. Khoa Chính sách công ngày nay có tên gọi đầu tiên là Khoa Chính sách phát triển, được thành lập theo quyết định số 458/QĐ-HVCS&PT, ngày 17/9/2009 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển. Sau gần một năm hoạt động, Khoa được đổi tên thành Khoa Chính sách công và Xã hội học theo quyết định số 433 /QĐ-HVCS&PT ngày 12/7/2010 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển. Tên gọi Khoa Chính sách công chính thức được đổi tên theo quyết định số 299/QĐ-HVCS&PT, ngày 2/6/2011 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển. Học viện đã tiến hành xây dựng Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Quản lý Nhà nước với chuyên ngành đầu tiên là chuyên ngành Quản lý công từ năm 2015 theo quyết định số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/7/2015. Khoá đầu tiên thuộc chuyên ngành Quản lý công đã tốt nghiệp từ năm 2019. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý công sẽ có cơ hội trở thành chuyên viên, cán bộ quản lý trong các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan trung ương và địa phương như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương; Chuyên gia, nhà tư vấn trong các tổ chức phi chính phủ, viện nghiên cứu nhà nước, tư nhân; Nghiên cứu viên, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo về quản lý kinh tế, quản lý công, chính sách, luật. Nhà quản lý trong lĩnh vực thực hành pháp luật tại các đơn vị dịch vụ tư vấn pháp luật, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế, tổ chức kinh tế-chính trị- xã hội hoặc tham gia thành lập các tổ chức về các vực kinh tế- xã hội...

Thông qua CTĐT này, Học viện đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu về Quản lý Nhà nước đáp ứng nhu cầu của xã hội. Công tác tuyển sinh năm qua các năm cũng cho thấy, việc mở các chuyên ngành Quản lý công là quyết định đúng, đáp ứng được nhu cầu xã hội và thực hiện theo đúng định hướng phát triển của Học viện Chính sách Phát triển.

Mục tiêu đào tạo của ngành Quản lý Nhà nước (chuyên ngành Quản lý công) là đào tạo ra các cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý công; có kiến thức chuyên sâu về Quản lý Nhà nước, kế hoạch phát triển, quản lý công; chính sách công; quản lý nhân sự trong khu vực công; tài chính công...có tư duy nghiên

cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người học, Học viện đã triển khai tự đánh giá các ngành trong đó có ngành Quản lý Nhà nước.

Báo cáo TĐG ngành Quản lý Nhà nước với kết cấu gồm 04 phần: **Phần I.** Khái quát, nêu tóm tắt về Học viện, về ngành Quản lý Nhà nước, về báo cáo TĐG; **Phần II.** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục (1) Mô tả, (2) Điểm mạnh, (3) Điểm tồn tại, (4) Kế hoạch hành động, (5) Tự đánh giá; **Phần III:** Kết luận, tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại, kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT; **Phần IV:** Phụ lục. Nội dung của báo cáo tập trung TĐG 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí, được khái quát như sau:

Về mục tiêu, chuẩn đầu ra của ngành Quản lý Nhà nước: Mục tiêu của CTĐT ngành Quản lý Nhà nước được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện CS&PT, phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Về bản mô tả CTĐT: Bản mô tả CTĐT ngành Quản lý Nhà nước được xây dựng trên cơ sở CTĐT ban hành từ năm 2018 và đã có điều chỉnh năm 2021 theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Học viện, của Khoa, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực cho các tổ chức. Bản mô tả CTĐT ngành Quản lý Nhà nước cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, mô tả học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá học phần.

Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH): Chương trình dạy học ngành Quản lý Nhà nước được cấu trúc hợp lý và hệ thống; tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Học viện với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, chuẩn thái độ; đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá sinh viên được sử dụng nhằm đảm bảo đạt các CĐR

chung của CTDH và các CDR của từng học phần. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTDH ngành Quản lý Nhà nước liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTDH tổng thể.

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học: Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Học viện được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Về đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học: Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Học viện và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học của ngành QLNN chuyên ngành Quản lý công được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CDR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá KQHT của người học đều được thông báo công khai tới người học thông qua Sổ tay sinh viên khi mới nhập học và trong quá trình học. Trước khi bắt đầu học mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

Về đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên của ngành Quản lý Nhà nước được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên ngành có trình độ và năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Quá trình tuyển dụng, đề bạt cán bộ giảng viên được thực hiện công khai, đúng quy định; dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của giảng viên. Bên cạnh đó, công tác quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên được triển khai đồng bộ nhằm tạo động lực cho việc hoàn thành

trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Giảng viên tham gia giảng dạy, nghiên cứu các CTĐT ngành Quản lý Nhà nước bao gồm 11 giảng viên cơ hữu trong biên chế và hợp đồng dài hạn và 04 giảng viên thỉnh giảng. Chất lượng của đội ngũ giảng viên được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch giảng viên, tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, năng lực của đội ngũ giảng viên, kế hoạch phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, đánh giá kết quả công việc của giảng viên, kết quả các hoạt động nghiên cứu của giảng viên.

Về người học và hoạt động hỗ trợ người học: Tất cả các hoạt động của Học viện đều hướng đến mục tiêu hỗ trợ người học phát huy tối đa năng lực bản thân trong học tập và nghiên cứu khoa học (NCKH). Để giúp người học tham gia quá trình đào tạo, Học viện đã có các đơn vị chức năng như Phòng QLĐT, Phòng CT&CT sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, đội ngũ CVHT, các câu lạc bộ. Trong các năm qua, Học viện CS&PT, Khoa Chính sách công đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ và rèn luyện của người học một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh tiện ích, từ đó nâng chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo chung của Học viện.

Hiện nay Học viện đã đầu tư xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị khá đầy đủ, sử dụng có hiệu quả, phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu bao gồm: (1) Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phù hợp với các trang thiết bị đảm bảo cho việc dạy và học; (2) Hệ thống thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật; (3) Hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và sử dụng hiệu quả; (4) Hệ thống công nghệ thông tin ngày càng được nâng cấp; (5) Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai hợp lý.

Về nâng cao chất lượng: Học viện CS&PT và khoa Chính sách công đang từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng đào tạo. Cụ thể, tiến hành rà soát, CTDH, CTĐT, rà soát nội dung giảng dạy, phương pháp dạy - học... các công tác này được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan gồm giảng viên, người học, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, qua đó giúp Khoa có cơ sở thiết kế và phát triển CTDH hiệu quả. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, các kết quả từ việc

dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan thúc đẩy việc cải tiến chất lượng đào tạo.

Về kết quả đầu ra: Nhằm đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của các CTĐT, việc định kỳ đánh giá kết quả đầu ra được xem là một trong số những cách thức quan trọng. Những vấn đề mà Học viện quan tâm khi tiến hành đánh giá về kết quả đầu ra bao gồm tỉ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, NCKH của sinh viên và mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Mã hóa minh chứng: Đối với từng tiêu chí trong tiêu chuẩn, nội dung mô tả có MC kèm theo. MC được mã hóa theo cách thức Hn.ab.cd.ef, trong đó: H là hộp MC, n là số thứ tự hộp MC, ab là số thứ tự tiêu chuẩn, cd là số thứ tự tiêu chí, ef là số thứ tự của MC trong tiêu chí. Ví dụ, H1.01.02.11 nghĩa là minh chứng đó thuộc Hộp minh chứng thứ nhất của tiêu chuẩn 01 phục vụ cho tiêu chí thứ 2 và đây là minh chứng thứ 11.

Mục đích tự đánh giá: Giúp Khoa, Học viện tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo hiệu quả hơn; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa và Học viện trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã xác định; tạo điều kiện cần thiết để Học viện đăng ký đánh giá ngoài.

Quy trình tự đánh giá: gồm 5 bước:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành Quản lý Nhà nước trình độ đại học;
- Bước 2. Lập kế hoạch TĐG;
- Bước 3. Họp Hội đồng TĐG, ban thư ký, nhóm công tác để triển khai và phân công;
- Bước 4. Triển khai viết báo cáo TĐG (phân tích nội hàm yêu cầu tiêu chí, thu thập số liệu thông tin MC, viết phiếu đánh giá tiêu chí, tổng hợp báo cáo TĐG);
- Bước 5. Họp Hội đồng thông qua báo cáo TĐG và công bố toàn Học viện.

Phương pháp tự đánh giá: Sử dụng phương pháp SWOT, mỗi tiêu chí được viết theo trình tự: Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những tồn tại từ đó đưa ra kế hoạch hành động phù hợp và khả thi.

Công cụ tự đánh giá: Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT ban hành tại Thông tư 04/2016 ngày 14/3/2016, theo yêu cầu của công văn số 2085/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo, Công văn số 769/QLCL- KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GD đại học và Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.

Phạm vi đánh giá: TĐG CTĐT trình độ đại học ngành Quản lý Nhà nước giai đoạn từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2022.

Học viện đã ban hành Quyết định số 771/QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021 về việc thành lập Hội đồng TĐG. Học viện đã tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Để triển khai TĐG, lãnh đạo các Khoa, chuyên ngành đã tiến hành họp, phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công công việc như: khảo sát các bên liên quan; thu thập, phân loại, mã hóa MC; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG; sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Học viện cung cấp số liệu thông tin MC cần thiết để làm minh chứng.

2. Tổng quan chung

a. Khái quát về Học viện Chính sách và Phát triển

Học viện Chính sách và Phát triển (APD) được thành lập theo Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ, là trường đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục đại học quốc dân. Về tổ chức, Học viện trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư - cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kế hoạch phát triển Quản lý Nhà nước - xã hội, tham mưu đề xuất các chính sách Quản lý Nhà nước vĩ mô và thống kê.

- Tên bằng tiếng Anh: Academy of Policy and Development
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: HCP; Bằng tiếng Anh: APD
- Cơ quan Bộ chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Địa chỉ: Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.

- Số điện thoại: (024) 37473186; Fax: (024) 37475217.

- Website: <http://apd.edu.vn>

Tầm nhìn đến năm 1945

- Đạt các chuẩn kiểm định quốc tế như (HCERES, AUN-QA).

- Được xếp hạng trong khu vực và trên thế giới (có thứ hạng).

- Học viện sẽ trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ giáo dục có chất lượng, uy tín, trở thành cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu ở Việt Nam, ngang tầm với các cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trong khu vực.

Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học về kinh tế, kinh doanh, quản trị, quản lý, luật và chính sách phát triển; có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách theo yêu cầu phát triển của ngành Kế hoạch và Đầu tư và của đất nước.

Giá trị cốt lõi: “Chất lượng - Sáng tạo - Trí tuệ - Phát triển”

Cung cấp một môi trường học tập, nghiên cứu, sáng tạo, nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng, bảo đảm cho người học khi tốt nghiệp đủ năng lực thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và môi trường hội nhập quốc tế.

Cán bộ, giảng viên và sinh viên đoàn kết, trí tuệ, đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

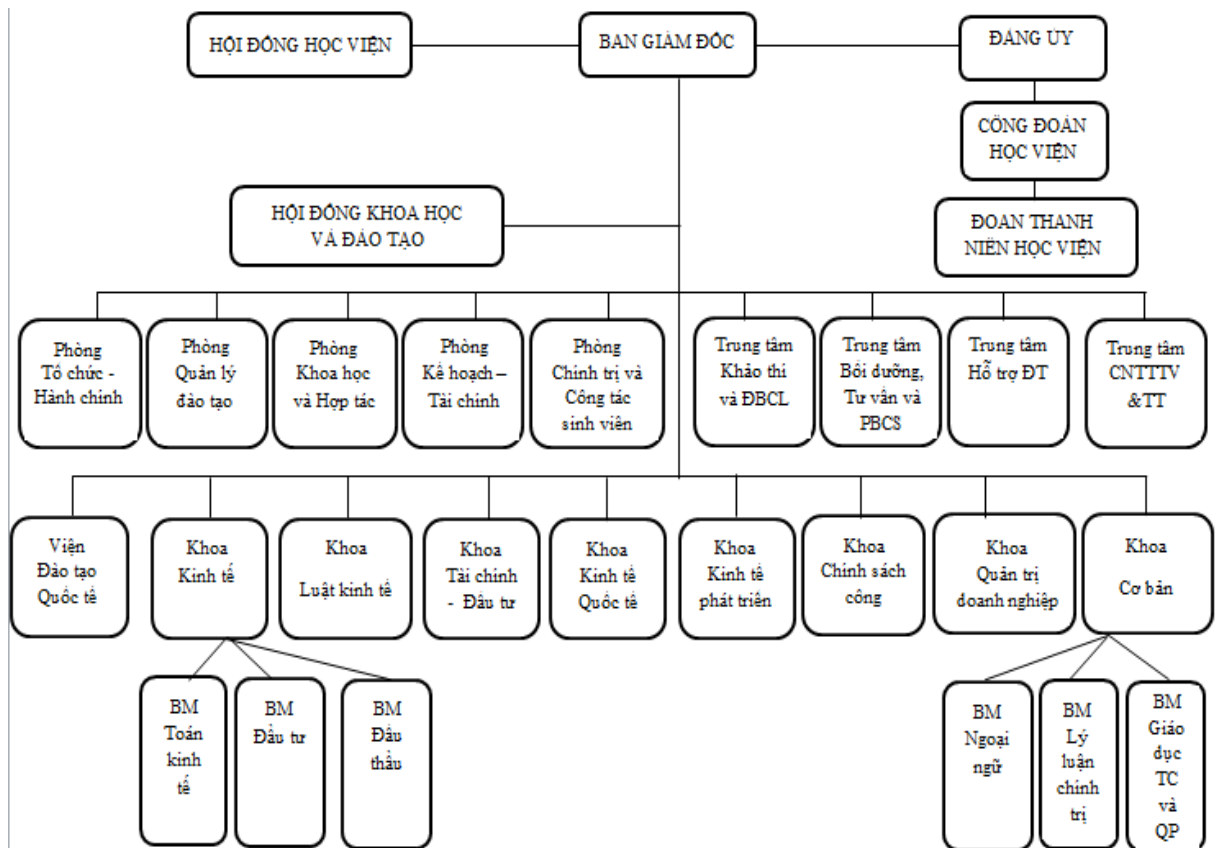
Tạo ra một môi trường làm việc, học tập thân thiện, cởi mở, tạo cơ hội và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Cơ cấu tổ chức: Học viện có cơ cấu tổ chức gồm: Đảng bộ Học viện; các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên); Hội đồng Học viện; Ban Giám đốc; Hội đồng Khoa học và Đào tạo; 09 đơn vị chức năng giúp Giám đốc Học viện thực hiện hoạt động quản lý và 15 đơn vị đào tạo gồm 01 Viện Đào tạo Quốc tế, 9 khoa chuyên ngành, 01 khoa cơ bản và 06 bộ môn (*Sơ đồ 1.1*). Trải qua quá trình hình thành và phát triển, tính đến 31/12/2022 Học viện có tổng số 155¹ cán bộ, trong đó, lãnh đạo Học viện gồm 01 Chủ tịch Hội đồng, 01 Giám đốc, 03 Phó

¹ Năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phân bổ cho Học viện 190 chỉ tiêu viên chức trong đó số lượng trả lương từ ngân sách là 102 chỉ tiêu.

Giám đốc và 150 cán bộ, giảng viên và người lao động. Về trình độ, Học viện hiện có 4 Phó giáo sư và 39 Tiến sĩ (không kể Phó giáo sư) - chiếm 27,7%; 86 Thạc sĩ - chiếm 55,5% (trong đó 12 thạc sĩ đang làm Nghiên cứu sinh), và 18 cử nhân, trung cấp, lái xe - chiếm 11,6%. Trong tổng số CBGV, số giảng viên hiện nay là 98 người, chiếm 63,2% tổng số cán bộ, giảng viên toàn Học viện.

Sơ đồ 1.1: Cơ cấu tổ chức Học viện Chính sách và Phát triển



Các hoạt động chính: (1) Đào tạo đại học và sau đại học; (2) Hoạt động Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế (nghiên cứu các lĩnh vực chính là Quản lý Nhà nước vĩ mô, quy hoạch phát triển, quản lý chính sách và đầu tư tài chính); (3) Tư vấn, chính sách; (4) Đào tạo và bồi dưỡng các khóa ngắn hạn.

Đào tạo đại học và sau đại học

Hiện nay, Học viện đang đào tạo 10 ngành trình độ đại học, 05 ngành trình độ Thạc sĩ (Chính sách công, Tài chính – ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Quy hoạch phát triển và Quản trị kinh doanh) với quy mô gần 5.000 sinh viên, học viên cao học.

Đối với đào tạo đại học Học viện có 19 theo chương trình đạo tạo hệ chuẩn (hệ đại trà) và 04 chương trình đào tạo (CTĐT) chất lượng cao. Việc tuyển sinh đầu vào được thực hiện theo Quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với đào tạo sau đại học, Học viện đang triển khai 04 CTĐT thạc sỹ trong nước (Chính sách công, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Quản trị doanh nghiệp) và 01 CTĐT liên kết Kinh tế và quản lý công với Trường Đại học Rennes của Pháp).

Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Hoạt động NCKH tại Học viện CS&PT bao gồm các hoạt động về nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách tập trung các lĩnh vực: Chính sách phát triển, Quản lý Nhà nước vĩ mô, Quản lý Nhà nước quốc tế, tài chính ngân hàng; triển khai, xây dựng kế hoạch hoạt động KHCCN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Học viện. Học viện chú trọng đầu tư vào các đề tài NCKH gắn liền với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu về đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ và các vấn đề nghiên cứu công nghệ phục vụ trực tiếp cho việc dạy học của giảng viên và sinh viên. Đồng thời, khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tập trung đầu tư đề tài NCKH các cấp; có bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế phù hợp với định hướng nghiên cứu để có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển Quản lý Nhà nước - xã hội của địa phương và cả nước.

Học viện đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong việc NCKH và tiếp cận khai thác chương trình quốc tế theo phương thức hiện đại, thông qua các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế với các nước có nền giáo dục hiện đại hơn, tiệm cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện cho giảng viên được bồi dưỡng năng lực giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Học viện; góp phần thực hiện kiểm định CTĐT, kiểm định cơ sở giáo dục. Học viện đã từng bước khẳng định vị thế của mình trong quan hệ HTQT với các trường đại học và các tổ chức trên thế giới. Học viện đã phát triển quan hệ hợp tác với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới, như Trường Đại học Tổng hợp Quản lý Nhà nước, Thống kê và Tin học Matxcova (MESI) - Nga, Đại học Portland - Mỹ, Đại học Quốc gia Seoul - Hàn Quốc, Trường Lý Quang Diệu (Đại học Quốc gia Singapore) - Singapore, Đại học Nam California - Mỹ. Học viện tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác với 02 tổ chức quốc tế là USAID và KOICA. Các tổ chức này đã tài trợ kinh phí cũng như giới thiệu các chuyên gia nước ngoài đến làm việc và hỗ trợ trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) của Học viện. Hoạt động hợp tác quốc tế đã góp phần không nhỏ giúp Học viện nhanh chóng thực hiện các mục tiêu chiến lược trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín trong nước cũng như trong khu vực.

Cơ sở vật chất: Từ năm 2015 - 2019, Học viện tổ chức đào tạo sinh viên và học viên cao học tại trụ sở tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, địa chỉ: Ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội với tổng diện tích phòng học là 1.950 m². Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện đã chuyển ra trụ sở đào tạo tại Lô CT11 khu đô thị Nam An Khánh phần mở rộng - Khu B, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội với quy mô đất thuộc dự án là 50.700m², gồm các công trình:

- Tòa nhà hiệu bộ, giảng đường: 11 tầng với diện tích sử dụng khoảng 20.700m² với đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, phòng họp, phòng làm việc, hội trường... và các trang thiết bị hiện đại, dự kiến đưa vào sử dụng đầu năm 2023.

- Các giảng đường bao gồm:

- + Giảng đường 6F: 6 tầng với diện tích sử dụng khoảng 21.000 m² với 26 phòng học với nhiều kích cỡ đáp ứng các quy mô lớp khác nhau. Dự kiến đưa vào sử dụng đầu năm 2023.

- + Giảng đường 7F: 7 tầng với diện tích sử dụng khoảng 5.300 m² với 53 phòng học với nhiều kích cỡ đáp ứng các quy mô lớp khác nhau. Công trình đã được đưa vào sử dụng.

- Ký túc xá: được trang bị hiện đại, đã đưa vào sử dụng, đáp ứng khoảng 1000 chỗ cho sinh viên.

Ngoài ra còn có chỗ để xe ngầm, nhà thi đấu đa năng trong nhà, sân thi đấu thể thao ngoài trời và các hệ thống cơ sở vật chất khác.

Hệ thống cơ sở vật chất của Học viện dự kiến hoàn thành trong năm 2023, đảm bảo tính hiện đại, đầy đủ... đáp ứng khả năng đào tạo với quy mô từ 10.000 -15.000 sinh viên.

Tài chính: Học viện CS&PT là một đơn vị sự nghiệp công lập đồng thời là đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc trực tiếp Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo luật ngân sách bao gồm các khâu lập, chấp hành và quyết toán ngân sách. Công tác quản trị tài chính nội bộ được thực hiện tốt và đảm bảo phát huy hiệu quả cho các hoạt động của Học viện. Các chế độ chính sách của sinh viên được đảm bảo và đóng góp vào nguồn thu ngân sách Nhà nước thông qua nộp các nghĩa vụ thuế. Đời sống cán bộ giảng viên ngày càng được cải thiện. Các kết luận của kiểm toán từ năm 2014 và biên bản xét duyệt ngân sách hàng năm đều khẳng định hoạt động quản lý tài chính của Học viện đều công khai và minh bạch.

Trong 4 năm trở lại đây (2019-2022), trong cơ cấu nguồn thu của Học viện, nguồn thu từ ngân sách Nhà nước chiếm khoảng 27-30%, nguồn thu từ học phí, lệ phí các loại chiếm khoảng 60-70%, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ chiếm khoảng 3- 8%. Năng lực tự chủ tài chính của Học viện đáp ứng được khoảng 60-70%.

Khen thưởng: Học viện CS&PT nhiều năm liền đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Bằng khen. Năm 2013 Học viện được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Công đoàn Học viện được 02 Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, 15 bằng khen của Công đoàn Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tập thể và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn cơ sở trong những năm qua. Từ năm 2012 đến nay, Đoàn Thanh niên Học viện đã nhận được 03 Bằng khen của Trung ương Đoàn và 05 Bằng khen của Đoàn Thanh niên Khối các cơ quan Trung ương, nhiều giấy khen của Đoàn Thanh niên Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b. Khoa Chính sách công

Khoa Chính sách công ra đời gắn liền với sự hình thành và phát triển Học viện Chính sách và Phát triển. Ngay từ ngày đầu thành lập, Khoa là đơn vị đào tạo, nghiên cứu trọng điểm của Học viện, gắn với sứ mệnh và tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển.

Khoa Chính sách công ngày nay có tên gọi đầu tiên là Khoa Chính sách phát triển, được thành lập theo quyết định số 458/QĐ-HVCS&PT, ngày 17/9/2009 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển. Sau gần một năm hoạt động, khoa tiếp tục được đổi tên thành Khoa Chính sách công và Xã hội học theo quyết định số 433 /QĐ-HVCS&PT ngày 12/7/2010 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển. Tên gọi Khoa Chính sách công chính thức được đổi tên theo quyết định số 299/QĐ-HVCS&PT, ngày 2/6/2011 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển. Khoa Chính sách công thực hiện chức năng quản lý hành chính, quản lý công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đào tạo và quản lý cơ sở vật chất trong Khoa nhằm đáp ứng chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Học viện. Hiện nay, Khoa Chính sách công đang thực hiện đào tạo bậc cử nhân và thạc sĩ tiến tới đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Chính sách công.

Về chương trình cử nhân, Khoa Chính sách công đào tạo 2 ngành: ngành Kinh tế, chuyên ngành kinh tế và quản lý; và ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công. Ngành học bậc cử nhân trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, tài chính của hai khu vực công và tư. Sinh viên tốt nghiệp có thể đáp ứng đa dạng yêu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng và thị trường lao động nói chung, có khả năng xử lý các sự vụ của cơ quan về quản lý tài chính,

nhân sự, hành chính, quản lý và thẩm định dự án đầu tư, đấu thầu dự án, quản lý và phân tích dữ liệu, ... có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh, ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc và kỹ năng làm việc chuyên nghiệp. Theo khảo sát của Khoa năm 2022, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp Khoa Chính sách công có việc làm ngay là 95%, và cho đến nay, đã có nhiều sinh viên tốt nghiệp của Khoa được đề bạt giữ những vị trí quan trọng trong tổ chức và được các tổ chức tuyển dụng lao động đánh giá cao về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tiếng Anh, kỹ năng và thái độ làm việc.

Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Chính sách công: Khoa hiện nay đang là địa chỉ tin cậy của các học viên đến từ các cơ quan Trung ương, địa phương, các doanh nghiệp và sinh viên mới tốt nghiệp từ các trường đại học trong và ngoài nước có nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn. Chương trình thạc sĩ Chính sách công trang bị kiến thức cơ bản và nâng cao về Chính sách công, Phân tích chính sách, Quản lý khu vực công, Tài chính công, Luật và chính sách công, Xã hội học, Thể chế kinh tế, Hành chính công, Chính sách kinh tế, Chính sách xã hội, Chính sách phát triển nguồn nhân lực... Học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng phân tích, tư vấn và xây dựng chính sách cho cơ quan; quản lý và thực thi hiệu quả chính sách phát triển của tổ chức. Trong quá trình học tập, các học viên được đi thực tế, giao lưu học thuật với các chuyên gia, chính khách, các nhà khoa học uy tín trong nước và quốc tế.

Cơ cấu tổ chức của Khoa: Khoa Chính sách công có Lãnh đạo Khoa (01 Trưởng khoa), các giảng viên cơ hữu, trợ lý khoa. Hội đồng Khoa được thành lập theo Quyết định số 599/QĐ-HVCSPT ngày 02/8/2021 của Giám đốc Học viện, bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 01 Thư ký và các thành viên. Về công tác Đảng, các cán bộ, giảng viên của Khoa là Đảng viên tham gia sinh hoạt tại Chi bộ 4 (Chi bộ khối cán bộ giảng viên Khoa CSC và Khoa Luật). Về công tác Đoàn, một số cán bộ, giảng viên của Khoa tham gia sinh hoạt tại Chi đoàn khối cán bộ giảng viên của Học viện. Các cán bộ giảng viên trong Khoa đều là thành viên của Tổ công đoàn Khoa trực thuộc Công đoàn Học viện CS&PT.

Về đội ngũ cán bộ giảng viên, Khoa Chính sách công hiện nay có đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ phó giáo sư chiếm tỷ lệ là 9,1%, tiến sĩ 54,6%, thạc sĩ là 36,3%. Đội ngũ cán bộ, giảng viên hiện đang là những chuyên gia, nhà khoa học uy tín ở trong nước và quốc tế. Tư vấn cho các tổ chức kinh tế - tài chính, tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong nước và quốc tế. Thường xuyên tham gia nghiên cứu và phản biện chính sách cho Học viện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế IMF, McKinsey... về

chính sách thu hút đầu tư nước ngoài; chính sách tài chính tiền tệ quốc gia; chính sách an sinh xã hội; quy hoạch kinh tế - xã hội ...

Hoạt động đào tạo của Khoa:

Tính đến tháng 9/2022 đã có 04 khoá sinh viên ngành Quản lý Nhà nước ra trường với 100 sinh viên tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm sau khi ra trường sau một năm tốt nghiệp đạt khoảng 95%, số sinh viên làm đúng chuyên ngành đạt khoảng 87%.

Hoạt động NCKH của Khoa:

Hoạt động NCKH của Khoa được triển khai đối với cả giảng viên và sinh viên. Các giảng viên trong Khoa hàng năm đều đảm bảo định mức NCKH theo quy định của Học viện. Nhiều giảng viên trong Khoa đã tham gia và hoàn thành các đề án, các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện với kết quả được đánh giá cao. Bên cạnh đó, giảng viên trong Khoa cũng đã có các bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín; tích cực tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo (như Giáo trình “Phân tích chính sách” - NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2021; sách tham khảo “Chính sách công” - NXB Thông tin và truyền thông 2014; Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học (đã quy đổi) tính đến tháng 9/2022 là 56 đề tài các cấp; trong đó Cấp Nhà nước là 6 đề tài; Cấp Bộ/tỉnh là 21 đề tài; Cấp trường là 29 đề tài. Số lượng đội ngũ giảng viên của Khoa tham gia thực hiện số lượng đề tài từ 1-3 đề tài đề tài tính đến tháng 9/2022 là 10 cán bộ giảng viên đối với các đề tài cấp NN; 15 cán bộ giảng viên tham gia đề tài cấp Bộ và 42 cán bộ giảng viên tham gia đề tài cấp trường. Tổng số lượng bài (đã quy đổi) của đội ngũ cơ hữu của Khoa được đăng tạp chí là 498,5 bài; trong đó: tạp chí khoa học quốc tế là 129 bài; tạp chí khoa học cấp ngành trong nước là 353 bài; Tạp chí/tạp san cấp trường là 16,5 bài.

Về hoạt động NCKH của sinh viên: sinh viên Khoa Chính sách công có truyền thống trong hoạt động NCKH, được đánh giá cao trong Học viện. Hoạt động NCKH sinh viên được triển khai hàng năm theo kế hoạch NCKH của Học viện. Nhiều đề tài NCKH của sinh viên đã giành giải Nhất, giải Nhì cấp Học viện. Tính đến tháng 9/2022; Tổng số lượng sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học là 145 sinh viên, trong đó số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo là 10 giải các cấp.

Hoạt động về công tác sinh viên: Khoa Chính sách công luôn là lá cờ đầu trong các hoạt động văn nghệ và thể thao. Sinh viên của khoa đã giành được một số thành tích trong các giải thể thao, văn nghệ, nấu ăn, sinh viên thanh lịch... của Học viện.

Với vai trò là Khoa quản lý sinh viên, lãnh đạo và cán bộ giảng viên trong Khoa đã thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị khác trong Học viện triển khai nhiều hoạt động cho sinh viên trong suốt quá trình học tập tại Học viện như: Chào tân sinh viên, Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, thi tiếng Anh, Thi Dấu ấn Chính sách công... Các bạn sinh viên mới luôn nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị sinh viên các khóa trước, được kết nối, chia sẻ từ chỗ ở, kinh nghiệm học tập, các kỳ thi.

Công tác quản lý sinh viên, khai báo tạm trú luôn được Khoa và Học viện thực hiện nghiêm túc, góp phần định hướng sinh viên tránh xa các tệ nạn xã hội, tập trung cho công việc học tập và rèn luyện tại Học viện.

Đội ngũ cố vấn học tập là các giảng viên trong Khoa luôn sâu sát, quan tâm đến các lớp sinh viên được phân công phụ trách, qua đó nhanh chóng nắm bắt được những khó khăn của sinh viên để kịp thời hỗ trợ, tìm ra các giải pháp phù hợp. Học viện ý thức được việc kiểm định chất lượng giáo dục, đặc biệt là kiểm định các CTĐT là hết sức quan trọng, quyết định đến sứ mạng nên Học viện CS&PT đã chỉ đạo quyết liệt TĐG chất lượng giáo dục và các CTĐT. Năm 2018, Học viện đã được chứng nhận Chất lượng đào tạo đại học của cơ quan đánh giá ngoài về cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 93/QĐ-KĐCLGD ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành Quản lý nhà nước được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển, phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học quy định tại luật GDĐH. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. CĐR của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành QLNN được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng, điều chỉnh CTĐT với các yêu cầu về hình thức, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của đào tạo trình độ đại học. Theo đó, tại bước 3 nêu rõ nhóm soạn thảo CTĐT cần: “*Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ, Tin học) và chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của CTĐT trên cơ sở nghiên cứu CTĐT hiện hành của cơ sở đào tạo có uy tín trong nước và nước ngoài, tham khảo ý kiến chuyên gia*” [H1.01.01.01]. Mục tiêu của CTĐT ngành QLNN được nêu cụ thể trong các quyết định ban hành CTĐT năm 2016, chi tiết hơn vào các năm 2018, 2021 cho lĩnh vực chuyên sâu là Quản lý công [H1.01.01.03].

Ở lần sửa đổi cập nhật năm 2018 và 2021 mục tiêu của CTĐT ngành QLNN là: Đào tạo cử nhân về Quản lý công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu về Quản lý, tài chính kế toán và truyền thông trong khu vực công; có năng lực nghiên cứu bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

Mục tiêu đào tạo cụ thể của chương trình QLNN

Mục tiêu đào tạo của chương trình QLNN được nêu cụ thể lần đầu tiên năm 2016 trong quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được điều chỉnh qua các năm 2018 và năm 2021 để phù hợp hơn với điều kiện thực

tiền. So với mục tiêu đào tạo năm 2016, 2018 thì mục tiêu đào tạo năm 2021 ban hành cùng quyết định số 659/ QĐ-HVCSPT ngày 30 tháng 8 năm 2021 đã được miêu tả chi tiết và rõ ràng hơn, đồng thời bổ sung nội dung mục tiêu đối với trình độ Ngoại ngữ, Tin học cũng như khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường. Cụ thể như sau:

(i) Đối với mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Quản lý công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, tin thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu về quản lý, phân tích đầu tư, tài chính kế toán và truyền thông trong khu vực công; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

(ii) Đối với mục tiêu cụ thể: đã bổ sung và mô tả các kiến thức mà người học sẽ được cung cấp cũng như việc áp dụng các kiến thức như thế nào vào thực tiễn.

Đào tạo cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống và hiện đại theo chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới về Quản lý công, có kiến thức cơ bản về phân tích và đánh giá chính sách, tổ chức quản lý và triển khai thực hiện các chính sách ở các cấp độ khác nhau trong bộ máy hành chính nhà nước;

Đào tạo cho người học những kiến thức về quản lý chuyên sâu để có thể làm chuyên viên, cán bộ quản lý tại các phòng, ban chuyên môn tổ chức công. Sự kết hợp giữ kiến thức quản lý nhà nước và quản lý công sở hiện đại sẽ giúp sinh viên có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc, có đủ kiến thức và năng lực để đảm nhiệm tốt các yêu cầu của công việc.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế học, chính sách công, quản lý công, tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, pháp luật và nhà nước cũng như khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam hiện nay.

Trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm; kỹ năng hoạch định và đề xuất các giải pháp chính sách, quản lý phù hợp cho tổ chức, đơn vị.

Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà quản lý, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và tinh thần làm việc vì sự phát triển của nhân loại.

(iii) Trình độ ngoại ngữ và tin học

Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo văn bản, tài liệu về quản lý công, chính sách công và pháp luật khác.

Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3, đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

(iv) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có đủ điều kiện và khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển trình độ kiến thức chuyên môn trong các lĩnh vực quản lý khác nhau và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành quản lý chuyên ngành, quản lý kinh tế, chính sách công, hoặc kinh tế và quản lý công, khoa học quản lý, luật kinh tế với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

Đảm bảo sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có tư duy và kiến thức thực tế về những vấn đề liên quan đến quản lý, kinh tế và xã hội.

Có thể thấy rằng, mục tiêu của CTĐT ngành QLNN được nêu phù hợp với Kế hoạch Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/1/2016), phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện được ban hành kèm theo Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016 cũng như Quyết định số 947 ngày 18/12/2018, là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển, có tư duy sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế, nghiên cứu bồi dưỡng và phản biện chính sách...” [H1.01.01.04]

Mục tiêu đào tạo của chương trình QLNN phù hợp với mục tiêu đào tạo quy định tại Điều 2, Luật Giáo dục năm 2012, sửa đổi năm 2018 và sửa đổi bổ sung năm 2021, đó là: “Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” [H1.01.01.05]. Mục tiêu phù hợp với mục tiêu của Luật Giáo dục đại học: “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế”. Đào tạo người học có “phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp,

năng lực nghiên cứu”; “có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp” và “có ý thức phục vụ nhân dân” [H1.01.01.05].

Các mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành QLNN đã đáp ứng được các yêu cầu của mục tiêu cụ thể về giáo dục đại học được quy định tại điểm a) và b) Mục 2 - Điều 5 của Luật Giáo dục đại học, đó là đào tạo người học có “...kiến thức chuyên môn cơ bản, kỹ năng thực hành thành thạo, hiểu biết được tác động của các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội trong thực tiễn và có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành được đào tạo” và “có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo” [H1.01.01.05]; [H1.01.01.08].

Việc xây dựng mục tiêu của CTĐT được tiến hành thông qua các cuộc họp cấp Khoa, cấp Học viện và kết quả khảo sát về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước [H1.01.01.07], được chi tiết rõ ràng [H1.01.01.05] cũng như xem xét tham khảo các chương trình tiên tiến khác của các trường đại học nổi tiếng trên thế giới như đại học Indiana, Trường Chính sách công Lý Quang Diệu, Portland State University (US); Trường Đào tạo sau Đại học về Hành chính công IDHEAP (thuộc Đại học tổng hợp Lausanne, Thụy Sĩ); Viện Nghiên cứu chính sách GRIPS của Nhật Bản; Đại học Tampere của Phần Lan; Trường Đại học Quốc gia Seoul (SNU) và Viện Phát triển Hàn Quốc (KDI School) của Hàn Quốc; Trường Đại học LUND của Thụy Điển... cũng như đại học trong nước như Đại học kinh tế quốc dân, Trường Fulbrigh Việt Nam ...[H1.01.01.07] và được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện [H1.01.01.06]. Mục tiêu CTĐT được xác định dựa trên cơ sở đóng góp ý kiến của các bên liên quan như các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên. Các ý kiến có trọng tâm vào mục tiêu của CTĐT ngành QLNN được xác định rõ ràng [H1.01.01.07]. Tuy nhiên, một số mục tiêu về kiến thức và kỹ năng được cụ thể hóa nhưng chưa được đưa vào trong bảng hỏi ý kiến của các tổ chức nghề nghiệp, giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên. Trong bảng câu hỏi mới dừng lại ở câu “Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng” và mục tiêu chương trình đào tạo là phù hợp [H1.01.01.07]. Nếu các mục tiêu cụ thể được đưa vào câu hỏi khảo sát và có thêm hình thức khảo sát online, sẽ giúp duy trì việc xác định mục tiêu của CTĐT luôn luôn đảm bảo tính rõ ràng hơn nữa cho các đối tượng liên quan đến CTĐT.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành QLNN được công bố rộng rãi công khai bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau như thông qua Website, tuần sinh

hoạt chính trị công dân đầu khóa,... để sinh viên và các đối tượng liên quan dễ dàng tiếp cận [H1.01.01.09].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành QLNN được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện, có tính bền vững và có khảo sát thị trường lao động liên quan đến CTĐT và phù hợp với mục tiêu của giáo dục Đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

3. Điểm tồn tại

Chưa có hướng dẫn chi tiết về xác định mục tiêu của CTĐT trong Quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023 – 2024, Khoa tiếp tục bám sát các mục tiêu đã xác định cho CTĐT để nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2023 – 2024, Học viện giao Phòng QLĐT phối hợp với Khoa rà soát, đề xuất ban hành lại quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT sao cho có các hướng dẫn xác định mục tiêu CTĐT chi tiết hơn.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.1: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành QLNN được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, CĐR được xây dựng theo đúng các bước được quy định trong Quyết định ban hành Quy trình thiết kế và xây dựng CTĐT, CTDH của Học viện [H1.01.02.01]; [H1.01.02.02] và quy định của Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐT ngày 22/4/2010, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT và Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ Quốc gia [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT ngành QLNN được nêu trong Bản mô tả CTĐT năm 2016 và sửa đổi bổ sung năm 2018 (Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018); năm 2021 (Quyết định số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021) [H1.01.02.02], [H1.01.02.03]. Trong đó, thể hiện được các yêu cầu

chung và yêu cầu cụ thể rõ ràng mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Theo đó, CĐR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập và các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy. CĐR của ngành QLNN được quy định năm 2018 với 17 CĐR, trong đó, 9/17 CĐR về kiến thức cơ bản và chuyên sâu; 5/17 CĐR về kỹ năng (02 kỹ năng nghề nghiệp và 03 kỹ năng mềm); 3/17 CĐR về Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Đối với CĐR trong CTĐT sửa đổi năm 2021 gồm 19 CĐR trong đó có 10/19 CĐR kiến thức cơ bản và chuyên sâu; 6/17 CĐR về kỹ năng (03 kỹ năng nghề nghiệp và 03 kỹ năng mềm); 3/19 CĐR về Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

Về tiếng Anh, sinh viên phải đạt chuẩn TOEIC 450 quốc tế hoặc tương đương trở lên, về Tin học, sinh viên phải đạt chuẩn IC3 hoặc MOS [H1.01.02.04].

CĐR của CTĐT ngành QLNN bao gồm các kiến thức (kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu; kỹ năng (kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm), mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai [H1.01.02.04]. Cụ thể là:

Đối với kiến thức cơ bản: (i) Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. (ii) Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, quản lý, đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực công và tư. (iii) Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng các công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề về kinh tế, quản lý kinh tế, quản lý công, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phản biện những vấn đề liên quan đến kinh tế, quản lý. (iv) Hiểu về quy trình chính sách và tác động của chính sách, biết vận dụng các kiến thức về quản lý công trong việc lập kế hoạch, hoạch định, tổ chức thực hiện và đề xuất các hàm ý chính sách cho các chương trình, dự án phát triển và chính sách của một tổ chức. (v) Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới. Trong đó kỹ năng (ii), (iii) và (iv) thể hiện sự chuyên biệt của ngành Quản lý nhà nước so với các ngành khác.

Đối với kiến thức chuyên sâu: (i) Hiểu về vai trò, vị trí tổ chức hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước Việt Nam và những nội dung cơ bản trong Hiến pháp Việt Nam. (ii) Hiểu về các lĩnh vực pháp luật khác như: Pháp luật đầu tư, pháp luật lao động, pháp luật sở hữu trí tuệ, đất đai, môi trường, giao dịch điện tử, thương mại. (iii) Hiểu về bản chất, vai trò của hoạt động của quản lý trong kinh

tế, xã hội, đầu tư phát triển, quản lý công; đầu tư công và quan hệ quốc tế trong đầu tư; quản lý tài chính công; quản lý Nhà nước về kinh tế; quản lý nguồn nhân lực; (iv) Biết vận dụng các kiến thức về quản lý công, quản lý kinh tế trong nền kinh tế số; có đủ kiến thức để phục vụ quá trình chuyển đổi nền kinh tế và tiến tới nền kinh tế thị trường hiện đại; (v). Có tư duy hệ thống, biết phân tích các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế - xã hội và có thể trình bày, đề xuất một số ý tưởng về các vấn đề về quản lý. Trong đó tất cả các kỹ năng về kiến thức chuyên sâu này thể hiện sự chuyên biệt của ngành Quản lý nhà nước so với các ngành khác.

Đối với kỹ năng nghề nghiệp: (i) Kỹ năng xử lý tình huống, có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực về thời gian và khối lượng công việc, có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn. (ii) Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn trong phân tích và đề xuất các phương thức quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, đầu tư – kinh doanh; vận hành khu vực hành chính công và các hoạt động kinh tế xã hội trong khu vực khác. (iii) Có khả năng khai thác và ứng dụng thông tin trong lĩnh vực quản lý.

Đối với kỹ năng mềm: (i) Có kỹ năng giao tiếp tốt và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế, quản lý; khu vực công và xã hội. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. (ii) Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc bằng tiếng Anh. (iii) Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và điều hành công việc, đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo. [H1.01.02.03]. Trong đó kỹ năng (ii), (iii) thể hiện sự chuyên biệt của ngành Quản lý nhà nước so với các ngành khác.

Đối với năng lực tự chủ và trách nhiệm (i) Trở thành công dân có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức chấp hành pháp luật trong nghề nghiệp, thái độ hợp tác trong công việc, có trách nhiệm trong công việc được giao, có thái độ hợp tác tốt với đồng nghiệp, tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp”; (ii) Có khả năng thích ứng trong môi trường nghề nghiệp mang tính cạnh tranh và quốc tế, sẵn sàng đương đầu với rủi ro, khó khăn, luôn kiên trì, tự tin, lạc quan, sáng tạo trong công việc và cuộc sống; Có ý thức rèn luyện và nâng cao năng lực chuyên môn; (iii) Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng với các môi trường làm việc khác nhau [H1.01.02.03].

CTĐT cử nhân ngành QLNN đã bao quát được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình, thể hiện chi tiết trong Bản mô tả, CTĐT và đề cương chi tiết các học phần, ma trận các kỹ năng, được tích hợp với CDR của từng môn học trong CTĐT ngành QLNN bao

gồm khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành CĐR được tích hợp với mục tiêu của CTĐT. Tuy nhiên, CĐR về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học mới được chỉ ra, cần chi tiết hơn ở đề cương các môn học cơ sở ngành như Chính sách công, Quản lý công và các môn học ngành QLNN [H1.01.02.06].

CĐR tiếng Anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của Học viện Chính sách và Phát triển được ban hành tại các Quyết định số 63/QĐ-HVCSPT ngày 29/01/2018 theo đó quy định CĐR đối với sinh viên ngành QLNN là 450 TOIEC quốc tế trở lên hoặc tương đương áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2018 [H1.01.02.04]; Quyết định số 533/QĐ-HVCSPT ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc Ban hành quy định áp dụng CĐR Tin học đối với sinh viên ngành QLNN là IC3 hoặc MOS áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2018 và sửa đổi bổ sung trong quyết định 687/QĐ-HVCSPT ngày 7 tháng 9 năm , 2021 và [H1.01.02.06].

2. Điểm mạnh

CĐR của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. CĐR phù hợp với mục tiêu đào tạo của Khoa và Học viện, có thể hiện triển vọng vị trí việc làm đa dạng trong lĩnh vực QLNN cho người học sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mức độ chi tiết của CĐR của CTĐT về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học còn chưa được chi tiết gắn với từng học phần của CTĐT điều này dẫn tới việc người học chưa hoàn toàn hiểu thấu đáo về mức độ tự chủ và trách nhiệm của mình.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023 – 2024, Khoa tiếp tục triển khai chương trình để đạt các CĐR đã xây dựng cho CTĐT, rà soát và kiểm tra tỷ lệ đạt CĐR của người học.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2023-2024, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT thực hiện rà soát CĐR của CTĐT năm 2022, sẽ tiến hành rà soát các CĐR và tiếp tục chi tiết hơn về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm trong các đề cương các học phần thuộc cơ sở ngành cho môn học Chính sách công, Quản lý công và các môn học còn lại thuộc phần chuyên ngành.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.2: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành QLNN được xây dựng dựa trên Khung trình độ quốc gia, các quy định và hướng dẫn của Bộ giáo dục và đào tạo [H1.01.03.06]. CĐR của CTĐT ngành Quản lý nhà nước phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan như chuyên gia, các hiệp hội nghề nghiệp, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các nhà quản lý, hội đồng khoa học cấp Học viện và cấp chuyên ngành... [H1.01.03.02]. Khoa tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT cử nhân ngành QLNN qua 2 giai đoạn: (i) khảo sát khi xây dựng CĐR, CTĐT và (ii) khảo sát khi CTĐT đang triển khai áp dụng để cập nhật, cải tiến. Ý kiến của các nhà tuyển dụng trong biên bản lấy ý kiến về CĐR của chương trình là: “*CĐR của CTĐT ngành QLNN là phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của cơ quan*” [H1.01.03.03]. Tổng hợp các ý kiến khảo sát cho thấy hầu hết các nhà tuyển dụng đều đánh giá là CĐR là phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Ý kiến của người đang học hầu hết đánh giá “*CĐR phản ánh được mục tiêu của CTĐT và CĐR tương thích với yêu cầu của thị trường lao động, Chuẩn đầu ra của CTĐT nêu rõ kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học cần đạt được*” [H1.01.03.03]. Sinh viên đã tốt nghiệp từ khóa 6 và khóa 9 đã gửi thư cho Khoa trong đó chuyển ý kiến nhận xét của nhà tuyển dụng nhận xét chung là một số bạn cựu sinh viên được đào tạo tốt và muốn tìm sinh viên tốt nghiệp ngành QLNN của Học viện để tuyển dụng và nhận thực tập [H1.01.03.03]. Việc lấy ý kiến các bên liên quan cần có sự tham gia rộng của các nhà tuyển dụng thuộc khu vực nhà nước quản lý lĩnh vực QLNN còn chưa nhiều. Hơn nữa, Học viện cần có phần mềm khảo sát online để thuận tiện hơn và tiết kiệm thời gian cho việc gửi các tài liệu để xin ý kiến cũng như thực hiện tổng kết các báo cáo từ kết quả xin ý kiến của các bên liên quan.

CĐR của CTĐT ngành QLNN được định kỳ rà soát điều chỉnh theo đúng kế hoạch của Học viện [H1.01.03.03]. Năm 2015, Học viện công bố CĐR của các ngành đào tạo trong đó có ngành QLNN với CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ tại Quyết định số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015 và Học viện tiếp tục tiến hành rà soát nội bộ vào năm 2018, 2021 [H1.01.03.03].

Học viện có quy định về CĐR Tin học và tiếng Anh [H1.01.03.03]. Trong các đợt xét tốt nghiệp, Học viện và Khoa Chính sách công luôn tổ chức họp về việc đánh giá kết quả CĐR tiếng Anh, Tin học, CĐR của CTĐT, biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp..., những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và

kỹ năng cho người học [H1.01.03.04]; [H1.01.03.05]. Trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan [H1.01.03.01] năm 2018 và 2021, CĐR của CTĐT ngành QLNN được điều chỉnh, bổ sung chi tiết hơn CĐR về kiến thức chuyên môn sâu trong lĩnh vực QLNN, thể hiện trong bản mô tả chương trình đào tạo ngành QLNN theo hướng đáp ứng nhu cầu của thực tiễn với 17 CĐR cụ thể tương ứng với 3 nhóm chuẩn chủ yếu: kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp [H1.01.03.03].

CĐR của CTĐT ngành QLNN được công bố rộng rãi công khai bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau theo đúng quy định [H1.01.03.07]: (1) đăng trên trang chủ của Khoa Chính sách công, Học viện Chính sách và Phát triển tại địa chỉ web <http://apd.edu.vn/khoa-chinh-sach-cong>; (2) công bố trên trang tin chỉ tới từng sinh viên của chương trình <http://tinchi.apd.edu.vn>; (3) giới thiệu tới sinh viên trong tuần sinh hoạt sinh viên đầu khóa, được nhắc lại trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu năm; công bố trong kế hoạch tuyển sinh và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H1.01.03.07], điều này giúp cho người học và các bên liên quan tiếp cận được dễ dàng hơn với thông tin về CĐR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành QLNN được kịp thời bổ sung, điều chỉnh gắn với yêu cầu từ thực tiễn của thị trường lao động, các ý kiến của các bên liên quan. CĐR phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành QLNN được đánh giá tốt về cả kiến thức cơ bản lẫn kiến thức chuyên sâu, kỹ năng trình độ Ngoại ngữ và Tin học.

3. Điểm tồn tại

Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR chưa huy động được sự tham gia nhiều của nhà tuyển dụng các cơ quan QLNN trong lĩnh vực QLNN. Học viện thiếu phần mềm khảo sát online chuyên dụng với đối tượng này.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023 – 2024, Khoa tiếp tục thực hiện bổ sung, điều chỉnh CĐR gắn với yêu cầu của thị trường lao động theo định kỳ 2 năm/lần từ năm 2018, 2021 dựa trên cơ sở tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành QLNN.

- **Khắc phục tồn tại:** Kỳ 2 năm học 2023 -2024, Khoa đề xuất với Học viện thông qua Trung tâm KT&ĐBCL về việc xây dựng phần mềm khảo sát online phục vụ cho khảo sát, đánh giá CTĐT; gửi CĐR và lấy ý kiến phản hồi tại đơn vị thực tập, làm việc của sinh viên để rà soát, điều chỉnh bổ sung, điều chỉnh nội dung này.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.3: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

a. Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành QLNN của Học viện có một số điểm mạnh: (1) Mục tiêu của CTĐT ngành QLNN được xác định rõ ràng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện, có tính bền vững và có khảo sát thị trường lao động liên quan đến CTĐT và phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu và rộng như hiện nay; (2) CĐR của ngành QLNN được xây dựng nghiêm túc, rõ ràng theo các mức độ từ tổng hợp đến chi tiết các khối kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ cho người học, phù hợp với mục tiêu đào tạo của Khoa và Học viện, có thể hiện triển vọng vị trí việc làm đa dạng trong lĩnh vực QLNN cho người học sau khi hoàn thành CTĐT; (3) CĐR của CTĐT ngành QLNN được kịp thời bổ sung, điều chỉnh gắn với yêu cầu từ thực tiễn của thị trường lao động, được nhà tuyển dụng đánh giá cao.

b. Tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:

Tuy nhiên, mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành QLNN còn có một số mặt cần hoàn thiện: (1) Chưa có hướng dẫn chi tiết về xác định mục tiêu của CTĐT trong Quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Học viện; (2) Mức độ chi tiết của CĐR của CTĐT về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học còn chưa được chi tiết gắn với từng học phần của CTĐT; (3) Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR chưa huy động được sự tham gia nhiều của nhà tuyển dụng các cơ quan QLNN trong lĩnh vực QLNN; Học viện thiếu phần mềm khảo sát online.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

c. Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:

Tất cả các tiêu chí (3/3) trong Tiêu chuẩn 1 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 03 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN có đầy đủ thông tin và cập nhật theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ Đại học. Tất cả các học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin và cập nhật. Bản mô tả CTĐT xây dựng dựa trên nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực của xã hội và công bố công khai, giúp các bên liên quan dễ tiếp cận. Bản mô tả ngành QLNN là tài liệu cung cấp các thông tin về thời gian đào tạo; mục tiêu; thông tin tuyển sinh, CDR; cấu trúc và nội dung CTĐT, mô tả tóm tắt các học phần, hoạt động hỗ trợ sinh viên, ma trận liên kết thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần; các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần, điều kiện tốt nghiệp.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN được xây dựng theo Hướng dẫn xây dựng mô tả chương trình đào tạo của Học viện [H1.02.01.01]. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung bao gồm: Tên CTĐT, thời gian đào tạo, mục tiêu, thông tin tuyển sinh, CDR, cấu trúc chương trình và nội dung CTĐT, đề cương tổng quát các học phần (mô tả tóm tắt các học phần), số lượng tín chỉ từng học phần, hoạt động hỗ trợ sinh viên, ma trận liên kết thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần; các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần, điều kiện tốt nghiệp được đối sánh với các CTĐT cùng trình độ [H1.02.01.02], [H1.02.01.03].

Tại bản mô tả CTĐT ngành QLNN cũng quy định về quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp. Theo đó điều kiện tốt nghiệp được quy định là: (i) Thời gian học tập tối đa của khóa học; (ii) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự; (iii) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; (iv) Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2,50 trở lên; (v) Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định; (iv) Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS; (vi) Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất. Điều này cũng phù hợp với Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển. Toàn bộ các học phần trong CTĐT ngành QLNN được mô tả tóm tắt theo đúng các đề cương học phần đã được ban hành và được công bố trên các trang website của Học viện [H1.02.01.03].

Tính đầy đủ các nội dung của bản mô tả CTĐT được các bên liên quan là nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, nhà quản lý, chuyên gia, sinh viên đánh giá cao CTĐT được thể hiện thông qua báo cáo khảo sát lấy ý kiến góp ý về việc rà soát, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo với đối tượng khảo sát là các nhà khoa học, giảng viên, cán bộ quản lý, Tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng với kết quả khảo sát trên 50% số người được hỏi hoàn toàn đồng ý chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Mục tiêu đào tạo của ngành học rõ ràng, đáp ứng được mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức của đào tạo trình độ đại học. Về phía người học có tới 77% ý kiến cho rằng thời lượng của chương trình đào tạo là hợp lý, đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp, cũng như đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo. Bản mô tả CTĐT nêu được đầy đủ các nội dung về các kiến thức, kỹ năng mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt được “*Bản mô tả CTĐT nêu được các thông tin cần thiết, cập nhật, giúp người đọc hiểu được toàn diện nội dung của chương trình đào tạo*” [H1.02.01.02]. Tuy nhiên, thông tin về nội dung chi tiết của đề cương các học phần được đưa trên trang www.decuongmonhoc.apd.edu.vn chưa đầy đủ các thông tin chỉ được mô tả dạng vắn tắt và tổng quát, do vậy, tính thuận tiện cho việc tra cứu các nội dung chi tiết của các bên liên quan có thể bị hạn chế [H1.02.01.03]. Bản mô tả CTĐT ngành QLNN được thiết kế gắn với các vị trí việc làm của chuyên ngành, các CDR, các học phần có nội dung kiến thức và kỹ năng để phục vụ cho một số vị trí việc làm thuộc lĩnh vực QLNN [H1.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN của Khoa được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vừa mang tính khoa học và thực tiễn của các đề tài cấp cơ sở, các công trình nghiên cứu của Khoa có nội dung nghiên cứu vừa liên quan trực tiếp đến cập nhật nội dung CTĐT và liên quan đến chuyên môn sâu của chuyên ngành đã được thể hiện trong việc ứng dụng tiếp các kết quả nghiên cứu gắn với bối cảnh mới cập nhật vào Bản mô tả CTĐT [H1.02.01.04].

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN ban hành tại Quyết định số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021 cập nhật những vấn đề mới nhất liên quan đến quy chế đào tạo, CDR của CTĐT, tiêu chí tuyển sinh, nội dung CTĐT được ban hành tại Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/08/2018 [H1.02.01.01], xu hướng ngành nghề. Chẳng hạn, xu hướng ngành nghề trong bối cảnh Cách mạng 4.0 hiện nay cũng được cập nhật thông qua các học phần Dữ liệu lớn trong kinh tế, kinh doanh, Nghiệp vụ quản lý thủ tục hành chính, Các vấn đề QLNN trong quá trình hiện đại hóa... [H1.02.01.02].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung và các thông tin cần thiết, thể hiện sự đóng góp rõ ràng của từng học phần vào CDR của CTĐT ngành QLNN. Ngoài ra Bản mô tả CTĐT được gắn kết với các vị trí việc làm của ngành QLNN. CTĐT của Khoa được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vừa mang tính khoa học và thực tiễn của các đề tài cấp cơ sở của Khoa có nội dung nghiên cứu vừa liên quan trực tiếp đến cập nhật nội dung CTĐT và liên quan đến chuyên môn sâu của ngành.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN được công bố năm 2018 và được bổ sung chỉnh sửa vào năm 2021, tuy nhiên nội dung đề cương các học phần đang ở dạng tổng quát.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2022 – 2023, Khoa tiếp tục duy trì đầy đủ các nội dung, các thông tin cần thiết, các đóng góp của từng học phần vào CDR, lấy vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp để bổ sung, điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành QLNN đến các định kỳ rà soát kế tiếp.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2022 – 2023, Khoa phối hợp với các Phòng, Trung tâm liên quan như Trung tâm KT&ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của người học năm cuối, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng để rà soát, cập nhật và chỉnh sửa bản mô tả CTĐT vào đợt rà soát CTĐT đợt tới; phối hợp với Phòng QLĐT bổ sung thêm một số nội dung chi tiết của đề cương các học phần.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.1: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần của CTĐT ngành QLNN được xây dựng theo các quy định hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần bậc đại học tại Quyết định hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần bậc đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quyết định số 972/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017 và quy định được ban hành tại Quyết định 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/08/2021 và được ban hành kèm theo Quyết định số 659/QĐ-HVCSPT, ngày 30/8/2021 [H1.02.02,01].

Tất cả đề cương các học phần trong CTĐT đều được thực hiện theo đúng quy định của Học viện có 8 mục thông tin bao gồm: Thông tin chung về học phần, số tín chỉ, mã số học phần, tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; điều kiện học trước, mô tả học phần, mục tiêu học phần, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra/đánh giá; hướng dẫn tự học; tài liệu chính và tài liệu tham khảo... Việc xây dựng đề cương môn học được tiến thành theo 05 bước:

Bước 1. Thành lập nhóm chuyên gia xây dựng đề cương môn học là các giảng viên cùng dạy một môn học. Có thể có sự tham gia của 1 đến 2 sinh viên giỏi đã học qua môn học này;

Bước 2. Tổ chức tập huấn cho nhóm chuyên gia;

Bước 3. Tổ chức xây dựng đề cương môn học theo “Mẫu đề cương môn học” và “Hướng dẫn viết đề cương môn học” (xem các phụ lục kèm theo);

Bước 4. Tổ chức hội thảo, có sự tham gia của các giảng viên liên quan đến môn học, sinh viên đã và đang học môn học này;

Bước 5. Sau hội thảo, tổ chức hoàn chỉnh đề cương môn học để thẩm định, nghiệm thu và ban hành. [H1.02.02.01]

CTĐT ngành QLNN năm 2018, tuyển sinh khoá 9 có 44 học phần [H1.02.02.01], tất cả đề cương các học phần trong CTĐT bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định gồm: tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo, hướng dẫn tự học. Đặc biệt phương pháp đánh giá được thể hiện trong đề cương bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; trọng số của mỗi điểm thành phần, cấu trúc đề thi của các học phần được thể hiện rõ trong đề cương, qua đó, người học biết được chính xác các yêu cầu, nắm được cụ thể hình thức, tính chất, mục đích kiểm tra, thời lượng kiểm tra và các trọng số của từng hình thức kiểm tra.

100% đề cương các học phần với đầy đủ các thông tin nêu trên tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên trong quá trình giảng dạy và học tập, cụ thể là nội dung bài 100% đề cương các học phần thuộc CTĐT ngành QLNN được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật 2 năm/lần. Công tác rà soát đề cương học phần được tiến hành từ hình thức, nội dung, cách sắp xếp từng nội dung,

cập nhật tài liệu tham khảo cho từng học phần trong đề cương các học phần dựa trên biên bản họp Hội đồng Khoa về rà soát đề cương học phần, đề xuất hội đồng khoa học Học viện thông qua [H1.02.02.04]. Quá trình rà soát Đề cương các học phần thuộc ngành QLNN có sự tham gia của các bên liên quan bao gồm sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, nhà khoa học, giảng viên. . Hoạt động rà soát đề cương học phần với 100% giảng viên trong khoa tham dự đầy đủ, ngoài ra còn mời các giảng viên, chuyên gia trong và ngoài học viện thông qua các buổi tạo đàm lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các môn học/học phần để tư vấn xây dựng đề cương và chương trình đào tạo. [H1.02.02.03].

Đề cương các học phần ngành QLNN năm 2021 có thay đổi so với năm 2018 như sau:

- Căn cứ vào yêu cầu từ thực tiễn để xây dựng, bổ sung, điều chỉnh nội dung trong đề cương và các nội dung trong đề cương học phần tuân thủ CĐR của chương trình đào tạo.

- Các nội dung giữa các học phần tránh trùng lặp.

- Bổ sung thông tin chi tiết về CĐR của học phần về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chịu trách nhiệm

- Chú trọng vào cả 3 mục tiêu đào tạo: Kiến thức, thái độ, kỹ năng. Phần kiến thức tăng các kiến thức thực tiễn và nghiệp vụ cho sinh viên.

- Bổ sung về phương pháp, phương tiện giảng dạy và phương pháp học cho sinh viên.

- Học phần được chi tiết hóa các nội dung và tương ứng các CĐR của học phần.

- Bổ sung thông tin về phương pháp đánh giá môn học và đánh giá việc đáp ứng CĐR của học phần.

- Bổ sung hướng dẫn sinh viên tự học với chi tiết nhiệm vụ dành cho sinh viên tương ứng với các nội dung của học phần.

- Một số học phần thay đổi trong nội dung chương trình ban hành năm 2021 so với năm 2018:

- + Khối kiến thức giáo dục chuyên ngành giảm còn 15 tín chỉ so với 27 tín chỉ; các học phần Chính sách xã hội được chuyển sang khối kiến thức ngành tự chọn (2021), học phần Đầu tư công chuyển sang khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, học phần Hành chính công chuyên sang khối kiến thức ngành bắt buộc và khối kiến thức cơ sở ngành lựa chọn.

+ Bổ sung môn Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh, chuyển học phần Kinh tế phát triển nằm trong khối cơ sở ngành lựa chọn thành khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, chuyển học phần Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô sang khối kiến thức cơ sở ngành lựa chọn; chuyển học phần Phân tích chính sách, nguyên lý thống kê kinh tế, Kinh tế công cộng, Kinh tế lượng từ khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc sang khối kiến thức ngành bắt buộc; học phần Nguyên lý kế toán được chuyển sang khối kiến thức ngành tự chọn, học phần quản lý công, chính trị học so sánh được chuyển sang khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc; bỏ môn học Địa lý kinh tế;

+ Bổ sung học phần Kế hoạch hóa phát triển; các học phần Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP, Quản lý doanh nghiệp công gồm 2 – 3 tín chỉ thống nhất hai học phần trên thành 3 tín chỉ.

+ Học phần Toán cao cấp trong khối kiến thức giáo dục đại cương được gộp từ hai học phần toán cao cấp 1 và toán cao cấp 2; đổi tên các học phần tiếng Anh tổng quát thành tiếng Anh cơ bản, đổi tên học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam bằng Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; bỏ học phần Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê-nin 1, 2 thay thế bằng học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học và Kinh tế Chính trị Mác – Lê-nin

- Cập nhật nội dung giảng dạy, giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Ngoài ra các học phần ngành và chuyên ngành trong CTĐT đã tăng cường các ví dụ và các tình huống thực tế giúp sinh viên học trên lớp hoặc tự nghiên cứu.

Năm 2021, Khoa tiến hành rà soát đề cương và đã cập nhật CDR cho các đề cương học phần chuyên ngành 2018 bao gồm phần kiến thức bao gồm: kiến thức chung và kiến thức sâu về chuyên môn; về kỹ năng bao gồm kỹ năng mềm; kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng Tin học; về thái độ hành vi; khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp [H1.02.02.05].

Hoạt động rà soát được tiến hành từ hình thức, nội dung, cách sắp xếp từng nội dung, cập nhật tài liệu tham khảo cho từng học phần trong đề cương dựa trên biên bản họp Khoa về rà soát đề cương học phần, biên bản tọa đàm lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan (giảng viên, nhà khoa học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng) về nội dung, chất lượng của các học phần [H1.02.02.05].

2. Điểm mạnh

Đề cương môn học trong CTĐT được xây dựng đầy đủ thông tin, tạo điều kiện cho người học có thể dễ dàng tra cứu nội dung của môn học cũng như các tài

liệu tham khảo phục vụ cho việc học và nắm vững phương pháp đánh giá đối với môn học. Trong quá trình biên soạn, cập nhật hay ngay trong quá trình giảng dạy học phần có sự tham gia của các bên liên quan là sinh viên năm cuối, cựu sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các đối tượng được khảo sát lấy ý kiến góp ý cho đề cương môn học trong CTĐT ngành QLNN còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa tiếp tục duy trì đầy đủ các nội dung, các thông tin cần thiết của các đề cương học phần trong CTĐT ngành QLNN đến các định kỳ rà soát, bổ sung ngay từ năm học 2023-2024.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2023 - 2024, Khoa sẽ phối hợp với các Phòng, Trung tâm liên quan như Trung tâm KT&ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của người học năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và nhà khoa học đối với xây dựng và chỉnh sửa, cập nhật đề cương môn học trong CTĐT ngành QLNN.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.2: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN được xây dựng theo đúng quy định và được phê duyệt chính thức tại Quyết định số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2018 [H1.02.03.01] được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: (1) trên website của Học viện tại địa chỉ <http://apd.edu.vn/khoa-chinh-sach-cong> [H1.02.03.02], cùng với đó là các quyết định ban hành về quy định đạo tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện cũng được ban hành kèm theo [H1.02.03.03] ; Ngoài ra, bản mô tả CTĐT ngành QLNN còn được in trong Sổ tay giảng viên, Sổ tay sinh viên, các trang thông tin phục vụ tư vấn cho tuyển sinh tại địa chỉ www.apd.edu/tvtsapd, Brochure Học viện, giới thiệu CTĐT trong các buổi tư vấn tuyển sinh [H1.02.03.02] để sinh viên tham khảo và tư vấn cho sinh viên được dễ dàng.

Kết quả khảo sát về mức độ công khai phổ biến Bản mô tả CTĐT được các bên liên quan đánh giá cao [H1.02.03.06]. Việc công khai bản mô tả CTĐT còn giúp cán bộ, giảng viên, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành QLNN biết và thực hiện.

Tất cả đề cương của các môn học/học phần trong CTĐT ngành QLNN đều được công bố đầy đủ thông tin trên website của Học viện tại địa chỉ www.decuongmonhoc.apd.edu, trang thông tin giới thiệu về CTĐT tại địa chỉ <http://apd.edu.vn/khoa-chinh-sach-cong>, trang tư vấn tuyển sinh tại địa chỉ www.apd.edu/tvtsapd tạo điều kiện thuận lợi cho người học và các đối tượng quan tâm có thể tra cứu dễ dàng trong hồ sơ giảng dạy của giảng viên [H1.02.03.02]. Ngoài ra, theo quy định đào tạo của Học viện, giảng viên phải công bố công khai đề cương học phần cho sinh viên trong buổi học đầu tiên từ số tín chỉ, nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp học tập.... Ngoài ra Học viện tổ chức phát hành bộ đề cương các học phần thuộc CTĐT ngành QLNN được lưu ở Thư viện để sinh viên tham khảo và học tập [H1.02.03.05].

Các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà tuyển dụng, người học, cựu sinh viên...) đều có thể tiếp cận dễ dàng với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất bằng việc truy cập vào website của Học viện theo các đường link <http://apd.edu.vn/khoa-chinh-sach-cong>, và www.decuongmonhoc.apd.edu; Ngoài ra, các nội dung nói trên cũng được cung cấp trong các ấn phẩm: Sổ tay giảng viên, Sổ tay sinh viên [H1.02.03.06]. Bên cạnh đó, các cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện có thể dễ dàng tiếp cận với CTĐT trên phần mềm quản lý đào tạo tại địa chỉ: <http://qltd.apd.edu.vn>; phần mềm đăng ký tín chỉ tại địa chỉ <http://tinchi.apd.edu.vn> [H1.02.03.02]. Việc sử dụng, công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về chuyên ngành học biết và thực hiện. Ngoài ra, việc này cũng giúp sinh viên nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học, hình thức thi tốt nghiệp và thi học phần trực tuyến [H1.02.03.04]. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT có nội dung khá dài, do vậy, các bên liên quan cần có thời gian để đọc và tìm hiểu, việc lướt nhanh các thông tin sẽ bị hạn chế vì nhiều thông tin quan trọng mà các bên liên quan có thể bỏ qua nhất là đối với các nhà tuyển dụng quá bận rộn với công việc sản xuất và kinh doanh. Thêm vào đó, tuy đa dạng nhiều hình thức, nhưng hiện tại với sự phát triển của internet thì một trong các kênh quảng bá thông tin rất nhanh và hiệu quả hiện nay là facebook và các fanpage lại chưa được sử dụng để Học viện và Khoa đăng tải thông tin về bản mô tả CTĐT và các đề cương môn học.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN và đề cương học phần trong CTĐT được công bố đầy đủ, công khai bằng một phần mềm riêng và cá nhân hóa tới từng sinh viên, công khai tới các cơ quan chủ quản và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Hình thức công khai Bản mô tả CTĐT chưa đa dạng. Bản mô tả CTĐT có nội dung khá dài để các bên liên quan nhất là nhà tuyển dụng có thể lấy thông tin nhanh sẽ bị hạn chế về thời gian và có thể bị bỏ sót thông tin quan trọng về CTĐT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa tiếp tục duy trì việc công khai Bản mô tả CTĐT ngành QLNN và các đề cương học phần đến người học và các bên liên quan.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong tháng 9/2022, Khoa đưa thông tin bản mô tả CTĐT và đề cương môn học lên trang fanpage của Khoa, của Học viện và facebook của cựu sinh viên, sinh viên năm cuối. Năm học 2023 – 2024, Khoa bổ sung 01 bản mô tả CTĐT dạng tóm tắt, bao gồm các nội dung chính để công khai cho các bên liên quan thuận tiện theo dõi, nắm bắt thông tin;

5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.3: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

a. Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn

Bản mô tả CTĐT ngành QLNN của Học viện có một số điểm mạnh: (1) Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung và các thông tin cần thiết, được gắn kết với các vị trí việc làm. CTĐT của Khoa được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vừa mang tính khoa học và thực tiễn của các Đề tài cấp cơ sở của Khoa; (2) Đề cương môn học trong CTĐT được xây dựng đầy đủ thông tin, quá trình biên soạn, cập nhật có sự tham gia của sinh viên năm cuối, cựu sinh viên; (3) Bản mô tả CTĐT ngành QLNN và đề cương học phần trong CTĐT được công bố đầy đủ, công khai bằng một phần mềm riêng và cá nhân hóa tới từng sinh viên, công khai tới các cơ quan chủ quản và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

b. Điểm tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:

Tuy nhiên, Bản mô tả CTĐT ngành QLNN còn có một số mặt cần hoàn thiện: (1) Bản mô tả CTĐT ngành QLNN được công bố năm 2021, nội dung đề cương các học phần đang ở dạng tổng quát; (2) Số lượng các đối tượng được khảo sát lấy ý kiến góp ý cho đề cương môn học trong CTĐT ngành QLNN còn hạn chế; (3) Hình thức công khai Bản mô tả CTĐT chưa đa dạng; Bản mô tả CTĐT có nội dung khá dài.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

c. Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:

Tất cả các tiêu chí (3/3) trong Tiêu chuẩn 2 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 03 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và chương trình dạy học của ngành QLNN được xây dựng đúng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và chủ trương, định hướng giảng dạy của Học viện Chính sách và Phát triển, đáp ứng linh hoạt nhu cầu đào tạo và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực, đảm bảo tính liên thông và hội nhập. Cấu trúc và nội dung CTDH ngành QLNN được Khoa Chính sách công thiết kế bám sát theo CĐR của CTĐT. Trên cơ sở của CĐR, cấu trúc và nội dung chương trình dạy học được thiết kế theo trình tự thời gian và khối lượng kiến thức. CTDH ngành QLNN thể hiện được sự cân bằng giữa khối lượng các kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, đảm bảo CĐR của CTĐT và tính logic giữa các môn học. Thêm vào đó, CTĐT được thiết kế với đa dạng số học phần tự chọn, giúp cho người học có sự chủ động và linh hoạt trong việc lĩnh hội những kiến thức, kỹ năng. Nội dung và phương pháp giảng dạy, đánh giá của các học phần giúp cho người học có thể đạt được những CĐR của CTĐT.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH của ngành QLNN được thiết kế gắn chặt chẽ với các CĐR đã được ban hành về các chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H1.03.01.03]. Khoa CSC đã xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi tốt nghiệp cũng như xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT [H1.03.01.02].

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR còn thể hiện ở việc trong chương trình đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của sinh viên đối với toàn bộ học phần phù hợp, góp phần đạt được CĐR theo đúng quy định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước chuyên ngành Quản lý công [H1.01.01.03]. Việc thiết kế CTDH hợp lý đáp ứng hợp lý các CĐR về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm thông qua kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực, trình tự và tiến độ

trong CTDH, lịch trình giảng dạy các học phần theo hướng tiếp cận các khối kiến thức mang tính thống nhất. Sự phù hợp của các môn học trong CTDH với các CĐR được thể hiện ở Ma trận kỹ năng [H1.03.01.05]. Bên cạnh đó, để đạt được CĐR các kỹ năng nghề nghiệp trong CTDH ngành CSC đã thiết kế một số học phần tăng kiến thức thực tiễn của sinh viên như kế hoạch mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề, học phần Phương pháp NCKH hay trong các học phần chuyên ngành như: Chính sách công nghệ cao, Quản lý công nghệ cao... Tuy nhiên, trong hai học phần này thời lượng lý thuyết còn nhiều. Trong việc thiết kế triển khai chương trình, Học viện mời một số chuyên gia chia sẻ các vấn đề thực tiễn trong các học phần chuyên ngành [H1.03.01.07].

CĐR của CTĐT ngành QLNN bao gồm các kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Có CĐR về kỹ năng nghề nghiệp: “Khả năng làm việc trong các ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực QLNN; Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc”. Có CĐR về kỹ năng mềm: “Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo” [H1.03.01.04]. Người học sau hoàn thành chương trình học được trang bị năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm bao gồm: “Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể” [H1.03.01.04].

CTĐT ngành QLNN và đề cương từng môn học đều đảm bảo CĐR chung của Học viện theo kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (mỗi CTDH đều có yêu cầu về từng mục trong CĐR như kiến thức thường chiếm 6 - 8 tiêu chuẩn, kỹ năng chiếm 5 - 8 tiêu chuẩn, mức tự chủ và trách nhiệm chiếm 2 - 4 tiêu chuẩn) [H1.03.01.06]. Ngoài ra, trong CTĐT ngành QLNN đều có ma trận đầu ra trong đó chỉ ra cụ thể từng môn học bao gồm những CĐR nào [H1.03.01.05], cũng như việc công bố CTĐT công khai trên website của Học viện và Khoa Chính sách công [H1.03.01.08].

CTDH được thiết kế dựa trên cả chuẩn đầu ra của Học viện và chuẩn đầu ra của ngành QLNN. Học viện đã quy định về chuẩn đầu ra tiếng Anh và chuẩn đầu ra Tin học cho tất cả các chương trình đào tạo tại Học viện đồng thời Học viện cũng đã quy định về chuẩn đầu ra cho ngành QLNN [H1.03.01.04]. Vì vậy, CTDH ngành QLNN đảm bảo đầy đủ các khối kiến thức Giáo dục đại cương (45

tín chỉ), Cơ sở ngành bắt buộc (38 tín chỉ), Cơ sở ngành lựa chọn (10 tín chỉ), Chuyên ngành bắt buộc (32 tín chỉ) và Chuyên ngành lựa chọn (6 tín chỉ).

Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT ngành QLNN được giảng viên lựa chọn phù hợp, đa dạng, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR [H1.03.01.04].

Bảng 3.1.1. Ma trận tích hợp các phương pháp giảng dạy đáp ứng CĐR

CHUẨN ĐẦU RA																				
PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY	Kiến thức										Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x							x
2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x
3. Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4. Đối thoại với doanh nghiệp						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Đi thực tế doanh nghiệp/tổ chức hỗ trợ DN	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Làm bài tập			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
7. Tiểu luận/ Bài tập lớn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8. Liên hệ thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Nguồn: Bản mô tả CTDH ngành QLNN năm 2021

Dựa trên CĐR của học phần, giảng viên thiết kế hoạt động dạy và học chi tiết cho từng môn học do mình phụ trách, chuẩn bị và tổ chức bài giảng sinh động, lôi cuốn, hệ thống các câu hỏi chất vấn gợi mở đa dạng nhằm giúp sinh viên tham gia xây dựng bài. Đặc biệt là các môn học được thiết kế dựa trên tình huống thực tế sẽ giúp người học rèn luyện được các kỹ năng phân tích, đưa ra lập luận, cập nhật và nắm bắt các vấn đề thực tế. Còn các môn học yêu cầu sinh viên thuyết trình cá nhân/nhóm sẽ tăng được các kỹ năng làm việc nhóm, vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn của mình. CTDH thiết kế dựa trên CĐR còn được thể hiện rõ nét ở việc CTDH thiết kế theo hướng cho sinh viên tiếp cận thực tế doanh nghiệp, các cơ quan quản lý

nhà nước và tham gia nhiều hoạt động gắn với doanh nghiệp, nghiệp vụ quản lý nhà nước tại các cơ quan QLNN từ Trung ương tới địa phương. Chuyên đề thực tế của ngành QLNN được tổ chức đa dạng, trong các tuần thực tế tại các cơ quan QLNN và các doanh nghiệp. Đối với học kỳ thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp, sinh viên được yêu cầu đăng ký rõ vị trí thực tập, liên hệ người hướng dẫn thực tập tại đơn vị thực tập để giảng viên hướng dẫn có sự giám sát đạt CĐR đối với môn thực tập tốt nghiệp [H1.03.01.04].

2. Điểm mạnh

Công tác thiết kế CTDH ngành QLNN hợp lý, CTDH được gắn kết chặt chẽ với CĐR, giúp phối hợp các nguồn lực, các đơn vị trong Học viện; phối hợp trách nhiệm tham gia của các cơ quan QLNN, các đơn vị ngoài Học viện trong vận hành CTDH được thuận lợi và đạt CĐR một cách hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. Tuy nhiên các chuẩn đầu ra chưa thực sự thể hiện các thang đo Bloom 6 bậc, nên thiết kế CTDH chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023 – 2024, Khoa tiếp tục duy trì các mối quan hệ với nhà tuyển dụng đã có các hợp tác chặt chẽ trong việc tiếp nhận sinh viên ngành QLNN và thường xuyên lắng nghe các ý kiến của nhà tuyển dụng để có những đề xuất cải tiến kịp thời.

- **Khắc phục tồn tại :** Năm học 2023-2024, Học viện giao Phòng QLĐT chủ trì hướng dẫn các khoa thiết kế chương trình dạy học dựa trên CĐR với thang Bloom 6 bậc một cách chi tiết trong các mức độ từ 1 đến 6 theo các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, qua đó đạt được hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.1: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả (46/46) học phần trong CTĐT ngành QLNN được xây dựng dựa vào CĐR của CTĐT [H1.03.02.03] có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của chương trình. Mỗi học phần trong CTDH ngành QLNN đều được thiết kế có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm

đạt được CDR [H1.03.02.02]. Điều này thể hiện rõ nét trong ma trận kỹ năng, bảng so sánh CTĐT và biên bản hội thảo liên quan đến thảo luận nội dung học phần đạt chuẩn đầu ra [H1.03.02.01] có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR của chương trình. CTDH ngành QLNN được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ đại cương được thiết kế để đáp ứng các chuẩn đầu ra (1-5), kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành được thiết kế để đáp ứng các chuẩn đầu ra (6-15), trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Một số học phần đã đóng góp được mức độ cao của chuẩn đầu ra như: Học phần Chính sách công người học sẽ phát hiện ra được vấn đề chính sách và các tiêu chí để đánh giá chính sách, quy trình phân tích chính sách, đưa chính sách vào trong cuộc sống bằng công cụ pháp luật, phân tích thảo luận những vấn đề thực tiễn của chính sách công. Ngoài những kiến thức chuyên môn môn học còn cung cấp cho người học một số kỹ năng như kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, được thể hiện qua bài viết chính sách theo nhóm, đòi hỏi mỗi sinh viên phải nỗ lực trong hoàn thành bài tập nhóm đạt kết quả tốt, rèn luyện kỹ năng viết bằng bài viết cá nhân ngắn, tạo tiền đề cho việc làm khóa luận tốt nghiệp và công tác sau này. Tuy nhiên, đóng góp của một số học phần ở khối kiến thức giáo dục đại cương chưa rõ ràng vào CDR của CTĐT.

Phương pháp đánh giá học phần được bố trí trong CTĐT đa dạng, phù hợp, có các hoạt động kiểm tra, đánh giá người học tương thích nhằm đảm bảo việc đạt được CDR. Trong các đề cương của từng môn học đều dựa trên ma trận CDR của CTĐT ngành QLNN và có miêu tả rõ phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá của từng môn, trong đó: 46/46 học phần đánh giá chuyên cần, tiểu luận, nghiên cứu tình huống và trắc nghiệm [H1.03.02.01]. Ngoài ra, CTĐT ngành Quản lý nhà nước chuyên ngành Quản lý công cũng được công bố công khai trên trang điện tử của Học viện [H1.03.02.05]

Hội đồng Khoa nhận xét nội dung các đề cương học phần của chương trình đào tạo hướng tới CDR [H1.03.02.04]; ý kiến của Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo khẳng định nội dung các học phần phù hợp với CDR của chương trình [H1.03.01.04]. CTDH của ngành QLNN còn được tham vấn ý kiến và nhận xét của nhà tuyển dụng lao động, Hiệp hội nghề nghiệp và người đã tốt nghiệp, đảm bảo mỗi chương trình lấy ít nhất 2-3 ý kiến từ các nhà tuyển dụng, Hiệp hội nghề nghiệp và các sinh viên đã tốt nghiệp. Các ý kiến của các nhà tuyển dụng được thực hiện bằng văn bản hoặc góp ý trực tiếp cho Khoa tại các buổi thảo luận, tọa đàm của Học viện [H1.03.02.06].

Kết quả khảo sát về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng cũng được phản hồi từ các bên liên quan. Năm 2018 theo khảo sát của nhà tuyển dụng cho rằng CTĐT đạt CĐR chiếm 92,94%, năm 2021 đạt 93,29% [H1.03.02.06].

2. Điểm mạnh

Tất cả học phần trong CTĐT thuộc ngành QLNN đều có đóng góp cụ thể vào CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ là khá rõ ràng, giúp dễ dàng thực hiện CTDH nói chung và chương trình cử nhân ngành QLNN nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Đóng góp của một số học phần ở khối kiến thức Giáo dục đại cương chưa rõ ràng vào CĐR của chương trình.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023 – 2024, Khoa tiếp tục rà soát, cập nhật và làm rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần giúp đáp ứng CĐR của CTDH.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2023 – 2024, Khoa sẽ phối hợp với các Khoa, Bộ môn phụ trách học phần đại cương (Khoa Toán kinh tế, Bộ môn Ngoại ngữ...) điều chỉnh nội dung của học phần nhằm đáp ứng tốt hơn CĐR của chương trình.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.2: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH được thiết kế theo cấu trúc nhất quán, trình tự logic, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa tất cả các khối kiến thức, giúp cho chương trình trở thành một khối thống nhất [H1.03.03.01].

Khối kiến thức Giáo dục đại cương gồm các học phần chung về Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Toán kinh tế, Pháp luật đại cương, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán.... Các học phần này đảm bảo cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết để có thể tiếp thu tốt các học phần trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm ba khối: (1) Khối kiến thức Cơ sở ngành; (2) Khối kiến thức của ngành và (3) Khối kiến thức Chuyên

ngành. Khối kiến thức Cơ sở ngành cung cấp các kiến thức về môi trường, bối cảnh, công cụ giúp sinh viên có kiến thức bổ trợ trước khi tiếp cận các kiến thức ngành và chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức Ngành QLNN là các học phần trang bị các kiến thức căn bản thuộc các chức năng và lĩnh vực trong Kinh tế, QLNN.

Khối kiến thức Cơ sở ngành được chia ra là Cơ sở ngành bắt buộc gồm 38 tín chỉ, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức Quản lý nhà nước nói chung tạo tiền đề cho các sinh viên có kiến thức chuẩn và nền tảng để học các môn chuyên ngành; và những học phần Cơ sở ngành lựa chọn gồm 6 tín chỉ, bao gồm các học phần liên quan đến chuyên ngành và thế mạnh cũng như mục tiêu nghiên cứu chuyên sâu của từng sinh viên.

Tất cả các môn học trong CTDH được bố trí phù hợp đối với mỗi kỳ học để sinh viên có thể tiếp thu từ các kiến thức chung tới các kiến thức chuyên sâu. Tính trình tự và logic trong CTDH thể hiện ở lịch trình tiếp cận các khối kiến thức: khối kiến thức Giáo dục Đại cương được bố trí trong các kỳ học đầu, tiếp đến là khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành. Các học phần chuyên ngành được tổ chức đào tạo vào học kỳ 2 năm thứ ba và học kỳ đầu năm cuối cùng [H1.03.03.01]. Từ năm thứ 3 sinh viên được tổ chức học phần Chuyên đề thực tế, năm thứ 4 trang bị học phần Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp [H1.03.03.01]. Tính trình tự các học phần, còn gọi là “cây đào tạo” của CTĐT ngành QLNN được xây dựng logic, bố trí hợp lý và cân đối giữa các khối kiến thức chung, chuyên ngành và kỹ năng mềm đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa đào tạo kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề, giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành [H1.03.03.03]. Nội dung các học phần thể hiện được chiều rộng, chiều sâu và được thực hiện trong 4 năm [H1.03.03.01]. Việc thiết kế các học phần trong CTĐT chặt chẽ và khoa học thể hiện ở việc lựa chọn các học phần để đáp ứng CDR tương ứng, các môn học trong cơ sở ngành là những môn tiên quyết để sinh viên có kiến thức nền tảng trước khi học về chuyên ngành như Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Pháp luật đại cương... CTĐT cử nhân ngành Quản lý nhà nước đã có những học phần như Luật và Chính sách công, Chính sách xã hội, Quản lý nhà nước về kinh tế,... được bố trí hợp lý, logic trong CTĐT [H1.03.03.01].

Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH ngành QLNN được tiến hành định kỳ và theo quy định của Học viện. Định kỳ Khoa tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động đào tạo theo học kỳ và hàng năm nhằm rà soát CTĐT để thường xuyên điều chỉnh, cập nhật, bổ sung. Trong 5 năm gần đây, Học viện đã chỉ đạo

điều chỉnh chương trình năm 2018 và năm 2021. CTĐT cử nhân ngành QLNN đã được rà soát 02 lần vào các thời điểm nêu trên [H1.03.03.02].

Học viện luôn chú trọng rà soát, cập nhật bổ sung, chỉnh sửa CTĐT, định kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện và Hội đồng Khoa tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động đào tạo hàng kỳ và hàng năm nhằm rà soát CTĐT để thường xuyên điều chỉnh, cập nhật, bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động. Ngoài ra, qua kết quả khảo sát lấy ý kiến kiến góp ý về rà soát chương trình đào tạo chuyên ngành quản lý công với 34 ý kiến tra lời là các nhà khoa học (5), giảng viên (9), cán bộ quản lý (12), tổ chức xã hội – nghề nghiệp (3), nhà tuyển dụng (5) có trên 50% số người được hỏi hoàn toàn đồng ý rằng chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Mục tiêu đào tạo của ngành học rõ ràng, cụ thể; Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học; kết hợp hợp lý giữa lý thuyết và thực hành; về thời lượng của của chương trình đào tạo có 52% ý kiến cho rằng thời lượng của chương trình đào tạo là hợp lý, đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp, cũng như đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo [H1.03.03.04].

Khi điều chỉnh CTDH của Học viện nói chung và của ngành QLNN đã tổ chức nghiên cứu, tham khảo CTĐT của các trường đại học có chương trình đào tạo tương đồng như: Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Quốc gia Hà Nội... và một số chương trình của các trường đại học trên thế giới Đại học Indiana tại Bloomington, Hoa Kỳ; Đại học Chính sách công Lý Quang Diệu, Đại học Birmingham, Đại học Fulbright... và có đối sánh với CTĐT của ngành QLNN. Từ công tác tham khảo CTĐT của các trường đại học trong và ngoài, chuyên ngành Quản lý công được thiết kế có nét riêng về cách thức tổ chức triển khai đào tạo cụ thể:

- Thứ nhất, chuyên ngành quản lý công được thiết kế chuyên sâu hơn về việc cung cấp kiến thức chuyên sâu hơn về quản lý công, đặc biệt các nội dung giảng dạy có liên quan đến chức năng, thế mạnh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Học viện, đây cũng là yêu cầu cần thiết trong quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam, có nhu cầu nguồn nhân lực khá cao. Trong chương trình giảng dạy chuyên ngành Quản lý công của Học viện Chính sách và Phát triển sẽ có các môn học chuyên sâu về những lĩnh vực này đó là: Quản lý công; Kinh tế phát triển; Kinh tế công cộng; Hành chính công; Điều hành và Quản lý tổ chức công; Quản lý dự án; Quản trị nhân lực khu vực công; Quản trị chiến lược; Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô; Thẩm định dự án đầu tư... Đây là các lĩnh vực thuộc thế mạnh của

Bộ Kế hoạch và Đầu tư với đội ngũ chuyên gia am hiểu, giàu kinh nghiệm. Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, cách mạng công nghiệp 4.0 đang tiến triển với tốc độ nhảy vọt, trở thành một trong những động lực quan trọng nhất của sự phát triển, các hoạt động trên nền tảng của công nghệ thông tin hiện đại, giao dịch điện tử cũng phát triển nhanh chóng. Nắm bắt được các xu thế mới trong phát triển để đảm bảo sự phát triển bền vững, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý công cũng giảng dạy thêm các môn như thương mại điện tử, kinh tế quốc tế; Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh...

- Thứ hai, chương trình đào tạo thiết kế đảm bảo đủ kiến thức nền tảng về kinh tế trong chuyên ngành Quản lý công đồng thời chọn lọc, bổ sung một số kiến thức cơ bản về tài chính, doanh nghiệp: Thực tiễn từ kết quả khảo sát cho thấy sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý công có thể làm việc tốt trong các khu vực công từ các cấp trung ương đến địa phương; các doanh nghiệp, các dự án, các tổ chức phi chính phủ... Lợi thế của sinh viên ngành này là khả năng tư duy khái quát, nhận diện được các vấn đề đặt ra trong thực tiễn của ngành, địa phương và tổ chức; có thể hoạch định và quyết định các vấn đề về kinh tế, quản lý, chính sách kinh tế-xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế; quản lý, phân tích, đánh giá chính sách, hành chính, tổ chức quản lý và triển khai thực hiện ở các cấp độ khác nhau trong bộ máy hành chính nhà nước; các tổ chức, doanh nghiệp. Do vậy, trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản lý công tại Học viện Chính sách và Phát triển sẽ chọn lọc, bổ sung một số kiến thức, kỹ năng về cơ bản và chuyên sâu về kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực quản lý khu vực công ở các cấp trung ương, địa phương, các tổ chức kinh tế khác, ngoài ra có khả năng phân tích, đánh giá, hoạch định và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội, các khu vực và các vùng trong lĩnh vực kinh tế, quản lý, hành chính sự nghiệp, sản xuất kinh doanh và dịch vụ công; có khả năng nghiên cứu và học tập ở cấp bậc cao hơn.

- Thứ ba, lồng ghép nội dung về luật với nội dung về chính sách trong chương trình học: Việc lồng ghép này có ý nghĩa quan trọng bởi giúp sinh viên chuyên ngành quản lý công có khả năng bao quát được các nội dung thực tiễn đang diễn ra, mở ra cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên ở cả khu vực tư nhân lẫn khu vực nhà nước. Đối với chương trình Quản lý công tại Học viện Chính sách và Phát triển, các nội dung về luật và chính sách công sẽ được giảng dạy tập trung ở các học phần: Chính sách công, Pháp luật đại cương, pháp luật kinh tế, kinh tế công cộng... Kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu cũng chỉ ra hạn chế về kiến thức, kỹ năng của nhân lực chuyên ngành Quản lý công, trong đó nổi bật là các

hạn chế về kiến thức thực tiễn, kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ cụ thể, kỹ năng trình bày, tư duy phản biện trong công việc, kỹ năng tin học và ngoại ngữ, xây dựng văn bản... Với mục tiêu hướng tới đào tạo toàn diện để sinh viên nhanh chóng thích nghi và gia nhập thị trường lao động, hoặc tự tạo việc làm cho bản thân và cho xã hội ngay sau khi ra trường (khởi nghiệp), chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước chuyên ngành Quản lý công tại Học viện Chính sách và Phát triển dự kiến sẽ giải quyết các hạn chế trong cách thức triển khai đào tạo theo hướng bổ sung kiến thức thực tiễn và tăng cường rèn luyện các kỹ năng thực hành.

- Thứ tư, Tăng cường cơ hội trải nghiệm thực tiễn và thực hành cho sinh viên qua học tập các môn hướng dẫn kỹ năng làm việc (Điều hành và Quản lý tổ chức công; kinh tế công cộng; phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô...) đồng thời liên kết với các cơ quan quản lý Nhà nước; doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong triển khai chuyên đề thực tế cũng như ở các môn học. Học viện đã, đang và sẽ thường xuyên tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tiễn và thực hành cho sinh viên (thực tế hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước; các tổ chức đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp; tham quan tìm hiểu các vùng, địa phương để hiểu hơn về chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội...); tham dự các cuộc thi về Chính sách công, quản lý công; kinh tế, khởi nghiệp... nhằm thúc đẩy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên trong quá trình tiếp thu kiến thức. Học viện cũng liên kết chặt chẽ với các cơ quan thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Sở ngành liên quan ở các tỉnh và một số doanh nghiệp để có thông tin, dữ liệu, tài liệu phục vụ cho hoạt động thực hành nghiên cứu và thực hành các kỹ năng nghiệp vụ của sinh viên. Tăng cường tiếp xúc với các cơ quan quản lý Nhà nước; các chuyên gia, doanh nghiệp: Trong một số môn học về kiến thức chuyên ngành sẽ có các buổi trao đổi với chuyên gia, cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm tại các cơ quan quản lý như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tại Viện Quản lý kinh tế Trung ương, Cục quản lý đấu thầu, Cục Phát triển doanh nghiệp, Cục Đầu tư nước ngoài...); Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)... Việc tiếp xúc, trao đổi với các chuyên gia, cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý Nhà nước; Quản lý kinh tế; xây dựng, tư vấn chính sách phát triển kinh tế xã hội sẽ giúp sinh viên có nhiều kiến thức thực tiễn và kỹ năng làm việc sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, sinh viên cũng có các chương trình tham gia thăm quan, bắt buộc thực hiện chuyên đề kiến tập tại các cơ quan Quản lý Nhà nước các cấp; doanh nghiệp hoặc các cơ sở nghiên cứu để tiếp cận thực hành tốt hơn đối với các kiến thức và kỹ năng mà họ được học trong Học viện. Rèn luyện năng lực tư duy logic, khả năng diễn thuyết, lập luận và trình bày văn bản thông qua các bài tiểu luận, chuyên

đề kiến tập, môn học Phương pháp nghiên cứu khoa học và làm khóa luận. Hiện nay, nhiều trường đào tạo về Quản lý công giảng dạy chưa sâu về môn Phương pháp nghiên cứu khoa học vì thế kỹ năng nghiên cứu của sinh viên còn nhiều hạn chế cả về tư duy lẫn cách diễn đạt. Việc Học viện xác định học môn Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết Khóa luận tốt nghiệp (là yêu cầu bắt buộc đối với 100% sinh viên) góp phần củng cố tư duy khoa học, kỹ năng nghiên cứu (phương pháp làm việc nhóm, viết báo cáo, trình bày kết quả...) cho người học. Bên cạnh 02 môn học này, việc thường xuyên tổ chức các buổi sinh viên thuyết trình ở hầu hết các môn học cũng góp phần rèn luyện kỹ năng trình bày vấn đề và năng lực tư duy logic, ứng phó tình huống của người học. [H1.03.03.05].

Kết quả khảo sát về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng cũng được phản hồi từ các bên liên quan. Năm 2018 theo khảo sát của nhà tuyển dụng cho rằng CTĐT đạt CĐR chiếm 92,94%, năm 2021 đạt 93,29% [H1.03.03.06].

2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần của ngành QLNN đều được sắp xếp logic và cập nhật CTĐT của các trường đại học nổi tiếng trong nước và một số trường đại học ở nước ngoài.

3. Điểm tồn tại

CTĐT của ngành QLNN chưa thể hiện rõ tính tích hợp giữa nghiên cứu và ứng dụng.

4. Kế hoạch hành động

- Phát huy điểm mạnh:

Khoa tiếp tục cập nhật CTĐT của các trường nổi tiếng trong và ngoài nước, sau đó Hội đồng khoa học của khoa sẽ rà soát và sắp xếp các học phần sao cho logic và thích ứng với thị trường lao động.

- Khắc phục tồn tại :

Năm học 2023-2024, Khoa chủ trì, phối hợp với Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV, các Phòng/Trung tâm liên quan, các chuyên gia, nhà tuyển dụng để nâng cao tính tích hợp giữa nghiên cứu lý luận và ứng dụng thực tế trong các môn học chuyên ngành của Khoa như: tổ chức các buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên đề đối với các môn chuyên ngành...

5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.3: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

a. Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành QLNN có một số điểm mạnh: (1) Công tác thiết kế CTDH ngành QLNN hợp lý, CTDH được gắn kết chặt chẽ với CĐR; phối hợp trách nhiệm tham gia của doanh nghiệp, các đơn vị ngoài Học viện trong vận hành CTDH được thuận lợi và đạt CĐR một cách hiệu quả; (2) Tất cả học phần trong CTĐT thuộc ngành QLNN đều có đóng góp cụ thể vào CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ là khá rõ ràng, giúp dễ dàng thực hiện CTDH nói chung và chương trình cử nhân ngành QLNN nói riêng; (3) Tất cả các học phần của ngành QLNN đều được sắp xếp logic và cập nhật CTĐT của các trường đại học nổi tiếng trong nước và một số trường đại học ở nước ngoài

b. Điểm tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:

Tuy nhiên, trong việc thực hiện yêu cầu của Tiêu chuẩn 3 còn có một số mặt cần phải hoàn thiện: (1) Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. Tuy nhiên các chuẩn đầu ra chưa thực sự thể hiện các thang đo Bloom 6 bậc; (2) Đóng góp của một số học phần ở khối kiến thức Giáo dục đại cương chưa rõ ràng vào CĐR của chương trình; (3) CTĐT của ngành QLNN chưa thể hiện rõ tính tích hợp giữa nghiên cứu và ứng dụng.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

c. Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 3:

Tất cả các tiêu chí (3/3) trong Tiêu chuẩn 3 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 03 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Học viện đã ban hành Triết lý giáo dục và phổ biến tới người dạy, người học và công bố trên website của Học viện. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của ngành Quản lý nhà nước thực hiện lấy người học làm trung tâm, sử dụng các phương pháp dạy và học đa dạng nhằm phát huy năng lực chuyên môn, tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của người học. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Triết lý giáo dục của Học viện đã được tuyên bố chính thức tại Quyết định số 974/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2018 về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”, đó là “Chất lượng, Phát triển bền vững và Hội nhập quốc tế”. Cuối năm 2022, trong Quyết định số 1822/QĐ-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định triết lý giáo dục của Học viện là “Giáo dục toàn diện – Đổi mới sáng tạo – Phụng sự xã hội” [H1.04.01.01].

Triết lý giáo dục này đã được tất cả cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện hiểu rõ và thực hiện. Hàng năm, Học viện đều tổ chức khảo sát ý kiến sinh viên và giảng viên về tinh thần, thái độ và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên để từ đó nâng cao chất lượng phục vụ của khối phòng ban, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện [H1.04.01.02]. Các cán bộ, nhân viên khối phòng ban tích cực tham gia các khóa đào tạo, tham dự các hội thảo, hội nghị nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn [H1.04.01.02]. Đối với giảng viên, việc hiểu rõ và thực hiện triết lý giáo dục được thể hiện thông qua quá trình xây dựng CTĐT, thiết kế nội dung các môn học, quá trình tự rèn luyện của giảng viên. CTĐT được xây dựng trên cơ sở có sự tham khảo, đối chiếu, so sánh với CTĐT của một số trường đại học trong nước và quốc tế hướng tới sự hội nhập về mặt kiến thức được tiến hành rà soát và cập nhật định kỳ 2 năm và năm 2018, 2021 đã ban hành CDR đối với từng CTĐT [H1.04.01.04]; [H1.04.01.06]; [H1.04.01.05]. Trong đề cương chi tiết các học phần đều có nội dung hướng dẫn tự học nhằm rèn luyện tinh thần học tập suốt đời cho người học [H1.04.01.07]. Giảng viên Học viện có ý thức nâng cao trình độ chuyên môn thông qua việc học tập nâng cao trình độ, tham dự các khóa đào tạo ngắn hạn, buổi hội thảo, tọa đàm, tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện [H1.04.01.08], [H1.04.01.14], [H1.04.01.03]; [H1.04.01.11]. Đối với người học, việc thực hiện Triết lý giáo dục “Phát triển bền vững” còn được thể hiện thông qua việc Học viện khuyến khích và tạo điều kiện để sinh viên tham gia các cuộc thi dành cho sinh viên trong và ngoài Học viện về nghiên cứu khoa học, tiếng Anh, kỹ năng mềm, toán... [H1.04.01.10], [H1.04.01.12]. Song song với đánh giá kết quả học tập, Học viện đã ban hành quy chế về chấm điểm rèn luyện đối với sinh viên trong từng học kỳ để góp phần khuyến khích sinh viên

tham gia tích cực vào các hoạt động chung của Khoa, Học viện và xã hội [H1.04.01.13]; [H1.04.01.14]; [H1.04.01.09]. Các câu lạc bộ sinh viên của Học viện hiện đã được thành lập, là nơi để sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm và củng cố kiến thức xã hội hướng tới phát triển toàn diện, bền vững, tăng tính hội nhập của sinh viên như Câu lạc bộ Sách và hành động, Câu lạc bộ Startup & Marketing, Câu lạc bộ tiếng Anh, CLB Võ cổ truyền Vịnh Xuân Quyền, Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học... [H1.04.01.14]. Học viện thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên và sinh viên tham dự các buổi hội thảo, tọa đàm có sự tham gia của các chuyên gia quốc tế để tăng cường tính hội nhập [H1.04.01.14].

Ngoài ra Triết lý giáo dục của Học viện được thực hiện thông qua việc ban hành Nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Chính sách và Phát triển [H1.04.01.17].

Triết lý giáo dục của Học viện được phổ biến thông qua website để cán bộ, giảng viên, sinh viên cũng như các nhà tuyển dụng có thể tiếp cận [H1.04.01.15]. Triết lý giáo dục được phổ biến tại các cuộc họp đối thoại với sinh viên sơ kết học kỳ và tổng kết năm học cấp khoa [H1.04.01.16]. Theo kết quả khảo sát sinh viên đang học tập tại Học viện giai đoạn 2016-2021 đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và chất lượng đào tạo của chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển, tỷ lệ người học của ngành Quản lý nhà nước trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc “Triết lý giáo dục của Học viện được phổ biến rõ ràng” ở mức cao [H1.04.01.02].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của Học viện được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, giảng viên và người học để hiểu và thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Việc tuyên truyền phổ biến Triết lý giáo dục đến các doanh nghiệp, cơ quan đã (hoặc có triển vọng) tuyển dụng cựu sinh viên của Khoa chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm 2023-2024, Khoa phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông, phòng Công tác chính trị sinh viên, Đoàn thanh niên tiếp tục phổ biến rộng rãi hơn nữa Triết lý giáo dục tới giảng viên, người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận qua các buổi tọa đàm, hội thảo khoa học, website, facebook, fanpage...

- **Khắc phục tồn tại:** Năm 2023-2024, Khoa phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến Triết lý giáo dục tới các đơn vị tuyển dụng thông qua các kênh truyền thông như fanpage, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh...

5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.1: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần của ngành Quản lý nhà nước có phương pháp giảng dạy hướng tới đáp ứng CĐR [H1.04.02.01]. Có 45 học phần giảng dạy được sử dụng phương pháp dạy là phương pháp thuyết giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình; 38 học phần giảng dạy đưa các tình huống thực tế vào trong quá trình giảng dạy để người học cập nhật thông tin, trao đổi và thảo luận các vấn đề thực tế; 32 học phần yêu cầu người học thực hiện bài tập lớn, thực hành trên máy... hướng tới đạt được CĐR của từng học phần trong chương trình. Có 03 học phần yêu cầu bắt buộc sử dụng máy tính và các phần mềm hỗ trợ trong quá trình học là Tin học đại cương, Kinh tế lượng và Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô. Các học phần này giúp cho sinh viên có kỹ năng tin học cũng như nắm vững ứng dụng các công cụ toán, thống kê và kinh tế học, giải quyết các vấn đề về kinh tế, quản lý kinh tế, quản lý công... Trong các năm học 2017-2018, 2018 – 2019, 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021 - 2022 một số học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành sử dụng phương pháp mô phỏng đóng vai, làm bài tập nhóm và thuyết trình, thảo luận sâu như: Quản lý công, Chính sách xã hội, Phân tích chính sách, Marketing dịch vụ công, Quản lý nhà nước về kinh tế... [H1.04.02.01]. Việc áp dụng từng phương pháp giảng dạy cụ thể đối với từng môn học này giúp cho sinh viên hiểu được quy trình chính sách và tác động của chính sách, biết vận dụng các kiến thức về quản lý công trong lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đề xuất các hàm ý chính sách cho các chương trình, dự án phát triển và chính sách của một tổ chức... Trong giai đoạn 2016 – 2022, Khoa cùng các đơn vị trong Học viện đã tổ chức tọa đàm “Trao đổi kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập”, tổ chức các buổi họp Khoa nhằm xem xét rút kinh nghiệm, cung cấp cho giảng viên phương pháp giảng dạy đa dạng và hiệu quả hơn [H1.04.02.03].

Phương pháp giảng dạy mỗi học phần được thể hiện trong đề cương học phần, được ghi rõ và công bố ở dạng bản cứng được lưu ở thư viện để sinh viên tham khảo và bản mềm qua đường tại địa chỉ www.decuongmonhoc.apd.edu.vn

được công bố trên website của Học viện; công bố cho sinh viên trong mỗi đầu kỳ của các học phần [H1.04.02.04], [H1.04.02.02].

Nhiệm vụ hướng dẫn học tập/nghiên cứu, hướng dẫn phương pháp học tập được ban hành trong Quy định về công tác Cố vấn học tập năm [H1.04.02.05] và sổ tay cố vấn học tập [H1.04.02.05]. Phương pháp học tập hiệu quả để đạt được CDR được trao đổi với người học qua buổi tọa đàm cấp Khoa và cấp Học viện, trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm, trong tổng kết học kỳ ở cấp Khoa và cấp Học viện [H1.04.02.07] để từ đó điều chỉnh phù hợp với thực tiễn nhu cầu của người học cũng như và phù hợp khi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành QLNN thay đổi. Các phương pháp học tập từng học phần được hướng dẫn người học ngay trong những tuần đầu triển khai học phần và ghi cụ thể ở đề cương học phần của CTĐT [H1.04.02.03]. Đối với hoạt động học tập, việc đào tạo theo học chế tín chỉ tăng cường hoạt động tự học, thúc đẩy người học chủ động hơn. Học viện đã thiết lập trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ www.decuongmonhoc.apd.edu.vn và www.tinchi.apd.edu.vn để người học dễ dàng theo dõi nắm bắt những thông tin học tập từ phía Học viện và Khoa, đồng thời tập huấn cho sinh viên về hướng dẫn sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo - Module đăng ký học để sinh viên được chủ động trong kế hoạch học tập [H1.04.02.03], [H1.04.02.02], [H1.04.02.08]. Sinh viên được hướng dẫn tham gia vào các hoạt động thực tế tại cơ quan, doanh nghiệp từ mức độ tổng quan đến chi tiết nghiệp vụ chuyên môn qua các học phần Chuyên đề thực tế và Thực tập tốt nghiệp [H1.04.02.09].

Đa số sinh viên và giảng viên hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT. Theo kết quả khảo sát sinh viên đang học tập tại Học viện giai đoạn 2016-2022, tỷ lệ người học của ngành Quản lý nhà nước trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc các học phần được giảng dạy “sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp” ở mức cao khi thực hiện khảo sát năm 2018 và 2021 [H1.04.02.10]. Các cuộc họp chuyên môn của Khoa ghi nhận các giảng viên hài lòng về các phương pháp giảng dạy được áp dụng [H1.04.02.03], [H1.04.02.06].

2. Điểm mạnh

Phương pháp dạy và học phù hợp, đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CDR, đáp ứng được xu thế phát triển trong nước và quốc tế. Kết quả khảo sát cho thấy đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp dạy và học còn chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng do hạ tầng kỹ thuật chưa tương thích.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023-2024, Phòng QLĐT chủ trì, phối hợp cùng các Khoa, Bộ môn triển khai tiếp tục cập nhật, đa dạng hóa phương pháp dạy và học bằng việc tổ chức tập huấn phương pháp giảng dạy mới đối với các học phần đại cương, học phần cơ sở ngành.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2023-2024, Phòng QLĐT, Trung tâm hỗ trợ đào tạo chủ trì phối hợp cùng Khoa tiến hành nghiên cứu cách thức tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác dạy và học thông qua việc thiết kế các mô hình, phần mềm để sinh viên thực hành trong các học phần chuyên ngành.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.2: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương chi tiết của tất cả các học phần giảng dạy của CTĐT ngành Quản lý nhà nước năm 2018, 2021 mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy như thuyết trình, thảo luận, đi thực tế, làm việc nhóm, thực hiện mô phỏng... nhằm thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin... [H1.04.03.03]; [H1.04.03.01]. Ví dụ, đối với CĐR (1) có 8 môn học hỗ trợ rèn luyện kỹ năng này; đối với CĐR (2) có 24 môn học hỗ trợ rèn luyện kỹ năng này; đối với CĐR (3) có 8 môn học hỗ trợ rèn luyện kỹ năng này;

Tất cả đề cương các học phần giảng dạy của CTĐT ngành Quản lý nhà nước có phần hướng dẫn tự học, trong đó yêu cầu sinh viên tự nghiên cứu nội dung học tập các chương mục cụ thể của học phần, chỉ rõ nội dung, tài liệu tự học tập giúp sinh viên tự nghiên cứu học tập suốt đời, tuy nhiên chưa có cơ chế giám sát chặt chẽ việc thực hiện hoạt động này của sinh viên, chủ yếu dựa vào tính tự giác. Hơn thế, trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, Phương pháp nghiên cứu khoa học được xây dựng là môn bắt buộc theo đó người học sẽ được cung cấp các kiến thức về lý thuyết lẫn thực hành nhằm tăng cường khả năng nghiên cứu của sinh viên [H1.04.03.01]. Bên cạnh đó, hàng năm Học viện tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cấp Học viện để nuôi dưỡng đam mê nghiên cứu của sinh viên. Ngoài ra, Khoa và Học viện còn hỗ trợ về mặt chuyên môn lẫn tài chính đối với các sinh viên tham gia.

Việc rèn luyện các kỹ năng và khả năng học tập suốt đời trong quá trình học tập tại Học viện giúp sinh viên ngành Quản lý nhà nước được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về năng lực chuyên môn cũng như các kỹ năng trong công việc. Kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng giai đoạn 2016-2022 cho thấy: phần lớn nhà tuyển dụng đánh giá cử nhân ngành Quản lý nhà nước của Học viện sau khi được tuyển dụng vào đơn vị đáp ứng được công việc, có thể sử dụng được ngay; một số cử nhân cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công việc nhưng cần được đào tạo thêm năm 2018 và 2021 [H1.04.03.03]; [H1.04.03.02]. Các kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về phát triển CTĐT, khảo sát sinh viên và cựu sinh viên giai đoạn 2016 - 2022 cũng cho thấy tiêu chí “Giảng viên sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời” được đánh giá cao [H1.04.03.03].

2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành Quản lý nhà nước đều thúc đẩy rèn luyện kỹ năng hướng dẫn tự học cho sinh viên, giúp nâng cao khả năng nghiên cứu và rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phương thức cụ thể để giám sát việc tự học, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo trong đề cương một số học phần của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023-2024, Khoa chủ trì phối hợp với Phòng QLĐT chỉ đạo các Bộ môn tiếp tục bổ sung tài liệu tham khảo trong nội dung hướng dẫn tự học.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2023-2024, Khoa chủ trì phối hợp với Phòng QLĐT chỉ đạo các Bộ môn xây dựng cơ chế giám sát tự học đối với tất cả các học phần của CTĐT.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.3: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

a. Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT có một số điểm mạnh: (1) Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, giảng viên và người học để hiểu và thực hiện; (2) Phương pháp dạy và học phù hợp đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CDR và đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học; (3) Tất cả các học phần đều có hướng dẫn tự

học cho sinh viên, giúp nâng cao khả năng nghiên cứu và rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

b. Tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:

Tuy nhiên, trong việc thực hiện yêu cầu của tiêu chuẩn 4 còn có một số mặt cần phải hoàn thiện: (1) Việc tuyên truyền phổ biến Triết lý giáo dục đến các doanh nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả; (2) Công nghệ áp dụng cho phương pháp dạy và học còn hạn chế; (3) Chưa chỉ rõ cách thức giám sát quá trình tự học, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo trong đề cương một số học phần của CTĐT.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

c. Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:

Tất cả các tiêu chí (3/3) trong Tiêu chuẩn 4 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 03 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/3.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Học viện và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học của ngành QLNN được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CĐR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như của ngành.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá KQHT của người học. Các quy định về đánh giá KQHT đối với người học ngành QLNN được quy định rõ ràng tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.01] [H1.05.01.28], Quy định tại mô tả CTĐT ngành QLNN [H1.05.01.04], [H1.05.01.05] [H1.05.01.29], đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT [H1.05.01.06], Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần [H1.05.01.13].

Đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp của sinh viên ngành QLNN được quy định cụ thể tại Phần 5 của Bản mô tả chương trình đào tạo ngành QLNN [H1.05.01.04], [H1.05.01.29], trong đó quy định rõ về cách thức đánh giá kết quả học tập và phương pháp đánh giá học phần của CTĐT. Theo đó, quy trình đánh giá kết quả người học tại Khoa hướng tới đánh giá mức độ đạt được các CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học.

Quy trình đánh giá KQHT của người học trong quá trình đào tạo: Từ CDR của CTĐT và của từng học phần, các bộ môn trong khoa đề xuất phương pháp đánh giá môn học đó. Trong đề cương chi tiết các học phần đều nêu rõ mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học đối với học phần đó [H1.05.01.06], [H1.05.01.07]. Những mục tiêu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Năm 2021, Học viện đã ban hành Quyết định số 691/QĐ-HVCSPT, ngày 13/8/2021 quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Nội dung về kiểm tra, thi học phần và đánh giá KQHT được quy định rõ trong Chương III của Quy định này, theo đó kết quả của mỗi học phần đều được đánh giá theo ba loại đầu điểm: điểm đánh giá, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ. Vào đầu năm học, Phòng QLĐT ban hành Kế hoạch học tập của năm học quy định cụ thể thời gian học tập và thi học kỳ. Cụ thể, sinh viên sẽ học các học phần trong 9 tuần và chia làm 2 giai đoạn cho mỗi kỳ học. Thêm vào đó, trước khi kết thúc 9 tuần học tập, Trung tâm KT&ĐBCL sẽ ban hành lịch thi cụ thể các học phần bao gồm ngày, giờ thi, phòng thi, thời gian thi vào cuối mỗi học kỳ, trước khi môn thi đầu tiên diễn ra từ 2-3 tuần. Tuy nhiên, trong và sau đại dịch Covid-19, Học viện cũng đã chủ động có những thay đổi nhằm thích ứng với tình hình mới. Hình thức học tập được tổ chức linh hoạt trực tiếp/trực tuyến và thi trực tuyến nhằm đảm bảo việc học tập của học viên không bị gián đoạn và giúp sinh viên năm cuối tốt nghiệp đúng thời hạn [H1.05.01.02], [H1.05.01.08], [H1.05.01.09]. Hơn nữa, hình thức thi học phần phải được thể hiện trong đề cương học phần được Giám đốc phê duyệt trước khi tổ chức giảng dạy và được thông báo cho sinh viên ngay khi học phần bắt đầu. Điểm thi cuối kỳ được thực hiện theo hình thức trực tuyến, trong trường hợp sinh viên không thể đến Học viện tại thời điểm diễn ra kỳ học, kiểm tra, đánh giá vì lý do bất khả kháng, đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, khách quan, trung thực, tính bảo mật, độ an toàn và tính hiệu quả [H1.05.01.03].

Ngay sau khi nhập học, sinh viên được kiểm tra xếp loại trình độ ngoại ngữ với bài thi quốc tế TOEIC do IIG - đơn vị độc quyền duy nhất tại Việt Nam được

chỉ định do Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ-ETS nhằm phân loại, tổ chức đào tạo phù hợp với trình độ của người học và đáp ứng theo các CDR [H1.05.01.11]

Đối với đánh giá quá trình/đánh giá học phần được thực hiện theo quy định tại Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy. Theo quy định điểm đánh giá nhằm đánh giá ý thức, thái độ và tính chuyên cần của sinh viên (liên quan đến chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của sinh viên). Điểm kiểm tra giữa kỳ có thể thực hiện dưới các hình thức như kiểm tra trên lớp, làm bài tập nhóm, hoặc thuyết trình nhằm đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu về kiến thức và kỹ năng mà học phần hướng tới. Trong thời gian 15 tuần giảng dạy, giảng viên căn cứ vào thái độ, tinh thần học tập của sinh viên và kết quả kiểm tra giữa kỳ để đánh giá sinh viên ở hai đầu điểm là điểm đánh giá (20%) và điểm giữa kỳ (20%). Điểm thi cuối kỳ (60%) sẽ được thực hiện dưới hình thức thi tập trung theo thời gian quy định sau khi kết thúc 15 tuần học. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên sẽ tham dự kỳ thi hết học phần được tổ chức thi tập trung theo Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần [H1.05.01.10].

Đối với việc xây dựng và áp dụng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi, các yêu cầu đối với khóa luận tốt nghiệp của ngành QLNN được dựa trên cơ sở đề cương môn học của Ngành và chương trình đào tạo của ngành QLNN. Trong đó, thông thường lý thuyết chiếm 60% đến 70%, còn lại là thực hành. Các đề thi sẽ được thiết kế dựa vào quy định ra đề thi của Học viện (Quyết định số 143 và số 632/2017) theo 3 cấp độ đánh giá người học như sau: Cấp độ 1 là kiểm tra mức độ biết-nhớ và hiểu những kiến thức đã được học trong chương trình học phần; Cấp độ 2: Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để phân tích tổng hợp, đánh giá vấn đề hoặc tình huống thuộc nội dung chương trình học phần; Cấp độ 3: Đánh giá khả năng vận dụng và sáng tạo các kiến thức, kỹ năng đã học để phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề hoặc tình huống liên quan đến nội dung chương trình học phần. Đối với câu hỏi trắc nghiệm thì cần đảm bảo 60% câu hỏi ở cấp độ 1 (dễ và trung bình); 30% câu hỏi ở cấp độ 2 (Khó), 10% câu hỏi ở cấp độ 3 (rất khó). Việc thiết kế đề thi, ngân hàng câu hỏi thi giúp phân loại và đánh giá được sinh viên trong từng học phần.

Để đảm bảo việc đánh giá CDR về mặt kiến thức thì công tác ra đề thi tại Học viện được chú trọng và thực hiện theo quy trình chặt chẽ theo Quy định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.12], [H1.05.01.13]. Theo đó, Trưởng khoa/Bộ môn sẽ giao nhiệm vụ ra đề thi/ xây dựng ngân hàng, câu hỏi theo các nhóm giảng viên. Sau đó, các nhóm sẽ tổ chức xây dựng đề thi,

ra đáp án và tổ chức thảo luận toàn khoa, bộ môn. Đề thi/ngân hàng câu hỏi sau khi được phê duyệt của Trường khoa/bộ môn sẽ được gửi lên Trung tâm KT&ĐBCL để thực hiện bốc đề, in sao và tổ chức thi hết học phần. Các đề thi/ngân hàng câu hỏi cũng thường xuyên được rà soát và điều chỉnh theo quy định [H1.05.01.12], [H1.05.01.13],[H1.05.01.14]. Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 tiêu chí đánh giá về mức độ tham gia thực tế tại cơ sở, khả năng viết và trình bày báo cáo...cũng được tuân theo quy định về tổ chức triển khai học phần Chuyên đề thực tế đối với sinh viên Học viện [H1.05.01.15].

Ngoài việc đánh giá KQHT theo các học phần thì cuối mỗi học kỳ, sinh viên sẽ được đánh giá điểm rèn luyện về ý thức học tập; ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Học viện; ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, nghệ thuật, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng; ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Học viện [H1.05.01.16].

Quy trình đánh giá đầu ra tốt nghiệp: sinh viên sau khi hoàn thành tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết thì sẽ đăng ký thực tập và viết khoá luận tốt nghiệp. Đầu học kỳ cuối khóa, sinh viên cuối khóa được đăng ký đi thực tập viết Báo cáo thực tập tốt nghiệp và làm Khóa luận tốt nghiệp để hoàn thành chương trình đào tạo. Quy trình và Kế hoạch thực tập và viết Báo cáo thực tập, Khóa luận tốt nghiệp được quy định cụ thể trong Kế hoạch học tập của năm học [H1.05.01.08] và trong kế hoạch thực tập cuối khoá, xét và công nhận tốt nghiệp thuộc Quy chế đào tạo của Học viện và Kế hoạch thực tập, [H1.05.01.28], [H1.05.01.17]. Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp là cơ sở để đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp cho mỗi sinh viên. Ngoài ra, sinh viên phải bảo vệ kết quả tốt nghiệp trước Hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp, được thực hiện theo Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp của Học viện được thể hiện trong các Quyết định được Học viện ban hành trong danh mục minh chứng, [H1.05.01.28], [H1.05.01.18], [H1.05.01.19].

Như vậy, kết quả học tập của sinh viên ngành QLNN được thực hiện một cách chặt chẽ và toàn diện với sự tham gia của lãnh đạo Khoa/Bộ môn, giảng viên các Bộ môn và các bên liên quan như Phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, Phòng CT&CTSV....

Căn cứ vào quy trình đánh giá trên, có thể thấy hoạt động đánh giá kết quả người học được thiết kế để đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành QLNN . Đối với CDR về kiến thức thì sinh viên được thực hiện đánh giá thông qua các bài kiểm tra/thi thiết kế riêng cho phù hợp với từng học phần

[H1.05.01.06], [H1.05.01.07]. Để đánh giá đạt được mức độ đạt CDR cho từng học phần khác nhau như khối kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành, học phần lý thuyết, thực hành hay khóa luận tốt nghiệp thì được thiết kế các phương pháp đánh giá tương ứng. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương và kiến thức Cơ sở ngành, sinh viên chủ yếu được đánh giá theo hình thức câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận, nhằm mục đích đánh giá kiến thức chung ở mức độ biết, hiểu và vận dụng [H1.05.01.07]. Đối với khối kiến thức Ngành và kiến thức chuyên sâu, các câu hỏi kiểm tra/chủ đề thảo luận nhóm/ngân hàng câu hỏi thi hết học phần đều được các giảng viên xây dựng với nội dung nhằm đánh giá kiến thức của sinh viên ở các mức độ biết, hiểu (thông qua câu hỏi trắc nghiệm) và phân tích, tổng hợp, đánh giá (thông qua bài tập tình huống, bài tập nhóm, câu hỏi tự luận) [H1.05.01.06]. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức Chuyên ngành, vì các học phần này có đặc thù là hướng tới đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu, tư vấn, làm việc với các tình huống sẽ gặp trong thực tế sau này, nên sinh viên sẽ được đánh giá thông qua quá trình làm việc nhóm, viết báo cáo, thuyết trình nhằm đánh giá kỹ năng thực hiện nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề, khả năng làm việc độc lập [H1.05.01.06]. Bên cạnh đó, quy trình đánh giá còn hướng tới đánh giá CDR về kỹ năng của người học thông qua các hình thức thuyết trình, làm bài tập nhóm, bảo vệ chuyên đề tốt nghiệp trước Hội đồng, kỹ năng ngoại ngữ, tin học... Sinh viên cũng được đánh giá mức độ đạt được CDR về thái độ và năng lực tự chủ thông qua đánh giá kết quả rèn luyện hàng năm. Kết quả rèn luyện của sinh viên là cơ sở để xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội và là căn cứ để xếp loại kết quả rèn luyện của sinh viên toàn khóa [H1.05.01.16].

Trong quá trình triển khai góp ý dự thảo cũng như thực hiện các quy định đã ban hành của Học viện về quy chế đào tạo, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xây dựng ngân hàng đề thi, hướng dẫn đánh giá Chuyên đề thực tế, Báo cáo thực tập và Khóa luận tốt nghiệp đều được thảo luận trong các buổi họp chuyên môn của Khoa CSC với sự tham gia của các giảng viên trong Khoa cùng các chuyên gia trong và ngoài Học viện nhằm tiếp nhận các ý kiến đề xuất chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với mục đích, mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR nêu trong CTĐT [H1.05.01.04], [H1.05.01.20], [H1.05.01.21] phương pháp dạy-học, [H1.05.01.22] góp ý kiến về chương trình đào tạo, [H1.05.01.23], H1.05.01.24.

Ngoài ra, mỗi học phần đều đưa ra CDR, phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận và nội dung thi bài thi kết thúc học phần...) phù hợp với từng môn học và phù hợp với CDR thể hiện thông qua đề cương chi tiết học phần và ma trận tích

hợp các phương pháp đánh giá đáp ứng CĐR [H1.05.01.06], [H1.05.01.04]. Tổ chức thi kết thúc học phần cũng được quy định bằng văn bản trong Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần nhằm thích ứng với đại dịch Covid-19 để sinh viên đảm bảo tiến độ học tập, ra trường đúng thời gian mong đợi [H1.05.01.31].

Trong kết quả khảo sát ý kiến người học mà Khoa CSC thực hiện cũng như Học viện thực hiện thì đều cho thấy đánh giá từ phía người học đối với quy trình đánh giá kết quả học tập là phù hợp với CĐR [H1.05.01.25], [H1.05.01.26], [H1.05.01.27].

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của ngành QLNN tại Khoa được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR thông qua đánh giá quá trình, thi kết thúc học phần, chuyên đề thực tế, thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CĐR còn dựa nhiều vào việc kiểm tra khả năng tái hiện, tái tạo kiến thức mà chưa tập trung nhiều vào đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa tiếp tục thực hiện nghiêm túc và tìm cách đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng đáp ứng tốt hơn CĐR của CTĐT.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2023 – 2024, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổ chức tọa đàm về các giải pháp đánh giá mức độ đạt CĐR về kỹ năng đối với CTĐT hiện hành.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.1: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Tài liệu hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học được quy định rõ ràng tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.02.01] và Quy định kiểm tra - đánh giá KQHT và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học

chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.02.16] H1.05.02.02, H1.05.02.17.

Trong chương III của Quy chế đào tạo với nội dung về kiểm tra, thi học phần và đánh giá kết quả học tập đều được quy định cụ thể tại Điều 8 - Kiểm tra học phần; Điều 9 - Thi học phần; Điều 10 - Tính điểm học phần và Điều 11 - Tính điểm trung bình chung học tập. Tại Điều 8 và Điều 9 có quy định về thời gian làm bài kiểm tra học phần, hình thức kiểm tra học phần bao gồm kiểm tra viết (tự luận, kết hợp tự luận với trắc nghiệm trên giấy, làm bài tập...), vấn đáp, trắc nghiệm trên máy tính, thực hành, làm bài tập theo nhóm và các hình thức khác, tuy nhiên, các quy định về đổi mới hình thức đánh giá kết quả học tập của người học chưa được rõ ràng dẫn đến gây khó khăn cho việc thực hiện, đặc biệt là với những môn có tính thực hành và tính cập nhật cao. Các quy trình tổ chức thi và chấm thi đều được quy định ở Điều 9. Cách tính điểm học phần thể hiện rõ ở Điều 10 và Điều 11, theo đó trọng số của điểm kiểm tra học phần chiếm 20%, điểm đánh giá của giảng viên chiếm 20%, điểm thi học phần chiếm 60% cũng như công thức tính điểm trung bình chung học tập. Tiêu chí đánh giá người học được xếp loại đạt và không đạt, trong đó xếp loại đạt là từ điểm trung bình 4,0 điểm đến 10,0 điểm (từ điểm D trở lên theo thang điểm chữ) và không đạt có điểm số dưới 4,0 (điểm F). điểm học phần lấy lẻ đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4.

Căn cứ vào quy định trong Quy định đào tạo, giảng viên xây dựng đề cương chi tiết học phần trong đó quy định rõ về tiêu chí, phương pháp, trọng số đánh giá kết quả học tập của người học cho từng học phần được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần của chương trình [H1.05.02.03]. Thời gian kiểm tra giữa kì cụ thể sẽ được giảng viên thông báo cho sinh viên trong quá trình giảng dạy.

Riêng đối với các học phần Ngoại ngữ, điểm học phần là điểm đánh giá theo quá trình học tập học phần đó, là số trung bình chung của 04 điểm thành phần với trọng số của từng thành phần như sau: (i) Điểm kiểm tra học phần: 20% ; (ii) Điểm đánh giá của giảng viên (bao gồm: thời gian lên lớp, phát biểu xây dựng bài, đóng góp ý kiến... của sinh viên): 20%; (iii) Điểm thi học phần: 60% gồm Nói 15% và Viết 45% [H1.05.02.03].

Cơ chế phản hồi được quy định cụ thể trong Quyết định về việc phân công nhiệm vụ cố vấn học tập, Quy chế cố vấn học tập, Quy chế giảng viên H1.05.02.04, H1.05.02.05, [H1.05.02.06], Quy chế đào tạo của Học viện [H1.05.02.01], Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và

Phát triển H1.05.02.02, H1.05.02.17, [H1.05.02.16] và Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.02.18].

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được công bố công khai tới người học thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau như: Website của Học viện [H1.05.02.19], trong tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị [H1.05.02.08] được phát cho mỗi sinh viên vào tuần học sinh hoạt chính trị đầu năm. Lịch thi cuối kỳ được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy hàng năm [H1.05.02.02], [H1.05.02.17], [H1.05.02.09], [H1.05.02.16] và được công bố công khai trên website của Học viện vào cuối mỗi học kỳ, trước khi môn thi đầu tiên diễn ra từ 2-3 tuần [H1.05.02.19].

Ngoài ra, trước mỗi khoá học, Phòng QLĐT chịu trách nhiệm phổ biến các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá học, giữa khoá và cuối khoá, trong đó hoạt động đối thoại với sinh viên từ năm 2,3,4 cũng được diễn ra [H1.05.02.10]. Đối với sinh viên năm 2,3,4, Học viện có tổ chức tuần sinh hoạt chính trị giữa khoá để nhắc lại với sinh viên những quy định quan trọng về đào tạo, trong đó có quy định về đánh giá kết quả học tập [H1.05.02.10]. Việc tham gia tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá học và giữa khoá là yêu cầu bắt buộc đối với mọi sinh viên. Sau tuần học chính trị, sinh viên được yêu cầu viết bài thu hoạch và 100% sinh viên tham gia đều có bài thu hoạch đạt yêu cầu [H1.05.02.11], [H1.05.02.12]. Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 và thực tập tốt nghiệp năm cuối, trong tuần sinh hoạt chính trị giữa khoá, Học viện và Khoa đều tổ chức hướng dẫn và công khai các tiêu chí đánh giá dựa trên những yêu cầu đạt được CĐR để sinh viên nắm được [H1.05.02.10], [H1.05.02.13], [H1.05.02.14], [H1.05.02.15]. Đối với từng học phần, trong buổi học đầu tiên, giảng viên căn cứ vào đề cương chi tiết học phần phổ biến về kế hoạch giảng dạy và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập (tiêu chí, phương pháp, trọng số) và thời gian kiểm tra giữa kỳ cụ thể được các giảng viên thông báo công khai trên lớp trước thời gian diễn ra ít nhất 01 tuần [H1.05.02.20].

Hàng năm, Học viện triển khai khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về mức độ nắm rõ các quy định của Học viện về qui trình thi, kiểm tra, đánh giá nhằm có những kênh thông tin, truyền thông phù hợp đến sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% sinh viên xác nhận hiểu rõ quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT của người học [H1.05.02.21], [H1.05.02.22], [H1.05.02.23].

Bên cạnh đó việc tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan cũng được Học viện quan tâm và điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh thực tế của Học viện. Ví dụ trong quá trình thi trực tuyến, đôi khi có gặp sự cố về nộp bài online của sinh viên. Học viện đã điều chỉnh bằng cách cho học viên được nộp lại nếu có bằng chứng lỗi đường truyền. Bên cạnh đó, việc cải tiến, nâng cấp hệ thống kiểm tra, đánh giá cũng được xem xét và triển khai nhằm tạo công bằng trong thi cử đối với người học và hoàn thiện hơn hệ thống đánh giá online.

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập được công bố rõ ràng, công khai tới người học, và các bên liên quan nhằm đạt CĐR. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập thể hiện rõ qui định trong các đề cương chi tiết học phần. Công tác quản lý hoạt động đào tạo, kiểm tra, đánh giá của CTĐT đều tuân thủ các quy định một cách nghiêm túc.

3. Điểm tồn tại

Từ năm học 2023–2024, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT và Trung tâm KT&ĐBCL nghiên cứu đổi mới hình thức đánh giá kết quả học tập của người học nhằm tạo điều kiện cho giảng viên đưa ra các hình thức đánh giá phù hợp hơn nữa với việc đo lường mức độ đạt được CĐR của học phần và của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023-2024, Khoa và Trung tâm KT&ĐBCL tiếp tục cải tiến quy trình đánh giá kết quả theo hướng đa dạng và phù hợp với thông lệ quốc tế. Khoa phối hợp với các Phòng, Trung tâm liên quan có kế hoạch mở các lớp tập huấn cho giảng viên về đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập người học để đáp ứng với yêu cầu thực tế.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2022–2023, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT và Trung tâm KT&ĐBCL cập nhật và làm rõ các quy định về đổi mới hình thức đánh giá kết quả học tập của người học nhằm tạo điều kiện cho giảng viên đưa ra các hình thức đánh giá phù hợp hơn nữa với việc đo lường mức độ đạt được CĐR của học phần và của CTĐT.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.2: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá kết quả của từng học phần do Khoa/Bộ môn phụ trách và được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần [H1.05.03.01]. Tại Khoa Chính sách công, nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT được sử dụng như: kiểm tra viết tại lớp (tự luận hoặc trắc nghiệm), làm bài tập (cá nhân, nhóm), thuyết trình, viết tiểu luận, Báo cáo kiến tập, Báo cáo thực tập, viết khoá luận tốt nghiệp, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp được thể hiện trong phần 5 - Đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp của bản mô tả CTĐT ngành QLNN [H1.05.03.12], [H1.05.03.13].

Trước khi đưa môn học vào giảng dạy, Bộ môn, Hội đồng Khoa của các Khoa, Bộ môn thuộc Học viện đã tổ chức họp, xem xét và chấp nhận các phương pháp đánh giá KQHT bao gồm hình thức đánh giá, trọng số của các điểm thành phần, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do bộ môn phụ trách đề xuất. Căn cứ vào mục tiêu đào tạo và CDR của từng học phần mà các phương pháp đánh giá cụ thể sẽ được áp dụng. Các môn học thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương và kiến thức Cơ sở ngành, bài kiểm tra giữa kỳ/ bài thi hết học phần chủ yếu được đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm trên lớp. Trong khi đó, các môn học thuộc khối kiến thức Ngành và kiến thức chuyên ngành có đặc thù là hướng tới đào tạo bồi dưỡng kỹ năng thực hành, tư vấn, làm việc với các tình huống sẽ gặp trong thực tế sau này, nên các bài kiểm tra giữa kỳ không được thực hiện trên lớp. Thay vào đó, sinh viên sẽ được giao bài tập nhóm để tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, ví dụ học phần chính sách công, phân tích chính sách... [H1.05.03.04], [H1.05.03.05], [H1.05.03.06].

Đối với điểm đánh giá, giảng viên cho điểm đánh giá đối với sinh viên thông qua việc điểm danh và theo dõi thống kê số lần chủ động phát biểu xây dựng bài của sinh viên trên lớp, đối với điểm giữa kì, hình thức được áp dụng là kiểm tra giữa kì hoặc bài tập nhóm và thi hết môn chủ yếu theo hình thức thi viết theo hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận, vấn đáp, bài tập lớn, đánh giá gián tiếp, đánh giá trực tiếp, đánh giá theo chuẩn và theo tiêu chí [H1.05.03.01].

Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 và thực tập tốt nghiệp năm cuối, các phương pháp đánh giá theo quy định chung của Học viện và đặc thù của từng khoa chuyên ngành dựa trên tổ hợp tiêu chí đánh giá nêu trong kế hoạch thực tập, thi tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp [H1.05.03.07]; Hướng dẫn tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế [H1.05.03.08]; và Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp [H1.05.03.09]. Đối với Khoa CSC, phương pháp đánh giá Chuyên đề thực tế là đánh giá thông qua Báo cáo chuyên đề thực tế và thi vấn đáp với những câu hỏi chủ yếu tập trung vào quá trình đi thực tế, những khó khăn và thuận lợi

sinh viên gặp phải khi đi thực tế, những bài học, kinh nghiệm mà sinh viên học được từ quá trình đi thực tế [H1.05.03.09], [H1.05.03.10], [H1.05.03.11].

Đối với môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp đánh giá sẽ dựa trên điểm đánh giá (20%) điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) và điểm bảo vệ đề tài khoa học được tính điểm kết thúc học phần (60%) . Phương pháp chấm đề tài khoa học được đánh giá ở nội dung đề tài (đề cương logic, nội dung phù hợp, tính mới, mô hình phân tích...) và thuyết trình (tính lưu loát, tự tin, làm việc nhóm...) được thể hiện rõ trong mẫu phiếu chấm điểm [H1.05.03.11], [H1.05.03.12], [H1.05.03.13].

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo độ giá trị thông qua việc đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo được thể hiện rõ trong ma trận tích hợp phương pháp đánh giá đáp ứng CDR [H1.05.03.24], [H1.05.03.12], [H1.05.03.13], [H1.05.03.14]. Tuy nhiên, các phương pháp tổ chức thi và kiểm tra của Học viện nói chung và của Khoa nói riêng chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế.

Một phần rất quan trọng trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên là phải luôn đảm bảo tính công bằng, minh bạch: các khâu ra đề, chấm thi, rọc phách, vào điểm luôn được đảm bảo đúng nguyên tắc tại các Điều 8, Điều 9 quy định trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Học viện [H1.05.03.02] [H1.05.03.25] và Quyết định về việc Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.03.16], [H1.05.03.17], [H1.05.03.26].

Số lượng đề thi tự luận, hoặc tự luận kết hợp với trắc nghiệm của một học phần trong 1 ca thi là từ 02 đến 04 đề thi được chọn trong 06 đề thi. Đề thi được lấy từ ngân hàng đề thi hoặc được thiết kế và sử dụng chung cho các lớp trong cùng một học kỳ. Với đề thi do giảng viên ra đề theo từng học kỳ được Trưởng Khoa duyệt và ký nháy trước khi đưa vào sử dụng. Với đề thi được lấy từ ngân hàng đề, sau khi Trung tâm KT&ĐBCL bốc đề, giảng viên phụ trách sẽ kiểm tra lại đề và kí xác nhận trước khi đưa vào sử dụng [H1.05.03.14], [H1.05.03.17]. Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể Ngoài ra, hàng năm, Khoa rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bộ câu hỏi thi và đề thi dựa trên kết quả phân tích phổ điểm thi của sinh viên [H1.05.03.14].

Trung tâm KT&ĐBCL bốc thăm ngẫu nhiên tối thiểu 02 đề thi để đảm bảo tính khách quan. Việc chấm thi của tất cả các bậc đào tạo đều tuân thủ theo quy định: Bài thi được rọc phách và do hai giảng viên chấm độc lập đảm bảo tính công

bằng, khách quan [H1.05.03.14]. Kế hoạch thi được xây dựng từ giữa kỳ học và công bố công khai. Trong trường hợp có nhiều lớp thi phải thi làm nhiều ca thì đề thi của các ca thi là khác nhau. Công tác coi thi do cán bộ, giảng viên trong Học viện đảm nhiệm, có sự giám sát của Hội đồng. Để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, Học viện có quy định về việc tổ chức xem xét lại bài thi cho sinh viên. Công tác quản lý điểm được tách thành 03 khâu độc lập: Giảng viên chấm bài, vào điểm theo phách do Trung tâm KT&ĐBCL cung cấp; Trung tâm KT&ĐBCL tổ chức thi và rọc phách; Phòng QLĐT quản lý điểm [H1.05.03.16], [H1.05.03.17].

Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng trong Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8 tháng 8 năm 2018 của Học viện về việc Ban hành Quy chế đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.03.02] và trong Quyết định số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20/9/2017 về việc Ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân và Quy định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.03.26], [H1.05.03.16]. Quyết định số 691/QĐ-HVCSPT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Học viện, cũng đã quy định việc Ban hành Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân và Quy định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển

Trong Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8 tháng 8 năm 2018 về việc Ban hành Quy chế đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển đã có những quy định rõ tại Chương III về nội dung Kiểm tra, thi học phần và đánh giá kết quả học tập. Các nội dung như số lần kiểm tra học phần, hình thức kiểm tra, đề kiểm tra, thời gian và chấm kiểm tra học phần được quy định tại Điều 8; Điều 9 liên quan đến nội dung thi học phần trong đó có quy định về hình thức thi, số lần dự thi, điều kiện được dự thi kết thúc học phần; Điều 10 quy định về tính điểm học phần trong đó quy định rõ xếp loại kết quả học tập ở hai mức độ là đạt và không đạt. Ngoài ra, tại Điều 6 trong Quyết định số 632/QĐ-HVCSPT về quy định về thi, kiểm tra còn đưa ra các tiêu chí phân bổ câu hỏi thi theo cấp độ đánh giá bài làm của sinh viên, trong đó có 3 cấp độ đánh giá người học đó là đánh giá sự hiểu bài, kỹ năng phân tích tổng hợp và khả năng vận dụng và sáng tạo. Việc phân bổ câu hỏi thi phải đảm bảo 60% câu hỏi cấp độ 1 (dễ và trung bình); 30% câu hỏi cấp độ 2 (khó); 10% câu hỏi cấp độ 3 (rất khó), đối với câu hỏi tự luận phải đáp ứng được yêu cầu tại khoản 1 trong Quyết định 632/QĐ-HVCSPT. Tại Điều 27, trong Quyết định số 619 (2021), cũng đã quy định về việc biên soạn và thẩm định

đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển quy định rõ đề thi phải phù hợp với đề cương chi tiết học phần đã ban hành, đáp ứng được yêu cầu kiểm tra, đánh giá đúng mục tiêu đã đề ra của học phần và phải đảm bảo phân loại được trình độ của sinh viên, đề thi phải có đáp án rõ ràng trên thang điểm 10. Về cơ cấu đề thi, với học phần 02 tín chỉ đề thi phải có ít nhất 03 câu hỏi, với học phần ≥ 03 tín chỉ, đề thi phải có ít nhất 04 câu hỏi, thời gian làm bài thi tự luận hoặc kết hợp với trắc nghiệm tối thiểu là 60 – 75 phút đối với học phần 2 tín chỉ, tối thiểu 90 phút đối với học phần từ 3 tín chỉ trở lên. Thời gian làm bài phải được ghi trên đề thi và túi đựng đề thi.

Điểm thành phần các học phần của mỗi sinh viên sẽ được cập nhật trên tài khoản cá nhân của mỗi sinh viên [H1.05.03.27]. Sinh viên có điểm đánh giá ≥ 5 và điểm giữa kì ≥ 4 mới đủ điều kiện tham gia thi cuối kì. Sinh viên được nghỉ tối đa 20% thời lượng của học phần, những sinh viên nghỉ trên 20% sẽ thuộc diện cấm thi. Nội dung về điểm thành phần của từng môn học được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT [H1.05.03.28].

Với Chuyên đề thực tế, Báo cáo thực tập và Khóa luận tốt nghiệp, Học viện và Khoa CSC có yêu cầu cụ thể về quy cách làm khóa luận được thể hiện trong Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H1.05.03.02] và Hướng dẫn chấm điểm Báo cáo thực tập và Khóa luận tốt nghiệp của Khoa CSC [H1.05.03.29], [H1.05.03.30], [H1.05.03.31]. Việc chấm Khóa luận có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, hình thức khoá luận, đề cương, nội dung,... Các tiêu chí này đảm bảo đánh giá toàn diện về Khóa luận tốt nghiệp. Điểm của Khóa luận là điểm trung bình chung từ điểm của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện, Hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu 03 thành viên hội đồng). Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Học viện đã đổi mới các phương thức đánh giá kết quả học tập để thích ứng với bối cảnh mới. Các hình thức thi kết thúc học phần trực tuyến, bảo vệ khóa luận online đã được triển khai trong 2 năm trở lại đây tại Học viện.

Quy trình xây dựng đề thi/ngân hàng đề thi, tổ hợp đề thi, kết quả thi; quy trình tổ chức chấm thi, nhập điểm; quy trình giám sát, kiểm tra được thực hiện theo quy chế đào tạo của Học viện, bao gồm các bước như sau:

Đối với quy trình ra đề thi/ngân hàng đề thi: Bước 1: Ban hành lịch thi cho học kỳ hiện hành, Bước 2: Lãnh đạo Khoa CSC giao nhiệm vụ cho các giảng viên phụ trách môn học ra đề thi theo quy định của Học viện, Bước 3: Giảng viên triển khai việc ra đề thi/câu hỏi thi, Bước 4: Khoa tổ chức thẩm định, đánh giá các đề thi theo học phần nhằm xem xét và điều chỉnh các đề thi phù hợp với khối lượng

kiến thức mà người học đã được học tập, Bước 5: Khoa nộp đề thi/câu hỏi thi cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

Đối với quy trình tổ chức chấm thi, nhập điểm: Bước 1: Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổ chức đánh phách và rọc phách bài thi; Bước 2: Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng trả bài thi đã được rọc phách cho Khoa, Bước 3: Khoa tổ chức chấm thi theo quy định của Học viện, Bước 4: Giảng viên tự nhập điểm lên hệ thống quản lý tin học quản lý điểm của sinh viên, Bước 4: Giảng viên in và trả kết quả điểm thi, cùng bài thi cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng để lưu theo quy định.

Để đảm bảo phương pháp đánh giá kết quả học tập được khách quan, công bằng, hàng năm Khoa phối hợp với Phòng CT&CTSV và Phòng QLĐT tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên ngành QLNN về “Phương pháp đánh giá sinh viên có tính khách quan, công bằng”. Phiếu đánh giá ở 5 tiêu chí liên quan tới đánh giá kết quả học tập được đánh giá tương ứng với 5 cấp độ khác nhau bao gồm hoàn toàn không đồng ý; không đồng ý; không có ý kiến; đồng ý; hoàn toàn đồng ý. Kết quả khảo sát trung bình trong giai đoạn 2016-2021 cho thấy không có sinh viên trả lời hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý, tỷ lệ sinh viên trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý rất cao. Như vậy có thể thấy các sinh viên đều đồng ý rằng giảng viên đã sử dụng các phương pháp đánh giá khách quan, công bằng, đảm bảo quyền lợi cho sinh viên [H1.05.03.19], [H1.05.03.20], [H1.05.03.21], [H1.05.03.22]. Không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp thi trực tuyến còn tồn tại nhiều hạn chế, như chất lượng điểm thi chưa phản ánh đúng với năng lực thực chất của sinh viên. Đôi khi gặp trục trặc do lỗi mạng, lỗi kỹ thuật dẫn đến việc nộp bài chậm, không đảm bảo kết nối liên tục trong quá trình kiểm tra, dẫn đến việc sinh viên phải thi lại.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa tiếp tục phát huy tính nghiêm túc, khách quan và đảm bảo chất lượng CDR trong công tác đánh giá kết quả học tập ở những giai đoạn tiếp theo.

- ***Khắc phục tồn tại:*** Từ năm học 2023-2024, Khoa phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL và Phòng QLĐT tiếp tục nghiên cứu, kiến nghị với Học viện các giải pháp khác phục những phương pháp đánh giá sao cho có hiệu quả hơn để đảm bảo phản ánh đúng chất lượng của người học.

5. *Tự đánh giá Tiêu chí 5.3: Đạt (mức 5/7).*

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. *Mô tả hiện trạng*

Học viện có các quy định rõ ràng về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học trong việc tổ chức chấm thi, thông báo kết quả thi học phần theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển; Điều 26 – Tổ chức chấm thi, thông báo kết quả thi học phần trong Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/8/2018 về Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển được sửa đổi bổ sung thay thế cho quyết định số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015 về Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.04.01], Điều 29, Quy định 619/QĐ-HVCSPT ngày 13/08/2021. Học viện cũng đã ban hành quy định tổ chức thi trực tuyến các học phần tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển, cũng như quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.04.02] và Điều 20 - Tổ chức chấm thi, thông báo kết quả thi học phần trong Quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015 về Quy định kiểm tra – đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.04.12]. Học viện có phần mềm Quản lý đào tạo hỗ trợ người học phản hồi kịp thời để cải thiện việc học tập tại địa chỉ <http://tinchi.apd.edu.vn> [H1.05.04.18].

Với điểm quá trình, giảng viên phải công bố điểm đánh giá quá trình trên lớp trước buổi học cuối cùng 01 tuần để sinh viên biết và thắc mắc (nếu có). Đối với điểm kiểm tra giữa kỳ, giảng viên phải công bố kết quả chậm nhất 7 ngày sau khi kiểm tra (ở tuần thứ 8-thứ 9 của học kỳ) đồng thời giúp sinh viên có thể kịp thời nỗ lực và điều chỉnh việc học tập trong kỳ thi kết thúc học phần để cải thiện kết quả chung của học phần. Bảng điểm quá trình sau đó được giảng viên nhập trên hệ thống quản lý điểm và công bố cho sinh viên cũng như Trung tâm KT&ĐBCL lập danh sách tham dự thi chậm nhất 7 ngày trước khi học phần đó bắt đầu thi [H1.05.04.13], [H1.05.04.14].

Đối với điểm thi học phần cuối học kỳ, các giảng viên chấm thi và nhập điểm lên hệ thống quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần của Học viện ban hành theo quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015 của Giám đốc Học viện [H1.05.04.12]. Học viện thông báo điểm thi học phần và điểm học phần trên hệ thống phần mềm QLĐT tại địa chỉ: <http://tinchi.apd.edu.vn>, sinh viên có trách nhiệm xem và kiểm tra điểm học phần. Người học sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập vào phần mềm QLĐT. Hồ sơ, kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu [H1.05.04.03]. Trong vòng 07 ngày làm việc (tương ứng số lượng dưới 200 bài thi), 10 ngày làm việc (tương ứng với số lượng lớn hơn 200 bài thi) kể từ ngày nhận bài thi, các Khoa/Bộ môn phải nhập điểm cho sinh viên theo số phách lên hệ thống quản lý đào tạo và nộp điểm cho Phòng QLĐT. Sau 01 tuần, Phòng QLĐT có trách nhiệm thông báo điểm thi học phần và điểm học phần tới các Khoa/Bộ môn giảng dạy, khoa quản lý sinh viên. Khoa quản lý sinh viên có trách nhiệm thông báo tới sinh viên. Đồng thời, điểm bài thi cuối kỳ sẽ được công bố tới sinh viên thông qua tài khoản cá nhân trên phần mềm Quản lý đào tạo để sinh viên xem và kiểm tra điểm học phần một cách nhanh chóng, kịp thời và đúng quy định về thời gian. Tuy nhiên, việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định do một số giảng viên đôi khi còn nhập điểm muộn. Đối với các môn học này Học viện đã có sự điều chỉnh kịp thời về thời gian nộp đơn phúc khảo để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập đều được công bố công khai đến từng giảng viên và sinh viên trong Sổ tay sinh viên [H1.05.04.04], Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu năm [H1.05.04.05]; và trên mục văn bản nội bộ <http://apd.edu.vn/van-ban-noi-bo> với tên đăng nhập là vbnb@gmail.com dành cho giảng viên đăng nhập và trên thông báo công khai của Học viện <http://apd.edu.vn/thong-bao-can-bo-giang-vien>.

Theo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên ngành QLNN hàng năm về việc “Mức độ hài lòng về việc công bố kết quả học tập tới sinh viên”, tỷ lệ sinh viên trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý rất cao, không có sinh viên trả lời không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý. Như vậy có thể thấy sinh viên được phản hồi kịp thời về kết quả học tập và cảm thấy hài lòng với việc phản hồi kết quả học tập [H1.05.04.06], [H1.05.04.07], [H1.05.04.08], [H1.05.04.09].

Hàng năm, Khoa tổ chức sơ kết học kỳ I, sơ kết học kỳ II và tổng kết năm học với sự tham gia của giảng viên và sinh viên của Khoa và đại diện các đơn vị

liên quan để tổng kết kết quả giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên trong Khoa trong kì học. Trong các buổi họp sơ kết và tổng kết năm học, Khoa có đánh giá chi tiết về kết quả học tập của sinh viên, từ đó xác định rõ những nguyên nhân hạn chế trong công tác đánh giá kết quả học tập người học, đưa ra phương hướng xử lý cho các năm học tiếp theo. Đồng thời, trong buổi sơ kết Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về những khó khăn, thuận lợi trong quá trình học tập, về việc công bố kết quả đánh giá học phần của các môn học và hỏi ý kiến sinh viên về việc công bố kết quả đánh giá học phần có giúp ích cho việc cải thiện việc học của sinh viên hay không [H1.05.04.07], [H1.05.04.08], [H1.05.04.09]. Đa số sinh viên cho rằng việc giảng viên công bố điểm đánh giá và điểm thi giữa kỳ, chữa đề thi giữa kỳ đã giúp sinh viên ôn tập và học tập tốt hơn cho thi cuối kỳ. Đồng thời, việc công bố điểm thi và điểm học phần đã giúp sinh viên học tập tốt hơn trong các kỳ sau, đảm bảo tốt nghiệp với kết quả học tập như mong đợi [H1.05.04.10], [H1.05.04.11].

2. Điểm mạnh

Kết quả đánh giá được công bố công khai kịp thời đến người học; được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định do một số giảng viên đôi khi còn nhập điểm muộn. Điều này sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ xét tốt nghiệp, xét học bổng và đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023 – 2024, Khoa tiếp tục phát huy thực hiện đúng quy định của Học viện về công khai kết quả đánh giá của người học. Phòng Quản lý Đào tạo tiếp tục duy trì và cải thiện việc lưu trữ, đảm bảo phần mềm Quản lý đào tạo hoạt động tốt và hiệu quả trong việc công bố điểm đánh giá tới sinh viên.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2023 – 2024, Khoa đôn đốc và yêu cầu giảng viên Khoa, đồng thời phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL thực hiện đúng việc công bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần theo quy định đã đề ra.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.4: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học được quy định rõ trong các quy định về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.05.01], [H1.05.05.02], [H1.05.05.12]. Trước năm 2018, đơn đề nghị phúc tra kết quả thi được gửi tới các khoa chuyên ngành, trợ lý khoa là người tiếp nhận, trợ lý khoa trực 5 ngày trong tuần, mỗi ngày 8 tiếng tại Văn phòng Khoa. Trường hợp thắc mắc về điểm thành phần của môn học thì đơn được chuyển về các bộ môn, thắc mắc về điểm thi học phần thì chuyển cho Trung tâm KT&ĐBCL, nếu thắc mắc về điểm tổng kết học phần thì chuyển về Phòng QLĐT. Trong thời kỳ diễn ra đại học Covid 19, Học viện đã kịp thời áp dụng công nghệ 4.0 nhằm tạo điều kiện cho người học tiếp cận một cách dễ dàng đến các tiện ích dịch vụ của Học viện. Ví dụ như đề nghị phúc tra đã được Học viện cải tiến bằng hình thức gửi đơn online đến các khoa chuyên ngành nhằm hạn chế việc đi lại và các chi phí không cần thiết khác. Tất cả các đề nghị chấm phúc tra đều phải đóng lệ phí 50 nghìn đồng/lần phúc tra. Thời gian chấm phúc tra không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của sinh viên. Sau khi chấm phúc tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Trưởng khoa phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải được Trưởng khoa và Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCL ký xác nhận mới được công bố công khai trên website Học viện [H1.05.05.06]. Cùng với quá trình quản lý và phát triển của Học viện, việc bảo vệ quyền lợi cho người học, Học viện đã có những thay đổi trong quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học thông qua cơ chế một cửa để giải quyết các thủ tục liên quan đến người học nhằm rút ngắn thời gian và kết quả được giải nhanh hơn [H1.05.05.02], [H1.05.05.03].

Đầu khoá học và trong năm học, Khoa phối hợp Phòng CT&CTSV tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá đối với tân sinh viên và tuần sinh hoạt chính trị đầu năm đối với sinh viên năm 2,3,4. Trong nội dung tuần sinh hoạt, Học viện và Khoa cung cấp/ phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khoá học. Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, giữa khoá và cuối khoá được ban hành với các nội dung cụ thể [H1.05.05.05], nhiệm vụ của từng đơn vị trong việc giới thiệu mọi quy chế, quy định cho sinh viên được quy định rõ ràng [H1.05.05.04]. Trung tâm KT&ĐBCL chịu trách nhiệm phổ biến về quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Ngoài ra, trong tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu năm từ 2016 - 2021 [H1.05.05.05] đã trích dẫn Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018, Điều 32 về quy trình phúc tra kết quả học tập. Trong mỗi học kì, Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng đều có thông báo về việc xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên đăng trên website của Học viện [H1.05.05.06]. Tuy nhiên, do thời gian phúc khảo là vào cuối học kì dẫn đến tình trạng vẫn còn có trường hợp sinh viên không nhớ chính xác về thời gian nộp đơn phúc khảo dẫn đến nộp đơn muộn.

Theo thống kê của Khoa CSC và Trung tâm KT&ĐBCL số sinh viên khiếu nại về kết quả học tập có sự thay đổi điểm hàng năm đều dưới 1% so với tổng sinh viên của Khoa CSC [H1.05.05.06], [H1.05.05.07]. Đồng thời, không có trường hợp khiếu nại phàn nàn về việc giải quyết chậm đối với quy trình phản hồi kết quả khiếu nại về kết quả học tập được thể hiện thông qua kết quả khảo sát ý kiến người học về “Khiếu nại về kết quả kiểm tra, thi (nếu có) được giải quyết kịp thời, thoả đáng” với tỷ lệ sinh viên trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý rất cao [H1.05.05.09] [H1.05.05.10].

2. Điểm mạnh

Quy trình về khiếu nại về kết quả học tập bao gồm thủ tục, trình tự và thời gian giải quyết được quy định rõ ràng, công khai. Sinh viên được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình. Học viện, Khoa đảm bảo được quyền lợi chính đáng cho người học khi có bất kỳ thắc mắc về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Đôi khi còn có một số sinh viên do không nhớ chính xác về thời gian nộp đơn phúc khảo dẫn đến nộp đơn muộn. Điều này dẫn đến khó khăn cho việc điều chỉnh điểm sau này, khi các kết quả đã được công bố và hoàn thành. Khoa lại phải làm đi, làm lại mất nhiều công sức và thời gian

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023-2024, Trung tâm KT&ĐBCL duy trì và cải thiện quy trình khiếu nại về kết quả học tập theo hướng thực hiện online hoàn toàn, thay vì chỉ đăng ký phúc khảo qua mạng và in phiếu đến nộp trực tiếp như hiện nay.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2023 - 2024, Khoa CSC sẽ phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL và Phòng QLĐT thực hiện việc thông báo cho sinh viên

về quy định về thời gian nộp đơn phúc khảo ngay sau khi kết thúc môn thi đầu tiên để đảm bảo không có tình trạng sinh viên nộp đơn muộn.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.5: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

a. Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:

Đánh giá kết quả học tập của người học tại Học viện CS&PT và Khoa CSC có một số điểm: (1) Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR; (2) Các quy định về đánh giá kết quả học tập đều rõ ràng và được thông báo công khai tới người học; (3) Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng; (4) Kết quả đánh giá được công bố công khai kịp thời đến người học; được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn giúp người học cải thiện việc học tập; (5) Quy trình về khiếu nại kết quả học tập rõ ràng, được công bố công khai và dễ dàng tiếp cận đối với sinh viên; (6) Học viện áp dụng công nghệ 4.0 vào học tập và thi cử trong thời gian dịch bệnh, nhờ đó các hoạt động đào tạo vẫn đảo bảo được kết quả tốt. Học viện, Khoa và Bộ môn đảm bảo được quyền lợi chính đáng cho người học khi có bất kỳ thắc mắc về kết quả học tập.

b. Điểm tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:

Mặc dù vậy, việc đánh giá kết quả học tập còn một số mặt cần phải hoàn thiện: (1) Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CĐR còn dựa nhiều vào việc kiểm tra khả năng tái hiện, tái tạo kiến thức, giải các bài tập trong lớp học hơn đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên; (2) Các quy định về đổi mới hình thức đánh giá kết quả học tập của người học chưa được rõ ràng dẫn đến gây khó khăn trong việc thực hiện; (3) Việc đo lường sự đóng góp của sinh viên trong làm nhóm và thuyết trình/thảo luận còn hạn chế; (4) Việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với quy định do một số giảng viên đôi khi còn nhập điểm muộn; (5) Vẫn có tình trạng sinh viên nộp đơn phúc khảo muộn do không nhớ chính xác về thời hạn nộp đơn; (6) Trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19 do không đến được tận nơi để nộp đơn do vậy việc nộp đơn phúc khảo cũng bị muộn.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

c. Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:

Tất cả các tiêu chí (5/5) trong Tiêu chuẩn 5 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 05 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/5.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện là một trong những lực lượng nòng cốt, góp phần thực hiện thành công kế hoạch chiến lược triển của Học viện trong thời gian tới. Tại chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Học viện định hướng trở thành trung tâm nghiên cứu tư vấn chính sách có uy tín trong lĩnh vực chính sách phát triển, kinh tế vĩ mô, quản lý nhà nước và tài chính tiền tệ. Để hiện thực hóa định hướng này, Học viện đã tiến hành thành lập Hội đồng Học viện, hoàn thiện mới đề án vị trí việc làm, hướng đến mục tiêu xây dựng đội ngũ viên chức đủ về số lượng, chất lượng, có phẩm chất đạo đức trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và trình độ quản lý tiên tiến.

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện đã được xác định trên cơ sở xem xét số lượng, chất lượng nhân sự hiện có của các Khoa quản lý Ngành, Chuyên ngành, đồng thời phân tích nhu cầu phát triển, khả năng tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu của Học viện và nhu cầu phục vụ cộng đồng, xã hội. Đội ngũ giảng viên nghiên cứu viên của Học viện được xác định trên cơ sở bảy tiêu chí cụ thể sau: (i) *việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng*; (ii) *Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng*; (iii) *Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai*; (iv) *Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá*; (v) *Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó*; (vi) *Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng*; (vii) *Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ

hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, tính đến 31/12/2022 Học viện có tổng số 155 cán bộ, trong đó, lãnh đạo Học viện gồm 01 Chủ tịch Hội đồng, 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và 150 cán bộ, giảng viên và người lao động [H1.06.01.01]. Về trình độ, Học viện hiện có 4 Phó giáo sư và 39 Tiến sĩ (không kể Phó giáo sư) - chiếm 27,7%; 86 Thạc sĩ - chiếm 55,5% (trong đó 12 thạc sĩ đang làm Nghiên cứu sinh), và 18 cử nhân, trung cấp, lái xe - chiếm 11,6%. Trong tổng số CBGV, số giảng viên hiện nay là 98 người, chiếm 63,2% tổng số cán bộ, giảng viên toàn Học viện [H1.06.01.03].

Trên cơ sở công bố về sứ mạng, tầm nhìn của Học viện tại Quyết định số 947/QĐ-HVCSPT ngày 18/12/2018, Học viện Chính sách và Phát triển đã và đang xây dựng đội ngũ hướng tới mục tiêu trở thành một cơ sở đào tạo định hướng nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở bậc đại học, thạc sĩ, tiến sĩ trong lĩnh vực kinh tế, chính sách công và quản lý, đáp ứng tối đa nguyện vọng của người học và nhu cầu xã hội [H1.06.01.01]. Học viện đã tiến hành kiện toàn bộ máy, tổ chức Hội nghị bầu thành viên Hội đồng Học viện nhiệm kỳ 2020 – 2025. Tập thể người lao động tại Học viện đã lựa chọn được 19 thành viên vào Hội đồng, bao gồm: Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện, Chủ tịch Công đoàn, Đại diện Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên là sinh viên; 03 thành viên từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 03 thành viên đại diện cho cộng đồng xã hội (các nhà lãnh đạo, nhà quản lý, doanh nhân, đại diện đơn vị sử dụng lao động); 09 thành viên đại diện cho công chức, viên chức và người lao động trong Học viện. Trong năm 2021, Học viện đã được bổ sung 01 Phó giám đốc từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bổ nhiệm mới 01 Phó giám đốc từ nguồn Học viện. Cũng dựa trên đề án này, hằng năm, Học viện đều tiến hành rà soát quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên nhằm tạo nguồn đội ngũ cán bộ quản lý [H1.06.01.05]. Giai đoạn 2021-2026, Học viện đã bổ sung và rà soát 10 CBGV vào danh sách quy hoạch cấp trưởng phòng và 32 CBGV vào danh sách quy hoạch cấp phó phòng

Tương tự, tại nội dung của đề án vị trí việc làm, Học viện đã xác định tổng số vị trí việc làm cần có là 36 vị trí, tương ứng với 243 lao động. Tiêu chuẩn cho từng vị trí việc làm cũng được xác định tại nghị quyết số 06 ngày 21 tháng 9 năm 2021 ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí của Học viện CSPT [H1.06.01.02]. Hiện nay, trong tổng số giảng viên của Học

viên, đã có 70,1% Giảng viên đã thi đạt các chức danh nghề nghiệp với 51,6% là giảng viên (hạng III) và 46,7% GV chính (hạng II) và 3,2% GV cao cấp (hạng I).

Bảng 6.1 Cơ cấu, số lượng giảng viên của Học viện theo ngạch viên chức

STT	Ngạch giảng viên	Số lượng	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Giảng viên cao cấp - hạng I	2	3,2%	
2	Giảng viên chính – hạng II	17	46,7%	
3	Giảng viên hạng III	79	51,6%	
	Tổng	98		

Nguồn: phòng Tổ chức - Hành chính

Học viện cũng xây dựng chiến lược và có các kế hoạch tuyển dụng, bổ sung viên chức ở những chức danh nghề nghiệp còn thiếu, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên [H1.06.01.06]. Các nội dung kế hoạch và số lượng cán bộ, giảng viên cần tuyển dụng, bổ sung vào quy hoạch đều được thực hiện trên cơ sở cân nhắc về việc luân chuyển, bố trí kéo dài hay nghỉ hưu của CBGV cũng như có sự tham khảo ý kiến của Khoa Chính sách công. Học viện cũng chú ý, nhấn mạnh tới nội dung ưu tiên tuyển dụng người có học vị tiến sĩ từ nước ngoài hoặc từ các trường đại học có uy tín để bổ sung cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên [H1.06.01.03]. Số lượng cán bộ, giảng viên cần tuyển dụng của Khoa và yêu cầu đối với từng vị trí cũng được xác định và ghi tại phụ lục 6 trong đề án mô tả vị trí việc làm [H1.06.01.11].

Trên cơ sở chiến lược phát triển chung, Học viện đã ban hành kế hoạch tuyển dụng hàng năm và tiến hành tuyển dụng giảng viên theo đúng quy trình tuyển dụng tại Quyết định số 40/QĐ- HVCSPT ngày 19/3/2012 của Học viện về việc ban hành quy trình tạm thời về tuyển dụng lao động hợp đồng của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.06.01.12].

Về lĩnh vực NCKH, chuyên giao công nghệ, Học viện cũng đặt mục tiêu trở thành cơ sở đào tạo theo định hướng nghiên cứu. Do đó, Học viện đã xây dựng các cơ chế khuyến khích giảng viên học tập nâng cao trình độ, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về nghiên cứu khoa học cho cán bộ giảng viên [H1.06.01.06] Ngoài ra, để tăng cường các kiến thức thực tiễn và khả năng phục vụ cộng đồng, Học viện cũng đã đưa ra các quy định cụ thể nhằm khuyến khích tham dự các nhiệm vụ tư vấn, các dự án phát triển hay các hội thảo hội nghị trong nước và quốc tế. Các cơ chế như thưởng tiền cho Nghiên cứu sinh, GV đạt trình độ Phó giáo sư đã được quy định cụ thể trong Quy chế thu chi nội bộ [H1.06.01.10]. Giai đoạn 2016-2020, Khoa Chính sách công cũng đã cử 01

giảng viên đi học tập ngắn hạn tại Mỹ, 01 giảng viên đi học Trung cấp lý luận chính trị và 02 giảng viên đi học nghiên cứu sinh [H1.06.01.08] [H1.06.01.09].

Trong 5 năm vừa qua, vừa qua, thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển Khoa theo định hướng nghiên cứu về chính sách công, tăng cường hoạt động tư vấn, phản biện chính sách, Khoa Chính sách công đã rất chú trọng đến đội ngũ giảng viên. Khoa đã thực hiện kéo dài hợp đồng với một PGS, Giảng viên cao cấp, làm thủ tục nghỉ hưu cho một Giảng viên và tuyển thêm 1 giảng viên có trình độ tiến sỹ [H1.06.01.10] [H1.06.01.03]. Tổng số GV của Học viện giảng dạy ngành Quản lý Nhà nước chuyên ngành Quản lý công tính đến ngày 31/12/2022 là 11 GV, gồm 1 PGS, 6 TS - tương đương 63,3% và 4 ThS – tương đương 36,4%. trong đó trình độ TS trở lên là 56,25%). Với quy mô đào tạo từ 200 đến 300 sinh viên/1 năm (4 khóa), Khoa cũng xác định giải pháp trọng tâm để phát triển Khoa là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chính vì vậy, giai đoạn 2016 -2022 Khoa đã có thêm hai GV được nâng hạng từ Giảng viên lên Giảng viên Chính; hai GV của Khoa cũng đang học Nghiên cứu sinh ở các chương trình đào tạo uy tín.

Tóm lại, đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành QLNN, chuyên ngành QLC hằng năm đều đã được rà soát, tuyển dụng và đào tạo theo Chiến lược phát triển của Học viện, đề án vị trí việc làm và theo văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Quá trình tuyển dụng, bổ nhiệm, cử các giảng viên đi học, thi nâng hạng đều dựa trên nhu cầu của người lao động và thực tế hoạt động của Khoa cũng như Học viện. Nhờ đó, số lượng giảng viên hiện có của Khoa Chính sách công hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và định hướng phát triển của ngành học. Các hoạt động tuyển dụng, tiếp nhận thủ việc, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng đều đã đáp ứng yêu cầu về đào tạo và NCKH của Học viện cũng như tuân thủ đúng quy định. Tuy nhiên, công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo bồi dưỡng còn có cả những điểm mạnh và điểm hạn chế sau:

2. Điểm mạnh

Học viện luôn chú trọng đến công tác quy hoạch, đào tạo đội ngũ kế cận nhằm đảm bảo cả về số lượng và chất lượng của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch/quy hoạch, tuyển dụng cán bộ giảng viên đã được xây dựng với sự tham gia của Khoa. Các kế hoạch tuyển dụng, đào tạo đã hướng đến phát triển Khoa chính sách công nói riêng và cả Học viện nói chung trong ngắn hạn và dài hạn.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động nhằm hiện thực hóa chiến lược/kế hoạch phát triển, thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH chưa được

Học viện và Khoa quan tâm ở mức cao. Điều này hạn chế khả năng nghiên cứu, tư duy mang tính thực tiễn cũng như năng lực phục vụ cộng đồng của giảng viên. Việc xác định các chỉ tiêu tuyển dụng trong đề án vị trí việc làm còn hạn chế do chưa có định biên nhân sự. Các kênh truyền thông nội bộ liên quan đến thông tin tuyển dụng, đề tài, dự án, các hoạt động thực tiễn, nâng cao năng lực của giảng viên/nghiên cứu viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy mặt mạnh:** Từ năm học 2023-2024, Học viện tiếp tục chú trọng, đẩy mạnh công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ trong các giai đoạn khác nhau phục vụ chiến lược phát triển Học viện trong giai đoạn mới.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TC-HC cần phối hợp với các Khoa nhằm xác định rõ kế hoạch và lộ trình phát triển trong trung và dài hạn. Trên cơ sở đó, cần tăng cường các hoạt động phát triển nguồn nhân lực, các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học phù hợp với định hướng phát triển của Khoa. Các đơn vị như Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông cần đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ, sử dụng đa dạng các kênh thông tin về tuyển dụng để lan toả các thông tin tuyển dụng đến nhiều các ứng viên, giúp Học viện tuyển dụng được nhiều cán bộ, giảng viên có chất lượng tốt.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Tính đến 30/09/2022, số lượng giảng viên của ngành Quản lý Nhà nước chuyên ngành Quản lý công là 11 người, gồm 1 PGS, 6 TS và 4 ThS. Tính theo tỷ lệ 100% giảng viên tham gia giảng dạy có trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 63,3 % giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên. Trên cơ sở nguồn lực của Khoa và nhu cầu của xã hội, Khoa Chính sách công đã phối hợp với Phòng quản lý đào tạo để tính toán và cân đối số lượng chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm [H1.06.02.01]; [H1.06.02.03]. Căn cứ theo các văn bản như thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 và Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 và mới đây là thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Bộ GD&ĐT, số lượng sinh

viên nhập học ngành QLNN đều được xác định trên cơ sở đảm bảo tỷ lệ giảng viên/người học của chương trình đào tạo [H1.06.02.04]. Tính đến ngày 31/12/2022, số lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu, số sinh viên ngành Quản lý Nhà nước và tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi được xác định theo bảng dưới đây:

Bảng 6.2.3: Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi ngành Quản lý Nhà nước giai đoạn 2016-2022

Năm học	Tổng số giảng viên	Giảng viên quy đổi (nhân hệ số)	Tổng số người học	Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi
2016-2017	16	20,6	154	7,5
2017- 2018	16	20,6	139	6,7
2018-2019	16	20,6	113	5,5
2019-2020	16	20,6	99	4,8
2020-2021	16	20,6	125	6,1
2021-2022	16	20,6	184	8,9

(Nguồn: Phòng QLĐT, Học viện CS&PT)

Có thể thấy, tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi của chương trình đào tạo phù hợp với quy định theo thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT và Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT sửa đổi Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành [H1.06.02.01]. Với tỷ lệ này, sinh viên thuộc ngành QLNN có nhiều lợi thế và cơ hội trao đổi tiếp xúc với các giảng viên. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học của giảng viên trong khoa cũng được thực hiện tốt [H1.06.02.02].

Căn cứ vào số lượng giảng viên, số lượng sinh viên và các văn bản quản lý khác như Quy chế giảng viên, quy chế quản lý khoa học [H1.06.02.05; H1.06.02.06], Khoa Chính sách công đã theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Cán bộ, Giảng viên trong Khoa. Cụ thể, theo quy định tại các văn bản này, tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên trong một năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong Học viện là 1.760 giờ [H1.06.02.06]. Các định mức cụ thể đối với giờ NCKH và giảng dạy như sau:

**Bảng 6.2.1: Định mức giờ nghiên cứu khoa học
đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển**

Thời gian áp dụng	Chức danh	Giáo sư	Phó Giáo sư	Giảng viên chính	Giảng viên
Từ 2016-2021	Định mức (giờ chuẩn)	700	600	600	500
Từ 2022-2023	Định mức (giờ chuẩn)	787	687	687	587

(Nguồn: Quy chế quản lý khoa học công nghệ của Học viện theo quyết định số 766/ QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021)

Trên cơ sở định mức giờ NCKH của từng chức danh giảng viên quy định trong các Quyết định số 500/ QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2017; Số 470/ QĐ-HVCSPT ngày 30/3/2018; Số 1182/ QĐ-HVCSPT ngày 27/12/2019 và mới đây nhất là văn bản số 766/ QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021, có thể thấy yêu cầu về giờ NCKH đối với giảng viên của Học viện được quy định tăng lên bắt đầu từ năm học 2021-2022– quyết định về Quản lý Khoa học công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.06.02.06] theo Quyết định số 766/ QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021.

Tương tự, quy chế giảng viên theo Quyết định số 331/QĐ-HVCSPT ngày 30/11/2012 và Quyết định số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018 cũng quy định, khối lượng công việc giảng dạy của giảng viên và nghiên cứu viên với định mức giờ chuẩn giảng dạy cho giảng viên Học viện trong một năm học theo hình thức tín chỉ là 245 giờ chuẩn (trong đó giờ trực tiếp lên lớp chiếm ít nhất 50% định mức quy định) [H1.06.02.05]. Dựa vào thực tế hoạt động, Học viện cũng Học viện cũng đưa ra quy định quy đổi giờ chuẩn đối với các hoạt động đào tạo, giảng dạy của giảng viên một số Bộ môn đặc thù sang giờ nghiên cứu khoa học nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong quản lý. Các nội dung này đều được thảo luận công khai trước khi ban hành quy chế. Các chế tài hình thức thưởng phạt cũng được thảo luận và quy định trong quy chế thu chi nội bộ của Học viện (ban hành theo Quyết định số 959/ QĐ - HVCSPT ban hành ngày 28/12/2017) [H1.06.02.07].

Hoạt động giảng dạy và NCKH cũng được tổ chức và giám sát bởi Khoa quản lý chuyên ngành và các bộ phận chuyên trách của Học viện. Vào đầu mỗi năm học, các giảng viên và Khoa quản lý phải xây dựng kế hoạch NCKH. Khi kế hoạch được thông qua, lãnh đạo Khoa quản lý chuyên ngành sẽ trực tiếp điều hành, tổ chức các hoạt động NCKH. Kết quả thống kê giờ giảng và giờ NCKH

của Giảng viên trong Khoa Chính sách công giai đoạn 2016-2021 cho thấy, Giảng viên trong Khoa luôn hoàn thành vượt mức khối lượng giờ giảng và giờ NCKH. [H1.06.02.09], [H1.06.02.10]. Các hoạt động họp Khoa, thảo luận về nhu cầu đào tạo của các giảng viên trong Khoa cũng được tổ chức thường niên [H1.06.02.06]; [H1.06.02.11], [H1.06.02.12].

Bảng 6.2.2. Khối lượng giờ dạy và giờ nghiên cứu khoa học bình quân/1giảng viên/ năm của Giảng viên Ngành QLNN

TT	Tiêu chí Năm học	Năm học					
		2016 - 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
1	Định mức giờ giảng trung bình/1 giảng viên đã quy đổi	203,3	203,3	203,3	203,3	203,3	203,3
	Khối lượng giờ dạy bình quân/1 giảng viên/năm	305,8	302,8	303	307	309	315
2	Định mức giờ nghiên cứu khoa học bình quân/1giảng viên đã quy đổi	390	446	390	390	390	400
	Khối lượng giờ nghiên cứu khoa học bình quân/1giảng viên/ năm	439,2	462,8	2,076	450	480	480

Giảng viên của Khoa cũng rất tích cực tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và tăng cường các hoạt động phục vụ cộng đồng như thảo luận tại các diễn đàn khoa học, thực hiện các đề tài, dự án tại cộng đồng [H1.06.02.06]. Giai đoạn 2016-2020, các giảng viên đã chủ trì và tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, thực hiện các hoạt động tư vấn, công bố các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành và hội thảo quốc gia, quốc tế [H1.06.02.08]. Bảng 6.2.3. dưới đây sẽ cung cấp số liệu về thể loại và số lượng các công trình khoa học công bố trong 5 năm học gần nhất.

**Bảng 6.2.3. Khối lượng giờ nghiên cứu khoa học
của Giảng viên Ngành QLNN giai đoạn 2016-2022**

TT	Phân loại đề tài	Hệ số **	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)-10
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	1	1	0	6	6
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	2		9	6	1	21	20
3	Đề tài cấp Học viện	0,5	4	2	24	8	11	29	23,5
	Tổng								56

(Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác)

Quá trình đánh giá nhiệm vụ giảng dạy và NCKH của Giảng viên không chỉ qua các báo cáo, kết quả thống kê mà còn các hoạt động đánh giá của Khoa. Quá trình này đã được thực hiện theo quy trình có sự tham gia của người lao động. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh quy định trong các quy chế về giảng viên và nhiệm vụ được giao của các Khoa quản lý chuyên ngành, mỗi cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp Học viện đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H1.06.02.07]. Ngoài ra, Học viện cũng có các cơ chế như sinh viên đánh giá giảng viên, đánh giá hiệu quả công việc hàng tháng và giám sát nề nếp, số lượng các buổi giảng thông qua máy chấm vân tay làm căn cứ để bình xét thu nhập tăng thêm; đánh giá mức độ hoàn thành công việc và bình xét Thi đua khen thưởng hàng năm. Những cơ chế này đang phát huy tác dụng, làm cho giảng viên, nghiên cứu viên Khoa Chính sách công có trách nhiệm và thực hiện tốt công việc giảng dạy, nghiên cứu của mình [H1.06.02.13]

2. Điểm mạnh

Học viện có các quy định cụ thể về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên với những cơ chế giám sát, đánh giá cụ thể, rõ ràng, minh bạch. Đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng của Khoa Chính sách công luôn đảm bảo về số

lượng và có năng lực tốt để giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành QLC và các chuyên ngành thuộc các ngành khác trong Học viện.

3. Điểm tồn tại:

Các quy định về khối lượng công việc quy ra giờ hành chính của đội ngũ giảng viên chưa rõ ràng; các quy định khác về hoạt động cố vấn học tập, phục vụ cộng đồng, học tập nâng cao trình độ cũng như các quyền lợi khác của giảng viên như nghỉ hè còn chung chung, được quy định ở nhiều văn bản khác nhau nên khó khăn cho quá trình thực hiện

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Các quy định của Học viện liên quan đến định mức giờ giảng, giờ NCKH và các cơ chế giám sát cần tiếp tục được củng cố. Trên cơ sở đó, Học viện thực hiện phân cấp, ủy quyền cho Khoa quản lý ngành, tăng cường tính tự chủ tự chịu trách nhiệm của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên để từ đó, xây dựng các cơ chế đưa Học viện hoạt động theo hướng tự chủ cao.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm học 2023 trở đi, Khoa Chính sách công và các các Khoa quản lý chuyên ngành phối hợp với Phòng TC-HC tiếp tục rà soát, đề xuất với Ban Giám đốc Học viện đổi mới cơ chế, chính sách liên quan quản lý giảng viên đồng thời cập nhật, hoàn thiện các quy định như quy chế làm việc, quy chế về cố vấn học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực, phục vụ cộng đồng

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đều ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí nhằm đảm bảo công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều dựa trên năng lực của giảng viên. Các quy định này đều được lấy ý kiến và phổ biến công khai tới toàn bộ CBGV của Học viện.

Cụ thể, trong Quy chế giảng viên có quy định rõ về năng lực chuyên môn cũng như yêu cầu về nghiệp vụ sư phạm của giảng viên [H1.06.03.02]. Tương ứng với các hạng giảng viên và nhu cầu nhân lực của các khoa, nội dung của các đề án vị trí việc làm của Học viện (theo Quyết định số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/02/2014 và quyết định số 1545/QĐ- BKHĐT ngày 9/11/2021) cũng đều nêu rõ các quy định liên quan đến các vị trí việc làm của các giảng viên, nghiên cứu

viên (quy định về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng...)[H1.06.03.01]. Đối với Khoa Chính sách công, các tiêu chí cụ thể về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (Trình độ thạc sĩ trở lên từ các ngành: Kinh tế học, Quản lý kinh tế) hay các tiêu chuẩn về tiếng Anh, nghiệp vụ sư phạm cũng được nêu đầy đủ trong các kế hoạch tuyển dụng hàng năm. Ngoài ra, các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên cho từng hạng giảng viên và các tiêu chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm cho các đối tượng lãnh đạo đều được quy định rõ ràng trong Quy chế giảng viên (quyết định số 426/QĐ-HVCSPT ngày 09/9/2015 và Số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017) với quy trình chặt chẽ (phải có Hội đồng Học viện thông qua), đảm bảo đúng quy định của Bộ Nội vụ, Bộ GD&ĐT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư [H1.06.03.05].

Các thông tin về điều kiện nhu cầu tuyển dụng của Khoa Chính sách công cũng như của Học viện đều được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông. Do đó, giai đoạn 2016-2022, mặc dù Khoa có sự biến động về nhân sự như có Giảng viên đi học, có giảng viên nghỉ hưu ...nhưng Khoa vẫn tuyển đủ số giảng viên với số lượng cụ thể tính đến ngày 31/12/2022 là:

Bảng 6.3.1. Số lượng Giảng viên Ngành QLNN tính đến 31/12/2022

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	01	9,1		01			01		
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	06	54,6	05	01			04	02	
5	Thạc sĩ	04	36,3		04		03	01		
6	Đại học									
	Tổng	11		5	6		03	6	2	

Nguồn: Phòng QLĐT

Căn cứ theo thực tiễn hoạt động và các văn bản pháp quy, hàng năm, Học viện đều tiến hành rà soát lấy ý kiến của các giảng viên về các quy chế, quy định có liên quan đến đồng thời công bố công khai trên nhóm chung và trên website Học viện [H1.06.03.03]. Khoa Chính sách công cũng tham gia góp ý tích cực cho bản dự thảo của các quyết định như quy chế giảng viên, đề án vị trí việc làm của Học viện [H1.06.03.04].

2. Điểm mạnh:

Với hệ thống các văn bản quản lý được rà soát, cập nhật, Học viện và các Khoa chuyên ngành đều nắm rõ các quy định của pháp luật và từng bước chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, đảm bảo các giảng viên được lựa chọn đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về chuyên môn và năng lực giảng dạy. Học viện cần tiếp tục phát huy, đa dạng hóa các hình thức thảo luận, lấy ý kiến, bổ nhiệm nhân sự, đảm bảo tính khách quan và tính dân chủ trong tổ chức

3. Điểm tồn tại:

Trong quá trình phát triển, Học viện thường có những thay đổi về cơ cấu tổ chức dẫn tới những thay đổi về vị trí việc làm hay những tiêu chí cho một số vị trí nhất định. Hơn nữa, mặc dù Học viện có định hướng thành cơ sở đào tạo định hướng nghiên cứu nhưng chưa đưa ra vị trí cũng như tiêu chí lựa chọn nghiên cứu viên.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023-2024, trong quá trình xây dựng kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển Học viện, Khoa sẽ phối hợp với Phòng TC-HC tiếp tục rà soát, hoàn thiện đề án vị trí việc làm để xác định các tiêu chí, các giải pháp tăng cường truyền thông nhằm lựa chọn được những giảng viên có chất lượng.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Nội dung, yêu cầu của đề án vị trí việc làm cần cập nhật và bổ sung nhằm cụ thể hóa chức năng của các đơn vị hỗ trợ (Phòng, Ban, Trung tâm) cũng như đưa ra các yêu cầu – kèm theo bản mô tả công việc cụ thể cho các vị trí được bổ nhiệm

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên, cụ thể như Quy chế giảng viên, Quy chế quản lý khoa học, Quy chế chi tiêu nội bộ..v.v

Theo quy chế giảng viên, năng lực của mỗi giảng viên được xác định tương ứng với các tiêu chí quy định riêng cho từng hạng giảng viên – hạng I, II và III [H1.06.04.01]. Cụ thể tiêu chí phân loại giảng viên căn cứ vào (a) Nhiệm vụ (b) Trình độ đào tạo, bồi dưỡng; (c) năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Tại quy

chế này, năng lực chuyên môn nghiệp vụ cũng được xác định rõ ràng dựa vào (i) kiến thức môn học được phân công và môn học liên quan; (ii) năng lực chủ trì, thực hiện các đề tài khoa học (iii) năng lực biên soạn sách, giáo trình và (iv) các công trình khoa học đã xuất bản. Tương tự, năng lực nghiên cứu khoa học cũng như yêu cầu tương ứng với từng hạng giảng viên đã được xác định trong đề án vị trí việc làm và quy chế quản lý khoa học và công nghệ của Học viện [H1.06.04.02]

Căn cứ vào các văn bản quản lý này, Khoa Chính sách công đã rà soát và kiểm tra kỹ hồ sơ năng lực của các ứng viên khi chuyển công tác đến hoặc tuyển mới. Tất cả Giảng viên của Khoa hiện nay đảm bảo đủ các tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ, Tin học và nghiệp vụ sư phạm. Cho đến nay 100% số Giảng viên của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ Tin học ứng dụng (IC3) và trình độ ngoại ngữ B1 hoặc đại học trở lên [H1.06.04.07].

Ở một số văn bản quản lý khác, Học viện có quy định khá rõ về khối lượng công việc đối với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên làm căn cứ giám sát, trên cơ sở đó cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Giảng viên. Cụ thể, tại quyết định số 776/QĐ-HVCSPT ngày 4/10/2021 quy định về hoạt động quản lý Khoa học và Công nghệ, tương đương với từng hạng giảng viên, Học viện đều đưa ra các quy định cụ thể liên quan đến hoạt động NCKH [H1.06.02.06]. Chẳng hạn như, quyết định này quy định Giáo sư, Giảng viên cao cấp phải đạt 700 giờ NCKH trong đó, phải hoàn thành tối thiểu một công trình, sản phẩm khoa học tương đương một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc là tác giả chính của 1 bài báo nghiên cứu; sau 05 năm phải hoàn thành tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI (trừ các tạp chí thuộc danh mục ESCI) hoặc trong danh mục Scopus.. Những quy định này cũng là những căn cứ cụ thể để đánh giá năng lực nghiên cứu của giảng viên. Những nội dung và tiêu chuẩn cụ thể này đều được thảo luận, thống nhất và áp dụng trong phạm vi toàn Học viện. Giai đoạn 2016-2022, Khoa cũng đã chủ động đề xuất và Học viện cũng áp dụng cơ chế kéo dài thời gian làm việc cho một phó giáo sư đã đến tuổi nghỉ hưu - nhằm tăng cường chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên [H1.06.04.08].

Ngoài ra, các cơ chế đánh giá Giảng viên còn được quy định cụ thể trong Quy chế thu nhập tăng thêm của Học viện ban hành ngày 17/5/2017 theo Quyết định số 281/QĐ-HVCSPT [H1.06.04.06]. Theo Quy chế này, việc đánh giá, xếp loại giảng viên được quyết định căn cứ vào ba nhóm tiêu chí chính: (i) Căn cứ theo biên bản bình xét của Khoa/ Bộ môn (trưởng Khoa/ Bộ môn căn cứ vào kết quả, chất lượng, khối lượng công việc; số liệu chấm công của cán bộ, viên chức thuộc phạm vi quản lý để đánh giá, xếp loại); (ii) Căn cứ vào số liệu chấm

công từ máy chấm công theo lịch giảng; (iii) Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra đột xuất của các phòng ban chức năng.

Ngoài ra, đối với giảng viên, Học viện còn có cơ chế để người học đánh giá quá trình giảng dạy của giảng viên sau mỗi đợt học. Kết quả đánh giá đều được công bố công khai và họp rút kinh nghiệm tại Khoa [H1.06.04.03]. Giai đoạn từ 2016-2022, kết quả đánh giá cho thấy, 100% giảng viên bao gồm cả giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng ngành QLNN chuyên ngành QLC đều đáp ứng tốt các yêu cầu cho giảng dạy [H1.06.04.02][H1.06.04.04]. Các nội dung như họp bàn về phương pháp giảng dạy, lắng nghe ý kiến sinh viên cũng được các Khoa chuyên Ngành họp bàn thảo luận tại Khoa [H1.06.04.05].

Trên cơ sở quy trình và hướng dẫn của các văn bản pháp quy về đánh giá xếp loại cán bộ công chức, viên chức, Học viện cũng tổ chức đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành công việc hằng năm của giảng viên. Việc đánh giá giảng viên cuối năm được căn cứ trên dữ liệu đánh giá hàng tháng và được thực hiện từ nhiều phía, bao gồm giảng viên tự đánh giá, và đánh giá của đơn vị [H1.07.03.01]. Quá trình đánh giá này cũng giúp cho cá nhân mỗi giảng viên nhìn nhận lại về quá trình giảng dạy, bồi dưỡng rèn luyện chuyên môn, đạo đức tác phong nghề nghiệp để từ đó có ý thức gìn giữ và phát huy năng lực nghề nghiệp. Thông thường kết quả đánh giá xếp loại được thực hiện ở 2 cấp – cấp Khoa và cấp Học viện - phân theo 04 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Giai đoạn 2016-2022 kết quả đánh giá xếp loại của các giảng viên trong Khoa đều ở mức tốt (Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên); các giảng viên của Khoa cũng nhận được giấy khen của Giám đốc và Khoa cũng đạt được danh hiệu lao động tiên tiến trong nhiều năm [H1.06.02.09], [H1.06.02.10].

2. Điểm mạnh:

Học viện đã xác định được các tiêu chí và quy định rõ ràng trong văn bản về yêu cầu đối với giảng viên, nghiên cứu viên. Nội dung của các văn bản cũng như công tác đánh giá, xếp loại giảng viên cũng được triển khai một cách công khai, minh bạch và nhất quán. Nhờ đó, năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát và đánh giá theo đúng quy định của Nhà nước và đảm bảo tính chính xác, khách quan. Các kết quả đánh giá chính là căn cứ để các cấp có những giải pháp quản lý phù hợp và giảng viên cũng có kế hoạch nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu của mình.

3. Điểm tồn tại:

Các tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên còn chưa được xây dựng một cách hệ thống và dựa trên kết quả đầu ra. Học viện cũng chưa ban

hành các văn bản hướng dẫn cụ thể để thành lập các nhóm nghiên cứu hay quy định rõ ràng về vị trí nghiên cứu viên (có nghiên cứu viên vẫn thực hiện hoạt động kiêm giảng). Ngoài ra, công tác đánh giá xếp loại giảng viên cũng căn cứ vào các nghị định, thông tư hướng dẫn mà chưa có văn bản hướng dẫn về phương thức, quy trình đánh giá ở cấp Học viện để đảm bảo việc đánh giá chính xác, phản ánh tính đặc thù, khác biệt giữa nhóm giảng viên/nghiên cứu viên với nhóm cán bộ Phòng ban.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ năm học 2023 trở đi, Phòng TC-HC kết hợp với Trung tâm KT&ĐBCL nghiên cứu, đề xuất ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn, đặc biệt là các văn bản như quy chế làm việc, quy chế giảng viên, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thu nhập tăng thêm nhằm đánh giá đầy đủ năng lực (đặc biệt năng lực nghiên cứu và phục vụ cộng đồng) và trách nhiệm, mức độ hoàn thành công việc của giảng viên.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2023, Phòng TC-HC cần chuẩn hóa quy trình đánh giá, đặc biệt kết hợp với các Khoa rà soát, điều chỉnh tiêu chí, phương thức đánh giá dựa trên các văn bản quản lý mới để tránh bệnh hình thức.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Đầu mỗi giai đoạn kế hoạch 5 năm, Học viện đã ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, trong đó nêu rõ, mục đích, đối tượng và kế hoạch đào tạo dự kiến hàng năm. Cụ thể, tại quyết định số 24/QĐ-HVCSPT ban hành ngày 22 tháng 1 năm 2016, về kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2016-2020, Học viện đã căn cứ vào nhu cầu đào tạo của các đơn vị để xác định các loại hình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ giảng viên [H1.06.05.01].

Hầu hết các giảng viên tại Học viện nói chung và Khoa Chính sách công nói riêng đều là những người có nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH, bồi dưỡng kiến thức về Đảng hay tham gia các lớp trung cấp, cao cấp lý luận chính trị. Trên cơ sở kế hoạch 5 năm, Học viện xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Tính đến 2022, 100% giảng viên tham gia giảng dạy có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo dục đại học và có trình độ thạc sỹ trở lên [H1.06.05.01]. Giai đoạn

2016-2022, Khoa Chính sách công đã cử một giảng viên đi học lớp cao cấp lý luận chính trị; hai giảng viên đi học tập ở trình độ Tiến sỹ; hai giảng viên khác thuộc Khoa Chính sách công đã thi nâng hạng và được xếp vào ngạch bậc Giảng viên chính.[H1.06.05.04]

Tại một số văn bản quản lý khác, Học viện cũng có chính sách rõ ràng nhằm khuyến khích các giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ tham gia học tập, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Cụ thể, Học viện áp dụng chính sách giảng viên trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được hưởng 40% mức lương hiện hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội; trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước được giảm 20% khối lượng công việc [H1.06.05.06]. Các giảng viên đi học được hỗ trợ học phí theo quy định [H1.06.05.03]. Nhờ những chính sách đúng đắn này mà Khoa Chính sách công cũng đã cử 01 giảng viên đi học Tiến sỹ ở nước ngoài và 01 giảng viên đi học nâng cao trình độ (ngắn hạn) tại Mỹ. 01 giảng viên đi học nâng cao trình độ (ngắn hạn) tại Trung Quốc.

Ngoài những hoạt động đào tạo tại chỗ do Học viện tổ chức, Học viện còn phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhằm tăng cường cơ hội học tập nâng cao trình độ cho giảng viên. Hàng năm, trên cơ sở quy định của Bộ và Học viện, các Khoa quản lý ngành và chuyên ngành đều tiến hành lấy ý kiến, tìm hiểu nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng của cán bộ giảng viên, sau đó nộp về Phòng TC-HC tổng hợp và gửi tới Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ [H1.06.05.05]. Trong giai đoạn 2016-2022, Học viện đã cử các giảng viên thuộc Khoa Chính sách công tham gia nhiều khóa học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn tại Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ cũng như tham gia các hội thảo, hội nghị chuyên ngành về phân tích chính sách, thống kê kinh tế, viết bài báo quốc tế tại các đơn vị khác. [H1.06.05.04]. Cuối năm, Khoa cũng tiến hành họp, rút kinh nghiệm về quá trình thực hiện các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Những hoạt động nêu trên đã góp phần tăng cường chất lượng cho đội ngũ giảng viên tại Học viện.

2. Điểm mạnh:

Học viện và Khoa quản lý ngành đã quan tâm, thúc đẩy công tác đào tạo dựa trên nhu cầu đào tạo của đội ngũ giảng viên. Học viện cũng có các chính sách nhằm khuyến khích các giảng viên tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên của Học viện được xây dựng trên yêu cầu của CTĐT, phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển của Học viện và được triển khai thực hiện.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù có kế hoạch nhưng thời gian tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chưa hoàn toàn phù hợp với lịch giảng dạy của giảng viên. Các quy định về trách nhiệm học tập nâng cao trình độ (kèm theo thời lượng học tập) chưa được quy định cụ thể trong quy chế giảng viên và quy chế khác của Học viện. Do đó, kế hoạch hỗ trợ, phân bổ cho công tác đào tạo còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ năm 2023, các Khoa, Bộ môn, Phòng TC-HC tổ chức nghiên cứu, đổi mới hình thức lấy ý kiến /khảo sát nhu cầu đào tạo và các ý kiến đánh giá của giảng viên nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm 2023 Học viện cần rà soát và có quy định cụ thể hơn về số giờ đào tạo bắt buộc cũng như việc đánh giá hiệu quả sau đào tạo. Phòng TC-HC phối hợp các đơn vị chức năng ban hành kế hoạch ngân sách hằng năm cho công tác đào tạo và sắp xếp, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian thích hợp với giảng viên (nghỉ hè, tuần dự trữ).

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động quản lý, đánh giá công việc của giảng viên, nghiên cứu viên đều được thực hiện theo nguyên tắc quản trị theo kết quả đầu ra. Cụ thể, đối với hoạt động quản lý hành chính, đầu năm học các Khoa, Phòng đều tiến hành xây dựng kế hoạch công việc của cả năm và dự toán ngân sách cho từng nội dung công việc. Tương tự, các hoạt động như đăng ký thi đua cũng được thực hiện tại mỗi đơn vị đầu năm học.

Trên cơ sở kế hoạch năm, các Khoa nói chung và Khoa Chính sách công nói riêng đều đưa ra kế hoạch tháng và các hoạt động nhằm cụ thể hóa kế hoạch. Các hoạt động này đều đã được thảo luận trong Khoa và giao về từng giảng viên với những nhiệm vụ cụ thể như giảng dạy các bậc đại học, chất lượng cao; NCKH (viết giáo trình, tài liệu, bài báo, tạp chí, hội thảo...); hướng dẫn NCKH sinh viên, công tác cố vấn học tập, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng [H1.06.06.01].

Các kế hoạch sau khi thực hiện đều được đánh giá định kỳ theo tháng. Các Khoa đều tiến hành họp tổng kết công việc hàng tháng của Khoa và đánh giá kết quả công việc của giảng viên trong tháng. Ngoài cuộc họp đánh giá ở cấp Khoa, Học viện còn có cơ chế điểm danh bằng vân tay và đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên theo tháng. Một Hội đồng xét thu nhập tăng thêm của Học viện được thành lập với đại diện là các thành viên của các đơn vị Khoa /phòng tham dự. Trên cơ sở kết quả đánh giá xếp loại giảng viên (theo A, B, C, D) ở cấp Khoa [H1.06.06.05]. Hội đồng xét thu nhập tăng thêm của Học viện đánh giá và công nhận kết quả phân loại theo tháng (xếp loại A, B, C, D) để làm cơ sở chi trả thu nhập tăng thêm cho giảng viên .[H1.06.06.06].

Các kết quả công việc cuối mỗi năm học của giảng viên cũng được đánh giá một cách công khai, minh bạch. Kết thúc năm học, các giảng viên đều phải thực hiện kê khai kết quả cụ thể khối lượng công việc đã thực hiện bao gồm: giờ NCKH; giờ giảng dạy, giờ hướng dẫn thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, luận văn cao học, giờ trông thi, chấm thi, ra đề thi và các hoạt động chuyên môn khác như các hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập, hoạt động phong trào nhằm gắn kết và phục vụ cộng đồng [H1.06.06.03]. Các kết quả này sẽ được rà soát bởi Lãnh đạo các đơn vị chức năng như Phòng QLĐT, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác và Phòng Kế hoạch - Tài chính. Các hoạt động đánh giá và khối lượng giờ giảng, giờ nghiên cứu khoa học đều được công bố công khai trên website Học viện hoặc đăng ở bản tin của Học viện [H1.06.06.02][H1.06.06.08]. Căn cứ vào các kết quả này, Giảng viên có số lượng giờ giảng vượt định mức đều được thanh toán tiền vượt giờ. Ngược lại những Giảng viên chưa thực hiện đủ định mức giờ giảng hoặc NCKH cũng đều bị giảm trừ thu nhập như quy định tại các Quy chế quản lý của Học viện [H1.06.06.04].

Mức độ hoàn thành công việc của giảng viên cũng là cơ sở để đánh giá phân loại viên chức và xét các danh hiệu thi đua, và hình thức thi đua khen thưởng tại Học viện [H1.06.06.07]. Tính từ 2016 đến nay giảng viên Khoa Chính sách công không có ai bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ, hầu hết các Giảng viên nghiên cứu viên đều được đánh giá ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 90,9 % giảng viên của Khoa đã được giấy khen của Giám đốc đồng thời có 02 giảng viên đã có 2 năm đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua và được nâng lương trước thời hạn [H1.06.06.07]. . Tất cả các hoạt động bình xét ở cấp Khoa đều được thực hiện công khai và tiếp đến là sự bình chọn của Hội đồng thi đua khen thưởng. Học viện cũng không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng hay nâng lương trước thời hạn.

2. Điểm mạnh

Các văn bản quản lý của Học viện đều quy định khá cụ thể về các kết quả cần đạt được đối với mỗi giảng viên liên quan đến các nhiệm vụ như giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Công tác khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên cũng được tổ chức đúng quy định của pháp luật, giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học

3. Điểm tồn tại

Tuy nhiên, hiện nay tiêu chí đánh giá phân loại theo tháng đối với giảng viên cũng như của cán bộ Học viện vẫn đang được thực hiện máy móc, dựa trên các kết quả điểm danh bằng vân tay. Trong khi các tiêu chí khác nhằm phân bổ kinh phí, đánh giá mức độ hoàn thành công việc được giao, tiêu chí thi đua khen thưởng chưa có quy định đầy đủ và khó đo lường (ví dụ tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ do lãnh đạo Học viện/Khoa giao)

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm học 2023 – 2024, Học viện rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng, ưu đãi cho giảng viên (ví dụ hỗ trợ khi đi học Tiến sỹ) nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2023 - 2024, Phòng TC-HC và thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng cần nghiên cứu hoàn thiện các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc, ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết nhằm đánh giá và lượng hóa mức độ hoàn thành công việc một cách khoa học (sử dụng KPI).

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH mà giảng viên phải thực hiện. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên đều tuân thủ theo quy định chung về tiêu chuẩn tương ứng với các chức danh của giảng viên. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, Học viện đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ (Quyết định số 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/07/2018; Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 4/10/2021) trong đó quy định rõ các loại hình hoạt động NCKH mà giảng viên

phải đảm nhiệm được xác định theo hạng bậc, trình độ học vấn của mỗi giảng viên [H1.06.07.01].

Cụ thể, điều 6 - Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 4/10/2021 quy định rõ: Đối với giảng viên yêu cầu thấp nhất là hàng năm phải hoàn thành tối thiểu 01 công trình, sản phẩm khoa học tương đương với 01 đề tài NCKH cấp cơ sở (với vị trí là chủ nhiệm đề tài) được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc 01 bài báo nghiên cứu (là tác giả chịu trách nhiệm chính của bài báo) được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN có điểm công trình từ 0.5 trở lên hoặc một báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành (bài báo nghiên cứu phải liên quan tới lĩnh vực đào tạo và định hướng nghiên cứu của Học viện). Tương tự, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp, hàng năm phải chủ nhiệm 01 đề tài/đề án khoa học từ cấp cơ sở (hoặc tương đương) trở lên; hoặc có ít nhất 01 công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0.5 trở lên; hoặc một báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành; Sau đến 05 năm tối thiểu phải hoàn thành tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI (trừ các tạp chí thuộc danh mục ESCI) hoặc trong danh mục Scopus [H1.06.07.01]. Ngoài ra, Quy chế giảng viên sửa đổi theo Quyết định số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018. cũng có nội dung quy định về trách nhiệm NCKH của giảng viên [H1.06.07.03] .

Trên cơ sở những quy định này, cuối mỗi năm học, các Khoa đều lập báo cáo tổng hợp về hoạt động NCKH của giảng viên trong khoa, đồng thời phối hợp với Phòng quản lý khoa học rà soát kết quả, công bố công khai trên website của Học viện [H1.06.07.03]. Khoa Chính sách công cũng như các khoa khác đều phải xây dựng báo cáo đồng thời đề xuất với Học viện các biện pháp để thúc đẩy hoạt động NCKH của giảng viên thông qua Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm [H1.06.07.02] .

Với những quy định chặt chẽ nêu trên, giai đoạn 2016-2020, Khoa Chính sách công đã thực hiện nhiều đề tài có chất lượng về mặt khoa học. Các công trình nghiên cứu của các giảng viên trong khoa đã thực hiện gồm 6 đề tài cấp Nhà nước, 21 đề tài cấp Bộ và 29 đề tài cấp trường. Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT là 49,5 / (cán bộ cơ hữu). Doanh thu từ hoạt động chuyển giao khoa học và công nghệ cũng không ngừng tăng qua các năm (xem phụ lục 7).

Bảng 6.7.1. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	1	1	0	0	6
2	Đề tài cấp Bộ/ Tỉnh*	1,0	2		9	6	3	1	21
3	Đề tài cấp trường	0,5	4	2	24	8	9	11	29
Tổng									56

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác

Các giảng viên trong Khoa cũng hợp tác với các nhà nghiên cứu khác để viết các giáo trình phục vụ cho giảng dạy. Một số công trình tiêu biểu của giảng viên trong khoa được ứng dụng vào giảng dạy cho sinh viên như Giáo trình Chính sách xã hội, Giáo trình Phân tích Chính sách...Số lượng các công trình nghiên cứu, bài báo khoa học cũng không ngừng tăng lên với tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 489,5/(cán bộ cơ hữu).

Bảng 6.7.2. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

T T	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	17	15	10	13	12	19	129
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	30	27	42	60	92	102	353
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	16	33	16,5
Tổng			47	42	52	73	120	154	498,5

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác

Bảng 6.7.3. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	13	160	61
Từ 6 đến 10 bài báo	0	4	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	13	16	61

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác

Đặc biệt, các quy định của Học viện cũng quan tâm đến các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của sinh viên và học viên Cao học. Tổng số các công trình nghiên cứu khoa học của Sinh viên được nghiệm thu trong 5 năm gần đây đều chiếm tỷ lệ cao. Giai đoạn 2016 đến nay, đã có hơn 200 học viên cao học đã tốt nghiệp với sự hỗ trợ về mặt chuyên môn của Khoa (Xem phụ lục 7).

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên ngành QLNN chuyên ngành QLC đã tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: thực hiện các đề tài khoa học, các dự án tư vấn, viết các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình sách chuyên khảo.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH của giảng viên QLNN chuyên ngành QLC còn bị hạn chế vì các quy định quản lý hoạt động NCKH của các giảng viên và sinh viên hay thay đổi, gây khó khăn cho quá trình thực hiện. Học viện còn ít các hoạt động như hướng dẫn các giảng viên trẻ tham gia NCKH, các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, hình thành các nhóm nghiên cứu tạo các diễn đàn, các cuộc thi NCKH giữa giảng viên, học viên cao học và các nhà nghiên cứu khác nhằm phát huy chuyên môn của khoa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- **Phát huy điểm mạnh:** . Từ năm học 2023, Ban lãnh đạo Học viện cần quan tâm, chỉ đạo, phân bổ ngân sách tốt hơn cho hoạt động NCKH. Các giảng viên trong Khoa cần chủ động tích cực trong các hoạt động trao đổi kinh nghiệm,

thực hiện các đề tài, dự án, học hỏi và đăng bài trên các báo, tạp chí khoa học có uy tín.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Các quy định quản lý hoạt động NCKH của các giảng viên và sinh viên hay thay đổi, gây khó khăn cho quá trình thực hiện. Học viện còn chưa tích cực trong các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, hình thành các nhóm nghiên cứu, hướng dẫn các giảng viên trẻ thực hiện viết và đăng bài trên các báo, tạp chí khoa học.

5. *Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).*

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

a. Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

+ Học viện luôn chú trọng đến quy hoạch đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản cho các giai đoạn ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ.

+ Học viện có các quy định cụ thể về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên với các tiêu chí đánh giá rõ ràng và minh bạch. Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng để giảng dạy cho sinh viên ngành QLNN chuyên ngành QLC và sinh viên thuộc các ngành khác trong Học viện.

+ Với những tiêu chuẩn rõ ràng, Học viện đã chuẩn hóa đội ngũ giảng viên đảm bảo chuyên môn và năng lực giảng dạy. Các hình thức đánh giá năng lực của giảng viên đa dạng, khách quan và được công bố công khai. Các tiêu chí phân hạng giảng viên, đánh giá dựa trên kết quả đầu ra đã có nhưng cần quy định cụ thể hơn nữa.

+ Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng và đánh giá theo đúng quy trình và đảm bảo tính chính xác, khách quan. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

+ Quá trình xác định nhu cầu đào tạo của đội ngũ giảng viên đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Khoa và Học viện luôn cập nhật nhu cầu đào tạo của cán bộ giảng viên theo yêu cầu của chương trình đào tạo và tạo điều kiện để đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

+ Học viện có quy định cụ thể, rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên không chỉ giúp

tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt.

+ Đội ngũ giảng viên ngành QLNN tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, viết các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình sách chuyên khảo.

b. Điểm tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:

+ Chưa có nhiều kênh truyền thông về thông tin tuyển dụng giảng viên và nghiên cứu viên.

+ Các quy định về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên cũng như quy định về quy đổi khối lượng công việc tiêu chuẩn nằm ở nhiều văn bản khác nhau.

+ Một số tiêu chuẩn chuyên môn trong Đề án Vị trí việc làm còn chưa cụ thể.

+ Trong Đề án Vị trí việc làm vẫn chưa có căn cứ định biên nhân sự, còn một số tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên còn chưa cụ thể.

+ Thời gian đào tạo, bồi dưỡng chưa hoàn toàn phù hợp với lịch giảng dạy của giảng viên.

+ Một số tiêu chí còn khó đo lường trong đánh giá thực tế công việc.

+ Hoạt động NCKH của giảng viên Ngành QLNN còn tập trung vào một số giảng viên lớn tuổi, có kinh nghiệm nghiên cứu.

Học viện, các Khoa đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

c. Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí, trong đó 05 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm, 02 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Tại Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/7/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển, cơ cấu tổ chức của Học viện được xác định gồm 8 phòng chức năng và trung tâm, đảm nhiệm nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Học viện, gồm Phòng TTC-HC, Phòng QLĐT, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng CT&CTSV, Trung tâm

KT&ĐBCL, Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo và Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông. Tương ứng với cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ được giao, Học viện tiến hành xây dựng đề án vị trí việc làm nhằm kiện toàn bộ máy, chuẩn hóa từng nhiệm vụ đối với từng vị trí việc làm. Ngoài ra, Học viện cũng tiến hành rà soát, phê duyệt các chức danh cán bộ quản lý, chuẩn hóa các quy trình và tiêu chí tuyển dụng, kiện toàn công tác bồi dưỡng và tăng cường năng lực, tăng cường chất lượng hoạt động đánh giá nhằm xây dựng một đội ngũ nhân viên hoạt động chuyên nghiệp và hiệu quả.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2016, Học viện đã xác định tầm nhìn sứ mệnh trở thành cơ sở đào tạo định hướng nghiên cứu, nằm trong nhóm các trường đại học có uy tín. Theo đó, Học viện cũng đã xây dựng Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong chiến lược cũng xác định rõ quan điểm, ưu tiên đầu tư xây dựng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ viên chức đủ về số lượng và chất lượng, có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến [H1.07.01.01]. Quan điểm này cũng đã được thực hiện một cách có hệ thống thông qua công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý và nhân viên.

Cụ thể, trên cơ sở đề án vị trí việc làm năm 2014, Học viện tiếp tục sửa đổi, đệ trình đề án vị trí việc làm mới và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt vào năm 2021. Theo đề án, đến nay Học viện có tám phòng chức năng và trung tâm, đảm nhiệm nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện, gồm Phòng TC-HC, Phòng QLĐT, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng CT&CTSV, Trung tâm KT&ĐBCL, Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo và Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông [H1.07.01.01].

Nội dung của đề án cũng xác định, để phục vụ nhu cầu mở rộng quy mô phát triển, Học viện đã đề xuất 36 vị trí việc làm (tương ứng với 243 lao động) trong đó có 2 nhân viên thư viện, 1 nhân viên y tế và 46 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ, chiếm tỷ lệ 19% trong tổng số nhu cầu nhân sự. Ngoài ra, Học viện cũng xác định, tổng số vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên môn (đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng, ban, trung tâm nhằm thực hiện các công

việc quản lý, duy trì hệ thống thông tin và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng) là 59 người, chiếm 24,3% [H1.07.01.06].

Từ chiến lược đã được hoạch định, hằng năm, Học viện đều có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trên cơ sở biên bản đề xuất nhu cầu nhân lực của các Khoa, phòng ban, trung tâm [H1.07.01.05]. Học viện cũng đã xây dựng kế hoạch và tăng cường các hoạt động thu hút nhân sự phù hợp tới làm việc [H1.07.01.02]. Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý cũng đã được rà soát hằng năm. Các quyết định quy hoạch đội ngũ nhân viên đều thực hiện theo quy trình lấy ý kiến từ dưới lên. Ngoài ra, Học viện cũng có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và đã cử 80 lượt nhân sự tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm, tập trung vào các chuyên môn như kiểm định, nghiệp vụ thư viện, công nghệ thông tin.v.v [H1.07.01.04] Trong giai đoạn 2016-2022 Khoa cũng đã cử 1 Giảng viên kiêm cán bộ quản lý đi học lớp bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị và 8 CBGV đi học các lớp bồi dưỡng khác [H1.07.01.05]

Đặc biệt trong giai đoạn diễn ra dịch bệnh Covid, Học viện đã có đội ngũ nhân viên CNTT nhiệt tình trách nhiệm, kịp thời thiết lập và hỗ trợ các CBGV vận hành hệ thống các phần mềm quản lý, phần mềm giảng dạy online [H1.07.01.07]. Các hoạt động khác nhằm thích ứng với giai đoạn dịch bệnh cũng được Học viện chú ý như tập huấn cho các CBGV sử dụng e-office, sử dụng thư viện số, coi thi và chấm thi online. Nhờ đó các hoạt động đào tạo của chương trình QLNN, chuyên ngành QLC cũng diễn ra rất thuận lợi. Chất lượng và số lượng các cán bộ, giảng viên tham gia trực tiếp vào các hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Khoa được nâng lên qua mỗi năm.

Bảng 7.1. Số lượng nhân viên tính đến ngày 31/12/2022

Nhân viên	Trình độ cao nhất đạt được				Tổng số
	THPT	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Nhân viên thư viện			2		2
Nhân viên phòng thí nghiệm					0
Nhân viên CNTT		1	2		3
Nhân viên hành chính			3		3
Nhân viên hỗ trợ người học		3	6	1	10
Tổng số					18

Nguồn: phòng Tổ chức Hành chính

Những nhân viên nêu trên đã tham gia hỗ trợ tất cả các hoạt động đào tạo và NCKH của Giảng viên, sinh viên của Học viện. Ngoài ra, trực tiếp hỗ trợ ở Khoa thường xuyên có 01 trợ lý và 04 cố vấn học tập/năm học. Trợ lý Khoa và các cố vấn học tập đều là người có từ 5-7 năm kinh nghiệm – tham gia giảng dạy ở Học viện từ ngày đầu thành lập. Khảo sát cựu sinh viên cho thấy, tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nhận định “*Cố vấn học tập/Giáo viên chủ nhiệm tư vấn, hỗ trợ tích cực trong quá trình học*” lần lượt là 59% và 41%.

Quá trình tổ chức, các kết quả đánh giá đều cho thấy năng lực và trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo nghiên cứu khoa học của chương trình QLNN nói riêng và cho Học viện nói chung đã đáp ứng được yêu cầu [H1.07.01.09]. Các hoạt động đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng cũng đã ghi nhận những nỗ lực của các cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ. Khoa Chính sách công cũng trở thành đơn vị có các cá nhân, tập thể đạt thành tích cao với 01 năm đạt tập thể lao động xuất sắc và 04 năm đạt tập thể lao động tiên tiến [H1.07.01.08].

2. Điểm mạnh

Từ chiến lược, đề án vị trí việc làm đến thực tiễn hoạt động, Học viện đã luôn chú trọng tới đội ngũ nhân viên (chiếm 43,2% tổng số nhân sự) nhằm đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng, phục vụ tốt nhất nhu cầu phát triển của Học viện. Số lượng cán bộ, nhân viên của Học viện đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Một số quy định tại Học viện chưa cụ thể (ví dụ vị trí Trợ lý khoa kiêm nhiệm). Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn một tỉ lệ nhất định sinh viên và giảng viên chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối Phòng, Ban, Trung tâm.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Các khoa phối hợp với các Phòng, Trung tâm tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực, xác định cụ thể các tiêu chí tiêu chuẩn để tuyển dụng, đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên giỏi.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2023-2024, Học viện cần quan tâm hơn tới công tác quy hoạch lãnh đạo các phòng ban và Tung tâm thông tin - thư viện, đồng thời củng cố những chức danh chuyên môn nhằm tăng cường công tác truyền thông, duy trì hệ thống thông tin thông suốt và hỗ trợ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, Khoa cần tăng cường vai trò của trợ lý Khoa và các hoạt động chuyên môn, hỗ trợ các hình thức sinh hoạt CLB của sinh viên và các hoạt động thực tế, thực tập, phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí 7.1: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển cán bộ, nhân viên tại Quyết định số 40/QĐ-HVCSPT ngày 19/03/2012 về quy trình tạm thời tuyển dụng lao động hợp đồng của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.07.02.01][H1.07.02.02]. Theo đó, đối với nhân viên, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên bao gồm 8 bước. Cụ thể gồm: Xác định nhu cầu tuyển dụng; Kế hoạch nhân sự; Phê duyệt kế hoạch nhân sự; Thông báo tuyển dụng; Thu nhận hồ sơ và sơ tuyển; Tổ chức kiểm tra chuyên môn và phỏng vấn; Thông báo kết quả và ký hợp đồng lao động và tiếp nhận nhân viên mới.

Hằng năm, Học viện cũng ban hành các kế hoạch tuyển dụng với những tiêu chí cụ thể về tuyển dụng. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên đều được dựa trên những tiêu chí rõ ràng về bằng cấp, tuổi đời, phẩm chất đạo đức, sức khỏe, các kết quả đạt được trong thời gian công tác [H1.07.02.01][H1.07.02.02]; [H1.07.02.04]. Những tiêu chí này được đưa ra dựa trên yêu cầu của các vị trí công việc tại khối Phòng, Trung tâm tại Đề án vị trí việc làm của Học viện

Tất cả quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, và điều chuyển nhân viên đều được gửi dự thảo để lấy ý kiến của các đơn vị bằng văn bản cũng như lấy ý kiến tại các buổi Hội nghị Viên chức và người lao động hàng năm [H1.07.02.05] đồng thời được đăng công khai trên website Học viện tại địa chỉ www.apd.edu.vn.

Ngoài ra, hằng năm Học viện đều tiến hành rà soát và bổ sung quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý [H1.07.02.06]. Quy trình thực hiện rà soát quy hoạch cán bộ quản lý đều được thực hiện dân chủ, theo quy trình lấy ý kiến từ dưới lên [H1.07.02.02]. Các quyết định quy hoạch cũng được phổ biến công khai trên các kênh thông tin nội bộ của Học viện. Kết quả hoạt động tuyển dụng như sau:

Bảng 7.2. Kết quả hoạt động tuyển dụng nhân sự Khoa Chính sách công

Tuyển dụng	Vị trí	Số lượng	Trình độ	Kinh nghiệm
Tuyển mới	Cố vấn học tập	02	Tiến sỹ	5 năm
Luân chuyển	Trợ lý Khoa	01	Thạc sỹ	10 năm

Nguồn: Khoa Chính sách công

Tuy nhiên, hoạt động tuyển dụng, điều động và bổ nhiệm của Học viện chủ yếu dựa vào nguồn lực nội bộ - bên trong Học viện, nhưng lại chưa gắn kết nhiều với kết quả đánh giá viên chức và thành tích của các cán bộ. Tại Học viện, các vị trí quản lý phải sử dụng cán bộ kiêm nhiệm còn khá nhiều. Các thông tin tuyển dụng mặc dù đã được phổ biến ra công chúng nhưng chủ yếu chỉ đăng trên trang website của Học viện. Điều này cũng khiến cho nguồn tuyển dụng của các ứng viên chưa đa dạng và phần nào làm hạn chế kết quả tuyển dụng.

2. Điểm mạnh

Các văn bản quy định về việc tuyển dụng, quy hoạch và lựa chọn, điều chuyển nhân viên của Học viện đều được công bố công khai, có tiêu chí và qui trình rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Các kênh để phổ biến thông tin tuyển dụng, kết quả tuyển dụng chưa thật sự đa dạng. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ chưa có tiêu chí đánh giá toàn diện và chưa gắn với thành tích của các cán bộ. Học viện còn sử dụng nhiều cán bộ quản lý kiêm

4. Kế hoạch hành động:

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Từ năm học 2023-2024 trở đi, Khoa quản lý tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện các quy trình, tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn được những nhân viên phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc.

- ***Khắc phục tồn tại:*** Từ năm học 2023-2024 trở đi, các phòng ban liên quan cần chú ý hơn tới công tác truyền thông – tăng cường phối hợp với các Khoa phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng nội bộ cũng như thông báo trên báo điện tử, truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu sinh viên.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.2: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ nhân viên đã được xác định khá cụ thể cả ở nhân lực đầu vào (giai đoạn tuyển dụng) và đầu ra (kết quả hoạt động) của Học viện. Ở giai đoạn tuyển dụng, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định khá cụ thể ở các quy định trong Đề án vị trí việc làm và trong nghị quyết số 06 ngày 21 tháng 9 năm 2021 ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí của Học viện CSPT. Tại những văn bản này, năng lực của đội ngũ nhân

viên được xác định trên cơ sở tiêu chuẩn năng lực chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết [H1.07.03.01].

Trong quá trình sử dụng nhân sự, năng lực nhân viên được đánh giá trên cơ sở quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 và Nghị định số N90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá và phân loại cán bộ công chức và viên chức, hàng năm. Học viện đã thực hiện việc đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, quy trình và xếp loại theo quy định tại Nghị định [H1.07.03.02].

Quá trình đánh giá được thực hiện vào cuối mỗi năm học. Công tác đánh giá được thực hiện ở cấp Khoa, Phòng, Trung tâm, bắt đầu từ việc cá nhân tự đánh giá - thông qua bản kiểm điểm cá nhân. Tiếp đó, tập thể Khoa sẽ tiến hành thảo luận và xem xét các kết quả, ưu nhược điểm của từng cá nhân. Kết quả đánh giá ở cấp Khoa sẽ tiếp tục được Hội đồng Thi đua khen thưởng của Học viện bình xét [H1.07.03.03].

Nhìn chung, quy trình đánh giá CBGV đã tuân thủ theo nghị định và hướng dẫn của Bộ nội vụ, đảm bảo sự tham gia của chính cán bộ, nhân viên, đồng nghiệp và các cấp quản lý. Thông qua bốn mức đánh giá - hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ, Hội đồng thi đua khen thưởng của Học viện đã bình xét các danh hiệu thi đua và tặng giấy khen cho các cá nhân, đơn vị có thành tích trong công tác

Trên cơ sở kết quả xếp loại nêu trên, Học viện tiến hành xếp loại thi đua khen thưởng. Cơ chế xếp loại được thực hiện dựa trên báo cáo thành tích của các cá nhân và cơ chế bình xét của Hội đồng thi đua khen thưởng. Theo các mức cụ thể, các hình thức khen thưởng gồm Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Lao động tiên tiến và các cán bộ, nhân viên được Giám đốc Học viện tặng giấy khen. Trong giai đoạn từ 2016-2022, đa số nhân viên phục vụ, trợ lý các khoa đều hoàn thành nhiệm vụ ở mức tốt và xuất sắc. Cho đến nay, Khoa đã có 02 cán bộ, giảng viên đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và 01 giảng viên được nâng lương trước thời hạn. Đa số các CBGV đều được Giám đốc Học viện tặng giấy khen. Tập thể Khoa Chính sách công cũng liên tục nhận được danh hiệu tập thể lao động tiên tiến [H1.07.03.03].

Bảng 7.3 : Kết quả đánh giá công việc mỗi năm học của nhân viên

Mức độ hoàn thành công việc	Năm học					
	2016 - 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
1. Trợ lý khoa						
Hoàn thành nhiệm vụ	100%					
Hoàn thành tốt nhiệm vụ		100%	100%	100%	100%	
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ						100%
2. Cố vấn học tập						
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	90,9%	90,9%	90,9%	81%	90,9%	90,9%
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	9,1%	9,1%	9,1%	19%	9,1%	9,1%

Nguồn: Phòng Tổ chức - Hành chính

Ngoài đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm, công việc của các cán bộ, nhân viên còn được đánh giá từ góc nhìn của các đối tượng thụ hưởng dịch vụ, là giảng viên và sinh viên Học viện thông qua các cuộc khảo sát - đánh giá sự hài lòng của cán bộ, sinh viên đối với hoạt động của khối Phòng, Ban, Trung tâm[H1.07.03.04].

2. Điểm mạnh

Cán bộ, nhân viên của Học viện được giám sát thường xuyên (qua công việc hàng ngày) và đánh giá định kỳ hàng tháng/quý dựa trên các tiêu chí quản lý hành chính. Quá trình đánh giá có sự công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Do thiếu văn bản hướng dẫn và các tiêu chí đánh giá chi tiết nên hệ thống đánh giá khen thưởng của Học viện còn máy móc, chủ yếu dựa vào các văn bản hướng dẫn của pháp luật. Nội dung đánh giá và các chỉ tiêu khen thưởng được chưa có sự tính toán rõ ràng chưa gắn với đặc thù của các nhóm công việc (việc hành chính và giảng dạy). Do vậy, hoạt động này chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa ghi nhận và bao quát hết những đóng góp của mỗi nhân viên hay mỗi đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Học viện tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách quản lý nguồn nhân lực và chính sách khen thưởng để phát triển đội ngũ cán bộ (chuyên viên) một cách toàn diện..

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm học 2023-2024 trở đi, ở cấp độ Học viện, Phòng TC-HC nghiên cứu đề xuất với Ban Giám đốc chuẩn hóa các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ (chuyên viên) theo hướng định lượng - dựa trên kết quả đầu ra. Ở cấp độ Khoa, lãnh đạo Khoa cần cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với nhân viên hành chính và đối với giảng viên gắn với đặc thù của công việc.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.3: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Học viện đều thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc. Ngoài ra, Trung tâm Bồi dưỡng Cán bộ Kinh tế - Kế hoạch (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cũng thường xuyên gửi các công văn về việc mở các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ, chuyên viên đối với các đơn vị trực thuộc Bộ [H1.07.04.01]. Kết quả các hoạt động bồi dưỡng cho các cán bộ, chuyên viên của Khoa như sau

Bảng 7.4 Kết quả hoạt động bồi dưỡng cho các cán bộ, nhân viên

STT	Vị trí chuyên môn	Số lượng cán bộ	Nội dung bồi dưỡng	Thời gian
1	Hành chính Học viện	3	Quản lý văn bản hành chính	2016-2017
2	Trợ lý Khoa	1	Chuyên viên	2017-2018
3	Công nghệ thông tin	2	Số hóa tài liệu và E-office	2018-2019

Nguồn: Phòng Tổ chức - Hành chính

Trên cơ sở nguyện vọng của từng cán bộ, nhân viên, cùng với những yêu cầu về trình độ của cán bộ, nhân viên theo từng vị trí việc làm, các Phòng, Ban, Trung tâm đã họp đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị mình, đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên. Những quy định nhằm khuyến khích nhân viên học tập nâng cao trình độ cũng được quy định rõ trong quy chế thu chi nội bộ của Học viện [H1.07.04.03]

Cụ thể, để đáp ứng được nhu cầu đào tạo và duy trì các hoạt động của Học viện trong giai đoạn Covid, đội ngũ nhân viên Công nghệ thông tin (IT) đã tổ chức tập huấn cho toàn bộ cán bộ giảng viên của Học viện về cách sử dụng phần mềm và các thao tác xử lý công văn, giấy tờ. Trợ lý của Khoa cũng được tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng thực thi nhiệm vụ, công vụ, các lớp nghiệp vụ của chuyên viên. [H1.07.04.02]. Tuy nhiên, Học viện vẫn chưa có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ nhân viên.

2. Điểm mạnh

Học viện có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên. Đồng thời đã triển khai những hoạt động thiết thực đáp ứng nhu cầu đào tạo đó.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ năm học 2023-2024, Phòng TC-HC sẽ tiếp tục phối hợp với các Khoa, Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông để phát triển các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm học 2023-2024, Khoa phối hợp với Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch dài hạn bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ nhân viên nhằm tạo cơ hội phát triển.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.4: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở Chiến lược, đề án vị trí việc làm và các văn bản quản lý khác, Học viện đã tiến hành xây dựng kế hoạch cho mỗi năm học. Các khoa, phòng, trung tâm cũng tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động của đơn vị mình. Tương tự, từng nhóm công việc có tính đặc thù như tuyển sinh, kiểm định ..v.v cũng sẽ được quản lý theo những kế hoạch riêng [H1.07.05.01]. Những bản kế hoạch này cùng với các quy chế đánh giá, quy chế thi đua khen thưởng, quy chế thu chi nội

bộ sẽ là những cơ chế chính để công tác quản trị của Học viện được thực hiện theo phương pháp quản trị theo kết quả đầu ra [H1.07.05.03][H1.07.05.02].

Mặc dù Học viện chưa có những quy định thống nhất hay một bản kế hoạch chung về việc theo dõi, giám sát của cán bộ, nhân viên nhưng việc tổ chức các hoạt động, đánh giá hiệu quả công việc của các đơn vị đều được thực hiện theo các cơ chế báo cáo, giám sát định kỳ. Cụ thể, Học viện thực hiện các cơ chế quản lý thời gian làm việc của cán bộ, nhân viên thông qua hệ thống điểm danh bằng vân tay. Cán bộ, nhân viên sẽ thực hiện điểm danh 3 lần mỗi ngày làm việc vào trước 8h00, 13h30 và 17h00. Ngoài ra, Học viện thực hiện cơ chế báo cáo - theo dõi công việc thông qua các buổi họp giao ban hàng tuần và đánh giá xếp loại hàng tháng. Hàng tháng, các phòng ban đều phải xây dựng báo cáo tổng kết và kế hoạch cho tháng tiếp theo. Nội dung của những báo cáo này cũng phần nào đánh giá được kết quả công việc và tình hình quản lý nhân viên của các đơn vị. Căn cứ vào các kết quả điểm danh và mức độ hoàn thành các công việc cụ thể khác, cán bộ, nhân viên sẽ được xếp hạng theo 4 loại A, B, C, D và nhận mức thu nhập tăng thêm tương ứng 100%, 75%, 50% và 25%; điều này được quy định cụ thể trong Quy chế Thu chi nội bộ của Học viện [H1.07.05.03].

Quá trình triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên còn được dựa trên bản mô tả công việc và các quy định khác liên quan tới tính đặc thù của công việc cụ thể. Tùy vào thực tế triển khai mà Học viện cũng thực hiện chính sách chi trả thù lao thêm cho các công việc khác như NCKH, kiểm định, tuyển sinh.. Đặc biệt, Học viện còn chính sách riêng nhằm động viên các cán bộ thuộc các phòng ban, trung tâm, căn cứ vào tính chất công việc và mức độ phục vụ thường xuyên liên tục. Chẳng hạn như, Học viện thực hiện chi trả 10% phụ cấp cho cán bộ, nhân viên công tác tại Học viện qua chi trả thu nhập tăng thêm hay trả phụ cấp trực ký túc xá cho cán bộ phụ trách công tác này [H1.07.05.04]

Lãnh đạo Học viện cũng rất dân chủ trong việc tiếp thu, lắng nghe các ý kiến góp ý của các CBGV. Do đó, giai đoạn 2016-2022, Học viện đã tiến hành sửa Quy chế Thu chi nội bộ ba lần vào năm 2015, 2017, 2022. Cho đến nay, quy chế này vẫn đang tiếp tục được sửa đổi, với sự tham gia thảo luận của toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn Học viện [H1.07.05.05]. Ngoài việc được tham gia ý kiến vào các văn bản, quy chế của Học viện, CBGV của Học viện còn được tham gia giải trình trong các hoạt động xếp hạng, đánh giá kết quả công việc hàng tháng. Chẳng hạn như, căn cứ vào các nhiệm vụ nêu trong đề án vị trí việc làm và đặc thù khác của công việc, mỗi cán bộ, giảng viên sẽ tự xây dựng kế hoạch cho

cá nhân mình. Sau đó bên cạnh kết quả tự đánh giá của cá nhân NLD, mức độ hoàn thành công việc của nhân viên được đánh giá dựa trên sự phân công của lãnh đạo và bằng kết quả xếp loại của Hội đồng thu nhập tăng thêm. Mức độ hoàn thành công việc của giảng viên được tính trên cơ sở kết quả điểm danh và khối lượng giờ giảng, giờ NCKH. Mức xếp hạng thu nhập tăng thêm cũng là cơ sở để xác định mức thưởng cuối năm dành cho toàn thể cán bộ, nhân viên của Học viện [H1.07.05.03]. Khoa đã có 02 giảng viên hai năm liền đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và 90,9% giảng viên của Khoa đã được Giám đốc Học viện tặng giấy khen[H1.07.05.02]

Thực hiện Quy chế về dân chủ, tất cả các cán bộ, nhân viên, giảng viên trong toàn Học viện đều được thông tin để tham gia vào quá trình giám sát, đánh giá cũng như được góp ý cho quá trình xây dựng và thực hiện các quy chế cũng như công quản trị tại Học viện. Quá trình thảo luận, xem xét, xếp hạng từng cán bộ, nhân viên đều có sự tham gia của đại diện là lãnh đạo các Khoa, Phòng, Trung tâm. Mỗi cán bộ, nhân viên đều có cơ hội giải trình, phản biện hoặc nêu ý kiến về những xếp hạng thu nhập tăng thêm hàng tháng [H1.07.05.06].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên của Học viện được quy định rõ ràng và công khai minh bạch trong các quy chế và thông qua các tiêu chí, cơ chế quản trị nội bộ.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống kế hoạch, các tiêu chí đánh lượng chất lượng công việc và hệ thống thông tin quản lý tại Học viện chưa hoàn thiện và đồng bộ. Vì thế còn tồn tại một số bất cập trong hoạt động theo dõi đánh giá. Các hoạt động quản trị - đánh giá hiệu quả của Học viện còn thiên về quản lý hành chính

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023– 2024, Khoa phối hợp với Phòng TC-HC hoàn thiện các quy định và cơ chế quản trị nội bộ, trong đó chú trọng tới nguồn nhân lực. Học viện cũng cần xây dựng các quy định hay xây dựng kế hoạch, thiết lập hệ thống theo dõi đánh giá thống nhất. Các tiêu chí, quy trình đánh giá kết quả thực hiện cũng cần được đổi mới, cập nhật phù hợp với tính chất công việc và vị trí việc làm khác nhau.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2023– 2024, Khoa phối hợp với Phòng TC-HC hoàn thiện các quy định, các tiêu chí định lượng và hệ thống các công cụ theo dõi đánh giá để đánh giá chất lượng công việc (VD hệ thống kế hoạch, thông

tin..v.v). Học viện cần quan tâm nhiều hơn tới các hoạt động đánh giá chất lượng công tác quản trị, các dịch vụ phục vụ người học, cộng đồng

5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.5: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

a. Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:

Học viện có qui trình, tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển rõ ràng và được công bố công khai. Học viện có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển cũng như thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua điểm danh hàng ngày, đánh giá thu nhập tăng thêm hàng tháng) và định kỳ cuối năm học dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.

b. Điểm tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:

Học viện còn khoảng 10-15% tỉ lệ chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối cán bộ, nhân viên Phòng, Trung tâm. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng của Học viện chưa thật sự đa dạng và phong phú. Kinh phí dành cho việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho khối cán bộ, nhân viên còn hạn chế. Bên cạnh đó, hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi chuyên viên. Hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc cũng chưa thực sự hoàn thiện, vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá.

Học viện và Khoa đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

c. Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn 7: Tất cả các tiêu chí (5/5) trong tiêu chuẩn 7 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 05 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/5.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Hàng năm, Học viện có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật, qui mô tuyển sinh của các ngành, trong đó có ngành QLNN đã tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Bên cạnh đó, Học viện cũng có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Các hoạt

động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác được thực hiện thường xuyên để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học, như định kỳ tiến hành tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, gặp gỡ, giao lưu giữa sinh viên với các chuyên gia trong lĩnh vực về quản lý nhà nước, nghiên cứu các chính sách, đầu tư và học hỏi thực tế từ các tổ chức, cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng... Học viện và Khoa cũng phối hợp để xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, hướng đến sự thoải mái cho cá nhân người học.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện Chính sách và Phát triển có chính sách tuyển sinh rõ ràng và được cập nhật hàng năm đối với ngành QLNN, đầy đủ, chi tiết và công khai trong nội dung Đề án tuyển sinh của Học viện [H1.08.01.01], [H1.08.01.02]. Trong Đề án đã xác định đối tượng tuyển sinh, chính sách xét tuyển, chính sách ưu tiên xét tuyển, đối tượng xét tuyển và phương pháp xét tuyển, phạm vi, ngành tuyển sinh, lịch tuyển sinh, phương thức đăng ký dự tuyển, lệ phí tuyển sinh và học phí dự kiến của các chương trình. Phương thức tuyển sinh ngành QLNN: (1) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT và (2) Xét tuyển kết hợp (từ năm 2017). Chỉ tiêu tuyển sinh ngành QLNN được xác định rõ ràng hàng năm với 50 sinh viên/năm, các mã tổ hợp môn xét tuyển theo các khối A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh); D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) và C02 (Toán, Hóa học, Ngữ Văn). Quy trình xét tuyển được xây dựng một cách rõ ràng theo nguyên tắc xét tuyển dựa vào hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành QLNN (như điểm, đối tượng ưu tiên...) được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, đó là mức điểm cộng đối tượng ưu tiên từ 1-2 điểm, mức điểm cộng khu vực ưu tiên từ 0,25-0,75 điểm [H1.08.01.01].

Năm 2018, Học viện xét tuyển theo 2 phương thức: Xét tuyển kết hợp và Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia với 06 tổ hợp xét tuyển như sau: A00, A01, C01, C02, D01, D07. Đối với ngành Quản lý nhà nước thí sinh có 3 môn/bài thi THPTQG năm 2018, trong đó có bài thi môn Toán và 02 môn/bài thi bất kỳ, điểm trúng tuyển ở mức 17.0-19.0 điểm. Năm 2019, về cơ bản không có sự thay đổi so với năm 2018.

Năm 2020: Học viện xét tuyển theo 3 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng; (2) Phương thức xét tuyển riêng; (3) Xét tuyển theo kết quả thi THPT với 08 tổ

hợp xét tuyển như sau: A00, A01, C00, C01, C02, D01, D07, D09. Đối với phương thức xét tuyển riêng, bao gồm 4 hình thức như xét tuyển thẳng; Xét tuyển dựa trên điểm trung bình chung học tập 03 học kỳ, (2 học kỳ lớp 11 và HK1 lớp 12) từ 7,0 trở lên (riêng ngành QLNN từ 6,5 trở lên); - Xét tuyển dựa trên tổng điểm trung bình chung học tập lớp 12 của các môn nằm trong tổ hợp xét tuyển của Học viện; Xét tuyển kết hợp giữa điểm trung bình chung học tập lớp 12 và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020: Thí sinh có điểm trung bình chung học tập lớp 12 từ 7,0 điểm trở lên và có tổng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020 của môn Toán và 02 môn/bài thi bất kỳ đạt từ 17,0 trở lên (gồm cả điểm ưu tiên).

Năm 2021: Học viện xét tuyển theo 3 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng; (2) Phương thức xét tuyển riêng (bổ sung thêm phương thức xét tuyển dựa trên tổng điểm trung bình chung học tập lớp 12 của các môn nằm trong tổ hợp xét tuyển của Học viện áp dụng đối với các thí sinh không tham dự kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2021 do dịch bệnh Covid-19); (3) Xét tuyển theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2021 với 08 tổ hợp xét tuyển như sau: A00, A01, C00, C01, C02, D01, D07, D09. Đối với hình thức Xét tuyển dựa trên tổng điểm trung bình chung học tập lớp 12 của các môn nằm trong tổ hợp xét tuyển của Học viện: Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh có điểm trung bình cộng 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (Điểm học tập lớp 12) từ 7,0 trở lên, riêng ngành Quản lý Nhà nước từ 6,5 điểm; Xét tuyển dựa trên tổng điểm trung bình chung học tập lớp 12 của các môn nằm trong tổ hợp xét tuyển của Học viện áp dụng đối với các thí sinh không tham dự kỳ thi THPT năm 2021 do dịch bệnh Covid-19, đối tượng xét tuyển là: Thí sinh được đặc cách xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2021; Thí sinh đã tốt nghiệp trước năm 2021 đủ điều kiện đã đăng kí dự thi nhưng không tham dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 do địa phương thực hiện giãn cách xã hội.

Năm 2022, Học viện kết hợp các phương thức tuyển sinh của năm 2021 và bổ sung thêm phương thức xét tuyển dựa theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2021, Học viện sử dụng các phương thức tuyển sinh riêng (bao gồm xét kết quả học tập THPT; học sinh đạt giải chính thức kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia, cấp Tỉnh/thành phố, học sinh hệ chuyên; kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với kết quả học tập THPT; kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trước khi xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp; Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL), thí sinh có kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 đạt ngưỡng theo quy định của Học viện: đạt từ 75 điểm trở lên. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá tư duy (ĐGTD): Thí sinh tham dự bài thi đánh giá tư duy (ĐGTD) của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 tổ hợp K02 (NK1, NK2, NK3): Toán, Đọc hiểu và Tiếng Anh.

Chính sách tuyển sinh ngành QLNN được công bố công khai. Các thông tin về tuyển sinh được Học viện và Khoa CSC công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi, các kênh thông tin như website chính thức của Học viện tại địa chỉ www.apd.edu.vn, cổng thông tin tuyển sinh <http://tuyensinh.apd.edu.vn>. Đề án tuyển sinh của Học viện trong giai đoạn 2016 – 2022 ghi rõ, với đối tượng thí sinh trong phạm vi cả nước cụ thể: Học sinh tốt nghiệp THPT, đủ sức khoẻ, không vi phạm pháp luật. Quy trình xét tuyển được ghi rõ. Phương thức tuyển sinh đa dạng, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các Đề án tuyển sinh trong 5 năm được công khai trên cổng thông tin của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin của Học viện, trên một số báo điện tử (Dân trí, Giáo dục thời đại, Đầu tư...) và fanpage, trong các tờ gấp Học viện, các poster [H1.08.01.05]. Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch xúc tiến tuyển sinh [H1.08.01.03] nhằm truyền tải thông tin giúp phụ huynh và thí sinh hiểu rõ chương trình đào tạo và giải đáp các thắc mắc. Các kênh truyền thông được thực hiện đó là cổng thông tin điện tử của Học viện, trang Facebook tư vấn tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ: <https://www.facebook.com/tvtsapd/>, trang facebook tư vấn của Khoa CSC tại địa chỉ <https://www.facebook.com/khoachinhhsachcong>. Đồng thời Học viện cũng tiến hành quảng bá tuyển sinh qua các kênh truyền thông trực tiếp như chuyển tài liệu về các trường THPT [H1.08.01.04], tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh do Bộ GD&ĐT phối hợp các trường đại học tổ chức tại Hà Nội và một số địa phương khác, truyền thông qua sinh viên đang theo học tại Học viện với phong trào “Chúng tôi nói về chúng tôi” để sinh viên tự giới thiệu các thông tin về Học viện tới học sinh tại các trường THPT đã từng theo học. Mọi thông tin tuyển sinh được hỗ trợ kịp thời 24/7 trên các số điện thoại cố định, di động được công khai trên website tại địa chỉ <http://tuyensinh.apd.edu.vn/>.

Từ năm 2014 trở về trước, Học viện Chính sách và Phát triển thực hiện tuyển sinh hệ đại học ngành QLNN theo hình thức thi tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bắt đầu từ năm 2015 trở đi, Học viện thực hiện Đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học. Theo đó, phương thức tuyển sinh ngành QLNN của Học viện có các phương thức sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia để xét tuyển với tổ hợp các môn thi thành phần của các bài thi để xét tuyển với tổ hợp các khối C00; A01; D01; D09.

Từ năm 2017, bên cạnh phương thức tuyển sinh xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT, Học viện mở rộng thêm phương thức xét tuyển kết hợp đối với cả hệ đào tạo đại trà và chất lượng cao. Năm 2019, phương thức xét tuyển kết hợp gồm 02 đối tượng: (i) Thí sinh có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 02 môn bất kỳ đạt từ 18,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên); (ii)

Thí sinh có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 4.5 trở lên (hoặc tương đương) và có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 01 môn bất kỳ (trừ môn Tiếng Anh) đạt từ 12,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên) [H1.08.01.01]. Thông tin về học phí, điểm trúng tuyển hàng năm được cập nhật đầy đủ. Đối với ngành QLNN năm 2020, 2021, 2022 mức điểm trúng tuyển lần lượt là 17,15 và 18,25, 24,2 [H1.08.01.10].

Chính sách tuyển sinh của ngành QLNN được cập nhật và thực hiện theo đúng các quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H1.08.01.02], [H1.08.01.06], và phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện. Hàng năm, trên cơ sở phân tích đội ngũ, cơ sở vật chất, giảng viên, Khoa CSC họp và cho ý kiến về chính sách tuyển sinh tại cuộc họp về chính sách tuyển sinh ngành QLNN [H1.08.01.07], [H1.08.01.09]. Tại Hội nghị công tác tuyển sinh hàng năm của Học viện, cuộc họp Hội đồng tuyển sinh về chính sách tuyển sinh nhiều các ý kiến về phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực của xã hội dựa trên số liệu sơ cấp khảo sát một số nhà tuyển dụng về nhu cầu nhân lực ngành QLNN và số liệu thứ cấp như các kênh thông tin của báo chí, các cơ sở dữ liệu các sở ban ngành, từ đó đưa ra các chính sách tuyển sinh của ngành QLNN [H1.08.01.08].

Với chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật. Ngành QLNN của Học viện đã tuyển sinh được số lượng người học như bảng 8.1 sau:

Bảng 8.1. Kết quả tuyển sinh ngành Quản lý nhà nước giai đoạn 2017 – 2022

Năm tuyển sinh	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Số lượng thí sinh trúng tuyển	53	53	15	22	88	87
- Đại trà						
Số lượng nhập học	47	28	11	13	72	80
- Đại trà						
Điểm trúng tuyển (hệ Đại trà)	19	17	17.15	18.25	21.9	
Điểm trung bình của thí sinh được tuyển (hệ Đại trà)	19.75	17.25	18	19	22.5	26
Tỷ lệ trúng tuyển so với năm trước (%) (hệ Đại trà)	143%	100%	28%	146%	400%	100%
Tỷ lệ nhập học/trúng tuyển (%) (hệ Đại trà)	88%	52%	73%	59%	81%	92%

Nguồn: Phòng QLĐT

Trong giai đoạn 2016 - 2022, tỷ lệ sinh viên nhập học so với số lượng thí sinh trúng tuyển đạt tỉ lệ cao và điểm số đầu vào ngày một tăng. Nguyên nhân do

chuyên ngành đào tạo cũng đã dần tạo được sự hấp dẫn đối với người học, và uy tín của Học viện ngày càng được nâng cao.

2. Điểm mạnh

Phương thức tuyển sinh của Học viện đa dạng, công bố công khai và cập nhật hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh còn hạn chế, đặc biệt từ phía các nhà tuyển dụng nhằm khảo sát và xác định chỉ tiêu tuyển sinh của ngành gắn hơn với nhu cầu xã hội và năng lực đào tạo của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Học viện tiếp tục đa dạng hóa các hình thức tuyển sinh, tăng cường tính minh bạch, công khai chính sách tuyển sinh.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2023-2024, Khoa kết hợp với các Phòng/Ban tiến hành khảo sát và đánh giá nhu cầu của các nhà tuyển dụng, sinh viên đã tốt nghiệp về ngành QLNN (chuyên ngành Quản lý công) để có cơ sở lập dữ liệu cho xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, chính sách và phương thức tuyển sinh, làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh trong những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.1: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện xác định rõ ràng, quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm. Trước năm 2017, ngành QLNN thực hiện tuyển sinh theo ngành dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, tổ hợp các môn thi của ngành, lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành với 04 tổ hợp theo quy định của Học viện, bao gồm A00, A01, C02, D01 với phạm vi tuyển sinh từ Quảng Bình trở ra. Từ năm 2017, Học viện xét tuyển theo 2 phương thức: Xét tuyển kết hợp¹ và Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia với 04 tổ hợp xét tuyển A00, A01, C02, D01 với phạm vi tuyển sinh trên cả nước. Năm 2020, Học viện thực hiện xét tuyển theo 3 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng; (2) Phương thức xét tuyển riêng; (3) Xét tuyển theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT cùng năm, với 08 tổ hợp xét tuyển A00, A01, C00, C01, C02, D01, D07, D09. Năm 2021, Học viện xét tuyển theo 3 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng; (2)

Phương thức xét tuyển riêng (bổ sung thêm phương thức xét tuyển dựa trên tổng điểm trung bình chung học tập lớp 12 của các môn nằm trong tổ hợp xét tuyển của Học viện áp dụng đối với các thí sinh không tham dự kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2021 do dịch bệnh Covid-19); (3) Xét tuyển theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2021 với 08 tổ hợp xét tuyển như sau: A00, A01, C00, C01, C02, D01, D07, D09. Ngoài phương thức xét tuyển dựa theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2021, Học viện sử dụng các phương thức tuyển sinh riêng (bao gồm xét kết quả học tập THPT; học sinh đạt giải chính thức kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia, cấp Tỉnh/thành phố, học sinh hệ chuyên; kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với kết quả học tập THPT; kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trước khi xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp).

Năm 2022, Học viện kết hợp các phương thức tuyển sinh của năm 2021 và bổ sung thêm phương thức xét tuyển dựa theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2021, Học viện sử dụng các phương thức tuyển sinh riêng bao gồm cả kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trước khi xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp; Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL), thí sinh có kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 đạt ngưỡng theo quy định của Học viện: đạt từ 75 điểm trở lên. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá tư duy (ĐGTD): Thí sinh tham dự bài thi đánh giá tư duy (ĐGTD) của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 tổ hợp K02 (NK1, NK2, NK3): Toán, Đọc hiểu và Tiếng Anh.

Trong Đề án tuyển sinh của Học viện đã xác định rõ đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến, tổ hợp môn xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển, chính sách ưu tiên xét tuyển, tuyển thẳng, hồ sơ đăng ký, thời gian đăng ký, lệ phí xét tuyển/thi tuyển, học phí. Bên cạnh đó, các thông tin về điểm trúng tuyển các năm gần nhất với năm tuyển sinh, tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được cung cấp để thí sinh có căn cứ lựa chọn ngành học [H1.08.02.02].

Hàng năm, Học viện/Khoa lập kế hoạch tuyển sinh [H1.08.02.01] và triển khai thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT và các quy định về tuyển sinh của Học viện. Các chính sách về tuyển sinh của Học viện được xin ý kiến tại các lần họp Khoa [H1.08.02.03], sau đó Hội đồng tuyển sinh của Học viện tổ chức để lấy ý kiến góp ý về tiêu chí và xác định các phương thức tuyển chọn người học để thực hiện công khai Đề án tuyển sinh đại học chính quy [H1.08.02.05]. Kết thúc kỳ tuyển sinh, Học viện thực hiện tổng kết

công tác tuyển sinh nhằm rà soát, đánh giá tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học, nêu rõ kết quả tuyển sinh về số lượng, chất lượng đầu vào, phổ điểm xét tuyển và phân tích các khó khăn, thuận lợi để đưa ra các điều chỉnh cho các năm kế tiếp [H1.08.02.04], [H1.08.02.06], [H1.08.02.07]. Các bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận. [H1.08.02.04], [H1.08.02.07]. Với các tiêu chí tuyển sinh được áp dụng từ trước đến nay, Học viện và Khoa CSC luôn duy trì và bảo đảm quy mô đầu vào. Hàng năm, Học viện đều thực hiện thống kê về tổng kết công tác tuyển sinh, số lượng sinh viên nhập học.

**Bảng 8.2. Thống kê tình hình tuyển sinh của ngành Quản lý nhà nước
giai đoạn 2017 -2022**

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2017-2018 (khóa 8)	65	53	1-1.22	47	19/30	19.75	0
2018-2019 (khóa 9)	72	53	1-1.35	28	17/30	17.25	0
2019-2020 (khóa 10)	21	15	1-1.4	11	17.15/30	18	0
2020-2021 (khóa 11)	34	22	1-1.54	13	18.25	19	0
2021-2022 (khóa 12)	135	88	1-1.53	72	21.9	22.5	0

Nguồn: Phòng QLĐT, Học viện Chính sách và Phát triển

2. Điểm mạnh

Hàng năm Học viện tuyển sinh theo đúng Đề án tuyển sinh do Bộ GD&ĐT phê duyệt, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, điểm tuyển sinh đầu vào của ngành

QLNN luôn cao nhất Học viện, sinh viên đầu vào luôn đảm bảo chất lượng của khóa học.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát.

3. Điểm tồn tại

Khoa Chính sách công chưa tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học từ phía người sử dụng lao động và người học.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023 – 2024, Học viện tiếp tục thực hiện đúng Đề án tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT với tiêu chí tiêu chí tuyển sinh được xác định rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT phù hợp với ngành đào tạo, tỷ lệ sinh viên nhập học.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Năm học 2023 – 2024, Học viện bổ sung đối tượng tiến hành lấy ý kiến đánh giá về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh. để có thể cập nhật phương pháp tuyển sinh hợp lý hơn theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.2: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng của sinh viên tốt nghiệp được phản ánh thông qua kết quả đào tạo, học tập tại Học viện và khả năng đáp ứng thị trường lao động. Học viện và Khoa CSC có một hệ thống hỗ trợ và giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học của ngành QLNN một cách chặt chẽ và hiệu quả [H1.08.03.01], [H1.08.03.02], [H1.08.03.03]. Trên cơ sở kế hoạch của Học viện, hệ thống quản lý giám sát và đánh giá sự tiến bộ của người học được thực hiện thông qua: (1) Giảng viên giảng dạy học phần, (2) Cố vấn học tập, (3) Trợ lý khoa, (4) Phòng CT&CTSV, Phòng Quản lý đào tạo, (5) Hệ thống phần mềm quản lý theo học chế tín chỉ tại địa chỉ <http://qldt.apd.edu.vn>; <http://tinchi.apd.edu.vn> [H1.08.03.10] [H1.08.03.11], [H1.08.03.09] [H1.08.03.08].

Học viện đã ban hành sổ tay sinh viên [H1.08.03.13] đồng thời thiết lập quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học

tập và khối lượng học tập của người học được hỗ trợ, giám sát bởi các hệ thống quản lý người học theo chương trình đào tạo tín chỉ [H1.08.03.01]. Mỗi người học có 01 tài khoản đăng ký trên hệ thống đào tạo tín chỉ <http://tinchi.apd.edu.vn>. Hệ thống thực hiện việc giám sát trên các nội dung về quá trình đăng ký học và học tập, giám sát kết quả rèn luyện. Sau khi đăng ký học thành công, sinh viên có kế hoạch rõ ràng, giảng viên phụ trách môn học đó có danh sách sinh viên tham dự học của lớp mình và được yêu cầu giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên [H1.08.03.12], [H1.08.03.05], [H1.08.03.07] [H1.08.03.14]. Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được thực hiện thường xuyên và định kỳ. Khoa CSC thường xuyên giám sát kết quả của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những sinh viên không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn [H1.08.03.06], [H1.08.03.17], [H1.08.03.18].

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học theo chương trình đào tạo, Học viện và Khoa CSC luôn có kế hoạch và triển khai các hoạt động phù hợp nhằm giám sát kết quả học tập, khuyến khích tinh thần học tập của sinh viên như tổ chức giới thiệu về ngành QLNN, cơ hội việc làm của ngành QLNN cho sinh viên trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm; gặp mặt sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ dưới 2,0 để đôn đốc và tìm giải pháp tháo gỡ cho sinh viên trong học tập [H1.08.03.14], [H1.08.03.15], [H1.08.03.16], [H1.08.03.17] .

Bảng 8.3. Tình hình sinh viên QLNN thôi học qua các năm học từ 2017 – 2021

Năm học	Tổng số sinh viên chuyên ngành QLNN thôi học	Số sinh viên nghỉ học tự nguyện	Số sinh viên bị buộc thôi học
2017-2018	3	1	2
2018-2019	1	0	1
2019-2020	0	0	0
2020-2021	5	5	0
2021-2022	5	2	3
Cộng			

Nguồn: Phòng QLĐT

Đối với điểm rèn luyện, Khoa CSC tổ chức xét điểm rèn luyện theo học kỳ sau khi có kết quả học tập của sinh viên H1.08.03.17 [H1.10.03.07]. Quy trình được thực hiện từ việc các lớp sinh viên tổ chức xét điểm rèn luyện, Cố vấn học tập kiểm tra lại dựa theo các tiêu chí về học tập, NCKH, hoạt động khác [H1.08.03.04]. Khoa sẽ tổ chức xét điểm rèn luyện chung cho sinh viên cả Khoa, thành phần bao gồm Phòng CT&CTSV, Lãnh đạo Khoa, Trợ lý Khoa và Cố vấn học tập các lớp. Điểm rèn luyện từng học kỳ và năm được nhập trên phần mềm Quản lý đào tạo, kết quả xét điểm rèn luyện được Học viện phê duyệt sẽ được thông báo cho sinh viên [H1.08.03.20]. Kết quả học tập và điểm rèn luyện là căn cứ để xét khen thưởng các danh hiệu cho cá nhân sinh viên, danh hiệu cho tập thể lớp. Các tiêu chí khen thưởng được quy định rõ ràng trong Sổ tay sinh viên [H1.08.03.19].

Học viện có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp. Học viện sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo để quản lý. Phần mềm này gồm 2 hệ thống: (1) Hệ thống tác nghiệp dành cho các Khoa/Phòng chức năng; (2) Hệ thống quản lý đăng ký tín chỉ và quản lý quá trình học của sinh viên. Hệ thống tác nghiệp gồm 09 chức năng chính gồm: (1) Quản lý học viên, sinh viên; (2) Quản lý đào tạo; (3) Quản trị hệ thống; (4) Quản trị nhân sự; (5) Đánh giá, phân loại xếp hạng; (6) Hệ thống báo cáo; (7) Phân quyền dữ liệu; (8) Mô đun xếp lịch học; (9) Mô đun xếp lịch thi. Hệ thống quản lý đăng ký tín chỉ và quản lý quá trình học của sinh viên dùng để theo dõi sự tiến bộ, thành tích và khối lượng học tập của sinh viên. Mỗi sinh viên được cung cấp tài khoản cá nhân để truy cập vào hệ thống bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông tin cần biết như: chương trình đào tạo, quy trình đăng ký môn học, thông báo, đăng ký các học phần của kỳ hiện tại, thời khoá biểu, lịch học, lịch thi, điểm các học phần và quản lý học phí [H1.08.03.20]. Phần mềm này dùng để theo dõi khối lượng học tập và kết quả rèn luyện của sinh viên, tuy nhiên chưa có cảnh báo về kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên. Đối với sinh viên năm cuối, hàng năm Khoa CSC phân công cho giảng viên hướng dẫn và tổ chức hướng dẫn lịch thực tập, viết báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp, tổ chức bảo vệ khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên [H1.08.03.21], [H1.08.03.22]. Ngoài ra, các quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm của người học cũng được đảm bảo thông qua cơ chế quy định liên quan đến công tác sinh viên, khen thưởng, kỷ luật, ngày công tác xã hội, đánh giá điểm rèn luyện giúp người học phát triển toàn diện [H1.08.03.26].

Bên cạnh đó, hàng năm Học viện tổ chức các kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy, về những điều kiện đảm bảo chất lượng học phần,

mức độ hài lòng của sinh viên đối với nhu cầu tra cứu kết quả học tập, rèn luyện, với tỷ lệ sinh viên được hỏi hoàn toàn đồng ý và đồng ý là rất cao, đây là căn cứ để Học viện sử dụng trong việc bổ sung hay điều chỉnh các hoạt động giám sát, hỗ trợ người học [H1.08.03.23], [H1.08.03.24], [H1.08.03.25].

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ quy chế và cơ sở dữ liệu giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm Quản lý đào tạo chưa có sự cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện kịp thời tới người học. Việc kết nối thông tin giữa các bộ phận trong giám sát học tập của sinh viên đôi khi chưa nhanh, kịp thời, nhiều sinh viên thôi học nhưng vẫn có tên trong danh sách sinh viên của ngành.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023 – 2024, Học viện phân công Cố vấn học tập tiếp tục sát sao quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên nhằm cải thiện chất lượng học tập, rèn luyện và đảm bảo tiến độ ra trường của sinh viên.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Năm học 2023 – 2024, Học viện chỉ đạo Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV tăng cường phối hợp, giám sát cùng với Khoa quản lý SV hoàn thiện hệ thống phần mềm để thông báo kịp thời kết quả học tập, rèn luyện và tình hình tốt nghiệp tới từng SV ở diện cảnh báo.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.3: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện Chính sách và Phát triển và Khoa CSC đã huy động toàn hệ thống chính trị vào hoạt động hỗ trợ người học là Đảng ủy Học viện, Ban Giám đốc Học viện, Lãnh đạo Khoa, các phòng chức năng, Đoàn Thanh niên Học viện [H1.08.04.01], [H1.08.04.02], [H1.08.04.19]. Với sinh viên mới nhập học để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập bậc đại học, Học viện đã phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho sinh viên trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa học, giữa khóa học và cuối khóa học, cùng với đối thoại để giải đáp các vướng mắc của sinh viên [H1.08.04.12], cũng như bố trí cố vấn học tập phụ trách từng lớp [H1.08.04.03]. Bên cạnh đó, hàng năm Khoa CSC còn

chủ động tổ chức buổi gặp mặt tân sinh viên của Khoa để trao đổi với các tân sinh viên về nội quy, quy chế học tập, rèn luyện, công tác NCKH sinh viên, công tác Đoàn Thanh niên [H1.08.04.14], [H1.08.04.15], [H1.08.04.19], [H1.08.04.22]. Hàng năm, Học viện và Khoa CSC tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên để lắng nghe ý kiến phản hồi của người học về các nội dung như hoạt động học tập, cơ sở vật chất, NCKH, công tác đoàn thể [H1.08.04.25]. Hội nghị đối thoại sinh viên hàng năm đều mời các đại diện của các đơn vị chức năng để giải đáp các ý kiến của người học. Thêm vào đó, mỗi giảng viên thường trực 2h/tuần tại văn phòng Khoa để giải đáp thắc mắc cho sinh viên, hoạt động này đã được diễn ra nhiều năm tại Học viện. Ngoài ra để tăng thêm tính thực tiễn cho sinh viên, hàng năm Khoa Chính sách công đã mời các chuyên gia hàng đầu của Việt Nam trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý kinh tế, đầu tư, làm chính sách để nói chuyện và trao đổi các kinh nghiệm thực tiễn cho sinh viên.

Học viện có đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho sinh viên là Phòng Chính trị và Công tác sinh viên [H1.08.04.13]. Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa CSC có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học để liên hệ thực tập thực tế, trao đổi, hợp tác với tổ chức kinh tế, nhà tuyển dụng, tăng cường kỹ năng mềm [H1.08.04.05], [H1.08.04.18]. Sinh viên được bố trí thời gian đi thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế [H1.08.04.09] [H1.05.03.11], nên tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành QLNN sau 12 tháng tốt nghiệp, trong 5 năm gần đây đều trên 80% [H1.08.04.28], [H1.08.04.29], [H1.08.04.30].

Kết quả của các hoạt động hỗ trợ học tập hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học thể hiện trực tiếp thông qua tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm hàng năm đều trên 90% và mức độ hài lòng của người sử dụng lao động về sinh viên đã tốt nghiệp [H1.08.04.28], [H1.08.04.29], [H1.08.04.30].

Học viện có kế hoạch và thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập cho người học, bao gồm: công tác tư vấn, hỗ trợ học tập của Lãnh đạo Khoa CSC, các giảng viên với vai trò Cố vấn học tập, tổ chức hoạt động NCKH sinh viên, các đợt tham quan thực tế các đơn vị kinh tế, tổ chức ngày hội việc làm, trò chuyện thực tế với các chuyên gia trong lĩnh vực quản lý nhà nước, đầu tư nước ngoài, cổ phần hóa doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ [H1.08.04.09], [H1.08.04.27].

Để tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao các kỹ năng mềm, giao lưu trong học tập, trao đổi kiến thức cho sinh viên, hội sinh viên thành lập nhiều các câu lạc bộ trong Học viện, các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ, NCKH SV... Hưởng ứng hoạt động của các câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa sinh viên ngành QLNN cũng rất tích cực tham gia, là những sân chơi thú vị, mới mẻ, bổ ích và lành mạnh cho các bạn sinh viên để tăng cường các kỹ năng mềm và cân bằng cuộc sống. Bên cạnh đó, Ban liên lạc cựu sinh viên cấp Khoa/Viện quản lý sinh viên của HV CS&PT nhiệm kỳ 2011-2025 cũng đã được thành lập nhằm hỗ trợ trong tập và đời sống xã hội của sinh viên [H1.08.04.21], [H1.08.04.22]. Sinh viên của Khoa cũng được tổ chức đi dã ngoại, tham gia các hoạt động như xúc tiến tuyển sinh, tham gia các giải thể thao như bóng đá, văn nghệ,... của Học viện.

Người học, người tốt nghiệp hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Khảo sát ý kiến người học cho thấy Học viện chăm lo tốt nhu cầu cho sinh viên về sức khỏe, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động hỗ trợ giúp ích và có tác dụng thiết thực đối với sinh viên với hoàn toàn đồng ý rất cao, sinh viên cũng được định hướng nghề nghiệp tốt từ phía Khoa [H1.08.04.28], [H1.08.04.29], [H1.08.04.30].

2. Điểm mạnh

Học viện, Khoa CSC có kế hoạch chi tiết triển khai định kì các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

Học viện hợp tác chặt chẽ với mạng lưới đa dạng các cơ quan nhà nước, bộ, ban ngành, các doanh nghiệp, đơn vị kinh tế để hỗ trợ, tư vấn các hoạt động cho sinh viên trong quá trình đào tạo và sau quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nguồn lực về tài chính dành cho các hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập của sinh viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023 – 2024, Khoa CSC đẩy mạnh thực hiện liên kết với nhà tuyển dụng, nâng cao công tác tư vấn, định hướng và hỗ trợ sinh viên tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Năm học 2023 - 2024, Khoa CSC sẽ đề xuất với Học viện bổ sung kinh phí hỗ trợ các hoạt động tư vấn và tham quan thực tế

tại các đơn vị mà Học viện, cũng như Khoa CSC có hợp tác; Thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên, nhằm hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập và sau quá trình đào tạo.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.4: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Điều kiện cơ sở vật chất và khuôn viên của Học viện tạo môi trường học tập thân thiện tạo và tâm lý thoải mái cho người học. Học viện đã chuyển về địa điểm tại Nam An Khánh, Hà Nội [H1.08.05.02], [H1.08.05.03] để phù hợp quy mô, cũng như các yêu cầu trong đào tạo. Tại các khu vực giảng đường Học viện đều có các khẩu hiệu nhắc nhở sinh viên về ý thức kỉ luật, giữ vệ sinh tại nơi học tập, phổ biến các nội quy ứng xử tại Học viện [H1.08.05.04], Tổ tư vấn tâm lý đối với sinh viên cũng được thành lập nhằm tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống tốt đẹp cho sinh viên [H1.08.05.05]. Học viện và Khoa CSC cũng luôn tạo điều kiện cho các câu lạc bộ như Câu lạc bộ Kỹ năng sống, Câu lạc bộ Thanh niên tình nguyện, Câu lạc bộ Nhạc cụ, Câu lạc bộ Tiếng Anh hình thành, Câu lạc bộ công nghệ thông tin và truyền thông nhằm phát triển tạo không khí học tập và rèn luyện sôi nổi cho sinh viên [H1.08.05.05], [H1.08.04.19].

Cảnh quan sư phạm của Học viện/Khoa sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng người học. Hiện nay, Học viện đang trong quá trình hoàn thiện cơ sở vật chất để đảm bảo cho việc học tập, sinh hoạt của sinh viên được an toàn, tiện lợi, có đội ngũ làm công tác bảo vệ có đủ về số lượng và được bồi dưỡng về nghiệp vụ để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học H1.08.05.02, H1.08.05.03. Hệ thống PCCC của Học viện, Quy chế công tác phòng cháy và chữa cháy cũng đã được Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt; thiết bị PCCC được trang bị đầy đủ ở các tầng và được bảo dưỡng định kỳ. Hằng năm, Học viện đều cử cán bộ đi tập huấn nghiệp vụ công tác PCCC do cơ quan Bộ tổ chức. Phương án chữa cháy cơ sở đã được Cảnh sát PCCC Hà Nội phê duyệt năm 2015 [H1.08.05.06], [H1.08.05.07].

Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện chuyển về cơ sở mới tại khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức – Hà Nội. Đây là cơ sở mới hiện đại đáp ứng đầy đủ các nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học và giải trí phù hợp với tất cả đối tượng trong Học viện, có hệ thống giảng đường, ký túc xá, nhà ăn, sân tập... hiện đại tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong sinh hoạt [H1.08.05.03].

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Học viện duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho sinh viên mới nhập học hàng năm [H1.08.05.08]. Học viện có bộ phận y tế giám sát học đường, bộ phận y tế của Học viện phối hợp với các đơn vị chức năng tuyên truyền vận động, đôn đốc, kiểm tra vệ sinh môi trường, nơi làm việc, giảng đường để phòng chống dịch bệnh, thông báo về nguy cơ nhiễm bệnh theo mùa. Sinh viên và cán bộ, giảng viên của Học viện đều có bảo hiểm y tế [H1.08.05.08].

Hàng năm, Học viện tiến hành lấy ý kiến tham khảo và phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan. Môi trường và cảnh quan của Học viện được người học đánh giá tốt. Về cảnh quan sạch sẽ, vệ sinh, an toàn, thoải mái người học đánh giá với tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý khá cao. Đối với phòng học có không gian phù hợp, tỷ lệ đồng ý trên 50%. Điều này đã tạo được hứng thú cho họ để phát huy khả năng học tập, nghiên cứu của người học [H1.08.05.09], [H1.08.05.10], [H1.08.05.11].

2. Điểm mạnh

Học viện có môi trường học tập xanh, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội; tạo môi trường học tập và làm việc thân thiện; thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở đào tạo mới của Học viện tại Nam An Khánh đang trong quá trình hoàn thiện nên các giảng đường bị ồn và bụi và nóng. Hơn nữa, số lượng giảng viên của Khoa Chính sách công còn hạn chế, việc mời giáo viên thỉnh giảng bên ngoài cũng gặp nhiều khó khăn, do Học viện nằm xa trung tâm.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục duy trì cảnh quan sư phạm của Học viện thoáng mát và an toàn giúp cho sinh viên có môi trường học tập và làm việc thân thiện, thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến chương trình đào tạo.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Năm học 2023 - 2024, Học viện hoàn thiện xây dựng cơ sở đào tạo tại Nam An Khánh đảm bảo môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.5: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

a. Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn 8 về Người học và hoạt động hỗ trợ người học có một số điểm mạnh: (1) Phương thức tuyển sinh của Học viện đa dạng, công bố công khai và cập nhật hàng năm; (2) Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện xác định rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan; Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát; (3) Có đầy đủ quy chế và cơ sở dữ liệu giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học; (4) Học viện, Khoa luôn có kế hoạch chi tiết triển khai định kỳ các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường; (5) Học viện có môi trường học tập xanh, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội; tạo môi trường học tập và làm việc thân thiện; thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến chương trình đào tạo.

b. Điểm tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:

Mặc dù có những điểm mạnh nhất định, tuy nhiên đối với Tiêu chuẩn 8 còn một số mặt cần phải hoàn thiện: (1) Số lượng phiếu khảo sát nhà tuyển dụng về nhu cầu nhân lực phục vụ dự báo tuyển sinh còn ít; (2) Đối tượng tiến hành lấy ý kiến đánh giá về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh chưa đa dạng; (3) Phần mềm Quản lý đào tạo chưa có sự cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện kịp thời tới người học. Việc kết nối thông tin giữa các bộ phận trong giám sát học tập của sinh viên đôi khi chưa nhanh, kịp thời, nhiều sinh viên thôi học nhưng vẫn có tên trong danh sách điểm danh; (4) Nguồn lực dành cho các hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập của sinh viên còn hạn chế; (5) Cơ sở đào tạo mới của Học viện tại Nam An Khánh đang trong quá trình hoàn thiện nên các giảng đường bị ồn, bụi và nóng.

Khoa và Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

c. Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn:

Tất cả các tiêu chí (5/5) trong Tiêu chuẩn 8 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 05 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/5.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học là một trong những điều kiện tiên quyết, đảm bảo việc triển khai và thực hiện được CTĐT được thực hiện tốt nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT. Do đó, ở cả trụ sở cũ D25 và trụ sở mới – Khu đô thị mới An Khánh, Học viện CS&PT đều đã trang bị một hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp. Các thiết bị phục vụ học tập khác như nhà thể chất, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin đều được chú ý đầu tư, nâng cấp. Các nguồn học liệu được rà soát và cập nhật hàng năm nhằm hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các khoa thuộc hệ đại học và sau đại học, trong đó có CTĐT cử nhân ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện CS&PT có đầy đủ phòng làm việc, phòng học đáp ứng đủ theo yêu cầu thiết kế của CTĐT.

Tại cơ sở D25, năm 2016, Học viện có tổng số 29 phòng làm việc với tổng diện tích là 798,6 m², trong đó diện tích bình quân bố trí cho cán bộ, giảng viên Khoa Chính sách công và các Khoa Quản lý chuyên ngành là 6,33m²; Năm 2018, Học viện có 30 phòng làm việc, tăng 1 phòng so với năm 2016, với tổng diện tích 851,6 m², trung bình mỗi cán bộ, giảng viên sử dụng 6,86 m². Diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp cho hoạt động đào tạo là 5.341 m² trong đó, tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7,05 m² / sinh viên [H1.09.01.01], [H1.09.01.03].

Với những học phần giáo dục thể chất, Học viện đã bố trí thuê và tổ chức học các học phần Giáo dục thể chất tại sân bóng Sơn Trang 2, số 2 Hoàng Minh Giám, Trung Hòa, Cầu Giấy Hà nội [H1.09.01.06]. Đối với học phần Giáo dục quốc phòng, Học viện tổ chức cho sinh viên học tập tại Trung tâm giáo dục quốc phòng – Trường đại học Sư phạm Hà Nội 2 [H1.09.01.07] (đại diện là Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Hòa Lạc An)

Tại cơ sở Nam An Khánh, tính đến năm 2020, Học viện đã hoàn thiện 2 khu vực giảng đường với 73 phòng học có sức chứa từ 40 sinh viên trở lên (khu vực nhà 6F và 7F). Tại khu vực giảng đường, các tiện ích như thang máy, máy

chiếu, quạt, đều được trang bị đầy đủ. Các trang thiết bị bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, máy chiếu, loa, micro ... và các tài khoản phòng học online trên nền tảng Google Meet cũng được trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H1.09.01.02]. Ngoài ra, nhà vệ sinh nam nữ ở mỗi tầng đều được trang bị đầy đủ. [H1.09.01.02], [H1.09.01.08].

Tại khu vực nhà hiệu bộ, Học viện dự kiến bố trí 93 phòng làm việc, hội trường, phòng hội thảo với diện tích sử dụng là 50.876 m² [H1.09.01.02], trong đó tổng diện tích phòng học: 5.341 [H1.09.01.04]. Tuy nhiên, tính đến tháng 9 năm 2022, hệ thống phòng làm việc chưa hoàn thiện, các khoa và các phòng còn phải chia sẻ chung nhau phòng làm việc ở khu vực giảng đường. Khoa Chính sách công sử dụng phòng học chung với các khoa khác trong Học viện trong điều kiện khá nóng bức, thiếu không gian riêng. Mặc dù văn phòng làm việc của Văn phòng Khoa Chính sách công cũng như các khoa khác chỉ đang sử dụng tạm thời nhưng Học viện vẫn trang bị đầy đủ gồm, 01 máy tính, máy in, bộ lưu/chuyển điện, điện thoại bàn, bàn làm việc, ghế, tủ sắt 8 ngăn và 6 ngăn, tủ đựng tài liệu quạt đảo trần, tủ lạnh, TP-Link,... phục vụ sinh hoạt chung của cán bộ GV trong khoa [H1.09.01.08].

Hệ thống ký túc xá cũng đã được đầu tư hoàn thiện, nhằm đáp ứng nhu cầu ở lại của sinh viên ở xa [H1.09.01.04]. Với tổng diện tích 4.868m², hiện nay, Học viện đã đáp ứng được gần 70% số lượng sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá. Tỷ lệ người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá so với tổng số người học có nhu cầu chiếm 69% vào năm 2018-2019, 36% vào năm 2019-2020 và 69% vào năm học 2021-2022 [H1.09.01.05].

Quá trình sử dụng các trang thiết bị và giảng đường, Học viện đã thực hiện các hoạt động như ban hành quy chế hướng dẫn sử dụng giảng đường, lên danh mục các trang thiết bị tại các các phòng làm việc và giảng đường; lập sổ theo dõi và thống kê các trang thiết bị phải sửa chữa [H1.09.01.08]. Định kỳ, hàng năm Học viện luôn tổ chức kiểm kê tài sản theo đúng chế độ quy định. Phần lớn các trang thiết bị được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị trong Học viện nên tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị cao, linh hoạt trong giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, học tập hiệu quả ở sinh viên [H1.09.01.09].

Bắt đầu từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện chuyển sang làm việc tại trụ sở Nam An Khánh. Tại đây, ngoài trang thiết bị đồng bộ và hiện đại, Học viện còn có số lượng các giảng đường, phòng chức năng, ký túc xá, sân chơi,... và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ tốt nhất công tác đào tạo của Học viện bắt đầu từ năm 2020 [H1.09.01.08].

2. Điểm mạnh

Học viện luôn chú ý đầu tư trang bị một cách đồng bộ hệ thống giảng đường, ký túc xá, nhà hiệu bộ sân chơi... với không gian rộng và xanh, phù hợp với môi trường giáo dục. Các trang thiết bị được đầu tư mới hiện đại đáp ứng các yêu cầu cơ bản cho công tác đào tạo, nghiên cứu, cũng như quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Do cơ sở ở Nam An Khánh đang triển khai dở dang, chưa hoàn thiện nên ở một số hạng mục, thiết bị còn chưa đồng bộ nên CBGV và người học còn gặp phải những khó khăn nhất định. Một số phòng hiện chưa hoàn thiện nên các phòng làm việc, văn phòng các khoa, và phòng chức năng đang được phân thành các khu vực chia bằng vách ngăn, không gian làm việc chung còn nóng bức, ồn ào và dễ gây mất tập trung.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ năm học 2023-2024, Học viện giao Ban Quản lý Đầu tư phối hợp với Phòng Kế hoạch Tài chính tiếp tục thực hiện kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2023-2024, Học viện giao Ban Quản lý dự án hoàn thiện các phòng làm việc, văn phòng Khoa và phòng chức năng để đưa vào hoạt động. Việc rà soát, theo dõi việc sử dụng tài sản của Học viện cần thực hiện định kỳ với tinh thần ý thức trách nhiệm cao hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện Học viện CS&PT (sau đây gọi tắt là Thư viện) được hình thành từ những ngày đầu thành lập Học viện. Hiện nay Thư viện trực thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông được thành lập ngày 30 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định số 828/ QĐ-HVCSPT của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển [H1.09.02.03].

Giai đoạn từ năm 2019 trở về trước, thư viện của Học viện được đặt tại cơ sở D25 với tổng diện tích là 146 m². Ngoài khu vực kho chứa, thư viện gồm các khu vực hành chính – làm thủ tục mượn trả, khu giá tự tìm tài liệu, 01 phòng đọc sách tại chỗ và tự học có sức chứa khoảng 60 chỗ ngồi [H1.09.02.01].

Giai đoạn sau học kỳ II năm học 2019 – 2020, toàn bộ thư viện ở D25 đã được chuyển về cơ sở Nam An Khánh tại tầng 3 với tổng diện tích sử dụng là 168m² bao gồm các hạng mục tương đương với cơ sở ở D25[H1.09.02.01]. Tại cơ sở Nam An Khánh, thư viện chính thức đã và đang được hoàn thiện với 04 tầng sử dụng, dự kiến sẽ đưa vào khai thác vào tháng 9 năm 2023 với đầy đủ trang thiết bị hiện đại

Về cơ sở vật chất, các trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý thư viện và tra cứu của người học hiện tại gồm: 02 máy tính làm việc và 02 máy tính tra cứu; 01 máy photo để phục vụ photo tài liệu cho bạn đọc tại chỗ. Từ năm 2012, Học viện quản lý thư viện bằng phần mềm I-lib version 2008, được bảo trì, gia hạn vào năm 2016 để quản lý toàn bộ tài liệu của thư viện [H.1.09.02.04]. Các cơ sở hạ tầng thông tin khác giúp người học tiếp cận tốt hơn với thông tin về chương trình đào tạo, về đề cương môn học, báo và tạp chí cũng đã được thiết lập [H1.09.02.07]. Học viện cũng trang bị các thiết bị phát wifi ở cả khu vực làm việc và khu vực giảng đường và các thiết bị cần thiết (loa, màn chiếu//v/v/) nhằm tạo điều kiện cho công tác dạy và học của giảng viên, sinh viên [H1.09.02.02].

Tính đến hết ngày 30/09/2022, thư viện có tổng số 1.847 đầu sách với khối lượng 26.268 cuốn sách phục vụ cho các chương trình đào tạo của Học viện, trong đó Ngành Quản lý công có 195 đầu sách giáo trình và tài liệu tham khảo [H1.09.02.05]. Ngoài ra, thư viện còn có 2 máy tính phục vụ tra cứu tài liệu và sinh viên còn có thể tra cứu và tham khảo 520 khóa luận, 146 luận văn thạc sĩ, 38 luận án tiến sĩ [H1.09.02.08] và 164 đầu sách là các tài liệu phục vụ cho việc giải trí, mở rộng kiến thức, các kỹ năng về giao tiếp, đàm phán, chiến lược học tập, phương pháp giảng dạy bậc đại học [H1.09.02.05]. Toàn bộ tài liệu, giáo trình, sách tham khảo đã được trang bị trên cơ sở đề xuất của Khoa chuyên ngành, gắn với đề cương các học phần trong CTĐT của Ngành Quản lý công [H1.09.02.09].

Thư viện có một cán bộ làm công tác thủ thư trình độ Thạc sĩ với 12 năm kinh nghiệm. Các hoạt động mượn trả sách được thực hiện theo giờ hành chính và đều được quản lý trên phần mềm. Riêng thời gian sinh viên ôn thi tháng 5,6 và 12 và tháng 1 năm sau thư viện mở cả buổi tối từ 16h30 đến 20h30 và thứ 7 vào giờ hành chính [H1.09.02.03]. Hàng năm trên cơ sở nhu cầu và đề xuất của các khoa chuyên ngành [H1.09.02.12], Học viện bố trí một khoản kinh phí để mua sách cho thư viện nhằm phục vụ cho quá trình cập nhật, đổi mới chương trình, sách giáo khoa và tài liệu tham khảo [H1.09.02.06], [H1.09.02.13]; Tổng kinh phí

hàng năm dao động quanh mức từ 70 triệu đến 100 triệu để mua sách, 80 triệu dùng để bổ sung báo, tạp chí. Trong 5 năm đã mua mới 13.000 tài liệu bản cứng cho thư viện. [H1.09.02.04], [H1.09.02.11].

Bên cạnh thư viện truyền thống, Học viện xây dựng thư viện số với nguồn tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài phong phú, đa dạng, được cập nhật thường xuyên (có khoảng 1,2 triệu đầu tài liệu) tại địa chỉ: <http://thuvienso.apd.edu.vn/> và có liên kết tới thư viện số của khoảng 81 Trường Đại học trong cả nước (thể hiện trong website thư viện số) [H1.09.02.06]. Tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên đang làm việc, học tập và nghiên cứu tại Học viện đều được cấp tài khoản sử dụng thư viện số miễn phí [H1.09.02.06]. Hằng năm, thư viện đều thực hiện công tác khảo sát, lấy ý kiến của các cán bộ giảng viên và người học về công tác phục vụ bạn đọc nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện. Khảo sát sinh viên cho thấy, tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nhận định “*Thư viện cung cấp đủ giáo trình và tài liệu tham khảo cho chuyên ngành đào tạo*” lần lượt là 50% và 41% [H1.09.02.15]

Như vậy, có thể thấy trước khi Thư viện mới ở cơ sở Nam An Khánh đi vào hoạt động, tại cơ sở D25 và Thư viện tạm thời ở Nam An Khánh có diện tích phòng đọc phục vụ tại thư viện còn khiêm tốn, chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của sinh viên, đặc biệt là số lượng đông đảo sinh viên lên học tập, mượn tài liệu vào mùa thi [H1.09.02.14]. Nhìn chung, số lượng máy tính phục vụ sinh viên tra cứu tài liệu còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của sinh viên, nhất là vào mùa thi.

2. Điểm mạnh

Thư viện có đầy đủ cơ sở, vật chất, trang thiết bị và nguồn học liệu đáp ứng khá tốt yêu cầu của người học. Các nguồn học liệu, tài liệu, thông tin đầy đủ, phù hợp và có tính cập nhật. Quy trình phục vụ của thư viện dễ hiểu, thuận tiện, cán bộ thư viện nghiêm túc và nhiệt tình.

3. Điểm tồn tại

Do thay đổi về địa điểm nên số lượng máy tính, diện tích và không gian phòng đọc phục vụ tại thư viện còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của người đọc, đặc biệt là vào mùa thi.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong học kỳ 1 năm học 2023 - 2024, Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông tiếp tục mở rộng liên kết thư viện điện tử, bố trí cán bộ liên kết với các thư viện quốc tế và cơ sở dữ liệu quốc tế, ít

nhất tại các thời điểm các thư viện đó mở miễn phí cho các trường đại học ở các nước đang phát triển, để hướng dẫn giảng viên, sinh viên, nghiên cứu viên của Học viện tiếp cận và sử dụng dữ liệu từ các kho tàng quốc tế. Việc làm này sẽ giúp bổ sung kho tàng học liệu, tài liệu của thư viện, đồng thời tiện lợi cho việc tìm kiếm và sử dụng tài liệu của sinh viên và giảng viên.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Phòng Kế hoạch - Tài chính và Phòng Quản lý thiết bị sớm bố trí kinh phí bổ sung thêm hai máy tính để tra cứu tài liệu trong thư viện. Ban Quản lý Dự án bố trí thêm một phòng tự học, phòng đọc sách cho sinh viên, giảng viên, người nghiên cứu để nâng cao khả năng tự học của người học.

5. *Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).*

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. *Mô tả hiện trạng*

Học viện có phòng thực hành Tin học, ngoại ngữ diện tích 120 m² [H1.09.03.01] với 40 máy tính được kết nối Internet, phòng được thiết kế theo tiêu chuẩn yêu cầu chất lượng dịch vụ TESTSITE của Công ty cổ phần IIG Việt Nam phù hợp với đào tạo Tin học, ngoại ngữ theo chuẩn IC3.

Từ năm 2013 đến năm 2016, phòng thực hành tin học được bố trí tại giảng đường 503, được trang bị 30 máy tính kết nối internet [H1.09.03.04]. Từ năm 2017, Học viện tiếp nhận bàn giao tầng 17 để bố trí thành phòng thực hành tin học với diện tích 267,9 m². Phòng được Học viện trang bị 57 máy tính có kết nối internet tốc độ cao, các phòng thực hành Ngoại ngữ được bố trí tại tầng 8 của toà nhà [H1.09.03.02]. Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, tại Trụ sở Nam An Khánh, Học viện bố trí các phòng thực hành Tin học, Ngoại ngữ với đầy đủ các trang thiết bị loa, mic, tai nghe, hệ thống máy tính kết nối internet. Các máy tính trong phòng thực hành được cài đặt phần mềm như Eviews, Stata, SPSS để phục vụ các học phần như Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô, Nghiên cứu thị trường, Hệ thống tài khoản quốc gia, Kế hoạch hóa phát triển [H1.09.03.03]. Tuy nhiên, so với quy mô sinh viên hiện nay, phòng thực hành máy tính chưa đáp ứng nhu cầu giảng dạy cho một số học phần có sĩ số lớp lớn như học phần Kinh tế lượng, Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô, Nghiên cứu thị trường, Hệ thống tài khoản quốc gia...

Ngoài các phòng học phục vụ công tác đào tạo tin học, ngoại ngữ nêu trên, Học viện còn phải bố trí địa điểm phù hợp để học các môn giáo dục thể chất. Nếu như trước đây, Học viện phải thuê địa điểm có sân bãi phù hợp thì từ học kỳ 2

năm học 2019 - 2020, Học viện đã hoàn thiện khu nhà học giáo dục thể chất trong khuôn viên của Học viện tại trụ sở Nam An Khánh [H1.09.03.08].

Ngoài những trang thiết bị đầu tư ban đầu theo quyết định của Bộ Kế hoạch và đầu tư hàng năm, Học viện có bố trí ngân sách và có kế hoạch mua sắm để cập nhật, nâng cấp, đồng thời cũng có kế hoạch và ngân sách cho việc duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị trong các phòng thực hành để phục vụ công tác đào tạo của Học viện [H1.09.03.05].

Hiện nay, Học viện giao Phòng TC-HC bố trí cán bộ theo dõi, quản lý trang thiết bị tại các phòng thực hành; xây dựng và ban hành các quy định sử dụng trang thiết bị và lập sổ theo dõi tần suất sử dụng trang thiết bị tại các giảng đường, phòng thực hành. Việc kiểm kê và sửa chữa tài sản tại phòng thực hành được diễn ra định kỳ theo quy định [H1.09.03.05].[H1.09.03.06]. Các hoạt động như thu thập ý kiến của giảng viên và sinh viên về mức độ đáp ứng các điều kiện học tập cũng được các phòng ban có liên quan thực hiện nhằm nâng cao chất lượng công tác phục vụ đào tạo [H1.09.03.07]. Khảo sát cựu sinh viên cho thấy, tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nhận định “*Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời*” lần lượt là 45,8% và 54,1%.

2. Điểm mạnh

Học viện quan tâm đầu tư, mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH. Các thiết bị được đầu tư đồng bộ, hiện đại, có kết nối Internet, có các phần mềm đáp ứng yêu cầu đa dạng của CBGV và người học.

3. Điểm tồn tại

Số máy tính trong một phòng thực hành chưa đáp ứng đủ nhu cầu của người học. Một số học phần như Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô, Kế hoạch hóa phát triển, Thẩm định dự án đầu tư, Thị trường chứng khoán, Phân tích kỹ thuật trong đầu tư,... có số lượng sinh viên mỗi lớp khá đông, nên Học viện cần đầu tư thêm máy tính cũng như các phòng/không gian tự học thực hành dành cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2023-2024, Học viện giao Phòng Quản lý đào tạo dựa trên đề xuất của các khoa để cập nhật và cài đặt thêm các phần mềm hiện đại để sử dụng trong các môn học của chương trình đào tạo.

- **Khắc phục tồn tại:** Học viện giao Ban Quản lý dự án đầu tư phối hợp với Phòng TC-HC trong học kỳ I năm học 2023-2024 mua thêm máy tính cho phòng thực hành tin và ngoại ngữ để phục vụ hoạt động giảng dạy của các môn học tại phòng học này.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Giai đoạn còn sử dụng trụ sở tại tòa nhà D25, Học viện đã rất chú ý về hạ tầng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cụ thể, toàn bộ hệ thống CNTT như máy tính, mạng internet, hệ thống phần mềm, máy in... đảm bảo phục vụ cho hoạt động của các đơn vị Khoa, phòng đều được thiết lập. Tổng số máy tính được trang bị tại trụ sở này là 136 máy. Mỗi đơn vị Khoa, Phòng đều được trang bị máy vi tính, máy in cố định và điện thoại bàn. Tại các khu vực giảng đường đều được lắp đặt màn chiếu, máy vi tính dành cho hoạt động giảng dạy. Các phòng thực hành, thư viện và các Khoa, phòng đều có hệ thống internet kết nối wifi [H1.09.04.01]. Hệ thống các phần mềm quản lý như phần mềm thư viện, phần mềm quản lý đào tạo cũng đã được Học viện đầu tư mua bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý đào tạo và nhu cầu của người học. Các trang thiết bị công nghệ thông tin đã đáp ứng được nhu cầu dạy và học của Học viện [[H1.09.04.02]

Khi chuyển sang hoạt động tại trụ sở chính khu Nam An Khánh, Học viện cũng đã xây dựng đề án nhằm trang bị cơ sở vật chất một cách đồng bộ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý, NCKH [H1.09.04.03]. Theo kế hoạch, từ học kỳ 2 năm học 2019- 2020, Học viện đã trang bị 155 máy tính phục vụ cho hoạt động của hệ thống văn phòng, 40 máy tính phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy và nhu cầu của người học. Học viện cũng bố trí các nhân viên có trình độ thường xuyên cập nhật kịp thời các phần mềm như win 7 Pro SP1, Kav 2011, Kav VI, hỗ trợ cán bộ, giảng viên, sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc và học tập [H1.09.04.06]. Học viện cũng đầu tư nâng cấp các phần mềm quản lý, bao gồm phân hệ cho người quản lý (cán bộ các phòng ban, giảng viên) tại địa chỉ www.apd.edu.vn và phân hệ cho người học tại địa chỉ www.tinchi.apd.edu; [H1.09.04.04].

Ngoài ra, Học viện trang bị hệ thống internet cáp quang với 03 đường truyền tốc độ 45MB/s và các thiết bị kết nối wifi cho tất cả các khu vực trong Học viện, bao gồm cả khu vực ký túc xá [H1.09.04.07]. Để thích ứng với các hoạt động dạy và học trong giai đoạn bùng phát dịch Covid, Học viện cũng đã đầu tư mua các phần mềm quản lý dạy học trực tuyến (lms.apd.edu.vn; zoom và google meet); các phần mềm đăng ký học và thi online; Toàn bộ giảng viên và sinh viên

theo học tại Học viện đều được cung cấp tài khoản truy cập hệ thống phần mềm và được hướng dẫn sử dụng [H1.09.04.06]

Thực tế trong những năm gần đây, Học viện đã thành lập đơn vị chuyên trách là Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông, do đó việc bố trí cán bộ phụ trách công tác thông tin- thư viện có nhiều đổi mới. Tại bộ phận này, có 2 cán bộ trực tiếp phụ trách hệ thống công nghệ thông tin và website của Học viện nói chung và của Khoa nói riêng (01 cán bộ có trình độ thạc sỹ CNTT và 01 cán bộ có trình độ cử nhân CNTT) Hệ thống các trang thông tin phục vụ cho công tác quản lý, các hoạt động ba công khai và đưa thông tin đến với người học cũng được chú ý. Các hoạt động quản lý và duy tu các trang web và các fanpage phục vụ hoạt động của Học viện, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hạ tầng mạng cũng được Trung tâm theo dõi thường xuyên. Hiện nay, bên cạnh cổng thông tin điện tử tại địa chỉ www.apd.edu.vn, Học viện còn theo dõi và đưa thông tin lên các kênh như trang fanpage (<https://www.facebook.com/tvtsapd/>), kênh truyền thông trên Youtube (APD TV Channel). Để phục vụ tốt hơn công tác đưa thông tin đến với sinh viên ngành QLNN, hiện Khoa Chính sách công cũng liên tục cập nhật và quản lý các trang thông tin như <http://apd.edu.vn/khoa-chinh-sach-cong>) và fanpage <https://www.facebook.com/khoachinhsachcong> [H1.09.04.05]. Từ năm học 2022-2023, Khoa cũng đang lên kế hoạch thiết kế và chuẩn hóa các video bài giảng. Hàng năm, Học viện có bố trí ngân sách và có kế hoạch cho việc nâng cấp các trang thông tin, duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị công nghệ thông tin cũng như lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên về mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và sự hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đối với hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa của Học viện [H1.09.04.08].

2. Điểm mạnh

Hệ thống wifi ổn định, có đầy đủ các website và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý đào tạo tại lớp và giảng dạy trực tuyến, được cung cấp miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Đôi khi trang web đăng ký tín chỉ của sinh viên (tinchi.apd.edu.vn) còn bị nghẽn mạng ở giờ cao điểm đăng ký tín chỉ. Phần mềm quản lý đào tạo chưa có nhiều tính năng quản lý hiện đại nên vẫn còn tình trạng sinh viên và CBGV phải gửi đơn, xử lý đơn viết tay để đăng ký tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong học kỳ I năm học 2023 – 2024, Học viện giao Trung tâm Công nghệ thông tin thư viện và Truyền thông đăng ký và phổ biến việc sử dụng các phần mềm tiện ích khác để hỗ trợ việc đào tạo trực tuyến; giao Phòng CT&CT sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin và chế độ một cửa trong quản lý sinh viên.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2023 – 2024, Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông nâng cấp website, khắc phục những trục trặc của hoạt động đăng ký tín chỉ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Giai đoạn trước 2019, Học viện có trụ sở tại tòa nhà D25, ngõ 7 Phố Tôn Thất Thuyết. Tại đây, Học viện cũng đã ban hành quy định riêng về quản lý, sử dụng trụ sở [H1.09.05.04]. Do trụ sở này không được xây dựng làm trụ sở làm việc nên khi cơ sở này được sử dụng làm cơ sở đào tạo, một số thiết kế bên trong như lối đi, nhà vệ sinh, chưa phù hợp với sinh viên khuyết tật.

Tại trụ sở Nam An Khánh, Học viện đã thiết kế đảm bảo lối đi riêng cho người khuyết tật tại sảnh chính và tầng hầm của Học viện. Việc di chuyển thuận lợi cho sinh viên khuyết tật khi đến các giảng đường cũng được chú ý trong quá trình thi công [H1.09.05.01]. Quá trình vận hành tại trụ sở mới, Học viện có ban hành các quy định và ký kết các hợp đồng về việc đảm bảo môi trường sạch sẽ, thông thoáng và an toàn trong và phạm vi Học viện. Công tác đảm bảo an ninh an toàn trong Học viện cũng đã được chú ý. Đặc biệt trong các hoạt động quản lý ký túc xá, Học viện đã thành lập Hội đồng an ninh trật tự và đội thanh niên xung kích và bố trí cán bộ trực để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình lưu trú của sinh viên [H1.09.05.02]. Học viện cũng đã có những quy định cụ thể và Có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho lực lượng bảo vệ.. Một số mô hình như mô hình “Nhà trường an toàn về an ninh trật tự” mô hình Trung đội Tự vệ cũng đã được xây dựng và vận hành tại Học viện [H1.09.05.05].

Một số các quy định khác liên quan đến công tác an toàn cháy nổ cũng đã được Học viện quan tâm như các quy định liên quan đến phòng cháy, chữa cháy (trong Quy chế công tác phòng cháy và chữa cháy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)[H1.09.05.08]; quy định về an toàn trong các phòng thực hành (trong Quy chế

sử dụng phòng Lab, Quyết định ban hành nội quy cơ quan, nội quy phòng thực hành thí nghiệm, nội quy giảng đường)[H1.09.05.06]. [H1.09.05.07]. Các hoạt động tập huấn, hướng dẫn việc đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ; các buổi tập huấn, diễn tập với các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn cũng đã được tổ chức định kỳ cho cán bộ, giảng viên của Học viện [H1.09.05.08]. Học viện cũng đã trang bị các thiết bị cứu hỏa và treo tiêu lệnh, phương án PCCC và thiết bị PCCC như bình bột MFZ4, MFZ35, bình khí CO₂, lăng vòi, máy bơm chữa cháy, họng nước vách tường, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn thoát nạn. Các thiết bị PCCC được lắp đặt phù hợp với quy mô của các tòa nhà.

Đối với công tác vệ sinh, đảm bảo sức khỏe học đường, hiện Học viện đã ký hợp đồng chuyên trách với đội ngũ nhân viên vệ sinh để thực hiện toàn bộ công tác dọn vệ sinh chung trong khuôn viên và tại các giảng đường của Học viện [H1.09.05.03]. Học viện cũng có phòng Y tế và cán bộ phụ trách công tác y tế học đường. Nhờ đó, công tác mua bảo hiểm, thăm khám sức khỏe cho cán bộ và giảng viên và sinh viên theo khóa cũng đã được thực hiện định kỳ theo năm. [H1.09.05.09]

Mặc dù ở cả hai cơ sở, Học viện đều chú ý tuân thủ theo quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về an ninh, an toàn, nhưng do điều kiện về cơ sở vật chất còn hạn chế, công trình còn xây dựng dở dang nên vẫn còn tồn tại những vấn đề bất cập. Chẳng hạn như, công tác theo dõi, đảm bảo an ninh của các khu vực lân cận - giáp danh với Học viện chưa được chú ý. Học viện cũng chưa tổ chức được những buổi diễn tập quy mô lớn cho toàn bộ sinh viên Học viện về các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn khác. Các hoạt động như thu thập ý kiến của sinh viên về mức độ đáp ứng các điều kiện học tập cũng được thực hiện khi Học viện/Khoa tiến hành rà soát chương trình đào tạo. Tỷ lệ sinh viên trả lời hoàn toàn đúng cho những câu hỏi về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất cho học tập, nghiên cứu khoa học hay việc sử dụng hiệu quả các trang thiết bị giảng dạy ở mức cao (62% và 71%). Mức độ hài lòng của sinh viên về môi trường tự nhiên và tình trạng y tế, an ninh an toàn ở Học viện và khu vực chung quanh cũng được đánh giá cao [H1.09.05.10]

2. Điểm mạnh

Quá trình xây dựng cơ sở Nam An Khánh, do thiết kế mới nên Học viện khá chú trọng tới các quy định chi tiết về các tiêu chuẩn an toàn, môi trường và

sức khỏe, cũng như quan tâm đến nhu cầu của người khuyết tật. Học viện luôn chú trọng triển khai, hướng dẫn và diễn tập thực hiện các quy định để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho người học và CBGV tại Học viện [H1.09.05.10].

3. Điểm tồn tại

Tại khu vực giảng đường, Học viện chưa bố trí nhà vệ sinh phù hợp với người khuyết tật. Các phương án nhằm ứng phó khẩn cấp với những trường hợp tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm... cũng chưa được nghiên cứu và phổ biến cho các đơn vị liên quan.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong học kỳ 1 năm học 2023-2024, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo phối hợp Phòng CT&CTSV tiếp tục nghiên cứu và thực hiện định kỳ các kế hoạch bảo đảm an ninh an toàn, đồng thời tổ chức phổ biến các tiêu chuẩn về an toàn, môi trường và sức khỏe tới cán bộ, giảng viên, và sinh viên, tạo thành nếp văn hóa phổ biến trong toàn Học viện.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong kỳ 2 năm học 2023-2024, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo cần tăng cường các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn, an ninh cho sinh viên. Các hoạt động phổ biến hoặc diễn tập cho sinh viên về các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm.v.v cũng cần được tăng cường. Tại khu vực giảng đường, Ban quản lý dự án cần nghiên cứu, tham mưu cho Học viện để bố trí nhà vệ sinh riêng phù hợp với người khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

a. Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

+ Có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng, phòng thực hành với trang thiết bị hiện đại.

+ Thư viện hiện đại, đầy đủ nguồn học liệu.

+ Các phòng thực hành của Học viện được quan tâm đầu tư, các thiết bị mới, đồng bộ, hiện đại, có kết nối Internet, phần mềm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

+ Hệ thống wifi ổn định, có đầy đủ các website và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý đào tạo tại lớp và giảng dạy trực tuyến, được cung cấp miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện.

+ Các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật và được triển khai thực hiện đầy đủ, dần đi vào nền nếp và trở thành văn hóa của Học viện và nhận được sự hài lòng từ người học, cán bộ và giảng viên Học viện.

b. Tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:

+ Hiện nay các phòng làm việc và văn phòng Khoa tại cơ sở Nam An Khánh chưa có văn phòng riêng và vẫn đang ngồi chung phòng trong các giảng đường.

+ Số lượng máy tính và diện tích phòng đọc phục vụ tại thư viện còn chưa đáp ứng được nhu cầu của người đọc, đặc biệt là vào mùa thi.

+ Một số phòng thực hành chưa có máy tính dự phòng cho các lớp học đông sinh viên.

+ Website phục vụ đăng ký tín chỉ đôi khi bị quá tải vào giờ cao điểm đăng ký tín chỉ.

+ Chưa có diễn tập quy mô lớn đối với các tình huống liên quan đến môi trường, an toàn và sức khỏe cho toàn bộ sinh viên Học viện.

Học viện đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

c. Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí, trong đó cả 05 tiêu chí đều đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Việc nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo mục tiêu đào tạo và cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Nhận thức được vấn đề quan trọng đó, Khoa CSC, Học viện Chính sách và Phát triển đã thường xuyên rà soát, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy của giảng viên, Khoa CSC đã sử dụng nhiều kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. Chương trình đào tạo được bổ sung cập nhật định kỳ, chuyển đổi phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ, được đánh giá và cải tiến dựa trên thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan. Việc đánh giá kết quả học tập của người học trong quá trình dạy và học, được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR và nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện và Khoa CSC có hệ thống thu thập thông tin cập nhật về nhu cầu nguồn nhân lực đối với cử nhân tốt nghiệp ngành QLNN và thu thập ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và các chuyên gia, nhà quản lý trong quá trình phát triển chương trình dạy học giai đoạn 2016-2022 [H1.10.01.01], [H1.10.01.02], [H1.10.01.13], [H1.10.01.14], [H1.10.01.15].

Tại Học viện theo quy định về xây dựng CTĐT [H1.10.01.06], [H1.10.01.18], [H1.10.01.19] thì việc thu thập dữ liệu có thể từ các buổi tọa đàm, hội thảo, có thể thu thập qua hệ thống khảo sát bằng câu hỏi trực tiếp và trực tuyến. Thông tin thu thập đa dạng và mang tính hệ thống được nêu trong Quy định về đảm bảo chất lượng của Học viện ban hành theo Quyết định số 969 ngày 29/12/2017 [H1.10.01.03], [H1.10.01.04]. Theo đó, Học viện có các kênh thu thập thông tin phản hồi của các bên qua các hòm thư đặt tại Học viện, Website, phòng tiếp công dân và các kênh riêng từ các khoa và phòng, ban chức năng, từ các buổi tọa đàm cấp khoa, cấp Học viện; đồng thời thu thập dữ liệu sơ cấp khảo sát theo hình thức bảng hỏi trực tuyến trên nền tảng Google Form, trong nhiều trường hợp có thể khảo sát bằng bản giấy [H1.10.01.19], [H1.10.01.21].

Đối với khảo sát thu thập dữ liệu sơ cấp, Học viện đã ban hành riêng một quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng dạy học tại Học viện [H1.10.01.21]., trong đó Trung tâm KT&ĐBCL là đầu mối phối hợp với khoa CSC và các bộ phận có liên quan theo chức năng thực hiện. Tùy từng nội dung khảo sát sẽ do đơn vị chủ trì, các đơn vị khác phối hợp như Trung tâm KT&ĐBCL, Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV, các Khoa thuộc Học viện [H1.10.01.02], [H1.10.01.03], [H1.10.01.04], [H1.10.01.05]. Trong đó quy định các bên liên quan bao gồm người học, người tốt nghiệp, người sắp tốt nghiệp, cán bộ, giảng viên, nhà tuyển dụng và đối tác của Học viện. Công cụ được sử dụng để lấy ý kiến của các bên liên quan bao gồm: 1) Hệ thống khảo sát trực tuyến, trong trường hợp cần thiết có thể sử dụng phiếu khảo sát bằng giấy; 2) Phỏng vấn trực tiếp; 3) Các buổi nói chuyện, tọa đàm, hội thảo. Việc có được thông tin phản hồi từ các bên liên quan có vai trò quan trọng, là căn cứ để Học viện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo, vì thế Học viện đã có hệ thống thu thập, đảm bảo có được các dữ liệu cần thiết từ ý kiến của nhà tuyển dụng, của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và các chuyên gia. Để đảm bảo các dữ liệu thu thập được có độ tin cậy, có ý nghĩa, bộ phận thu thập dữ liệu đã có kế hoạch chi tiết, phối hợp

nhiều hình thức thu thập (online, điện thoại, trực tiếp qua phiếu khảo sát). Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi thể hiện rõ những nội dung sau: (i) Bộ phận/cá nhân phụ trách; (ii) Những thông tin cần thu thập đối với từng bên liên quan; (iii) Phương thức thu thập thông tin; (iv) Thời gian thực hiện. [H1.10.01.21].

Dựa trên thông tin phản hồi thu thập được và các ý kiến từ các buổi tọa đàm, ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên và một số khách mời, doanh nghiệp [H1.10.01.09], [H1.10.01.11], [H1.10.01.13], [H1.10.01.14], [H1.10.01.15], [H1.10.01.23], [H1.10.01.20]. Khoa đã xây dựng CĐR, ma trận kỹ năng cho chương trình đào tạo [H1.10.01.17]. Từ những căn cứ và ý kiến đóng góp đó, Hội đồng Khoa đã xem xét chỉnh sửa mục tiêu đào tạo, CĐR, nội dung chương trình dạy học, phương pháp đánh giá cũng như thời lượng của các học phần sao cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và đề xuất với Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện xem xét thực hiện việc điều chỉnh đó.

Trong giai đoạn 2016-2022, Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh vào năm 2018, 2021. Mỗi lần thay đổi, nhóm rà soát chương trình đều dựa trên thông tin phản hồi thu thập được: từ tọa đàm đóng góp ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên và một số khách mời, doanh nghiệp; đồng thời từ kết quả phân tích dữ liệu thu thập qua việc khảo sát nhu cầu nhân lực ngành QLNN [H1.10.01.11], [H1.10.01.13], [H1.10.01.14], [H1.10.01.15]. Khoa CSC đã có tiếp thu chỉnh sửa chương trình qua các ý kiến góp ý từ các bên liên quan và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện thông qua [H1.10.01.22]. Năm 2021, Ngành QLNN đã được rà soát, điều chỉnh và thiết kế khá toàn diện dựa trên việc kế thừa CĐR năm 2018 và phản hồi của các bên liên quan với 3 nội dung cơ bản: Chuẩn về kiến thức, chuẩn về kỹ năng, chuẩn về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm [H1.08.05.10]. Các nội dung này được cụ thể hóa thành 17 CĐR, trong đó ngoài quy định chuẩn cần đạt về kiến thức chung (kiến thức cơ bản), kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế, kiến thức chuyên môn sâu cho ngành QLNN, còn tập trung quy định rõ chuẩn cần đạt về các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, tập trung làm rõ chuẩn về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của cử nhân ngành QLNN khi gia nhập vào thị trường lao động [H1.10.01.16], [H1.10.01.17], [H1.10.01.18] [H1.10.04.05]. Mục tiêu giáo dục của ngành QLNN cũng được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán giữa mục tiêu giáo dục với CĐR, đáp ứng nhu cầu xã hội, thị trường lao động [H1.10.01.12] [H1.10.01.23], [H1.10.01.13], [H1.10.01.14], [H1.10.01.15].

Các CTĐT của ngành QLNN đã được tổ chức nghiên cứu, tham khảo CTĐT của các trường đại học có chương trình đào tạo tương đồng như: Trường

Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Quốc gia Hà Nội... và một số chương trình của các trường đại học trên thế giới Đại học Indiana tại Bloomington, Hoa Kỳ; Đại học chính sách công Lý Quang Diệu, Đại học Birmingham, Đại học Fulbright.... và có đối sánh với CTĐT của ngành QLNN. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến của các bên liên quan cũng được tiến hành để làm căn cứ cho việc điều chỉnh CTĐT. Đã có 34 ý kiến tra lời từ các nhà khoa học và trên 50% số người được hỏi hoàn toàn đồng ý rằng chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Mục tiêu đào tạo của ngành học rõ ràng, cụ thể; Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học; kết hợp hợp lý giữa lý thuyết và thực hành; có 52% ý kiến cho rằng thời lượng của chương trình đào tạo là hợp lý, đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp, cũng như đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo.

Việc điều chỉnh CTĐT được dựa vào các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển. Trên cơ sở này, ngành QLNN đã được c thiết kế chuyên sâu hơn về việc cung cấp kiến thức chuyên sâu hơn về quản lý công, đặc biệt các nội dung giảng dạy có liên quan đến chức năng, thế mạnh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, chương trình giảng dạy chuyên ngành Quản lý công của Học viện Chính sách và Phát triển sẽ có các môn học chuyên sâu về những lĩnh vực như: Quản lý công; Kinh tế phát triển; Kinh tế công cộng; Hành chính công; Điều hành và Quản lý tổ chức công; Quản lý dự án; Quản trị nhân lực khu vực công; Quản trị chiến lược; Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô; Thẩm định dự án đầu tư.... Đây là các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với đội ngũ chuyên gia am hiểu, giàu kinh nghiệm.

Đối với việc điều chỉnh CTĐT năm 2018 và 2021. Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, cách mạng công nghiệp 4.0 đang tiến triển với tốc độ nhảy vọt, trở thành một trong những động lực quan trọng nhất của sự phát triển, các hoạt động trên nền tảng của công nghệ thông tin hiện đại, giao dịch điện tử cũng phát triển nhanh chóng. CTĐT năm 2021 đã có sự điều chỉnh theo hướng để người học có thể nắm bắt được các xu thế mới để đảm bảo sự phát triển bền vững, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, các môn như thương mại điện tử, kinh tế quốc tế; Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh cũng đã được bổ sung so với CTĐT năm 2018 [H1.10.01.12] [H1.10.01.23], [H1.10.01.13], [H1.10.01.14], [H1.10.01.15].

Hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan có hiệu quả đã giúp Học viện và Khoa có căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tạo ra những sinh viên ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu thị trường.

2. Điểm mạnh

Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống, phân công rõ ràng giữa các đơn vị thực hiện giúp việc thu thập và phân tích dữ liệu từ các bên liên quan trong việc điều chỉnh CTĐT khá hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa trang bị phần mềm riêng trong thực hiện khảo sát các bên liên quan trong việc thu thập dữ liệu sơ cấp, các hình thức, công cụ triển khai hiện tại còn nặng về thu thập trực tiếp hoặc các ứng dụng miễn phí (Google) nên còn mất khá nhiều thời gian và công sức của các đơn vị thực hiện khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thực hiện khảo sát các bên liên quan về CTDH theo kế hoạch hằng năm của Khoa, dựa trên bảng khảo sát các bên liên quan đã được kiểm định; Khoa CSC tiếp tục sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng phát triển của nền kinh tế.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2023-2024, Học viện chỉ đạo Trung tâm KT&ĐBCL hoàn thiện phần mềm khảo sát phù hợp trong việc thu thập ý kiến sinh viên, và cựu sinh viên vì với số lượng thu thập và xử lý cơ sở dữ liệu ngày càng tăng, thì việc ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa công việc là tất yếu, giảm thiểu thời gian, công sức, sai sót trong khâu thu thập và phân tích dữ liệu.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.1: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH, trong đó hướng dẫn tổ soạn thảo xây dựng CTĐT với 8 bước và điều chỉnh chương trình với 4 bước được quy định tại Quyết định số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017, và trước đó là quyết định 833/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2014 [H1.10.02.01], [H1.10.02.02], [H1.10.02.03]. Theo đó, quy trình xây dựng có sự tham gia của GV ở cấp bộ môn, khoa, sau đó được thông qua Hội đồng Khoa học

và Đào tạo của Học viện. Định kỳ 4 năm 1 lần, CTĐT được rà soát và điều chỉnh. Quy trình được xác định gồm các bước (1) Khảo sát, xác định nhu cầu và yêu cầu nhân lực theo trình độ và ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành đào tạo; (2) Xây dựng mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể và CĐR của chương trình đào tạo; (3) Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR; (4) Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành của các cơ sở đào tạo khác để hoàn thiện chương trình đào tạo; (5) Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định; (6) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp về chương trình đào tạo; (7) Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo các cấp xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng; (8) Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các yêu cầu sử dụng lao động và các tiến bộ của lĩnh vực chuyên ngành [H1.10.02.05], [H1.10.02.06], [H1.10.02.07]. Trong mỗi bước lại xác định các nội dung công việc cụ thể cần thực hiện như việc xây dựng đề cương chi tiết học phần: Học viện ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần; Khoa phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng Khoa CSC họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần [H1.10.02.04], [H1.10.02.08], [H1.10.02.19]. Khi có sự thay đổi trong CTĐT và đề cương học phần, những điều chỉnh này được thảo luận và phản ánh trong bài giảng của giảng viên, phương thức tổ chức giảng dạy [H1.10.02.10], [H1.10.02.11], [H1.10.02.12], [H1.10.02.13].

Tuy vậy, quy trình hướng dẫn xây dựng CTĐT năm 2016 vẫn còn chưa được hoàn chỉnh, đặc biệt hướng dẫn việc thu thập thông tin và xây dựng các chuẩn đầu ra tương ứng với mục tiêu đào tạo. Do đó, Học viện và Khoa đã rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết dựa trên việc xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan như các nhà khoa học, cơ quan nhà nước liên quan, đơn vị, tổ chức kinh tế, người học, đồng thời căn cứ sát với các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H1.10.02.19]. Để cải tiến Quy trình thiết kế và phát triển CTDH, bên cạnh việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Học viện đã tổ chức cuộc họp nhằm thảo luận thay đổi quy trình thiết kế CTDH [H1.10.02.02], [H1.10.02.08], [H1.10.02.09]

Từ những năm 2015, Học viện đã lấy ý kiến các nhóm thực hiện rà CTDH nhằm chỉ ra những khó khăn và đưa ra các đề xuất sửa đổi cụ thể đối với

CTDH. Đồng thời Học viện tổ chức cuộc họp với lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng QLĐT, các chuyên gia, nhà quản lý giáo dục có kinh nghiệm nhằm thảo luận thay đổi quy trình thiết kế CTDH [H1.10.02.02]. Đến năm 2017, Học viện ban hành quy trình, trong đó tích hợp hướng dẫn quy trình xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và đúng quy định. Quy trình mới đã cải tiến theo góp ý của các bên liên quan và khi đưa vào triển khai tại Học viện đã khá thuận lợi cho các CTĐT được rà soát năm 2018. Chương trình đào tạo ngành QLNN năm 2018 được rà soát, điều chỉnh cũng dựa theo quy định này [H1.10.02.02], [H1.10.02.10], [H1.10.02.11]. [H1.10.02.19]. Năm 2021, Chương trình đào tạo ngành QLNN tiếp tục được rà soát theo hướng giảm số lượng tín chỉ xuống còn 130 tín chỉ, một số môn học cũng được điều chỉnh, bổ sung mới để phù hợp với bối cảnh mới. Bên cạnh việc rà soát sửa đổi CTĐT thì đề cương, bài giảng của các học phần cũng được điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật và biên soạn mới dựa trên kết quả khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan bao gồm sinh viên đang học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng. [H1.10.02.15], [H1.10.02.16], [H1.10.02.18].

2. Điểm mạnh

Quy trình năm 2017 của Học viện được xây dựng khá rõ ràng, hướng dẫn chi tiết, thuận lợi cho các nhóm rà soát CTĐT. Quy trình được xây dựng có sự góp ý của các chuyên gia có kinh nghiệm từ các trường đại học uy tín và chuyên gia quản lý giáo dục đại học.

3. Điểm tồn tại

Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH chưa được tiến hành đánh giá một cách hệ thống và theo định kỳ với sự tham gia của các bên liên quan. Việc lấy ý kiến chính thức của các bên có liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH được thực hiện chưa mang tính hệ thống, chưa toàn diện.

4. Kế hoạch hành động

- Phát huy điểm mạnh:

Học viện và Khoa tiếp tục duy trì các mối quan hệ tốt với chuyên gia, nhà quản lý có kinh nghiệm và thường xuyên lắng nghe, xin ý kiến của họ, ngày càng hoàn thiện quy trình xây dựng CTĐT.

- Khắc phục tồn tại:

Trong năm học 2023-2024, Học viện giao Phòng QLĐT phối hợp với Khoa CSC rà soát, xin ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý để điều chỉnh quy trình

thiết kế và phát triển CTDH theo hướng ứng dụng công nghệ hiệu quả giúp thuận tiện tiếp cận với các chuyên gia, nhà quản lý từ các địa phương khác nhau.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.2: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có ban hành văn bản quy định hướng dẫn các khoa, các đơn vị phòng, ban thực hiện việc rà soát đánh giá quá trình dạy và học [H1.10.03.01]. Theo đó đánh giá giảng dạy của giảng viên từ (i) Khoa/bộ môn quản lý giảng viên, (ii) Trung tâm KT&ĐBCL thực hiện lấy ý kiến của sinh viên theo các tiêu chí được nêu trong Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.10.03.02].

Đánh giá kết quả học tập của người học được nêu tại Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.10.03.03], Quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển. Trong đó, Học viện cũng áp dụng hình thức đánh giá kết quả học tập của người học thông qua hình thức thi trực tuyến [H1.10.03.15], [H1.10.03.04], [H1.10.03.07], [H1.10.03.08]. Các quy định này đã hướng dẫn cụ thể hoạt động đánh giá kết quả học tập của SV bao gồm: kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần, xếp loại và xét công nhận tốt nghiệp...[H1.10.03.04], [H1.10.03.06]. Ngoài ra, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học còn được quy định rõ trong đề cương ngành QLNN đã được Khoa và Học viện công bố công khai [H1.10.03.05]; Hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần.

Việc đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của sinh viên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR được thực hiện thường xuyên. Cụ thể, trong giai đoạn 2015-2019, Khoa CSC đã thực hiện rà soát và điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết các học phần 2 lần vào năm 2018 và năm 2021 [H1.10.03.09]

Học viện và Khoa CSC thực hiện rà soát đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên một cách thường xuyên. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá từ sinh viên vào cuối mỗi học kỳ. Kết quả khảo sát được phân tích gửi tới lãnh đạo khoa để phản hồi tới giảng viên [H1.10.03.10].

Giảng viên Khoa CSC được sinh viên đánh giá cao về việc giảng dạy đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, điểm đánh giá trung bình các năm của giảng viên trong khoa từ 4,0-4,5/5 điểm. Hàng kỳ, sau khi dự giờ một số giảng viên giảng dạy và từ thông báo của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Khoa CSC đều họp góp ý về việc giảng dạy của giảng viên theo các tiêu chí như chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy ...[H1.10.03.11], [H1.10.03.12], [H1.10.03.13], [H1.10.03.14].

Hàng năm, Khoa CSC đều tổ chức tọa đàm giữa giảng viên, sinh viên, khách mời là lãnh đạo doanh nghiệp về phương pháp giảng dạy và học tập theo định hướng nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn đầu ra. Các ý kiến đóng góp của giảng viên và sinh viên rất cởi mở, thẳng thắn sao cho việc dạy và học đạt hiệu quả tốt nhất [H1.10.03.11].

Thông qua các buổi hội thảo triển khai sâu rộng đổi mới kiểm tra đánh giá người học theo hướng tiếp cận năng lực người học, từ cấp Học viện đến cấp khoa để nâng cao nhận thức và trang bị cho giảng viên phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập người học theo hướng tiếp cận, phát triển năng lực người học [H1.10.03.11]. Ngoài ra, sinh viên đã tốt nghiệp ngành QLNN đã gửi thư cho Khoa CSC, trong đó chuyển ý kiến nhận xét của nhà tuyển dụng nhận xét chung là sinh viên được đào tạo tốt hơn so với một số cơ sở đào tạo khác. Bên cạnh đó, một số sinh viên đã tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý công tiếp tục theo học thạc sỹ ở Học viện Chính sách và phát triển, và các trường Đại học trong và nước ngoài như Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Quốc gia Hà Nội, tại các nước như Nhật, Singapore, Trung Quốc.

Về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập đã được tiếp thu và giúp cho Học viện xây dựng Kế hoạch học tập nhằm cải tiến chất lượng, cũng như giúp cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo. Sau khi nhận kết quả đánh giá, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với các khoa chuyên môn có một số điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, như nâng cao vai trò tự học, nghiên cứu của sinh viên, yêu cầu sinh viên thảo luận nhóm và thuyết trình nhiều hơn, giảng viên tăng cường hướng dẫn sinh viên tự học, cập nhật tài liệu.. [H1.10.03.11]. Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học trước khi tốt nghiệp về chất lượng khóa học hàng năm đều cho thấy có trên 90% người được khảo sát độ hài lòng về chất lượng đào tạo của các khóa học.

2. Điểm mạnh

Học viện rà soát và đánh giá thường xuyên chương trình đào tạo, giảng viên đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học

và mục tiêu chương trình đào tạo, đạt CDR. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá nghiêm túc, hình thức đánh giá đa dạng thông qua điểm chuyên cần, giữa kỳ và bài thi hết môn, thực tập và khóa luận tốt nghiệp đạt CDR.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học tập trung nhiều vào các chuẩn đầu ra về mặt kiến thức và kỹ năng chuyên môn, chưa chú trọng nhiều đến các chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm của người học.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các chương trình đào tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy, đa dạng hóa và linh hoạt hơn nữa các hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm học 2023-2024, Học viện tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy định liên quan đến lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật theo năm học để đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.3: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Các giảng viên Khoa CSC luôn tích cực tham gia thực hiện các đề tài NCKH theo lĩnh vực chuyên môn của mình. Nhiều giảng viên trong Khoa đã tham gia và hoàn thành các đề án, các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện có đề tài liên quan đến ngành Quản lý nhà nước với kết quả được đánh giá cao. Bên cạnh đó, giảng viên trong Khoa cũng đã có các bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín; tích cực tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo [H1.10.04.01], [H1.10.04.03], [H1.10.04.06]. Ngoài ra, hoạt động NCKH trong sinh viên cũng được đẩy mạnh và chú trọng tại Khoa CSC và tại Học viện [H1.08.04.23], [H1.08.04.24]. Hàng năm, Khoa CSC đều tổ chức tọa đàm, Hội nghị NCKH cho sinh viên với sự tham gia của nhiều nhóm sinh viên với những đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành đào tạo [H1.10.04.04], . Bên cạnh đó, các giảng viên của Khoa còn tích cực tham gia tư vấn chính sách và chiến lược cho các cơ quan của Chính phủ cũng như địa phương và các tổ chức doanh nghiệp. Trong thời gian

2016-2021, giảng viên Khoa CSC đã công bố 14 bài báo trên các tạp chí quốc tế, 31 bài báo trên các tạp chí trong nước, 4 bài hội thảo khoa học quốc gia [H1.10.04.03].

Khoa CSC có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của người học. Các kết quả NCKH được Khoa không chỉ áp dụng và chuyển tải thành các nội dung, các chuyên đề giảng dạy trên lớp hoặc thông qua một số hình thức khác như tổ chức seminar, hội thảo, cập nhật bổ sung nội dung các học phần trong quá trình đào tạo mà qua đó còn là cơ sở hướng dẫn SV làm NCKH [H1.10.04.02]. Sau là đây thống kê số giải thưởng NCKH SV của CTĐT từ năm 2016 đến năm 2021.

Bảng 10.1. Số giải thưởng NCKH SV của CTĐT đã đạt được qua các năm

Khóa học	Số các giải thưởng nghiên cứu khoa học SV
2016-2017	2
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	3
2020-2021	3

Sự tham gia của sinh viên trong NCKH đã giúp nâng cao năng lực tư duy độc lập, kỹ năng ứng dụng những kiến thức được học để trả lời các câu hỏi thực tiễn đặt ra, cũng như giúp ích rất nhiều cho SV của Khoa khi ra trường có thể hòa nhập ngay với thị trường lao động.

Học viện và Khoa CSC rất quan tâm đến việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học thông qua việc biên soạn và chỉnh sửa tài liệu, giáo trình giảng dạy. Hàng năm, Học viện đều bố trí ngân sách cho việc biên soạn giáo trình và đăng ký đề tài NCKH cấp cơ sở. Các giảng viên Khoa CSC cũng đã tham gia biên soạn và xuất bản như Giáo trình phân tích chính sách, Tập bài giảng Quản lý Khu vực công, Tập bài giảng chính sách kinh tế. [H1.10.04.06]. Khoa cũng đã có 2 cuốn giáo trình và sách chuyên khảo liên quan đến chuyên ngành QLNN và có 14 đầu sách tham khảo là các tài liệu, giáo trình trong và ngoài nước nhằm phục vụ công tác đào tạo [H1.10.04.12].

Nhiều kết quả NCKH của GV được chuyển tải thành các nội dung giảng dạy trong CTDH, đặc biệt là đối với các học phần của chuyên ngành Quản lý công. Ví dụ, đề tài cấp cơ sở được thực hiện trong giai đoạn 2018-2019 “Mối quan hệ giữ tăng trưởng kinh tế, việc làm và năng suất lao động ở Việt Nam” được sử

dụng làm tài liệu tham khảo cho người học khi học các học phần liên quan đến chính sách công và học phần quản lý nhà nước về kinh tế [H1.10.04.05], [H1.10.04.07]. Bên cạnh đó, kết quả của các dự án tư vấn cho các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp về xây dựng chính sách và đánh giá chính sách cũng là nguồn tài liệu tham khảo quý cho người học khi học các học phần Phân tích chính sách và Quản lý khu vực công. Kỳ 1 năm học 2021-2022, Khoa CSC đã thực hiện Đề tài cấp cơ sở: “Phát huy vai trò của tổ chức Công đoàn trong xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ tại Học viện Chính sách và Phát triển”, và dự kiến đưa vào ứng dụng và cập nhật vào bản mô tả CTĐT ngành QLNN trong năm học 2021-2022 [H1.10.04.07].

Giai đoạn 2016-2022 ngành QLNN cũng đã 100 sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp thành công, cùng với đó là có 100 nghiên cứu khoa học. Các tài liệu này cũng được dùng làm tài liệu tham khảo cho các sinh viên khóa sau phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và nâng cao trình độ cho sinh viên [H1.10.04.11]. Hàng năm, vào các đợt thực tập và viết khóa luận, cũng như việc tổ chức nghiên cứu khoa học cho sinh viên. Khoa CSC đã sử dụng các NCKH của các giảng viên trong khoa và các NCKH/khóa luận tốt nghiệp của sinh viên khóa trước để hướng dẫn sinh viên tham khảo. Các chủ đề liên quan đến nghiên cứu khoa học hàng năm của giảng viên, cũng như sinh viên tốt nghiệp cũng đã được các giảng viên gắn với bài giảng thông qua việc cho sinh viên thảo luận, làm bài tập nhóm các vấn đề gắn với các chủ đề liên quan đến những NCKH để làm rõ thêm các vấn đề trong học thuật, nâng cao chất lượng đào tạo trong từng học kỳ. Nhờ có các hoạt động này, hiệu quả và mức độ cải tiến các hoạt động dạy và học tập, cũng như hiệu quả ứng dụng mang lại từ các kết quả NCKH của giảng viên và người học của ngành QLNN cũng đã được cải thiện đáng kể

Hàng năm, Khoa CSC đều tổ chức Toạ đàm, Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Khoa với sự tham gia của toàn bộ giảng viên và sinh viên Khoa CSC để tổng kết kết quả nghiên cứu khoa học sinh viên và trao đổi, đóng góp ý kiến để nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH và nâng cao hiệu quả cho hoạt động học tập, nghiên cứu của người học, nhờ đó mà sinh viên đã giai tăng sự học hỏi hơn và tăng cường sự tham vào nghiên cứu khoa học để góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của sinh viên [H1.10.04.08].

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH được triển khai bài bản, có hiệu quả. Một số kết quả nghiên cứu được chuyển hóa thành nội dung giảng dạy trong CTDH. Nhờ đó mà

sinh viên đã chăm chỉ học tập và rèn luyện các kỹ năng học tập, cũng như kỹ năng tìm và đọc tài liệu phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều công trình NCKH liên quan trực tiếp đến việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

- Phát huy điểm mạnh:

Từ năm 2023, Khoa tiếp tục đẩy mạnh phong trào NCKH ở giảng viên và sinh viên trong Khoa trong giai đoạn tới. Học viện và Khoa có thể xem xét đưa ra các chính sách khuyến khích giảng viên, sinh viên tham gia NCKH bằng các chính sách ghi nhận nỗ lực, đề xuất các danh hiệu thi đua vào cuối năm, giảm các nhiệm vụ hành chính (đối với giảng viên) và cộng điểm khuyến khích, học bổng (đối với sinh viên).

- Khắc phục tồn tại:

Trong năm học 2023-2024, Khoa tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc tích hợp các kết quả NCKH vào giảng dạy trong CTĐT

5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.4: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2017, Học viện đã ra Quyết định số 135/QĐ-HVCSPT về việc Ban hành Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H1.10.05.01], và Quyết định số 969/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017 về việc ban hành quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện Chính sách và Phát triển và Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H1.10.05.02]. Trong đó quy định rõ các bước cần thực hiện để tiến hành đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H1.10.05.05]. Bên cạnh đó, Học viện đã ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng tại Học viện Chính sách và Phát triển trong đó có các nội dung về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện,

phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H1.10.05.03] [H1.10.05.04].

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCL và Khoa CSC tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, bộ phận tư vấn học tập, bộ phận hướng nghiệp, hỗ trợ việc làm, hệ thống câu lạc bộ sinh viên, các hoạt động đoàn thể, ngoại khoá [H1.10.05.13], [H1.10.05.03]. Với thang điểm về mức độ hài lòng từ 1 đến 5 tương ứng với các mức độ hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến, đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Kết quả khảo sát ý kiến của người học cho thấy, tỷ lệ sinh viên có ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý rất cao. Có thể cho thấy, hầu hết người học hài lòng với chất lượng phục vụ của thư viện, kỹ thuật viên công nghệ thông tin và hài lòng với các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học cũng như các hoạt động ngoại khoá, văn nghệ, đoàn thể của Học viện và của Khoa [H1.10.05.06], [H1.10.05.07], [H1.10.05.08].

Tương tự đối với kết quả khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên về tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, không có ý kiến hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý. Số cán bộ, giảng viên không có ý kiến chiếm tỷ lệ rất nhỏ, còn lại là ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Điều này cho thấy, các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, kỹ thuật viên công nghệ thông tin và các dịch vụ khác đáp ứng được nhu cầu làm việc, nghiên cứu và giảng dạy của cán bộ giảng viên [H1.10.05.06], [H1.10.05.07], [H1.10.05.08], [H1.10.05.13]. Trên cơ sở kết quả đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV và các đơn vị chịu trách nhiệm chính sẽ căn cứ vào các ý kiến nhận xét để tiến hành thực hiện các thay đổi, cải tiến để nâng cao chất lượng dịch vụ của thư viện và các hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác như tư vấn, giới thiệu và hỗ trợ việc làm cho sinh viên [H1.10.05.01], [H1.10.05.06], [H1.10.05.07], [H1.10.05.08], [H1.10.05.09], [H1.10.05.10]. Đồng thời, trên cơ sở ý kiến của sinh viên, Khoa đưa ra các đề xuất với Học viện nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Ví dụ sau khi có ý kiến về việc đăng ký tín chỉ bị lỗi mạng, quá tải người dùng, sinh viên khó đăng ký, Học viện đã có những cải tiến thay đổi kế hoạch đăng ký tín chỉ đảm bảo người dùng không gặp phải những khó khăn trong đăng ký tín chỉ hoặc đóng học phí. Học viện cũng đã có những cải tiến về quy trình giải quyết về đóng học phí. Đồng thời, Học viện cũng áp dụng cơ chế một cửa và một cửa liên thông để giúp giải quyết các thủ tục hành chính cho sinh viên nhanh chóng từ cuối năm 2019, trước khi chính thức ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối

với sinh viên vào đầu năm 2020 [H1.10.05.11]. Đây cũng là một trong những bước cải tiến trong việc nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Học viện.

2. Điểm mạnh

Việc khảo sát luôn được thực hiện thường xuyên, cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ từ đó nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học, làm cho số lượng tuyển sinh hàng năm được tăng lên.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đầu sách tham khảo, như (Sách chuyên khảo CSC), tài liệu phục vụ cho sinh viên học tập còn chưa tương xứng với quy mô sinh viên hàng năm được tăng lên. Do vậy, nhiều sinh viên không mượn được sách tham khảo từ thư viện.

4. Kế hoạch hành động

- Phát huy điểm mạnh:

Từ năm 2023, Học viện giao Phòng QLĐT, Phòng TC-HC, Phòng CT&CTSV tiếp tục cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và các tiện ích, chuyên môn hóa hơn nữa bộ phận chuyên trách về cơ sở vật chất nhằm kịp thời hỗ trợ hoạt động giảng dạy và NCKH.

- Khắc phục tồn tại:

Năm học 2023-2024, Học viện giao Phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL và Phòng CT&CTSV lập kế hoạch khảo sát, xây dựng bộ công cụ khảo sát ý kiến của người học về các dịch vụ để đánh giá về tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, đồng thời nghiên cứu để sử dụng đa dạng hơn nữa các công cụ.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.5: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống từ cấp Học viện đến các Khoa, được thể hiện cụ thể trong Quyết định về việc Ban hành Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện Chính sách và Phát triển, Quyết định về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất

lượng đào tạo tại Học viện [H1.10.06.01], [H1.10.06.02], [H1.10.06.03] [H1.10.06.06], trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/bộ phận thu thập thông tin, quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan. Ngoài ra, trong Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác quy định rõ về phạm vi và đối tượng áp dụng, nguyên tắc và phương pháp tự đánh giá, các hoạt động sau khi tự đánh giá, trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, quy trình đánh giá và điều khoản thi hành [H1.10.06.02], [H1.10.06.04], [H1.10.06.05].

Theo quy định của Học viện, đơn vị đầu mối là Trung tâm KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối phụ trách hoạt động, phối hợp với các Khoa, Phòng, Trung tâm trong Học viện trong thực hiện đối với từng nội dung nhận phản hồi.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được ban hành lần đầu năm 2014 khi Học viện chưa có bộ phận đảm bảo chất lượng dẫn đến việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan còn tản mạn và kế hoạch thu thập dữ liệu không rõ ràng [H1.10.06.01], [H1.10.06.09]. Sau khi Học viện tiến hành mời đánh giá ngoài cơ sở đào tạo thì các chuyên gia khuyến nghị cần có bộ phận đảm bảo chất lượng, trong đó có vấn đề chất lượng thông tin và cơ chế phản hồi cần được chú trọng hơn nữa. Học viện cũng đã có các cuộc họp giữa các đơn vị liên quan để đánh giá thêm vấn đề đó từ đề xuất của chuyên gia [H1.10.06.11]. Năm 2018 Học viện đã ban hành Quyết định số 1007/QĐ-HVCSPT thay thế cho Quyết định số 688/QĐ-HVCSPT ban hành năm 2014 từ việc tiếp thu ý kiến của các chuyên gia [H1.10.06.01]. Trong đó cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được cải tiến bằng việc quy định rõ Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đầu mối thu thập dữ liệu phản hồi của các bên liên quan, bao gồm từ sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, cán bộ. Các ý kiến được thu thập từ mỗi đối tượng trên cũng đều rõ ràng và có tiêu chí, có hướng dẫn rõ ràng để các bên phối hợp thực hiện [H1.10.06.07], [H1.10.06.08], [H1.10.06.09], [H1.10.06.10]. Tuy vậy, Học viện vẫn chưa có quy định riêng về Hệ thống thông tin phản hồi, không những chỉ là thu thập từ dữ liệu khảo sát mà cần quy định rõ hơn về việc tiếp nhận thông tin từ các nguồn khác nhau.

Năm 2019, Học viện cũng đã tiếp thu ý kiến của giảng viên và sinh viên thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện ngay từ trước khi ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện vào đầu năm 2020 để nâng cao hiệu quả cho việc tiếp thu ý kiến của sinh viên và giải quyết thủ tục hành chính [H1.10.06.13].

Hơn nữa, các chương trình đào tạo cũng được Học viện đưa vào kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo [H1.10.06.12] nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Để quá trình thu thập thông tin phản hồi liên tục được cải tiến, Học viện đã liên tục cập nhật các phương thức phản hồi phù hợp và tiện lợi cho các bên liên quan, đồng thời giúp thu thập được các thông tin hữu ích và kịp thời. Trong năm 2019, Học viện đã bắt đầu đưa vào triển khai hoạt động giảng dạy và học tập trực tuyến trên hệ thống quản lý học tập LMS, phần mềm học trực tuyến Zoom, google meet. Với phương thức học trực tuyến, sinh viên và giảng viên sẽ có khả năng trao đổi trực tiếp một cách thuận lợi, nhanh chóng và khoa học vào bất cứ khoảng thời gian nào và bất cứ khoảng cách địa lý nào [H1.10.06.17].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác cố vấn học tập, hoạt động giảng dạy của giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan, tuy nhiên thông tin phản hồi thu thập được chưa được đồng đều về chất lượng và sự kịp thời, chưa có quy định rõ về việc tiếp nhận thông tin từ các nguồn khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

- Phát huy điểm mạnh:

Năm học 2023-2024, Khoa CSC tiếp tục phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng QLĐT trong việc tăng cường giám sát việc thực hiện cơ chế, quy trình phản hồi của các bên liên quan một cách hiệu quả.

- Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2023 – 2024 Học viện giao Trung tâm KT&ĐBCL soạn thảo quy định về hệ thống thông tin quản lý trong đó có yêu cầu đầy đủ hơn về cơ chế phản hồi.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.6: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

a. Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn 10 đã đạt được một số điểm mạnh sau: (1) Học viện có quy trình xây dựng CTDH rõ ràng, minh bạch (2) Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống. (3) Các thông tin phản hồi của các bên

liên quan là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến chương trình đào tạo. (4) Hoạt động NCKH được triển khai bài bản, có hiệu quả. Một số kết quả nghiên cứu được chuyên hóa thành nội dung giảng dạy trong CTDH. (5) Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. (6) Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác cố vấn học tập, hoạt động giảng dạy của giảng viên.

b. Tồn tại chủ yếu của Tiêu chuẩn:

Mặc dù đã đạt những kết quả nhất định, tuy nhiên trong tiêu chuẩn 10 vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục trong lộ trình cải tiến chất lượng đào tạo trong thời gian tới như (1) Việc thực hiện khảo sát các bên liên quan còn mất khá nhiều thời gian và công sức của các đơn vị thực hiện khảo sát. (2) Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH chưa được tiến hành đánh giá một cách hệ thống và theo định kỳ với sự tham gia của các bên liên quan. (3) Việc lấy ý kiến chính thức của các bên có liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH được thực hiện chưa mang tính hệ thống, chưa toàn diện. (4) Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về đánh giá quá trình dạy và học còn chưa kịp thời. Ngoài ra, còn một số sinh viên do trình độ đầu vào hạn chế gặp khó khăn để đạt được CDR. (5) Đề tài NCKH chưa có sức lan tỏa đối với việc tính hiệu quả của những giải pháp tới nâng cao chất lượng trong nội dung CTĐT và CTDH. (6) Cơ sở dữ liệu về các bên liên quan chưa nhiều và cập nhật thường xuyên để có thể tiến hành khảo sát nhanh hơn và hiệu quả hơn, thông tin phản hồi thu thập được chưa được đồng đều về chất lượng và sự kịp thời, chưa có quy định rõ về việc tiếp nhận thông tin từ các nguồn khác nhau.

Học viện và Khoa đã xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại trên.

c. Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong Tiêu chuẩn: Tất cả các tiêu chí (6/6) trong Tiêu chuẩn 10 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 06 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/6.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mô tả

Chất lượng đầu ra của CTĐT là nhân tố quan trọng đối với sự bền vững của CTĐT. Chất lượng đầu ra có thể được thể hiện ở tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp; loại hình và số

lượng nghiên cứu của NH; và mức độ hài lòng của các bên liên quan (bao gồm đánh giá của NH; cựu học viên, nhà tuyển dụng và giảng viên). Những tiêu chí này được đặt ra để giám sát, xem xét đối chiếu nhằm quản lý chất lượng đầu ra của quá trình đào tạo. Ngành Quản lý nhà nước của Học viện CS&PT được bắt đầu đào tạo từ năm 2016, nguồn sinh viên đầu vào của chuyên ngành được chọn lọc từ các sinh viên có điểm trúng tuyển khá của Học viện trong kỳ thi THPT Quốc gia. Cùng với đó, các sinh viên Ngành quản lý nhà nước được đào tạo bài bản và có sự đánh giá, giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tập nên khi ra trường được các doanh nghiệp và xã hội thừa nhận, qua đó khẳng định chất lượng đầu ra của CTĐT luôn được đảm bảo.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp [H1.11.01.02]. Phần mềm này có 2 hệ thống: (1) Hệ thống tác nghiệp dành cho các phòng/ban chức năng; (2) Hệ thống quản lý đăng ký tín chỉ và quản lý quá trình học của sinh viên. Hệ thống tác nghiệp gồm 09 chức năng chính và 2 module cài đặt: (1) quản lý học viên, sinh viên; (2) quản lý đào tạo; (3) quản trị hệ thống; (4) quản trị nhân sự; (5) đánh giá, phân loại xếp hạng; (6) hệ thống báo cáo; (7) phân quyền dữ liệu; (8) modul xếp lịch học; (9) module xếp lịch thi. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) của ngành Quản lý nhà nước được xác lập dựa vào cơ sở dữ liệu về sinh viên ngành bao gồm: kết quả tuyển sinh đầu vào bảng điểm học phần các năm kết quả rèn luyện [H1.11.01.01], kết quả xét tốt nghiệp cấp học viện, cấp khoa [H1.11.01.04], [H1.11.01.05], thống kê danh sách sinh viên nghỉ học, tỷ lệ thôi học [H1.11.01.02]. Phòng QLĐT được giao nhiệm vụ đầu mối quản lý học tập của sinh viên, theo dõi và cập nhật tình hình học tập, sinh viên bảo lưu, thôi học. Phòng CT & CT sinh viên theo dõi và cập nhật kết quả rèn luyện của sinh viên. Các phòng chức năng phối hợp với Khoa, cùng đội ngũ CVHT, theo từng lớp, từng ngành học để hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình học tập. Số lượng sinh viên Ngành Quản lý nhà nước thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng năm theo đúng quy định của Học viện [H1.11.01.02].

Theo thống kê, tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm trong giai đoạn đánh giá của ngành Quản lý nhà nước là đạt trung bình 45%/năm, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn (4 năm) đạt trung bình /năm. Tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành Quản

lý nhà nước có sự khác nhau giữa các khoá sinh viên trong giai đoạn đánh giá. Tỷ lệ thôi học của K7 (khoá 2016 - 2020 là 18,5%, của K8 (khoá 2016-2020) là 8,5%, K9 (khoá 2017-2021) là 10,7%. Tỷ lệ thôi học của K8, K9 không cao và hầu hết là trường hợp thôi học tự nguyện và chủ yếu là sinh viên thôi học sau 1 năm do cảm thấy không phù hợp với sở thích và khả năng [H1.11.01.02].

Số sinh viên thôi học ngành Quản lý nhà nước có hai dạng là tự nguyện và buộc thôi học. Với trường hợp buộc thôi học theo quy định của Học viện, nguyên nhân là do kết quả học tập kém không đủ theo quy định hoặc sinh viên tự ý bỏ học một hoặc nhiều học kỳ liên tiếp [H1.11.01.02]. Sau mỗi học kỳ, Khoa Chính sách công và các Khoa liên quan đều thực hiện rà soát các sinh viên có kết quả học tập ở mức cảnh báo cũng như phát hiện những sinh viên có thể bị buộc thôi học. CVHT đã thực hiện gặp mặt, trao đổi, tư vấn để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của người học qua các buổi họp giữa CVHT và lớp sinh viên được phân công [H1.11.01.01]. Những sinh viên có kết quả học tập yếu kém cũng được trực tiếp đối thoại với các thầy cô trong khoa và Học viện tại buổi sơ kết học kỳ và tổng kết năm học [H1.11.01.01].

Với trường hợp thôi học tự nguyện: khi sinh viên nộp đơn thôi học, CVHT đều trao đổi trực tiếp với sinh viên và gia đình để tìm hiểu nguyên nhân thôi học, cũng như đưa ra một số tư vấn trao đổi với sinh viên và gia đình. Các nguyên nhân thôi học thường thấy là: sinh viên đi du học nên xin thôi học tại Học viện, sinh viên cảm thấy không phù hợp với việc học tập tại Học viện nên muốn chuyển sang ngành học khác phù hợp hơn, vì lý do gia đình nên sinh viên không thể tiếp tục theo học tại Học viện... Bên cạnh đó, quyết định thôi học được lưu trong hồ sơ [H1.11.01.02], và được cập nhật trên phần mềm hệ thống QLĐT của Học viện, điều này giúp thuận tiện cho việc giám sát sinh viên trong quá trình đào tạo.

Trên cơ sở tìm hiểu và phân tích các nguyên nhân thôi học, cố vấn học tập báo cáo lãnh đạo Khoa, từ đó Lãnh đạo Khoa có ý kiến với Ban Giám đốc và Phòng QLĐT trong các cuộc họp để có các biện pháp giảm thiểu tỉ lệ thôi học của sinh viên [H1.11.01.01]. Các biện pháp cụ thể được nêu ra như: thực hiện tốt công tác tư vấn tuyển sinh để sinh viên có thể có định hướng đúng với ngành/chuyên ngành mình đăng ký ở Học viện, tránh tình trạng sau khi học sinh viên cảm thấy không phù hợp và muốn thôi học để thi lại trường khác; phổ biến sâu rộng các chính sách chế độ hỗ trợ sinh viên trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khoá để sinh viên có thể tiếp cận các nguồn tài chính, phục vụ cho quá trình học tập tại Học viện [H1.11.01.01].

Ngoài ra, Học viện xây dựng kế hoạch đăng ký học phần phù hợp với quá trình học tập của sinh viên [H1.11.01.01], để CVHT các lớp có thể tư vấn cho sinh viên, qua đó đảm bảo sinh viên có thể hoàn thành các môn học và tốt nghiệp đúng hạn, nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cũng như hạn chế đến mức thấp nhất số lượng sinh viên bị buộc thôi học hoặc sinh viên cảm thấy không phù hợp mà nghỉ học (thôi học tự nguyện) [H1.11.01.01]; [H1.11.01.02]; [H1.11.01.03].

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp chuyên môn của Khoa, trong hội nghị tổng kết năm học của Học viện [H1.11.01.04], [H1.11.01.05], [H1.11.01.06] từ đó tìm hiểu và phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khả thi.

Bảng 11.1.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành QLNN giai đoạn 2016 - 2022

Năm học	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (%)	Tăng/giảm so với năm trước (%)
K6, khoá 2015 - 2019	55%	
K7, khoá 2016 - 2020	40%	(-) 15%
K8, khoá 2017 - 2021	30%	(-) 10%
K9, khoá 2018 - 2022	30%	0%

(Nguồn: [H1.11.01.04], [H1.11.01.05])

Từ năm 2018, khi Học viện thực hiện áp dụng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (TOEIC 450 điểm) và Tin học (chứng chỉ IC3 hoặc MOS) cho sinh viên từ Khoá 5 thì tỷ lệ tốt nghiệp đã giảm mạnh. Tỷ lệ này đối với Khoá 6, 7, 8, 9 lần lượt là 55%, 40%; 30%.

Nguyên nhân chính khiến tỷ lệ tốt nghiệp của Học viện nói chung và Khoa nói riêng giảm mạnh là do sinh viên chưa đáp ứng được chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ. Năm được nguyên nhân này, cố vấn học tập, Khoa, phòng QLĐT và Bộ môn Ngoại ngữ đã cùng nhau phối hợp để đôn đốc, nhắc nhở, động viên, mở các lớp ôn tập để sinh viên có kế hoạch học tập phù hợp chuẩn bị cho chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

2. Điểm mạnh:

Học viện thực hiện quản lý, thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp bằng phần mềm QLĐT, nhờ đó có thể đối sánh được tỷ lệ tốt nghiệp giữa các năm với độ chuẩn xác cao; kịp thời đưa ra danh sách cảnh báo với những sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp để có biện pháp nhắc nhở phù hợp. Đội ngũ CVHT

nhiệt tình, có kinh nghiệm trong việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.

3. Điểm tồn tại:

Còn nhiều sinh viên chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ nên tỷ lệ tốt nghiệp bị giảm trong hai năm gần đây. Khoa vẫn còn tỷ lệ sinh viên thôi học dù tỷ lệ này không lớn.

4. Kế hoạch hành động:

+ **Phát huy điểm mạnh:** Khoa tiếp tục phát huy vai trò của đội ngũ CVHT trong việc đôn đốc, tư vấn kế hoạch học tập hiệu quả cho sinh viên để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp.

+ **Khắc phục điểm tồn tại:** Để tăng tỷ lệ sinh viên ra trường đúng hạn và giảm tỷ lệ thôi học, đội ngũ CVHT tiếp tục theo sát, tư vấn và hỗ trợ quá trình học tập của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Theo quy định của Quy chế đào tạo, thời gian tốt nghiệp của cử nhân Ngành Quản lý nhà nước là 4 năm và tối đa là 6 năm theo hình thức đào tạo tín chỉ cho các sinh viên khóa 11 (2020-2024) trở về trước đ ược Học viện triển khai thực hiện từ năm 2015 [H1.11.02.01]. Từ năm 2018, Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước được điều chỉnh, Khoa đã thực hiện chỉnh sửa CTĐT cử nhân chuyên ngành, theo đó thời gian đào tạo là 3,5 - 4 năm (tức là sinh viên có thể tốt nghiệp sớm nửa năm). Trong giai đoạn 2016 - 2021, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Quản lý nhà nước là 4,1 năm. Thời gian tốt nghiệp của sinh viên cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp của Khoa, Học viện [H1.11.02.01]. Qua đó, thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp của sinh viên qua các năm, giữa các ngành đào tạo của Học viện [H1.11.02.02].

Trước năm 2018, tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn 4 năm của sinh viên ngành Quản lý nhà nước là 95%. Tuy nhiên, từ năm 2018, tỷ lệ người học kéo dài thời gian tốt nghiệp lớn hơn 4 năm (tốt nghiệp muộn) tăng lên. Khoa đã họp khoa để tìm hiểu và phân tích các nguyên nhân sinh viên tốt nghiệp muộn để xuất các biện pháp hỗ trợ sinh viên giảm tối đa thời lượng học tập, có thể tốt nghiệp sớm hoặc đúng hạn [H1.11.01.04].

Các nguyên nhân khiến cho tỷ lệ tốt nghiệp muộn tăng lên là do Học viện quy định thêm chuẩn đầu ra tiếng Anh (TOEIC, IELTS) và Tin học (IC3, MOS) [H1.11.02.04]; sinh viên chưa có kế hoạch học tập phù hợp ở từng học kỳ; Học viện chỉ có 02 đợt xét tốt nghiệp một năm... Để khắc phục tình trạng này, các biện pháp hỗ trợ sinh viên có thể rút ngắn hoặc tốt nghiệp đúng hạn đã được đề xuất và triển khai. Khoa Chính sách công đã thực hiện xây dựng kế hoạch đăng ký học phần phù hợp với quá trình học tập của sinh viên để CVHT các lớp có thể tư vấn cho sinh viên, qua đó đảm bảo sinh viên có thể hoàn thành các môn học và tốt nghiệp đúng hạn [H1.11.02.01]. Học viện thực hiện nhiều đợt xét tốt nghiệp bổ sung để sinh viên đáp ứng được chuẩn đầu ra Tiếng Anh và Tin học có thể được tốt nghiệp [H1.11.02.01]; [H1.11.02.05].

Trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, Phòng QLĐT cũng thực hiện đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp đã triển khai thực hiện, để phát huy những ưu điểm và hạn chế những nhược điểm của các biện pháp đó [H1.11.02.03]; [H1.11.02.06].

2. Điểm mạnh:

Học viện có phần mềm quản lý, thống kê, theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp của các khoá học trong cùng một chương trình đào tạo một cách chuẩn xác và nhanh chóng. Ngoài ra, đội ngũ cố vấn học tập chuyên nghiệp, sát sao với sinh viên trong quá trình tư vấn và giúp đỡ sinh viên đạt kết quả học tập tốt nhất, đúng thời gian quy định.

3. Điểm tồn tại:

Từ năm 2018 đến 2023, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn bị giảm xuống do nguyên nhân chủ yếu là nhiều sinh viên chưa đáp ứng được chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.

4. Kế hoạch hành động:

+ **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục phát huy vai trò của đội ngũ cố vấn học tập, tăng cường sự phối hợp của cố vấn học tập với Phòng QLĐT để giúp người học có kế hoạch học tập phù hợp, từ đó rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

+ **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2023 - 2024, Bộ môn Ngoại ngữ phối hợp với Phòng QLĐT có phương án đào tạo ngoại ngữ hiệu quả hơn, đồng thời cân nhắc bổ sung thêm các chuẩn Ngoại ngữ tương đương, đặc biệt với các sinh viên đến hạn ra trường (năm thứ 6) mà chưa đạt chuẩn nhằm giúp người học tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng CT&CTSV là đơn vị chủ trì được Học viện giao nhiệm vụ phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL và Khoa Chính sách công phụ trách thực hiện việc thống kê, khảo sát và lưu trữ danh sách sinh viên tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác [H1.11.03.02]. Đồng thời, Khoa cũng thành lập Ban liên lạc Hội cựu sinh viên của Khoa [H1.11.03.03]. Ban liên lạc Hội cựu sinh viên của Khoa thực hiện vai trò kết nối liên lạc của các sinh viên đã tốt nghiệp, cũng như phối hợp với Khoa để tổ chức các buổi nói chuyện, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm học tập, làm việc cũng như cơ hội tìm việc làm với các sinh viên đang theo học của Khoa. Bên cạnh đó, Học viện cũng ban hành Quy định về việc ban hành quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện Chính sách và Phát triển để làm căn cứ cho việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn [H1.11.03.01].

Hằng năm, Học viện xây dựng kế hoạch khảo sát việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp [H1.11.03.02]. Trên cơ sở đó, Phòng CT&CTSV cùng với Khoa tổ chức khảo sát tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp. Các đợt khảo sát đều nhận được phản hồi tích cực từ các cựu sinh viên, do đó số liệu về tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp thu được từ khảo sát đều đáng tin cậy. Các số liệu này được lưu trữ để phục vụ cho việc phân tích, đánh giá và các báo cáo kết quả. Kết quả thống kê cho thấy tỷ lệ sinh viên Ngành quản lý nhà nước có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp đạt mức cao với các khoá đã tốt nghiệp. Cụ thể: tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo trong vòng 6 tháng hoặc 12 tháng sau khi tốt nghiệp của K7 (Niên khoá 2016-2020) là 90,7%, K8 (Niên khoá 2017-2021) là 91,8%; K9 (Niên khoá 2018-2022) là 93% [H1.11.03.02];

Tỷ lệ sinh viên có việc làm cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp của Khoa Chính sách công [H1.11.03.04]. Trong đó, sau 1 năm tốt nghiệp trung bình có khoảng 90 % sinh viên có việc làm, tuy nhiên nhiều sinh viên phải sau 6 tháng mới tìm được việc làm. Nguyên nhân chính khiến sinh viên chưa tìm được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp là do thiếu kinh nghiệm tìm kiếm việc làm, thiếu định hướng nghề nghiệp hoặc không tìm được công việc có thu nhập mong muốn, thiếu kỹ năng mềm... Trên cơ sở đó, Khoa và Học viện có những định hướng cải tiến trong công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng sinh viên Ngành Quản lý nhà nước nói riêng sau khi ra trường, đáp ứng tốt nhu cầu xã hội, như điều chỉnh và bổ sung thêm các môn học để phù hợp với thực tiễn của

của yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho sinh viên chuyên ngành [H1.11.03.02]; [H1.11.03.05]. Hằng năm, Học viện thường xuyên có những hoạt động nhằm giúp đỡ sinh viên định hướng nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm cho bản thân như tổ chức hội trợ việc làm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, ký kết thỏa thuận hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động để tăng cơ hội việc làm cho sinh viên, thường xuyên gửi thông tin tuyển dụng của các đơn vị đến sinh viên. Ngoài ra, Học viện và Khoa thông qua Ban liên lạc Hội cựu sinh viên để hỗ trợ công tác định hướng nghề nghiệp cho các sinh viên đang theo học [H1.11.03.03]. Bên cạnh đó, Học viện cũng hỗ trợ những sinh viên chưa có việc làm tiếp cận với cơ hội việc làm [H1.11.03.06].

2. Điểm mạnh:

Thông tin liên hệ với người học sau khi tốt nghiệp được Khoa và Học viện duy trì thường xuyên, chặt chẽ, nhờ đó tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của người học thuộc Ngành Chính sách công có thể được thống kê nhanh chóng, giám sát chặt chẽ, đảm bảo sự chính xác, so sánh giữa các năm tốt nghiệp, đối sánh giữa các CTĐT để cải tiến chất lượng. Công tác tư vấn hỗ trợ người học chưa có việc làm bước đầu đạt kết quả nhất định, qua đó tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại:

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trong khoảng thời gian từ 3,5 – 4 năm chưa cao. Bên cạnh đó, vai trò hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện vẫn chưa mạnh.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa Chính sách công kết hợp với các Phòng, Ban liên quan tiếp tục duy trì thông tin liên lạc với người học sau tốt nghiệp; đẩy mạnh công tác tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên của Ngành. Khoa tiếp tục phối hợp với Phòng CT&CTSV tổ chức giao lưu rộng rãi với các đơn vị sử dụng lao động, tham gia các hội chợ tuyển dụng, hội chợ giới thiệu việc làm để sinh viên của Khoa và Học viện có thể sớm tiếp cận với các nhu cầu tuyển dụng, nắm bắt được các yêu cầu thực tế của thị trường lao động để chuẩn bị và đáp ứng được các yêu cầu đó, giúp tăng tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2023 - 2024, các Khoa quản lý sinh viên phối hợp với Ban liên lạc cựu sinh viên đẩy mạnh tổ chức những buổi nói chuyện của cựu sinh viên, đặc biệt là cựu sinh viên đã thành công trong công việc,

với sinh viên trong khoa để các sinh viên đang theo học có cơ hội trao đổi trực tiếp những băn khoăn vướng mắc của mình đối với công việc sau khi ra trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 6/7).

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào kế hoạch chiến lược phát triển và "Sứ mệnh, tầm nhìn" của Học viện Chính sách và phát triển, hàng năm Học viện CS&PT đều xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Khoa học công nghệ của Học viện. [H1.11.04.03]. Trên cơ sở đó, Học viện và Khoa xây dựng Kế hoạch NCKH đối với sinh viên của cả Học viện cũng như của Khoa [H1.11.04.01]. Hàng năm, Khoa có khoảng 5-10 đề tài NCKH của sinh viên đăng ký, được phê duyệt để triển khai và thực hiện, các đề tài này đều có giảng viên hướng dẫn để hỗ trợ sinh viên trong quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, từ năm học 2018 - 2019, hoạt động NCKH của sinh viên cũng được thực hiện trong nội dung môn học PPNCKH. Sinh viên của lớp QLC8, QLC9, QLC10, QCL11 được chia thành các nhóm sinh viên và được phân công giảng viên trong khoa hướng dẫn, theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện (sinh viên thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu và giảng viên hướng dẫn và giảng viên phản biện đánh giá cho điểm) [H1.11.04.13], [H1.11.04.12], [H1.11.04.10], [H1.11.04.11].

Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác là đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và hoạt động NCKH của sinh viên trong Học viện, bao gồm sinh viên Ngành Quản lý nhà nước. Hoạt động NCKH của sinh viên được thực hiện theo quy định trong Quyết định 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/7/2018, quyết định sửa đổi Quyết định 1182/QĐ-HVCSPT ban hành ngày 27/12/2019 và Quyết định 766/QĐ-HVCSPT ban hành ngày 4/10/2021 Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện [H1.11.04.02]. Hàng năm, theo thông báo của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, các Khoa quản lý sinh viên chuyên ngành thuộc ngành Quản lý nhà nước lập danh sách đăng ký các đề tài NCKH của sinh viên, dự trù nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của sinh viên của Khoa trình Hội đồng Khoa thông qua và phân công giảng viên hướng dẫn, sau đó trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện quyết định [H1.11.04.04], [H1.11.04.05]. Trên cơ sở đó, Giám đốc Học viện sẽ phê duyệt danh sách đề tài và phê duyệt kinh phí [H1.11.04.06]. Trong quá trình thực hiện, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác cũng thực hiện theo dõi tiến độ thực hiện các đề tài NCKH và ra thông báo về việc tổ chức Hội nghị NCKH sinh viên cấp

Khoa/Học viện để đánh giá các đề tài sau khi hoàn thành và công bố các kết quả đạt được của hoạt động NCKH của sinh viên trên website của Học viện [H1.11.04.07], [H1.11.04.08], [H1.11.04.09], [H1.11.04.12]. Cụ thể: năm 2017 – 2018 có 10 đề tài với tổng số kinh phí hỗ trợ sinh viên là 16.000.000; năm 2019 – 2020 có 7 đề tài với tổng số kinh phí hỗ trợ sinh viên là 8.600.000; năm 2020 – 2021 có 5 đề tài với tổng số kinh phí hỗ trợ sinh viên là 10.500.000; năm 2021 – 2022 có 7 đề tài với tổng số kinh phí hỗ trợ sinh viên là 8.300.000

Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị NCKH sinh viên cấp Học viện để đánh giá hoạt động NCKH của sinh viên các khoa. Hàng năm, các Khoa đều có đề tài NCKH sinh viên của Khoa dự thi cấp Học viện và đều được giải [H1.11.04.08]. Bên cạnh đó, sinh viên của Ngành Quản lý nhà nước cũng tham gia các cuộc thi NCKH của sinh viên ở bên ngoài Học viện. Đây là cơ hội để sinh viên của Ngành Quản lý nhà nước nói riêng cũng như Học viện nói chung có cơ hội để cọ xát, đối sánh với các cơ sở giáo dục khác. Các đề tài của sinh viên Ngành Quản lý nhà nước cũng được các hội đồng đánh giá cao về chất lượng so với các đề tài dự thi của sinh viên các trường khác. Tuy thành tích NCKH sinh viên Ngành Quản lý nhà nước khá tốt nhưng mới chỉ tập trung ở một số nhóm nhỏ sinh viên.

Hàng năm, Khoa đều xây dựng đề xuất NCKH dành cho sinh viên [H1.11.04.01], [H1.11.04.04]. Các đề xuất NCKH này đều phù hợp với xu thế phát triển của thời đại với các vấn đề có tính thực tiễn, ứng dụng cao, đã được Hội đồng Khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện thảo luận và phê duyệt. Các đề tài NCKH của sinh viên được đề xuất dựa trên các kiến thức sinh viên được học trong CTĐT nên khả năng thực hiện được các đề tài này của sinh viên là rất lớn. Sinh viên năm 3 của Ngành Quản lý nhà nước đã có thể thực hiện được các đề tài NCKH phù hợp với khả năng. Nhờ được làm quen tiếp xúc với NCKH từ năm thứ 3 giúp cho sinh viên của Ngành Quản lý nhà nước khi làm khoá luận ở năm thứ 4 cũng không gặp nhiều khó khăn ngỡ.

Ngoài ra, Học viện cũng tổ chức các buổi tọa đàm khoa học có sự tham gia của các chuyên gia, các tổ chức trong và ngoài nước để sinh viên tăng cường tính hội nhập [H1.11.04.14].

2. Điểm mạnh:

Hoạt động NCKH cho sinh viên được triển khai thường xuyên, đều đặn hàng năm với chất lượng cao. Hoạt động NCKH được theo dõi, hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ từ phía Khoa và Học viện.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng đề tài và thời gian NCKH của sinh viên ngoài yêu cầu của môn Phương pháp NCKH còn chưa nhiều. Niềm yêu thích NCKH trong sinh viên chưa được nhân rộng.

4. Kế hoạch hành động:

+ **Phát huy điểm mạnh:** Khoa Chính sách công tiếp tục duy trì và tạo ra nhiều hoạt động NCKH của sinh viên trong những năm học tiếp theo.

+ **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2023-2024, Học viện và Khoa thực hiện tăng thời gian cho sinh viên làm NCKH bằng cách điều chỉnh giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thực hành và tự học trong các học phần. Ngoài ra, Khoa phối hợp với Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác tổ chức các buổi giao lưu nói chuyện của các sinh viên được giải NCKH cấp Học viện và Quốc gia với sinh viên của Khoa và Học viện nói chung để nhân rộng niềm yêu thích đối với NCKH trong sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 6/7).

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học, cơ sở vật chất... được thống kê, đánh giá, phân tích trong các báo cáo kết quả khảo sát với đầu mối tổng hợp là Trung tâm KT&ĐBCL [H1.11.05.02]. Việc khảo sát được thực hiện bằng nhiều phương pháp: khảo sát trực tuyến hoặc khảo sát trực tiếp bằng phiếu. Tuy nhiên, các câu hỏi trong các phiếu khảo sát chưa thực sự được chuẩn hoá.

Việc khảo sát đối với người học gồm sinh viên đang học được thực hiện định kỳ khi kết thúc học phần [H1.11.05.01] và sinh viên năm 4 trước khi tốt nghiệp do các Khoa trực tiếp triển khai theo đúng quy trình của Học viện. Nội dung khảo sát là mức độ hài lòng của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động hỗ trợ NH của các phòng ban, cơ sở vật chất [H1.11.05.02]. Kết quả khảo sát cho thấy có 91,2% người học hài lòng đối với công tác giảng dạy của giảng viên; 93,4% người học đánh giá cao sự hỗ trợ của các Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV trong giải quyết các thủ tục liên quan đến người học; 90,9% người học hài lòng về sự phục vụ của thư viện, giảng đường trong quá trình học tập tại Học viện. Bên cạnh đó, cần còn một số người học cảm thấy chưa hài lòng và đưa ra các ý kiến góp ý đối với giảng viên, cán bộ phòng ban và cơ sở vật chất [H1.11.05.02].

Việc khảo sát sinh viên tốt nghiệp về mức độ hài lòng với CTĐT được Khoa triển khai [H1.11.05.02]. Kết quả điều tra cho thấy năm 2021: 90% sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp; 8% sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp; 2% sinh viên trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp. Một số sinh viên cho rằng CTĐT cần tăng thời lượng cho khối kiến thức chuyên ngành, tăng cường kỹ năng ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng mềm trong chương trình đào tạo [H1.11.05.02].

Việc khảo sát cán bộ nhân viên, giảng viên cũng được Trung tâm KT&ĐBCL phối hợp với Phòng TC-HC thực hiện hàng năm [H1.11.05.02]. Có 86,6% giảng viên hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ giảng viên trong quá trình giảng dạy cũng như NCKH. Có 81,3% giảng viên và 83,4% cán bộ nhân viên hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ cho công việc của mình. Các giảng viên và cán bộ nhân viên đều cảm thấy hài lòng vì có thể phản hồi trực tiếp các ý kiến của mình tại Hội nghị viên chức và người lao động toàn Học viện hàng năm. [H1.11.05.01].

Đối với nhà sử dụng lao động: Khoa thực hiện khảo sát lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng đối với năng lực của sinh viên tốt nghiệp, mục tiêu đào tạo của CTĐT Ngành Quản lý nhà nước cũng như các ý kiến đóng góp [H1.11.05.02]. Kết quả cho thấy năm 2021: 72% nhà sử dụng lao động cho rằng sinh viên tốt nghiệp Ngành Quản lý nhà nước đáp ứng được yêu cầu công việc, có thể sử dụng được ngay; 27% nhà sử dụng lao động cho rằng sinh viên tốt nghiệp Ngành Quản lý nhà nước cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm; 1% nhà sử dụng lao động cho rằng sinh viên tốt nghiệp phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng.

Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng tham gia khảo sát vẫn chưa nhiều (chỉ khoảng 50 doanh nghiệp).

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan được Khoa thực hiện so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó. Qua bảng, có thể thấy mức độ hài lòng của người học tốt nghiệp đối với CTĐT Ngành Quản lý nhà nước được cải thiện hơn trong giai đoạn 2016 - 2022 với tỷ lệ người học trả lời đã học được và học được một phần những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp tăng lên qua các năm, từ 80% năm 2019 lên 90% năm 2021. Số người học cho rằng không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành đào tạo cũng đã giảm từ 15% năm 2019 xuống 8% năm 2022.

Bảng 11.1: So sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT Ngành Quản lý nhà nước giai đoạn 2018 – 2022

Nội dung khảo sát	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	80%	83%	87%	90%
Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	15%	14%	11%	8%
Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	5%	3%	2%	2%

(Báo cáo khảo sát nhằm điều chỉnh chương trình đào tạo Ngành QLNN)

Mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp Ngành Quản lý nhà nước có việc làm đúng ngành đào tạo cũng tăng lên trong giai đoạn 2016 - 2022. Tỷ lệ nhà tuyển dụng cho rằng người học đáp ứng được yêu cầu của công việc có thể sử dụng được ngay và cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công việc nhưng phải đào tạo thêm đã tăng từ 67% năm 2018 lên 72% năm 2022. Tỷ lệ nhà tuyển dụng cho rằng người học phải phải đào tạo lại bổ sung ít nhất 6 tháng đã giảm từ 2% năm 2018 xuống 1% năm 2022.

Bảng 11.2: So sánh mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp Ngành Quản lý nhà có việc làm

Nội dung khảo sát	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2020-2022
Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	67%	67%	68%	72%
Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	30%	31%	30%	27%
Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	2%	2%	1%	1%

(Báo cáo khảo sát nhằm điều chỉnh chương trình đào tạo Ngành Quản lý nhà nước)

Mức độ hài lòng của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên và các dịch vụ hỗ trợ NH cũng được so sánh qua các học kỳ trong báo cáo kết quả khảo sát gửi cho các giảng viên và các phòng, ban, bộ phận liên quan. Điều này giúp cho giảng viên, cán bộ nhân viên có thể thấy được sự thay đổi cũng như những vấn đề cần cải tiến, rút kinh nghiệm [H1.11.05.02].

Trung tâm KT&ĐBCL thực hiện khai thác, xử lý số liệu khảo sát và gửi lại kết quả cho các đầu mối và các bên liên quan. Trên cơ sở kết quả khảo sát thu được và các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, cũng như so sánh kết quả khảo sát qua các năm, Học viện và Khoa đã tiếp thu các ý kiến phản hồi và thực hiện triển khai các hoạt động cụ thể nhằm cải tiến chất lượng CTĐT Ngành Quản lý nhà nước [H1.11.05.02]. Khoa đã tiếp thu, thực hiện mô tả cụ thể hơn về chuẩn đầu ra, thực hiện chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2018, năm 2021 trong đó bổ sung thêm 02 khối kiến thức là Kiến thức Ngành bắt buộc và Kiến thức Ngành lựa chọn để giúp người học nắm vững hơn kiến thức của ngành đào tạo; xây dựng ma trận kỹ năng; điều chuyển một số môn giữa các khối kiến và bổ sung hướng dẫn tự học trong các đề cương chi tiết các học phần, tăng cường áp dụng công nghệ trong quá trình giảng dạy. [H1.11.05.04], Bên cạnh đó, Khoa cũng thực hiện các buổi họp Khoa, sơ kết học kỳ và đối thoại với sinh viên để đánh giá công tác giảng dạy của giảng viên, rút kinh nghiệm đối với những ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên để nâng cao mức độ hài lòng của người học, qua đó nâng cao chất lượng CTĐT [H1.11.05.02]; [H1.11.05.03].

2. Điểm mạnh:

Phương pháp khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi đa dạng, được cải tiến, ứng dụng công nghệ thông tin (khảo sát trực tuyến). Các kết quả khảo sát được phân tích và sử dụng làm cơ sở điều chỉnh CTĐT, cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng nhà tuyển dụng trả lời khảo sát của Khoa Chính sách công hàng năm còn hạn chế. Ngoài ra, các câu hỏi khảo sát chưa thực sự được chuẩn hoá.

4. Kế hoạch hành động:

+ **Phát huy điểm mạnh:** Học viện và Khoa Chính sách công cần tiếp tục thực hiện và sử dụng các kết quả khảo sát để làm cơ sở cải tiến CTĐT.

+ **Khắc phục điểm tồn tại:** Ban lãnh đạo Khoa Chính sách công tổ chức thêm các buổi gặp gỡ, giao lưu với các nhà tuyển dụng, tăng cường mối quan hệ với các nhà tuyển dụng để tăng số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát của Khoa. Trung tâm KT&ĐBCL làm đầu mối phối hợp với Khoa Chính sử và các

phòng ban chức năng thực hiện xây dựng chỉnh sửa, chuẩn hoá các câu hỏi khảo sát từ quý 4 năm 2022 và hoàn thành vào quý 1 năm 2023.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 6/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

a. Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

+ Học viện thực hiện quản lý, thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, sinh viên tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp bằng phần mềm QLĐT, nhờ đó có thể đối sánh được tỷ lệ tốt nghiệp giữa các năm và giám sát thời gian tốt nghiệp của các khoá học trong cùng CTĐT một cách chuẩn xác, nhanh chóng; kịp thời đưa ra danh sách cảnh báo với những sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp hoặc chậm tốt nghiệp để có biện pháp nhắc nhở phù hợp.

+ Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, có kinh nghiệm trong việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.

+ Thông tin liên hệ với người học sau khi tốt nghiệp được Khoa và Học viện duy trì thường xuyên, chặt chẽ, nhờ đó tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của người học thuộc Ngành Kinh tế nói riêng và các chuyên ngành khác của Học viện nói chung có thể được thống kê nhanh chóng, giám sát chặt chẽ, đảm bảo sự chính xác, so sánh giữa các năm tốt nghiệp, đối sánh giữa các CTĐT để cải tiến chất lượng. Công tác tư vấn hỗ trợ người học chưa có việc làm bước đầu đạt kết quả nhất định, qua đó tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

+ Hoạt động NCKH cho sinh viên được triển khai thường xuyên, đều đặn hàng năm với chất lượng cao. Hoạt động NCKH được theo dõi, hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ từ phía Khoa và Học viện.

+ Phương pháp khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi đa dạng, được cải tiến, ứng dụng công nghệ thông tin (khảo sát trực tuyến). Các kết quả khảo sát được phân tích và sử dụng làm cơ sở điều chỉnh CTĐT, cải tiến chất lượng đào tạo.

b. Tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:

+ Còn nhiều sinh viên chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ nên tỷ lệ tốt nghiệp nói chung và tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn nói riêng bị giảm trong hai năm gần đây. Khoa vẫn còn tỷ lệ sinh viên thôi học dù tỷ lệ này không lớn.

+ Vai trò hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện vẫn chưa mạnh.

+ Số lượng đề tài và thời gian NCKH của sinh viên ngoài yêu cầu của môn Phương pháp NCKH còn chưa nhiều. Niềm yêu thích NCKH trong sinh viên chưa được nhân rộng.

+ Số lượng nhà tuyển dụng trả lời khảo sát hàng năm còn hạn chế. Các câu hỏi khảo sát chưa thực sự được chuẩn hoá.

Học viện, Khoa Chính sách công, các Khoa, Phòng, Ban liên quan đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

c. Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm, 02 tiêu chí đạt 6/7 điểm

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý Nhà nước chuyên ngành Quản lý công có ý nghĩa quan trọng. Đây là cơ hội để Khoa Chính sách công, Học viện các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Khoa và Học viện tự đánh giá chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ cộng đồng đối với chuyên ngành Quản lý công, ngành Quản lý Nhà nước. Thông qua quá trình thu thập minh chứng, viết báo cáo, Khoa đã nhận dạng được những mặt mạnh, những mặt tồn tại trong công tác quản lý, phát triển, vận hành chương trình đào tạo, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học và phục vụ cộng đồng... Từ việc tự đánh giá đối chiếu với các tiêu chuẩn, Khoa Chính sách công đã đề xuất những giải pháp khắc phục những tồn tại, cải tiến chất lượng trong quá trình hoạt động của mình.

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

- Tiêu chuẩn 1:

+ Mục tiêu của CTĐT ngành Quản lý Nhà nước được xác định rõ ràng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện CS&PT.

+ CDR của CTĐT đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho người học chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, chuẩn đầu ra về Tiếng Anh và Tin học giúp người học có triển vọng nghề nghiệp tốt trong tương lai.

+ CDR của CTĐT ngành Quản lý Nhà nước được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các tài liệu, các ý kiến của các bên liên quan theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội và được công bố rộng rãi tới xã hội.

- Tiêu chuẩn 2:

+ Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung và các thông tin cần thiết, thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CDR rõ ràng.

+ Đề cương môn học trong CTĐT được xây dựng đầy đủ thông tin, tạo điều kiện cho người học có thể dễ dàng tra cứu nội dung của môn học cũng như các tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học và nắm vững phương pháp đánh giá đối với môn học. Ngoài ra, đề cương các môn học trong CTĐT được cập nhật định kỳ để đảm bảo phù hợp với thực tế đào tạo và nhu cầu của người sử dụng lao động, đảm bảo cập nhật các thông tin mới nhất.

+ Bản mô tả CTĐT ngành Quản lý Nhà nước và đề cương học phần trong CTĐT được công bố đầy đủ bằng một phần mềm riêng và cá nhân hóa tới từng sinh viên, công khai tới các cơ quan chủ quản và các bên liên quan để dàng tiếp cận.

- Tiêu chuẩn 3:

+ Công tác thiết kế CTDH ngành Quản lý Nhà nước hợp lý, CTDH được gắn kết chặt chẽ với CĐR, giúp phối hợp các nguồn lực, các phòng chức năng, các đơn vị trong Học viện; phối hợp trách nhiệm tham gia của DN, các đơn vị ngoài Học viện trong vận hành CTDH được thuận lợi và đạt CĐR một cách hiệu quả.

+ Tất cả học phần trong CTĐT Ngành Quản lý Nhà nước được thiết kế rõ ràng, góp phần đạt được CĐR.

+ Tham khảo được nhiều CTĐT của các trường đại học trong nước. CTĐT có cấu trúc và logic rõ ràng, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên sâu của ngành Quản lý Nhà nước đảm bảo tính tích hợp và có nội dung cập nhật.

- Tiêu chuẩn 4:

+ Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, giảng viên và người học để hiểu và thực hiện;

+ Phương pháp dạy và học đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CĐR và đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học;

+ Tất cả các học phần đều có hướng dẫn tự học cho sinh viên, giúp nâng cao khả năng nghiên cứu và rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

- Tiêu chuẩn 5:

+ Có các quy định rõ ràng về hình thức, kế hoạch, tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo các CĐR của CTĐT và của từng học phần. Quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên được xây dựng bám sát theo các yêu cầu về CĐR đối với kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTĐT, nhằm đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên theo các bậc thang biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá. Hệ thống các phương pháp đánh giá (câu hỏi trắc nghiệm, tự luận, thuyết trình, bài tập nhóm, chuyên đề thực tế, thực tập...) được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt CĐR.

+ Các quy định về đánh giá kết quả học tập đều rõ ràng và được công bố rõ ràng, khoa học và được thông báo công khai tới người học, rộng rãi cho các bên liên quan nhằm đạt chuẩn đầu ra. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập thể hiện rõ quy định trong các đề cương chi tiết học phần.

+ Công tác đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung.

+ Học viện có đầy đủ các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Kết quả đánh giá được công bố công khai đến người học; được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học tập.

+ Quy trình về khiếu nại về kết quả học tập bao gồm thủ tục, trình tự và thời gian giải quyết được quy định rõ ràng, công khai. sinh viên được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình. Học viện, Khoa và Bộ môn đảm bảo được quyền lợi chính đáng cho người học khi có bất kỳ thắc mắc về kết quả học tập.

- Tiêu chuẩn 6:

+ Học viện luôn chú trọng đến quy hoạch đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản cho các giai đoạn ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ.

+ Học viện có các quy định cụ thể về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên với các tiêu chí đánh giá rõ ràng và minh bạch. Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng để giảng dạy cho sinh viên ngành Quản lý Nhà nước và sinh viên thuộc các ngành khác trong Học viện.

+ Với những tiêu chuẩn rõ ràng, Học viện đã chuẩn hóa đội ngũ giảng viên đảm bảo chuyên môn và năng lực giảng dạy. Các hình thức đánh giá năng lực của giảng viên đa dạng, khách quan và được công bố công khai. Trước năm 2018 tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên còn chung chung, từ năm 2018 trở lại đây đã có tiêu chuẩn cụ thể cho từng hạng giảng viên.

+ Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng và đánh giá theo đúng quy trình và đảm bảo tính chính xác, khách quan. Khoa và Học viện

thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

+ Quá trình xác định nhu cầu đào tạo của đội ngũ giảng viên đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Khoa và Học viện luôn cập nhật nhu cầu đào tạo của cán bộ giảng viên theo yêu cầu của chương trình đào tạo và tạo điều kiện để đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

+ Học viện có quy định cụ thể, rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên không chỉ giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt.

+ Đội ngũ giảng viên ngành Quản lý Nhà nước tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, viết các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình sách chuyên khảo.

- Tiêu chuẩn 7:

+ Số lượng cán bộ, nhân viên của Học viện đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng. Khảo sát đánh giá sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động của khối phòng, ban, trung tâm đều đạt ổn định ở mức trên 85-90% hài lòng và rất hài lòng.

+ Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển đã có đầy đủ tiêu chí, qui trình rõ ràng, công bố công khai. Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua điểm danh hằng ngày, đánh giá thu nhập tăng thêm hàng tháng) và định kỳ cuối năm học dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai. Có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển cũng như thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên.

+ Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua công việc hàng ngày) và định kỳ hàng năm dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.

+ Có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên. Đồng thời đã triển khai những hoạt động thiết thực đáp ứng nhu cầu đào tạo đó.

+ Việc quản trị theo kết quả công việc của cán bộ được quy định rõ ràng và công khai minh bạch; kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ cán bộ thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Tiêu chuẩn 8:

+ Học viện công bố chính sách tuyển sinh công khai, đa dạng về hình thức; Phương thức tuyển sinh của Học viện cũng được đa dạng hóa.

+ Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện xác định rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

+ Học viện có đầy đủ quy chế và cơ sở dữ liệu giám sát kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.

+ Học viện và Khoa luôn có kế hoạch chi tiết triển khai định kỳ các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường; Xây dựng được mạng lưới đa dạng các cơ quan doanh nghiệp hợp tác chặt chẽ hỗ trợ, tư vấn các hoạt động cho sinh viên.

+ Học viện luôn không ngừng nâng cấp, cải thiện môi trường cảnh quan, hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội, quan tâm chăm lo sức khỏe cho sinh viên, tạo điều kiện học tập tốt nhất cho sinh viên trong Học viện.

- Tiêu chuẩn 9:

+ Có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng, phòng thực hành với trang thiết bị hiện đại.

+ Thư viện hiện đại, đầy đủ nguồn học liệu.

+ Các phòng thực hành của Học viện được quan tâm đầu tư, các thiết bị mới, đồng bộ, hiện đại, có kết nối Internet, phần mềm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

+ Hệ thống wifi ổn định, có đầy đủ các website và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý đào tạo tại lớp và giảng dạy trực tuyến, được cung cấp miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện.

+ Các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật và được triển khai thực hiện đầy đủ, dần đi vào nền nếp và trở thành văn hóa của Học viện và nhận được sự hài lòng từ người học, cán bộ và giảng viên Học viện.

- Tiêu chuẩn 10:

+ Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống, phân công rõ ràng giữa các đơn vị thực hiện giúp việc thu thập, đảm bảo những ý kiến/góp ý được phản ánh trong những điều chỉnh của CTDH.

+ Quy trình xây dựng CTDH năm 2017 của Học viện được xây dựng khá rõ ràng, hướng dẫn chi tiết, thuận lợi cho các nhóm rà soát CTĐT. Quy trình phát

triển CTDH đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

+ Có quy trình rõ ràng, minh bạch trong việc đánh giá quá trình dạy và học. Hoạt động đánh giá được triển khai định kỳ.

+ Hoạt động NCKH được triển khai bài bản, có hiệu quả. Nhiều kết quả nghiên cứu được chuyển hóa thành nội dung giảng dạy trong CTDH.

+ Chất lượng dịch vụ hỗ trợ cho người học được đánh giá tốt, liên tục được cải tiến.

+ Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác cố vấn học tập, đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên.

- Tiêu chuẩn 11:

+ Học viện thực hiện quản lý, thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, sinh viên tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp bằng phần mềm QLĐT, nhờ đó có thể đối sánh được tỷ lệ tốt nghiệp giữa các năm và giám sát thời gian tốt nghiệp của các khoá học trong cùng CTĐT một cách chuẩn xác, nhanh chóng; kịp thời đưa ra danh sách cảnh báo với những sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp hoặc chậm tốt nghiệp để có biện pháp nhắc nhở phù hợp.

+ Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, có kinh nghiệm trong việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.

+ Thông tin liên hệ với người học sau khi tốt nghiệp được Khoa và Học viện duy trì thường xuyên, chặt chẽ, nhờ đó tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của người học thuộc ngành Quản lý Nhà nước và các chuyên ngành khác của Học viện nói chung có thể được thống kê nhanh chóng, giám sát chặt chẽ, đảm bảo sự chính xác, so sánh giữa các năm tốt nghiệp, đối sánh giữa các CTĐT để cải tiến chất lượng. Công tác tư vấn hỗ trợ người học chưa có việc làm bước đầu đạt kết quả nhất định, qua đó tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

+ Hoạt động NCKH cho sinh viên được triển khai thường xuyên, đều đặn hàng năm với chất lượng cao. Hoạt động NCKH được theo dõi, hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ từ phía Khoa và Học viện.

+ Phương pháp khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi đa dạng, được cải tiến, ứng dụng công nghệ thông tin (khảo sát trực tuyến). Các kết quả khảo sát được phân tích và sử dụng làm cơ sở điều chỉnh CTĐT, cải tiến chất lượng đào tạo.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

- Tiêu chuẩn 1

+ Chưa có hướng dẫn chi tiết về xác định mục tiêu của CTĐT trong Quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Học viện;

+ Mức độ chi tiết của CDR của CTĐT về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học còn chưa được chi tiết gắn với từng học phần của CTĐT;

+ Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR chưa huy động được sự tham gia nhiều của nhà tuyển dụng các cơ quan QLNN trong lĩnh vực QLNN; Học viện thiếu phần mềm khảo sát online.

- Tiêu chuẩn 2:

+ Bản mô tả CTĐT ngành QLNN được công bố năm 2021, nội dung đề cương các học phần đang ở dạng tổng quát;

+ Số lượng các đối tượng được khảo sát lấy ý kiến góp ý cho đề cương môn học trong CTĐT ngành QLNN còn hạn chế;

+ Hình thức công khai Bản mô tả CTĐT chưa đa dạng; Bản mô tả CTĐT có nội dung khá dài.

- Tiêu chuẩn 3:

+ Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. Tuy nhiên các chuẩn đầu ra chưa thực sự thể hiện các thang đo Bloom 6 bậc;

+ Đóng góp của một số học phần ở khối kiến thức Giáo dục đại cương chưa rõ ràng vào CDR của chương trình;

+ CTĐT của ngành Quản lý Nhà nước chưa thể hiện rõ tính tích hợp giữa nghiên cứu và ứng dụng.

- Tiêu chuẩn 4:

+ Việc tuyên truyền phổ biến Triết lý giáo dục đến các doanh nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả;

+ Công nghệ áp dụng cho phương pháp dạy và học còn hạn chế;

+ Chưa chỉ rõ cách thức giám sát quá trình tự học, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo trong đề cương một số học phần của CTĐT.

- Tiêu chuẩn 5:

+ Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CDR còn dựa nhiều vào việc kiểm tra khả năng tái hiện, tái tạo kiến thức, giải các bài tập trong lớp học hơn đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên;

+ Các quy định về đổi mới hình thức đánh giá kết quả học tập của người học chưa được rõ ràng dẫn đến gây khó khăn trong việc thực hiện;

+ Việc đo lường sự đóng góp của sinh viên trong làm nhóm và thuyết trình/thảo luận còn hạn chế;

+ Việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định do một số giảng viên đôi khi còn nhập điểm muộn;

+ Vẫn có tình trạng sinh viên nộp đơn phúc khảo muộn do không nhớ chính xác về thời hạn nộp đơn;

+ Trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19 do không đến được tận nơi để nộp đơn do vậy việc nộp đơn phúc khảo cũng bị muộn.

- Tiêu chuẩn 6:

+ Chưa có nhiều kênh truyền thông về thông tin tuyển dụng giảng viên và nghiên cứu viên.

+ Các quy định về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên cũng như quy định về quy đổi khối lượng công việc tiêu chuẩn nằm ở nhiều văn bản khác nhau.

+ Một số tiêu chuẩn chuyên môn trong Đề án Vị trí việc làm còn chưa cụ thể.

+ Trong Đề án Vị trí việc làm vẫn còn một số tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên còn chưa cụ thể.

+ Thời gian đào tạo, bồi dưỡng chưa hoàn toàn phù hợp với lịch giảng dạy của giảng viên.

+ Một số tiêu chí còn khó đo lường trong đánh giá thực tế công việc.

+ Hoạt động NCKH của giảng viên ngành Quản lý Nhà nước còn tập trung vào một số giảng viên lớn tuổi, có kinh nghiệm nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn 7:

+ Vẫn còn khoảng 10% tỉ lệ chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối cán bộ, nhân viên phòng, ban, trung tâm. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng và phong phú. Đồng thời, kinh phí dành cho việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho khối cán bộ, nhân viên còn hạn chế.

+ Hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi cán bộ (chuyên viên).

+ Chưa có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên.

+ Hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc chưa hoàn thiện vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá.

- Tiêu chuẩn 8:

+ Số lượng phiếu khảo sát nhà tuyển dụng về nhu cầu nhân lực phục vụ dự báo tuyển sinh còn ít;

+ Đối tượng tiến hành lấy ý kiến đánh giá về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh chưa đa dạng;

+ Phần mềm Quản lý đào tạo chưa có sự cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện kịp thời tới người học. Việc kết nối thông tin giữa các bộ phận trong giám sát học tập của sinh viên đôi khi chưa nhanh, kịp thời, nhiều sinh viên thôi học nhưng vẫn có tên trong danh sách điểm danh;

+ Nguồn lực dành cho các hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập của sinh viên còn hạn chế;

+ Cơ sở đào tạo mới của Học viện tại Nam An Khánh đang trong quá trình hoàn thiện nên các giảng đường bị ồn, bụi và nóng.

- Tiêu chuẩn 9:

+ Hiện nay các phòng làm việc và văn phòng Khoa tại cơ sở Nam An Khánh chưa được về văn phòng riêng và vẫn đang ngồi chung phòng trong các giảng đường.

+ Số lượng máy tính và diện tích phòng đọc phục vụ tại thư viện còn chưa đáp ứng được nhu cầu của người đọc, đặc biệt là vào mùa thi.

+ Một số phòng thực hành chưa có máy tính dự phòng cho các lớp học đông sinh viên.

+ Website phục vụ đăng ký tín chỉ đôi khi bị quá tải vào giờ cao điểm đăng ký tín chỉ.

+ Chưa có diễn tập quy mô lớn đối với các tình huống liên quan đến môi trường, an toàn và sức khỏe cho toàn bộ sinh viên Học viện.

- Tiêu chuẩn 10:

+ Việc thực hiện khảo sát các bên liên quan còn mất khá nhiều thời gian và công sức của các đơn vị thực hiện khảo sát.

+ Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH chưa được tiến hành đánh giá một cách hệ thống và theo định kỳ với sự tham gia của các bên liên quan.

+ Việc lấy ý kiến chính thức của các bên có liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH được thực hiện chưa mang tính hệ thống, chưa toàn diện.

+ Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về đánh giá quá trình dạy và học còn chưa kịp thời. Ngoài ra, còn một số sinh viên do trình độ đầu vào hạn chế gặp khó khăn để đạt được CDR.

+ Đề tài NCKH chưa có sức lan tỏa đối với việc tính hiệu quả của những giải pháp tới nâng cao chất lượng trong nội dung CTĐT và CTDH.

+ Cơ sở dữ liệu về các bên liên quan chưa nhiều và cập nhật thường xuyên để có thể tiến hành khảo sát nhanh hơn và hiệu quả hơn, thông tin phản hồi thu thập được chưa được đồng đều về chất lượng và sự kịp thời, chưa có quy định rõ về việc tiếp nhận thông tin từ các nguồn khác nhau.

- Tiêu chuẩn 11:

+ Còn nhiều sinh viên chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ nên tỷ lệ tốt nghiệp nói chung và tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn nói riêng bị giảm trong hai năm gần đây. Khoa vẫn còn tỷ lệ sinh viên thôi học dù tỷ lệ này không lớn.

+ Vai trò hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện vẫn chưa mạnh.

+ Số lượng đề tài và thời gian NCKH của sinh viên ngoài yêu cầu của môn Phương pháp NCKH còn chưa nhiều. Niềm yêu thích NCKH trong sinh viên chưa được nhân rộng.

+ Số lượng nhà tuyển dụng trả lời khảo sát hàng năm còn hạn chế. Các câu hỏi khảo sát chưa thực sự được chuẩn hoá.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tiêu chuẩn 1:

+ Từ năm học 2023-2024, Khoa Chính sách công chủ trì, phối hợp với phòng QLĐT cập nhật chương trình đào tạo, cụ thể hóa hơn nữa các mục tiêu cụ thể của chương trình, nhằm thể hiện rõ rệt nhất Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện.

+ Từ năm học 2023 - 2024, Trung tâm KT&KĐCL phối hợp với Khoa và các Phòng, Ban liên quan triển khai lấy nhiều hơn ý kiến của các bên liên quan đối với CĐT của CTĐT.

+ Từ năm học 2023-2024, Học viện trang bị phần mềm khảo sát online nhằm thuận tiện hơn trong việc tiếp cận tới các bên liên quan, tiếp cận nhiều hơn từng loại đối tượng, đặc biệt nhà tuyển dụng, người học để công bố rộng rãi hơn CDR của CTĐT.

- Tiêu chuẩn 2:

+ Để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của các bên liên quan về thông tin trong bản mô tả CTĐT, Khoa sẽ phối hợp với các phòng, ban liên quan như Trung tâm KT&ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của người học năm cuối, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng để rà soát, cập nhật và chỉnh sửa bản mô tả CTĐT vào năm học 2022-2023. Rà soát, đánh giá tiến trình học theo hướng hỗ trợ người học thời gian nhiều hơn cho ngành, chuyên ngành.

+ Từ học kỳ 2 năm học 2023-2024, Khoa Chính sách công sẽ phối hợp với các Phòng, Ban liên quan lấy nhiều hơn ý kiến phản hồi của người học năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về đề cương môn học trong CTĐT để cập nhật, chỉnh sửa phù hợp.

+ Đầu năm học 2024-2023, Khoa Chính sách công chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Học viện như Trung tâm KT&ĐBCL, Phòng TC-HC triển khai gửi bản mô tả CTĐT tới các bên liên quan giúp Khoa có nhiều kênh thông tin hơn cho việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh bản mô tả CTĐT; bổ sung các hình thức khảo sát online đối với các bên liên quan.

- Tiêu chuẩn 3:

+ Khoa phối hợp với Phòng QLĐT và các khoa, bộ môn trong Học viện tiến hành rà soát, điều chỉnh CTDH, tăng thời lượng thực hành so với lý thuyết của học phần chuyên ngành trong CTĐT.

+ Khoa sẽ phối hợp với các Khoa, Bộ môn phụ trách học phần đại cương (học phần ngoại ngữ, toán...) điều chỉnh nội dung của học phần nhằm đáp ứng tốt hơn CDR của chương trình.

+ Kỳ 1 năm học 2023- 2024, Khoa chủ trì, phối hợp với Phòng QLĐT, lãnh đạo các Khoa phụ trách môn học và giảng viên giảng dạy rà soát lại sự cập nhật và tích hợp của các môn học trong chương trình với chuẩn đầu ra.

- Tiêu chuẩn 4:

+ Năm 2023-2024, Khoa Chính sách công phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên đưa nội dung phổ biến và giải thích Triết lý giáo dục tới sinh viên trong các tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa.

+ Năm học 2023-2024, Phòng QLĐT chủ trì phối hợp cùng Khoa tiến hành nghiên cứu cách thức tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác dạy và học thông qua việc thiết kế các mô hình, phần mềm để sinh viên thực hành trong các học phần chuyên ngành.

+ Năm học 2023-2024, Khoa chủ trì phối hợp với Phòng QLĐT chỉ đạo các Bộ môn xây dựng cơ chế giám sát tự học đối với tất cả các học phần của CTĐT.

- Tiêu chuẩn 5:

+ Trong năm học 2023-2024, Khoa dự kiến phối hợp với Phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL tổ chức tọa đàm nhằm rà soát, hoàn thiện công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của người học trong thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội trong lĩnh vực chuyên môn.

+ Tiếp tục cải tiến quy trình đánh giá kết quả theo hướng đa dạng và phù hợp với thông lệ quốc tế. Khoa giao cho các Trưởng bộ môn làm đầu mối, phối hợp với bộ môn khác trong Khoa, kết hợp với Trung tâm KT&ĐBCL có kế hoạch mở các lớp tập huấn cho giảng viên về đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập người học để đáp ứng với yêu cầu thực tế.

+ Khoa Chính sách công tiếp tục phát huy tính nghiêm túc, khách quan và đảm bảo chất lượng chuẩn đầu ra trong công tác đánh giá kết quả học tập ở những giai đoạn tiếp theo.

+ Khoa tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các giảng viên thực hiện đúng quy định về việc công bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần đồng thời có các biện pháp trao đổi với sinh viên thông qua cố vấn học tập hoặc các buổi tọa đàm nhằm cải thiện việc học tập của sinh viên.

+ Khoa tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan, đặc biệt là Trung tâm KT&ĐBCL duy trì và cải thiện quy trình khiếu nại về kết quả học tập theo hướng thực hiện online hoàn toàn, thay vì chỉ đăng ký phúc khảo qua mạng và in phiếu đến nộp trực tiếp như hiện nay.

- Tiêu chuẩn 6:

+ Từ năm học 2023-2024, Phòng TC-HC phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông sử dụng đa dạng các kênh thông tin về tuyển dụng để lan toả các thông tin tuyển dụng đến nhiều các ứng viên, giúp Khoa Chính sách công và Học viện tuyển dụng được nhiều cán bộ, giảng viên có chất lượng tốt.

+ Từ năm học 2023-2024, Phòng TC-HC phối hợp với các các đơn vị thuộc Học viện xây dựng một văn bản chung thống nhất quy định về khối lượng giờ giảng, giờ NCKH và cách thức quy đổi.

+ Từ năm học 2023-2024, Phòng TC-HC xây dựng mới Đề án Vị trí việc làm theo hướng cụ thể hóa các tiêu chuẩn đối với giảng viên.

+ Trong năm học 2023-2024, Phòng TC-HC chủ trì kết hợp với Khoa rà soát, điều chỉnh tiêu chí đánh năng lực giảng viên trong Đề án vị trí việc làm.

+ Từ năm 2023, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị chức năng và Khoa trong việc sắp xếp, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian thích hợp với giảng viên (nghỉ hè, tuần dự trữ).

+ Trong năm học 2023-2024, Phòng TC-HC hoàn thiện các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc chi tiết và định lượng hơn (sử dụng KPI).

+ Trong năm học 2023-2024, Khoa Chính sách công và các Khoa quản lý chuyên ngành giao các giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu hướng dẫn các giảng viên trẻ thực hiện viết và đăng bài trên các báo, tạp chí khoa học.

- Tiêu chuẩn 7:

+ Từ năm học 2023-2024, Phòng TC-HC xây dựng và tham mưu Ban Giám đốc Học viện về kế hoạch tuyển dụng, sắp xếp cán bộ trợ lý khoa dựa trên sự phát triển về quy mô của sinh viên. Đồng thời Phòng TC-HC làm việc với các phòng, ban, trung tâm để phân tích về nguyên nhân vẫn có 1 tỉ lệ nhỏ giảng viên, sinh viên chưa hài lòng để cải thiện chất lượng phục vụ.

+ Từ năm học 2023-2024, Phòng TC-HC tiếp tục đa dạng hơn các kênh để lấy ý kiến từ cán bộ, giảng viên trong Học viện về quy trình và tiêu chí tuyển

dụng, bổ nhiệm, và điều chuyển cán bộ, nhân viên như gửi email, tổ chức lấy ý kiến tại cơ sở, phòng, ban.

+ Từ năm học 2023-2024, ở cấp độ Học viện, Phòng TC-HC sẽ nghiên cứu đề xuất với Ban Giám đốc hoàn thiện bộ tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ cán bộ (chuyên viên) hỗ trợ, tiêu chuẩn đánh giá kết quả công việc theo hướng định lượng; hoàn thiện quy trình đánh giá; Ở cấp độ Khoa, lãnh đạo Khoa sẽ lưu ý thêm một số đặc điểm đặc thù của công việc trước khi phân công công việc đối với các cán bộ trợ lý.

+ Năm 2023-2024, Khoa sẽ phối hợp với Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch dài hạn bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên tạo cơ hội phát triển cho đội ngũ này. Đồng thời, tích cực tìm nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo cho cán bộ.

+ Năm học 2023-2024, Khoa phối hợp với Phòng TC-HC hoàn thiện bộ tiêu chí định lượng để đánh giá chất lượng công việc.

- Tiêu chuẩn 8:

+ Khoa triển khai các hoạt động chuyên môn và hoạt động xã hội nhằm quảng bá về chuyên môn, nội dung đào tạo để nâng cao thương hiệu của chuyên ngành.

+ Khoa thường xuyên thảo luận thông qua các cuộc họp online, đồng thời phối hợp với Phòng QLĐT thực hiện phân tích tình hình, đánh giá tính hợp lý của quá trình tuyển sinh trước và sau kỳ tuyển sinh.

+ Phòng QLĐT phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông đề xuất yêu cầu với Công ty cung cấp phần mềm thay đổi giao diện chức năng theo dõi sinh viên nợ môn và nợ học phí.

+ Khoa Chính sách công tăng thêm nhân lực hỗ trợ hoạt động Câu lạc bộ trong Khoa; bổ sung kinh phí hỗ trợ các hoạt động tư vấn thực tế tại các doanh nghiệp.

+ Năm học 2023-2024, Học viện đã có trang bị thêm các cơ sở vật chất mới tại Nam An Khánh đảm bảo đầy đủ toàn diện các yếu tố về môi trường cảnh quan đáp ứng yêu cầu người học.

- Tiêu chuẩn 9:

+ Học viện tiếp tục hoàn thiện các phòng làm việc, văn phòng khoa, và phòng chức năng để đưa vào hoạt động, chấm dứt tình trạng các bộ phận này phải ngồi chung tại các phòng giảng đường.

+ Phòng Kế hoạch - Tài chính và Phòng Quản lý thiết bị bố trí kinh phí bổ sung thêm hai máy tính để tra cứu tài liệu trong thư viện. Ban Quản lý Dự án bố trí thêm một phòng tự học, tự đọc sách cho sinh viên, giảng viên, người nghiên cứu để nâng cao khả năng tự học của người học.

+ Học viện giao Ban Quản lý dự án đầu tư phối hợp với Phòng TC-HC trong học kỳ I năm học 2023-2024 mua thêm máy tính cho phòng thực hành Tin học và ngoại ngữ để phục vụ hoạt động giảng dạy của các môn học tại phòng học này.

+ Học viện giao cho Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông lên phương án nâng cấp website, khắc phục những trục trặc của hoạt động đăng ký tín chỉ;

+ Học viện giao Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo xây dựng chương trình để phổ biến hoặc diễn tập cho sinh viên về các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm, và các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn khác.

- Tiêu chuẩn 10:

+ Trong năm học 2023-2024, Học viện chỉ đạo Trung tâm KT&ĐBCL đặt mua phần mềm khảo sát phù hợp trong việc thu thập ý kiến sinh viên, đặc biệt triển khai đối với sinh viên năm cuối và cựu sinh viên vì với số lượng thu thập và xử lý cơ sở dữ liệu ngày càng tăng, thì việc ứng dụng công nghệ ngày càng quan trọng.

+ Học viện chỉ đạo Phòng QLĐT phối hợp với các khoa cần rà soát, xin ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý để điều chỉnh quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH theo xu hướng công nghệ 4.0.

+ Học viện tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật theo năm học. Tăng cường hỗ trợ, động viên và khuyến khích sinh viên thông qua hệ thống CVHT để sinh viên đạt được CDR.

+ Học viện cần tập trung nguồn lực đầu tư cho giảng viên tham gia các đề tài, dự án lớn của nhà nước, Bộ KHĐT. Khoa ban hành thêm các chính sách động viên khuyến khích các giảng viên và sinh viên tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

+ Khi Học viện chuyển sang các giảng đường mới tại khu đô thị Nam An Khánh với không gian rộng rãi sẽ bố trí không gian thư viện dành cho giảng viên và sinh viên đảm bảo tiêu chuẩn ở mức cao so với các khu vực riêng biệt. Bên

cạnh đó, đề nghị Học viện bố trí thêm nguồn ngân sách mua sắm mỗi năm tăng 10% số đầu sách.

+ Khoa phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL và các phòng ban chức năng nghiên cứu đề xuất chỉnh sửa và bổ sung các quy định trong hoạt động khảo sát.

- Tiêu chuẩn 11:

+ Học viện giao bộ môn Ngoại ngữ bổ sung thêm các chuẩn tương đương, đặc biệt với các sinh viên đến hạn ra trường (năm thứ 6) mà chưa đạt chuẩn để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. Bên cạnh đó, đội ngũ CVHT tiếp tục theo sát, tư vấn và hỗ trợ quá trình học tập của sinh viên để giảm tỷ lệ thôi học.

+ Bộ môn Ngoại ngữ phối hợp với Phòng QLĐT có phương án đào tạo ngoại ngữ hiệu quả hơn, đồng thời cân nhắc bổ sung thêm các chuẩn Ngoại ngữ tương đương, đặc biệt với các sinh viên đến hạn ra trường (năm thứ 6) mà chưa đạt chuẩn nhằm giúp người học tốt nghiệp.

+ Khoa Chính sách công phối hợp với Ban liên lạc cựu sinh viên đẩy mạnh tổ chức những buổi nói chuyện của cựu sinh viên, đặc biệt là cựu sinh viên đã thành công trong công việc, với sinh viên trong khoa để các sinh viên đang theo học có cơ hội trao đổi trực tiếp những băn khoăn vướng mắc của mình đối với công việc sau khi ra trường.

+ Học viện và Khoa thực hiện tăng thời gian cho sinh viên làm NCKH bằng cách điều chỉnh giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thực hành và tự học trong các học phần. Ngoài ra, Khoa phối hợp với Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác tổ chức các buổi giao lưu nói chuyện của các sinh viên được giải NCKH cấp Học viện và Quốc gia với sinh viên của Khoa và Học viện nói chung để nhân rộng niềm yêu thích đối với NCKH trong sinh viên.

+ Khoa Chính sách công tổ chức thêm các buổi gặp gỡ, giao lưu với các nhà tuyển dụng, tăng cường mối quan hệ với các nhà tuyển dụng để tăng số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát của khoa Chính sách công. Trung tâm KT&ĐBCL làm đầu mối phối hợp với Khoa và các phòng ban chức năng thực hiện xây dựng chỉnh sửa, chuẩn hoá các câu hỏi khảo sát từ quý 4 năm 2022 và hoàn thành vào quý 1 năm 2023.

Căn cứ vào Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT - Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT, gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản lý Nhà nước cả 50 tiêu chí đều đạt yêu cầu. Cụ thể, các kết quả được tổng hợp như các Bảng ở dưới đây:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên cơ sở giáo dục: **Học viện Chính sách và Phát triển**

Mã: **HCP**

Tên chương trình đào tạo: **Quản lý Nhà nước**

Mã: **7310205**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								5,00	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5,00	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5			5,00	5	100
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5			5,00	5	100
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5			5,00	5	100
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								5,00	6	100



Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								5,00	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								5,00	50	100

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN



PGS, TS Trần Trọng Nguyên

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Phụ lục 2: Quyết định thành lập Hội đồng TĐG và các tài liệu liên quan

Phụ lục 3: Danh mục minh chứng

Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Học viện Chính sách và Phát triển

Tiếng Anh: Academy of Policy and Development

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: HCP

Tiếng Anh: APD

3. Tên trước đây (nếu có): Không có

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

5. Địa chỉ: Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (024) 37957368

Website: <http://apd.edu.vn>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 2008

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2010

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2014

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Chính sách công

Tiếng Anh: Public policy

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT:.....

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

18. Số điện thoại liên hệ:; Email: Website:

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):.....

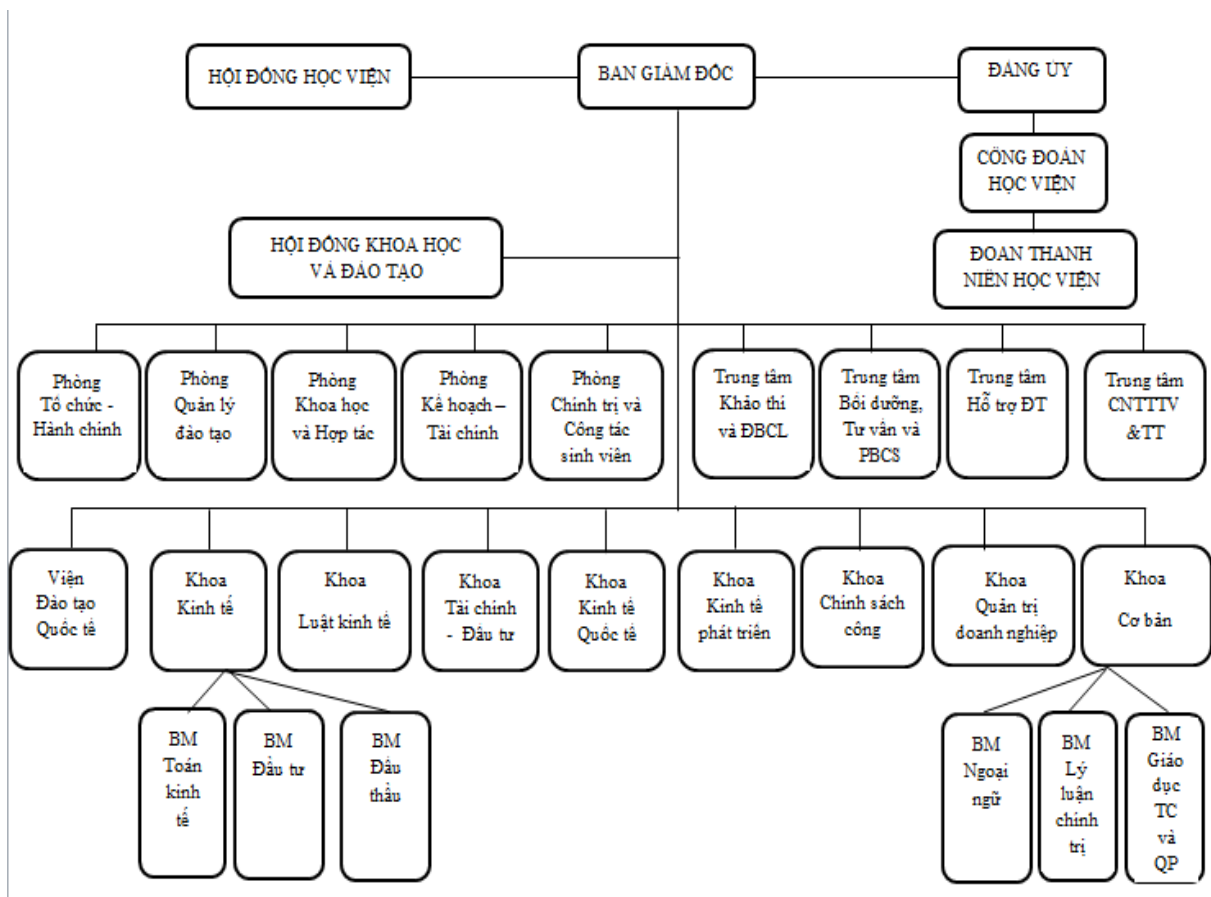
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): Khóa 6 bắt đầu đào tạo CTĐT Quản lý công đầu tiên (2015)

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): Khóa 1 chuyên ngành CSC cấp bằng năm 2014, khóa 6 chuyên ngành QLC cấp bằng tốt nghiệp năm 2019

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Hội đồng học viện						
	Hội đồng học viện	Giang Thanh Tùng	1967	Tiến sĩ, Chủ tịch Hội đồng học viện	0904121967	tunggiangthanh@mpi.gov.vn
		Nguyễn Như Hà	1982	Tiến sĩ, Thư ký Hội đồng học viện	0902468579	nhuha.apd@gmail.com
Ban Giám đốc Học viện						
	Ban Giám đốc	Trần Trọng Nguyên	1972	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giám đốc	0912142282	nguyentt@apd.edu.vn
		Nguyễn Thế Vinh	1977	Tiến sĩ, Phó Giám đốc	0903282737	vinh.nt@apd.edu.vn
		Nguyễn Thế Hùng	1977	Tiến sĩ, Phó Giám đốc	01222555669	hungnt888@gmail.com
		Nguyễn Thị Hạnh Vân	1973	Thạc sĩ, Phó Giám đốc	0983656368	hanhvan175@yahoo.com
Đơn vị thực hiện CTĐT – Khoa Chính sách công						
1.	Khoa Chính sách công	Ngô Phúc Hạnh	1977	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Phụ trách khoa	0912482399	nphanh39@gmail.com
	Tổ công đoàn	Vũ Thị Tâm	1982	Thạc sĩ	0915658082	vutan278@gmail.com
	Trợ lý Khoa	Phạm Hoàng Ngân	1987	Thạc sĩ	0936559333	hoangngan@apd.edu.vn
Các đơn vị phối hợp thực hiện CTĐT						
1.	Viện Đào tạo quốc tế	Đào Hoàng Tuấn	1985	Tiến sĩ, Viện trưởng	0966192042	tuandhapd@apd.edu.vn
2.	Khoa Kinh tế	Nguyễn Thanh Bình	1973	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0983835518	nguyenthanhbinhapd@gmail.com
3.	Khoa Luật kinh tế	Nguyễn Như Hà	1982	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0902468579	nhuha.apd@gmail.com
4.	Khoa Tài chính – Đầu tư	Phạm Mỹ Hằng Phương	1990	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0915401190	mhphuong.pham@gmail.com
5.	Khoa Kinh tế quốc tế	Bùi Thúy Vân	1977	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0355100506	bx.van@apd.edu.vn
6.	Khoa Chính sách công	Ngô Phúc Hạnh	1977	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Phụ trách khoa	0912482399	nphanh39@gmail.com
7.	Khoa Quản	Vũ Thị Minh	1975	Tiến sĩ, Trưởng	0979128458	vuminhluan@gmail.com

	trị doanh nghiệp	Luận		khoa		
8.	Khoa Kế toán – Kiểm toán	Mai Thị Hoa	1981	Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa	0986434719	maihoatctt@gmail.com
9.	Khoa Kinh tế số	Đàm Thanh Tú	1981	Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa	0912426326	dt.hvtc@gmail.com
10.	Khoa Kinh tế phát triển	Bùi Thị Hoàng Mai	1982	Thạc sĩ Phụ trách khoa	0983031618	buihoangmai@gmail.com
11.	Khoa Cơ bản	Nguyễn Tiến Hùng	1971	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0904694099	hunghoavi@gmail.com
12.	Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Thị Đông	1981	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0988922306	dongvk@gmail.com
13.	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Ngô Xuân Khoa	1963	Thạc sĩ, Phụ trách Phòng	0913238981	akhoa123@gmail.com
14.	Phòng Tổ chức – Hành chính	Lê Công Thành	1979	Thạc sĩ, Trưởng phòng	0989714567	thanhlc@apd.edu.vn
15.	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Chu Thị Ngọc Trâm	1980	Thạc sĩ, Kế toán trưởng	0903449498	ngoctram.apd@gmail.com
16.	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Nguyễn Tiến Hùng	1971	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0904694099	hunghoavi@gmail.com
17.	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Phạm Ngọc Trụ	1986	Tiến sĩ, Phó Giám đốc Trung tâm	0965043938	
18.	Trung tâm Hỗ trợ đào tạo	Nguyễn Mã Lương	1978	Thạc sĩ, Giám đốc Trung tâm	0977626233	nguyenmaluong03@gmail.com
19.	Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông	Đỗ Thế Dương	1980	Thạc sĩ, Phụ trách Trung tâm	0903230034	
20.	Trung tâm Tư vấn, Bồi dưỡng và Phản biện chính sách	Đỗ Kiến Vọng	1986	Tiến sĩ, Phó Giám đốc Trung tâm	0904596838	dokienvong@gmail.com

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01 ngành Quản lý nhà nước.

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	5	7	12
I.1	Đội ngũ trong biên chế	5	5	10
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	02	02
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	02	02	04
	Tổng số	07	09	16

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

4. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	1		1			
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	6	6			4	
5	Thạc sĩ	4	4				
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	11	10	1		4	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 06 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 6/11

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							0
2	Phó Giáo sư	3,0	1		1				3

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							0
4	Tiến sĩ	2	6	6			4		13,6
5	Thạc sĩ	1	4	4			0		4
6	Đại học	0,3							0
	Tổng		11	10	1		4		20,6

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	01	9,1		01			01		
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	06	54,6	05	01			04	02	
5	Thạc sĩ	04	36,3		04		03	01		
6	Đại học									
	Tổng									

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 45 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 07/11 ~ 63,6%.

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 11/11 ~ 100%.

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu.

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	30	20
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	40	60
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20	10
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10	10
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 6 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-2017	141	55	2,6	47	19/30	19	0
2017-2018	98	37	2,6	28	17-19/30	18	0
2018-2019	44	13	3,4	11	17,15-18/30	17,58	0
2019-2020	52	16	3,3	13	18,25-20,85/30	19,55	0
2020-2021	292	86	3,4	73	21,9-24/30	22,95	0
2021-2022	317	88	3,6	88	24/30	24,4	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021- 2022
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	77	51	97	10	19	29
3. Sinh viên đại học						
Trong đó:						
Hệ chính quy	154	139	113	99	125	184
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0	0
Trong đó:						
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0	0
Trong đó:						
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
6. Khác ...	0	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học					
	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
Số lượng (người)	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)				63,8	75,4	75,4
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)				10	3	3
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)				10	3	3
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)				5,8	5,8	5,8

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học.

	Năm học					
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
CTĐT Chính sách công	40	50	0	35	25	26
Số lượng (người)	154	139	113	99	125	184
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	26,0	36,0	0,0	35,4	20,0	14,1

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020- 2021	2021- 2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ		0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học		57	23	39	74	28
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:						
Hệ chính quy		14	19	22	14	31
Hệ không chính quy		0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:		0	0	0	0	0
Hệ chính quy		0	0	0	0	0
Hệ không chính quy		0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:		0	0	0	0	0
Hệ chính quy		0	0	0	0	0
Hệ không chính quy		0	0	0	0	0
6. Khác...		0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).		19	15	13	25
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).		55%	40%	30%	34,7%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			80%	83%	90%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công			15%	14%	8%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp			5%	3%	2%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.			20%	17%	18%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).			80%	83%	82%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.			12 triệu	10 triệu	11 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).			67%	68%	72%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).			31%	30%	27%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).			2%	1%	1%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT

không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	1	1	0	0	6
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	2		9	6	3	2	23
3	Đề tài cấp trường	0,5	4	2	24	8	9	4	31
	Tổng								60

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 60

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	4.301	10,59%	68
2	2018	4.523	9,75%	58
3	2019	5.651	10,4%	71
4	2020	7.648	12,25%	92
5	2021	12.376	16,49%	128
6	2022	12.200	16,1%	127

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	10	15	42	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	10	15	42	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	01					2,0
2	Sách giáo trình	1,5				01		1,5
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
	Tổng							3,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 3,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	05	06		
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	05	06		

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	17	15	10	13	12	19	129
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	30	27	42	60	92	102	353
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	16	33	16,5
	Tổng		47	42	52	73	120	154	498,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 498,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 498,5/(cán bộ cơ hữu).

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	13	160	61
Từ 6 đến 10 bài báo	0	4	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	13	160	61

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	11	0	5	0	8	3	27
2	Hội thảo trong nước	0,5	34	14	12	0	4	11	37,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	12	0	0	0	0	0	3,75
	Tổng		57	14	17	0	12	14	68,25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 68,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	24	64	12
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	24	64	12

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: Không có

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	145	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	145	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng					
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	0	0	3	2	3
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 50.876

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 50.876.

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 24.874 Nơi học: 5.341 Nơi vui chơi giải trí: 22.946

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 5.341

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7.05 m²/sv

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 55

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 195 máy.

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 155 máy.

- Dùng cho người học học tập: 40 máy.

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 115 SV/máy

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 11

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 91,7%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 63,6%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 36,4%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 170 sinh viên

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 8,3 sinh viên/giảng viên

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 56%.

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Trên 80%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Khoảng 15%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 90%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 80%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 12 triệu

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 67%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): Dưới 30%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5,1 đề tài/giảng viên

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 627 triệu đồng/người/năm

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1 quyển/giảng viên/5 năm

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 9,1 bài/giảng viên/năm

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,24 máy tính/sinh viên ngành QLNN

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7,05 m²/sinh viên

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: ...

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân
ngành Quản lý nhà nước (chuyên ngành Quản lý công)
của Học viện Chính sách và Phát triển

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ- BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018 của Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 2085/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2020 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 774/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 10/6/2021 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc điều chỉnh một số phụ lục công văn số 2085/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý nhà nước (chuyên ngành Quản lý công) của Học viện Chính sách và Phát triển gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước(chuyên ngành Quản lý công) Học viện Chính sách và Phát triển theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Người đứng đầu các đơn vị thuộc Học viện có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng Học viện (để b/c);
- Khoa CSC (để thực hiện);
- Lưu: TCHC; KT&ĐBCL(10 bản).



GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 771.../QĐ-HVCSPT ngày 24 tháng 10 năm 2021

của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Minh Vân	Giám đốc TTKT&ĐBCL	Trưởng Ban thư ký
2	Trần Thị Thanh Minh	Phó Giám đốc TTKT&ĐBCL	P.Trưởng Ban thư ký
3	Nguyễn Thị Mai	Chuyên viên TTKT&ĐBCL	Thành viên
4	Nguyễn Thị Hà	Chuyên viên TTKT&ĐBCL	Thành viên
5	Bùi Đình Phúc	Chuyên viên TTKT&ĐBCL	Thành viên
6	Vũ Thị Tâm	Giảng viên K.CSC	Thành viên

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (CHUYÊN
NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG) CỦA HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
(Kèm theo Quyết định số 771/QĐ-HVCSPT ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc
Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Trần Trọng Nguyên	Phó bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện, Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT	Chủ tịch	
2	Nguyễn Thế Vinh	Phó Giám đốc Học viện	Phó Chủ tịch	
3	Ngô Phúc Hạnh	Trưởng Khoa CSC	Phó Chủ tịch thường trực	
4	Lê Minh Vân	Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCL	Thư ký	
5	Giang Thanh Tùng	Bí Thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Học viện	Ủy viên	
6	Nguyễn Như Hà	Trưởng Khoa LKT	Ủy viên	
7	Nguyễn Thị Đông	Phụ trách phòng QLĐT	Ủy viên	
8	Nguyễn Tiến Hùng	Trưởng phòng CT& CTSV	Ủy viên	
9	Lê Công Thành	Trưởng phòng TC-HC	Ủy viên	
10	Ngô Xuân Khoa	Phụ trách phòng QL KH-HT	Ủy viên	
11	Nguyễn Mã Lương	Phó Chủ tịch công đoàn Học viện	Ủy viên	
12	Chu Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng	Ủy viên	
13	Nguyễn Nam Hải	Giảng viên Khoa CSC	Ủy viên	
14	Nguyễn Thị Thu	Giảng viên Khoa CSC	Ủy viên	
15	Vũ Thị Tâm	Giảng viên Khoa CSC	Ủy viên	
16	Nguyễn Tiến Thành	Bí thư đoàn thanh niên	Ủy viên	
17	Lê Thị Ngọc Diệp	Sinh viên K10 ngành QLNN	Ủy viên	

(Danh sách gồm 17 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
 (Kèm theo Quyết định số 771/QĐ- HVCSPT ngày 04 tháng 10 năm 2021
 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Tiêu chuẩn	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Tiêu chuẩn 1;2;3;4;11	Vũ Thị Tâm	Giảng viên K.CSC	Trưởng nhóm
	Phạm Ngọc Trụ	Phó Trưởng P.QLĐT	Thành viên
	Lê Vũ Trường	Chuyên viên P.TCHC	Thành viên
	Lưu Thị Diệu	Chuyên viên TT CNTT, TV&TT	Thành viên
	Nguyễn Thị Mai	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thư ký
Nhóm 2: Tiêu chuẩn 6;7;9	Nguyễn Thị Thu	Giảng viên K.CSC	Trưởng nhóm
	Lê Thị Cẩm Thơ	Chuyên viên P.QLĐT	Thành viên
	Trần Thị Tú Ngà	Chuyên viên P.TCHC	Thành viên
	Nguyễn T.Minh Hạnh	Chuyên viên P.QLKH&HT	Thành viên
	Nguyễn Hương Trà	Chuyên viên P.KH-TC	Thành viên
	Tạ Đức Anh	Chuyên viên TT CNTT, TV&TT	Thành viên
	Bùi Đình Phúc	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thư ký
Nhóm 3: Tiêu chuẩn 5;8;10	Nguyễn Nam Hải	Giảng viên K.CSC	Trưởng nhóm
	Phạm Hoàng Ngân	Trợ lý K.CSC	Thành viên
	Phạm Thị Nhâm	Chuyên viên P. KH-TC	Thành viên
	Trần Hồng Minh	Chuyên viên P.QLĐT	Thành viên
	Đỗ Kiến Vọng	Phó trưởng P.CT&CTSV	Thành viên
	Ngô Thị Thanh Hoa	Chuyên viên P.TCHC	Thành viên
	Nguyễn T.Minh Hạnh	Chuyên viên P.QLKH&HT	Thành viên

Tiêu chuẩn	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 3: Tiêu chuẩn 5;8;10	Vũ Tiến Sơn	Chuyên viên TT CNTT, TV&TT	Thành viên
	Nguyễn Thị Hà	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thư ký

(Danh sách gồm có 20 người)

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC MINH CHỨNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
TIÊU CHUẨN 1			
TIÊU CHÍ 1.1			
H1.01.01.01	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của HVCSPT năm 2016	Số 833/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của HVCSPT năm 2017	Số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện
H1.01.01.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy áp dụng từ khóa 6 – Hệ đại trà (Niên khóa 2015 – 2019)	Số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/07/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học chính quy áp dụng từ Khóa 9 (Niên khoá 2018-2022)	Số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
	Quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 562/QĐ-HVCSPT ngày 16/7/2019	Học viện
	Quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 659/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	Học viện
H1.01.01.03	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, hệ chính quy năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 656/QĐ-HVCSPT ngày 17/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
H1.01.01.04	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030.	Số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/2016	Học viện
	Quyết định về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”	Số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”	Số 947/QĐ-HVCSPT ngày 18/12/2018	Học viện
	Chính sách chất lượng giáo dục	Số 651/QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2020	Học viện
H1.01.01.05	Luật Giáo dục 2019	Số 43/2019/QH11 ngày 14/6/2019	Quốc hội
	Luật Giáo dục Đại học	Số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012	Quốc hội
	Luật Giáo dục Đại học 2018, sửa đổi bổ sung 2021	Số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	Quốc hội
	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TT-BGDĐT 16/4/2015	Bộ GD&ĐT
	Quyết định Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam	Số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016	Chính Phủ
H1.01.01.06	Quyết định về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 171/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Quyết định về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2020-2025	Số 625/QĐ-HVCSPT ngày 04/08/2020	Học viện
	Quyết định thành lập hội đồng học viện	Số1436/QĐ-BKHDT ngày 28/9/2020	Học viện
H1.01.01.07	Biên bản tọa đàm lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước.	Năm 2018, 2021	Khoa
	Danh mục các chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo	Năm 2018, 2021	Học viện
	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.01.01.08	Bảng so sánh chương trình đào tạo	Năm 2016- 2021	Khoa Chính sách công
	Ma trận kỹ năng	Năm 2016-2021	Khoa Chính sách công
H1.01.01.09	Website Học viện: www.apd.edu.vn	Năm 2016-2021	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo, mô tả Chương trình đào tạo	Năm 2016-2021	Học viện
	http://apd.edu.vn/khoa-chinh-sach-cong	Năm 2016-2021	Học viện
	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmonhoc.apd.edu.vn	Năm 2016-2021	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học tại các địa chỉ http://qltd.apd.edu.vn ; Tinchi.apd.edu.vn	Năm 2016-2021	Học viện
	Sổ tay giảng viên	Năm 2016-2021	Học viện
	Sổ tay sinh viên	Năm 2016-2021	Học viện
TIÊU CHÍ 1.2			
H1.01.02.01	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của HVCSPT năm 2015	Số 833/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của HVCSPT năm 2017	Số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện
	Hướng dẫn xây dựng và công bố Chuẩn đầu ra ngành đào tạo	Số 2196/BGDĐT-GDĐH Ngày 22/4/2010	Bộ GD&ĐT
	Thông tư Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015	Bộ GD&ĐT

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.01.02.02	Thông tư Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số: 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018	Bộ GD&ĐT
	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng; thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của Giáo dục đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021	Bộ GD&ĐT
	Quyết định Phê duyệt Khung trình độ quốc gia	Số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016	Chính Phủ
H1.01.02.03	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, hệ chính quy năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 656/QĐ-HVCSPT ngày 17/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
H1.01.02.04	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của năm 2015	Số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.	Số 533/QĐ-HVCSPT, ngày 10/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2019.	Số 564/QĐ-HVCSPT, ngày 16/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2021	Số 655/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2018	Số 63/QĐ-HVCSPT ngày 29/01/2018	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2018		Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 751/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2021	Số 687/QĐ-HVCSPT ngày 7/9/2021	Học viện
H1.01.02.05	Biên bản tọa đàm lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước.	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Năm 2018, 2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước năm 2015	Số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/07/2015	Học viện
	Bảng so sánh chương trình đào tạo	Năm 2016- 2021	Khoa Chính sách công
	Ma trận kỹ năng	Năm 2016- 2021	Khoa Chính sách công
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.01.02.06	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2021	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 24/9/2021	Học viện
TIÊU CHÍ 1.3			
H1.01.03.01	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Biên bản tọa đàm lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
H1.01.03.02	Quyết định về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 171/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015	Học viện
	Quyết định về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2020-2025	Số 625/QĐ-HVCSPT ngày 04/08/2020	Học viện
	Quyết định thành lập hội đồng học viện	Số 1436/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020	Học viện
H1.01.03.03	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	Số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy 2018	Số 533/QĐ-HVCSPT, ngày 10/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 564/QĐ-HVCSPT, ngày 16/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2021	Số 655/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của HVCSPT năm 2018	Số 63/QĐ-HVCSPT ngày 29/01/2018	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 751/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện
Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2021	Số 687/QĐ-HVCSPT ngày 7/9/2021	Học viện	
	Biên bản họp đánh giá kết quả chuẩn đầu ra của sinh viên cấp khoa	Năm 2016-2022	Khoa Chính sách công

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.01.03.04	Biên bản họp đánh giá kết quả chuẩn đầu ra Tiếng Anh	Năm 2016 - 2022	Bộ môn NN
	Biên bản họp đánh giá kết quả chuẩn đầu ra Tin học	Năm 2016 - 2022	Khoa KT số
	Quyết định công nhận chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học	Năm 2016 - 2022	Học viện
	Biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cấp Học viện hàng năm	Năm 2016 - 2022	Học viện
	Biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cấp Khoa	Năm 2020; 2021; 2022	Khoa Chính sách công
	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Năm 2016 - 2022	Học viện
H1.01.03.05	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.01.03.06	Hướng dẫn xây dựng và công bố Chuẩn đầu ra ngành đào tạo	Số 2196/BGDĐT-GDDH Ngày 22/4/2010	Bộ GD &ĐT
	Thông tư Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015	Bộ GD&ĐT
	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng; thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của Giáo dục đại học	Số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021	Bộ GD&ĐT
	Quyết định Phê duyệt Khung trình độ quốc gia	Số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016	Chính Phủ
H1.01.03.07	Website Học viện: www.apd.edu.vn	Năm 2016-2022	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo, mô tả Chương trình đào tạo	Năm 2018, 2021	Học viện
	http://apd.edu.vn/khoa-chinh-sach-cong	Năm 2016-2022	
	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmon hoc. apd. edu.vn	Năm 2016-2022	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học tại các địa chỉ http://qltd.apd.edu.vn ; Tinchi.apd.edu.vn	Năm 2016- 2022	Học viện
	Sổ tay giảng viên	Năm 2016-2021	Học viện
	Sổ tay sinh viên	Năm 2016-2021	Học viện
TIÊU CHUẨN 2			
TIÊU CHÍ 2.1			
H1.02.01.01	Hướng dẫn xây dựng mô tả chương trình đào tạo đại học chính quy	Số 150/HVCSPT-QLĐT ngày 09/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, hệ chính quy năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
H1.02.01.02	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
	Ma trận kỹ năng; Ma trận Chương trình đào tạo và vị trí việc làm chuyên ngành QLC	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
H1.02.01.03	Website Học viện: www.apd.edu.vn	Năm 2016 -2021	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo, mô tả Chương trình đào tạo	Năm 2018, 2021	Học viện
	http://apd.edu.vn/khoa-chinh-sach-cong	Năm 2016 -2021	
	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmon hoc. apd. edu.vn	Năm 2016 -2021	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học tại các địa chỉ http://qldt.apd.edu.vn ; Tinchl.apd.edu.vn	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Sổ tay giảng viên	Năm 2016 -2021	Học viện
	Sổ tay sinh viên	Năm 2016 -2021	Học viện
H1.02.01.04	Danh mục đề tài cấp cơ sở của giảng viên; Tóm tắt kết quả nghiên cứu và tính ứng dụng (đóng góp về khoa học, về thực tiễn và trong giảng dạy) các công trình khoa học.	Năm 2016 -2021	Học viện
	Danh sách các đề tài NCKH phục vụ đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành QLC	Năm 2016 -2021	Khoa Chính sách công
TIÊU CHÍ 2.2			
H1.02.02.01	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước chính quy năm 2015	Số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/07/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy năm 2018	Số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
	Quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 562/QĐ-HVCSPT ngày 16/7/2019	Học viện
	Quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 659/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	Học viện
H1.02.02.02	Quyết định v/v quy định hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần bậc đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 972/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện
	Công văn hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần theo hệ thống tín chỉ - hệ đào tạo ĐHCQ	Số 82/CV-HVCSPT ngày 08/08/2012	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2021	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 24/9/2021	Học viện
H1.02.02.03	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
H1.02.02.04	Quyết định về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 171/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015	Học viện
	Quyết định về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2020-2025	Số 625/QĐ-HVCSPT ngày 04/08/2020	Học viện
	Quyết định thành lập hội đồng học viện	Số 1436/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020	Học viện
H1.02.02.05	Biên bản tổng kết/ sơ kết hội nghị về các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập	Năm 2016; 2021	Khoa/BM
	Biên bản tọa đàm lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các môn học/học phần	Năm 2016-2021	Khoa Chính sách công
	Biên bản họp Khoa về rà soát đề cương các học phần	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
TIÊU CHÍ 2.3			
H1.02.03.01	Hướng dẫn xây dựng mô tả chương trình đào tạo – Hệ đào tạo đại học chính quy	Số 150/HVCSPT-QLĐT ngày 14/06/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công hệ chính quy năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
H1.02.03.02	Website Học viện: www.apd.edu.vn	Năm 2016-2021	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo, mô tả Chương trình đào tạo	Năm 2016-2021	Học viện
	http://apd.edu.vn/khoa-chinh-sach-cong	Năm 2016-2021	
	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmonhoc.apd.edu.vn	Năm 2016-2021	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học tại các địa chỉ http://qltd.apd.edu.vn ; Tinchi.apd.edu.vn	Năm 2016-2021	Học viện
	Sổ tay giảng viên	Năm 2016-2021	Học viện
	Sổ tay sinh viên	Năm 2016-2021	Học viện
	Hình ảnh giới thiệu về CTĐT tại buổi tư vấn tuyển sinh của chuyên ngành	Năm 2016-2021	Học viện
H1.02.03.03	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2015	Số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015	Học viện
	Quyết định về việc sửa đổi Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2015	Số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2019	Số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2020	Số 658/QĐ-HVCSPT, ngày 12/8/2020	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2021	Số 619/QĐ-HVCSPT, ngày 13/8/2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.02.03.04	Quy định tổ chức thi trực tuyến các học phần tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 420/QĐ-HVCSPT ngày 9/06/2021	Học viện
	Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 427/QĐ-HVCSPT ngày 10/06/2021	Học viện
H1.02.03.05	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2021	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 24/9/2021	
	Danh mục các đề cương môn học lưu tại thư viện Học viện chính sách và Phát triển	Năm 2016-2021	Học viện
H1.02.03.06	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
TIÊU CHUẨN 3			
TIÊU CHÍ 3.1			
H1.03.01.01	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của HVCSPT năm 2015	Số 833/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của HVCSPT năm 2017	Số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện
H1.03.01.02	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công hệ chính quy năm 2015	Số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/07/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công hệ chính quy năm 2018	Số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
	Quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 659/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	Học viện
H1.03.01.03	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công hệ chính quy năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	Số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính	Số 533/QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2021	Số 655/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.03.01.04	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của HVCSPT	Số 63/QĐ-HVCSPT ngày 29/01/2018	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2018	SốQĐ-HVCSPT ngày 2018	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 751/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2021	Số 687/QĐ-HVCSPT ngày 7/9/2021	Học viện
H1.03.01.05	Bảng so sánh chương trình đào tạo	Năm 2016- 2021	Khoa Chính sách công
	Ma trận kỹ năng	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
	Ma trận tích hợp các phương pháp giảng dạy đáp ứng CĐR	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
	Ma trận tích hợp các phương pháp đánh giá đáp ứng CĐR	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
	Biên bản hội thảo liên quan đến thảo luận nội dung học phần đạt được Chuẩn đầu ra	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
H1.03.01.06	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2021	Số 725/QĐ-HVCSPT ngày 24/9/2021	
H1.03.01.07	Kế hoạch mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề	Năm 2016 – 2021	Khoa Chính sách công
H1.03.01.08	Website Học viện: www.apd.edu.vn	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo, mô tả Chương trình đào tạo: http://apd.edu.vn/khoa-chinh-sach-cong	Năm 2018, 2021	Học viện
	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmonhoc.apd.edu.vn	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học tại các địa chỉ http://qltd.apd.edu.vn ; Tinchin.apd.edu.vn	Năm 2016- 2021	Học viện
	Sổ tay giảng viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Sổ tay sinh viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 3.2			
H1.03.02.01	Bảng so sánh chương trình đào tạo	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
	Ma trận kỹ năng	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
	Biên bản hội thảo liên quan đến thảo luận nội dung học phần đạt được Chuẩn đầu ra	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
H1.03.02.02	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2021	Số 725/QĐ-HVCSPT ngày 24/9/2021	
H1.03.02.03	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công hệ chính quy năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
H1.03.02.04	Quyết định v/v thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 171/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015	Học viện
	Quyết định về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2020-2025	Số 625/QĐ-HVCSPT ngày 04/08/2020	Học viện
	Quyết định thành lập hội đồng học viện	Số 1436/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020	Học viện
H1.03.02.05	Website Học viện: www.apd.edu.vn	Năm 2016 – 2021	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo, mô tả Chương trình đào tạo: http://apd.edu.vn/khoa-chinh-sach-cong	Năm 2018, 2021	Học viện
	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmonhoc.apd.edu.vn	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học tại các địa chỉ http://qltd.apd.edu.vn ; Tinch.apd.edu.vn	Năm 2018, 2021	Học viện
	Sổ tay giảng viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Sổ tay sinh viên	Năm 2016 – 2021	Học viện
H1.03.02.06	Biên bản làm việc với nhà tuyển dụng	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 3.3			
H1.03.03.01	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy áp dụng từ khóa 6 – Hệ đại trà (Niên khóa 2015 – 2019)	Số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/07/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công hệ chính quy năm 2018	Số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
	Quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 659/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	Học viện
H1.03.03.02	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công hệ chính quy năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 656/QĐ-HVCSPT ngày 17/7/2019	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
H1.03.03.03	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	Số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính năm 2018	Số 533/QĐ-HVCSPT, ngày 10/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2019.	Số 564/QĐ-HVCSPT, ngày 16/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính năm 2021	655/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của HVCSPT	Số 63/QĐ-HVCSPT ngày 29/01/2018	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2018	SốQĐ-HVCSPT ngày 2018	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 751/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2021	Số 687/QĐ-HVCSPT ngày 7/9/2021	Học viện
	H1.03.03.04	Quyết định v/v thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 171/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015
Quyết định về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2020-2025		Số 625/QĐ-HVCSPT ngày 04/08/2020	Học viện
Quyết định thành lập hội đồng học viện		Số 1436/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020	Học viện
H1.03.03.05	Biên bản Hội thảo/Toạ đàm lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công	Năm 2016- 2021	Học viện/Khoa
	Tài liệu minh chứng trong xây dựng chương trình đào tạo có tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế	Năm 2016- 2021	Khoa Chính sách công
TIÊU CHUẨN 4			
TIÊU CHÍ 4.1			
H1.04.01.01	Quyết định v/v công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”	Số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”	Số 947/QĐ-HVCSPT ngày 18/12/2018	Học viện
	Chính sách chất lượng giáo dục	Số 651/QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2020	
	Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Số 1822/QĐ-BKHĐT ngày 11/11/2022	Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.04.01.02	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của cán bộ, giảng viên đánh giá mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và sự hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đối với hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2016- 2022	Học viện
H1.04.01.03	Danh sách cán bộ, giảng viên ngành Quản lý nhà nước được cử tham dự các hội thảo, các khóa đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, ngắn hạn trong và ngoài nước	Năm 2016 - 2022	Học viện
H1.04.01.04	Quyết định ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, hệ chính quy năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2019	Số 565/QĐ-HVCSPT , ngày 17/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý nhà nước	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
H1.04.01.05	Quyết định về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 171/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015	Học viện
	Quyết định về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2020-2025	Số 625/QĐ-HVCSPT ngày 04/08/2020	Học viện
	Quyết định thành lập hội đồng học viện	Số 1436/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020	Học viện
H1.04.01.06	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy năm 2015	Số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2018	Số 533/QĐ-HVCSPT, ngày 10/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2019.	Số 564/QĐ-HVCSPT, ngày 16/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2021	Số 655/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2018	Số 63/QĐ-HVCSPT ngày 29/01/2018	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 751/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2021	Số 687/QĐ-HVCSPT ngày 7/9/2021	Học viện
H1.04.01.07	Quyết định về việc việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	
	Quyết định về việc việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2021	Số 725/QĐ-HVCSPT ngày 24/9/2021	Học viện
H1.04.01.08	Thống kê danh sách đề tài, đề án bài viết hội thảo giảng viên ngành Quản lý nhà nước tham gia	Năm 2016 – 2022	Học viện
H1.04.01.09	Kế hoạch Phát động và tổ chức chương trình hiến máu tình nguyện “Xuân yêu thương 2016”	Số 03/KH-HVCSPT ngày 23/02/2016	Học viện
	Kế hoạch Tổ chức hội thi “Tìm hiểu lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia” đối với sinh viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 21/KH-HVCSPT ngày 8/6/2022	Học viện
	Kế hoạch Tổ chức tọa đàm nói chuyện chuyên đề về công tác phát triển Đảng đối với sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 17/KH-HVCSPT ngày 20/10/2016	Học viện
	Kế hoạch Tổ chức nói chuyện chuyên đề về “Giáo dục sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS và tệ nạn xã hội”	Số 18/KH-HVCSPT ngày 07/11/2016	Học viện
	Kế hoạch Tổ chức hội thi “Tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội” đối với sinh viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 02/KH-HVCSPT ngày 25/02/2016	
H1.04.01.10	Quyết định tổ chức cuộc thi Olympic Toán học sinh sinh viên APD lần thứ 1 tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 67/QĐ-HVCSPT ngày 15/02/2017	Học viện
	Quyết định tổ chức cuộc thi Olympic Toán học sinh sinh viên APD lần thứ 2 tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 700/QĐ-HVCSPT ngày 16/10/2017	Học viện
	Quyết định tổ chức cuộc thi Olympic Toán học sinh sinh viên APD lần thứ 3 tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 885/QĐ-HVCSPT ngày 28/11/2018	Học viện
	Quyết định tổ chức cuộc thi Olympic Toán học sinh sinh viên APD lần thứ 4 tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1048/QĐ-HVCSPT ngày 29/11/2019	Học viện
	Quyết định tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu các nền văn hóa nói Tiếng Anh” tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 620/QĐ-HVCSPT ngày 15/11/2016	Học viện
	Quyết định tổ chức cuộc thi Tiếng Anh “APD English Stars” tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 684/QĐ-HVCSPT ngày 12/10/2017	Học viện
	Quyết định tổ chức cuộc thi Olympic tiếng Anh tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 972/QĐ-HVCSPT ngày 05/11/2019	Học viện
	Quyết định tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu các nền văn hóa nói Tiếng Anh” tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 973/QĐ-HVCSPT ngày 05/11/2019	Học viện
	Quyết định tổ chức cuộc thi Olympic tiếng Anh năm 2020 tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 590/QĐ-HVCSPT ngày 22/07/2020	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Quyết định tổ chức cuộc thi "Tài năng trẻ Logistics Việt Nam năm 2020" vòng chung kết cấp Học viện Chính sách và Phát triển	Số 838/QĐ-HVCSPT ngày 06/10/2020	Học viện
H1.04.01.11	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2019-2020	Số 20/KH-HVCSPT ngày 07/11/2019	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2020-2021	số 48/KH-HVCSPT ngày 20/10/2020	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2021-2022	số 43/KH-HVCSPT ngày 04/10/2021	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2022-2023	số 62/KH-HVCSPT ngày 03/10/2022	
H1.04.01.12	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2016-2017	Số 506/QĐ- HVCSPT ngày 27/09/2016	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2017-2018	Số 832/QĐ-HVCSPT ngày 15/11/2017	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2018-2019	Số 811/QĐ-HVCSPT ngày 02/11/2018	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2019-2020	Số 985/QĐ-HVCSPT ngày 07/11/2019	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2020-2021	Số 918/QĐ-HVCSPT ngày 26/10/2020	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2021-2022	Số 774/QĐ-HVCSPT ngày 05/10/2021	Học viện
	Quyết định vv thành lập hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm 2015 - 2016	Số 205/QĐ-HVCSPT ngày 22/04/2016	Học viện
	Quyết định vv thành lập hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm 2016 - 2017	Số 341/QĐ-HVCSPT ngày 20/06/2017	Học viện
	Quyết định vv thành lập hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm 2018 - 2019	Số 376/QĐ-HVCSPT ngày 17/05/2019	Học viện
	Quyết định vv tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện năm học 2015 - 2016	Số 204/QĐ-HVCSPT ngày 22/04/2016	Học viện
	Quyết định vv tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện năm học 2016 - 2017	Số 322/QĐ-HVCSPT ngày 07/6/2017	Học viện
	Quyết định vv tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện năm học 2018 - 2019	Số 375/QĐ-HVCSPT ngày 17/5/2019	Học viện
	Quyết định vv tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện năm học 2021 - 2022	Số 383/QĐ-HVCSPT ngày 30/5/2022	Học viện
	H1.04.01.13	Quy chế xếp loại đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên	Số 685/QĐ-HVCSPT ngày 12/12/2016
Quy chế xếp loại đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên năm 2021		Số 205/QĐ-HVCSPT ngày 05/4/2021	
	Thông báo về Chủ trương thành lập Các CLB tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 719/TB-HVCSPT ngày 05/11/2010	Học viện
	Quyết định Ban hành Quy chế thành lập các Câu lạc bộ tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 404/QĐ-HVCSPT ngày 25/8/2014	Học viện
	Quyết định thành lập CLB Võ cổ truyền Vịnh Xuân Quyền APD tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 221/QĐ-HVCSPT ngày 25/5/2015	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.04.01.14	Quyết định thành lập CLB tiếng Anh tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 471/QĐ-HVCSPT ngày 19/9/2014	Học viện
	Quyết định Thành lập Câu lạc bộ Sách và Hành động APD tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 755/QĐ-HVCSPT ngày 19/12/2015	Số 742/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2020
	Quyết định thành lập Câu lạc bộ Startup & Marketing	Số 242/QĐ-HVCSPT ngày 10/4/2019	Học viện
	QĐ thành lập các câu lạc bộ CNTT&TT (ICT CLUB)	Số 742/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2020	Học viện
	QĐ thành lập các câu lạc bộ Nhà kinh tế trẻ (YEC - APD)	Số 10/QĐ-HVCSPT ngày 8/1/2020	Học viện
	QĐ thành lập các câu lạc bộ Bóng rổ - APDB	Số 326/QĐ-HVCSPT ngày 5/5/2020	Học viện
	QĐ thành lập các câu lạc bộ Kỹ năng kinh doanh BSC - APD	Số 82/QĐ-HVCSPT ngày 13/2/2020	Học viện
	Quyết định tổ chức Tọa đàm và làm việc giữa Học viện Chính sách và Phát triển và Tổ chức trao đổi nguồn lực quốc tế (REI)	Số 124/QĐ-HVCSPT Ngày 18/3/2016	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm "Thái độ quyết định số phận";	Số 746/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2016;	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm và làm việc giữa HVCSPT và Tổ chức trao đổi nguồn lực REI	Số 180a/QĐ-HVCSPT ngày 4/4/2017	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm mô hình định lượng cho tăng trưởng kinh tế, bất bình đẳng và an ninh lương thực;	Số 218/QĐ-HVCSPT ngày 18/4/2017;	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm "Optimal growth strategy under dynamic threshold";	Số 326/QĐ-HVCSPT ngày 8/6/2017;	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm "Phương pháp tiếp cận nghiên cứu kinh tế vĩ mô"	Số 641/QĐ-HVCSPT ngày 25/11/2017;	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm : "Fintech and regulation"	Số 675/QĐ-HVCSPT ngày 10/10/2017	Học viện
Quyết định tổ chức tọa đàm "Corporate governance"	Số 747/QĐ-HVCSPT ngày 25/10/2017	Học viện	
Quyết định tổ chức tọa đàm và làm việc giữa HVCSPT và Tổ chức trao đổi nguồn lực REI	Số 790/QĐ-HVCSPT ngày 7/11/2017	Học viện	
H1.04.01.15	Website Học viện: www.apd.edu.vn công bố triết lý giáo dục		Học viện
H1.04.01.16	Biên bản đối thoại sinh viên các kỳ và tổng kết năm học	Năm 2016- 2022	Khoa Chính sách công
H1.04.01.17	Nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Số 13/NQ-HĐKĐCLGD ngày 28/05/2018	HĐKĐCLGD
	Nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kinh tế trình độ đại học, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Số 18/NQ-HĐKĐCLGD ngày 01/9/2020	HĐKĐCLGD
	Nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kinh tế quốc tế trình độ đại học, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Số 19/NQ-HĐKĐCLGD ngày 01/9/2020	HĐKĐCLGD
	Nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Số 20/NQ-HĐKĐCLGD ngày 01/9/2020	HĐKĐCLGD
TIÊU CHÍ 4.2			
H1.04.02.01	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Quản lý Nhà nước	Số 656/QĐ-HVCSPT ngày 17/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.04.02.02	Quyết định về việc việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	
	Quyết định về việc việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	
	Quyết định về việc việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2021	Số 725/QĐ-HVCSPT ngày 24/9/2021	Học viện
H1.04.02.03	Biên bản họp Khoa về các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập	Năm 2016 - 2022	Khoa Chính sách công
	Biên bản tọa đàm liên quan đến thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập.	Năm 2016- 2022	Khoa Chính sách công
H1.04.02.04	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmonhoc.apd.edu.vn	Năm 2016-2022	Học viện
H1.04.02.05	Quyết định ban hành Quy định về công tác cố vấn học tập tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 387/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015	Học viện
	Quyết định v/v ban hành Quy định công tác cố vấn học tập tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 08/QĐ-HVCSPT ngày 04/01/2019	Học viện
	Sổ tay công tác cố vấn học tập	Năm 2016	Học viện
H1.04.02.06	Quyết định v/v ban hành Quy chế đối với giảng viên của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 426/QĐ-HVCSPT ngày 09/9/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số/QĐ-HVCSPT ngày...../2022	Học viện
H1.04.02.07	Kế hoạch về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân năm học 2021-2022 đối với sinh viên hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 52/KH-HVCSPT ngày 20/9/2022	Học viện
	Kế hoạch về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân năm học 2020-2021 đối với sinh viên hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 32/KH-HVCSPT ngày 13/8/2021	Học viện
	Kế hoạch về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân năm học 2019-2020 đối với sinh viên hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 13/KH-HVCSPT ngày 26/07/2019	Học viện
	Kế hoạch về việc tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên" năm học 2018-2019 và khám sức khỏe sinh viên đầu khóa	Số 10/KH-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
	Kế hoạch v/v tổ chức "Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa đối với sinh viên khóa 8 trúng tuyển vào Học viện năm 2017"	Số 12/KH-HVCSPT ngày 04/8/2017	Học viện
	Kế hoạch triển khai "Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu khóa học" Dành cho sinh viên hệ chính quy khóa 7, tuyển sinh năm 2016	Số 12/KH-HVCSPT ngày 29/8/2016	Học viện
	Kế hoạch V/v tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học 2017-2018 đối với sinh viên khóa 5, 6 và Khóa 7	Số 20/KH-HVCSPT ngày 25/9/2017	Học viện
	Kế hoạch V/v Tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học 2016-2017 đối với sinh viên Khóa 4, Khóa 5 và Khóa 6	Số 16/KH-HVCSPT ngày 29/9/2016	Học viện
	Biên bản đối thoại sinh viên các kỳ và tổng kết năm học	Năm 2016- 2022	Khoa Chính sách công

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.04.02.08	Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo – Module đăng ký học		Học viện
H1.04.02.09	Quyết định v/v ban hành Quy định tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế đối với sinh viên Học viện CSPT	Số 761/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 6)	Số 21/KH-HVCSPT ngày 25/12/2018	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 7)	Số 28/KH-HVCSPT ngày 26/12/2019	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 8) sửa đổi	Số 145/KH-HVCSPT ngày 03/3/2020	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 8)	Số 626/KH-HVCSPT ngày 05/8/2020	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 9)	Số 65/KH-HVCSPT ngày 26/11/2021	Học viện
H1.04.02.10	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 4.3			
H1.04.03.01	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2021	Số 725/QĐ-HVCSPT ngày 24/9/2021	
H1.04.03.02	Bảng hỏi, báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về nhu cầu nhân lực ngành Quản lý nhà nước và đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên Học viện Chính sách và Phát triển	Năm 2018; 2021	Học viện
H1.04.03.03	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
TIÊU CHUẨN 5			
TIÊU CHÍ 5.1			
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2015	Số 668/QĐ-HVCSPT, ngày 11/11/2015	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.01.01	Quyết định về việc sửa đổi Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2015	Số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2018	Số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2020	Số 658/QĐ-HVCSPT, ngày 12/8/2020	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2021	Số 619/QĐ-HVCSPT, ngày 13/8/2021	Học viện
H1.05.01.02	Quy định tổ chức thi trực tuyến các học phần tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 420/QĐ-HVCSPT ngày 9/06/2021	Học viện
	Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 427/QĐ-HVCSPT ngày 10/06/2021	Học viện
	Quyết định V/v ban hành Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 131/QĐ-HVCSPT ngày 25/03/2022	Học viện
H1.05.01.03	Quyết định về việc ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 148/QĐ-HVCSPT ngày 04/03/2020	Học viện
H1.05.01.04	Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
H1.05.01.05	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
H1.05.01.06	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
H1.05.01.07	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	Số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của HVCSPT	Số 63/QĐ-HVCSPT ngày 29/01/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2018	Số 533/QĐ-HVCSPT, ngày 10/8/2018	Học viện
	Quyết định quy đổi điểm học phần tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học	Số 872/QĐ-HVCSPT ngày 3/10/2022	Học viện
H1.05.01.08	QĐ về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2020-2021		Học viện
	QĐ về việc sửa đổi Kế hoạch học tập năm học 2019-2020	Số 976/QĐ-HVCSPT ngày 06/11/2019	Học viện
	QĐ về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2019-2020	Số 544/QĐ-HVCSPT ngày 09/07/2019	Học viện
	QĐ về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2018-2019	Số 395/QĐ-HVCSPT ngày 05/07/2018	Học viện
	QĐ về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2017-2018	Số 397/QĐ-HVCSPT ngày 06/07/2017	Học viện
	QĐ về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2016-2017	Số 368/QĐ-HVCSPT ngày 26/07/2016	Học viện
H1.05.01.09	Thông báo Học kỳ hè năm 2021	Số 116,117/TB-HVCSPT ngày 7/7/2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.01.10	Thông báo Lịch thi học kỳ II năm học 2020-2021	Số 101/TB-HVCSPT ngày 11/6/2021 Số 105/TB-HVCSPT ngày 14/6/2021 Số 108/TB-HVCSPT ngày 22/6/2021 Số 109/TB-HVCSPT ngày 25/6/2021 Số 141/TB-HVCSPT ngày 9/8/2021 Số 147/TB-HVCSPT ngày 12/8/2021 Số 157/TB-HVCSPT ngày 20/8/2021	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kỳ I 2020 - 2021	Số 185/TB-HVCSPT ngày 07/10/2020 Số 214/TB-HVCSPT ngày 17/11/2020 Số 223/TB-HVCSPT ngày 07/12/2020 Số 236/TB-HVCSPT ngày 28/12/2020 Số 01/TB-HVCSPT ngày 04/01/2021	Học viện
	Thông báo học kỳ hè năm 2020	Số 132/TB-HVCSPT ngày 03/8/2020	Học viện
	Thông báo lịch thi học kỳ II năm học 2019-2020	Số 102/TB-HVCSPT ngày 28/5/2020 Số 111/TB-HVCSPT ngày 29/6/2020	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kỳ I năm học 2019-2020	Số 152/TB-HVCSPT ngày 22/11/2019	Học viện
	Thông báo lịch thi học kỳ hè năm 2019	Số 74/TB-HVCSPT ngày 01/08/2019	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kỳ I năm học 2018-2019	Số 126/TB-HVCSPT ngày 22/11/2018 Số 132/TB-HVCSPT ngày 05/12/2018	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kỳ II năm học 2018-2019	Số 27/TB-HVCSPT ngày 22/04/2019	Học viện
	Thông báo lịch thi học kỳ hè năm 2018	Số 70/TB-HVCSPT ngày 24/7/2018	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kỳ II năm học 2017-2018	Số 42/TB-HVCSPT ngày 26/4/2018 Số 56/TB-HVCSPT ngày 22/6/2018	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kỳ I năm học 2017-2018	Số 107/TB-HVCSPT ngày 10/11/2017	Học viện
	Thông báo lịch thi học kỳ hè năm 2017	Số 54/TB-HVCSPT ngày 03/8/2016	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kỳ II năm học 2016-2017	Số 27/TB-HVCSPT ngày 04/05/2017	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kỳ I năm học 2016-2017	Số 103/TB-HVCSPT ngày 10/11/2016 Số 108/TB-HVCSPT ngày 22/11/2016	Học viện
	Thông báo lịch thi chuẩn đầu ra tiếng Anh 2022	Số 102/TB-HVCSPT ngày 21/6/2022	Học viện
	Thông báo lịch thi kết thúc học phần giai đoạn 1, HK1, năm học 2022-2023	Số 176/TB-HVCSPT ngày 30/9/2022	Học viện
	Thông báo lịch thi kết thúc học phần giai đoạn 1, HK2, năm học 2021-2022	Số 47/TB-HVCSPT ngày 28/3/2022	Học viện
	Thông báo lịch thi lại các học phần giai đoạn 1, HK2, năm học 2021-2022	Số 78/TB-HVCSPT ngày 12/5/2022	Học viện
	Thông báo lịch thi kết thúc các học phần tốt nghiệp năm học 2021-2022	Số 87/TB-HVCSPT ngày 1/6/2022	Học viện
	Thông báo lịch thi kết thúc học phần giai đoạn 2, HK2, năm học 2021-2022	Số 93/TB-HVCSPT ngày 09/6/2022	Học viện
H1.05.01.11	Kết quả thi phân loại tiếng Anh TOEIC Placement /DS phân lớp tiếng Anh	Năm 2016-2021	Học viện
	Thông báo v/v điểm thi TOEIC PLACEMENT của sinh viên khoá 7 tại Học viện Chính sách và Phát triển (niên khoá 2016-2020)	Số 87/TB-HVCSPT ngày 15/09/2016	Học viện
	Quyết định công nhận DS SV đạt chuẩn đầu ra Tin học Đợt 1 năm 2022	Số 86/TB-HVCSPT ngày 2/3/2022	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Quyết định công nhận DS SV đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh Đợt 1 năm 2022	Số 87/TB-HVCSPT ngày 2/3/2022	Học viện
H1.05.01.12	Quyết định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 245/QĐ-HVCSPT ngày 01/06/2015	Học viện
H1.05.01.13	Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần	Số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015	Học viện
	Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân	Số 143/QĐ-HVCSPT ngày 24/3/2017	Học viện
	Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân	Số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20/9/2017	Học viện
H1.05.01.14	Biên bản họp khoa rà soát đề thi kết thúc học phần theo năm học	Năm 2016-2021	
H1.05.01.15	Quyết định v/v ban hành Quy định tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế đối với sinh viên Học viện CSPT	Số 761/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
H1.05.01.16	Quy chế xếp loại đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.05.01.17	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 6)	Số 21/KH-HVCSPT ngày 25/12/2018	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 7)	Số 28/KH-HVCSPT ngày 26/12/2019	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 8)	Năm 2020	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 9)	Năm 2021	Học viện
	Kế hoạch xét tốt nghiệp đại học chính quy năm 2022	Số 70/KH-HVCSPT ngày 31/12/2021	Học viện
	KẾ HOẠCH Thực tập tốt nghiệp và tổ chức các học phần tốt nghiệp năm học 2022 - 2023	Số 63/KH-HVCSPT ngày 5/10/2022	Học viện
	Thông báo xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2022	Số 01/TB-HVCSPT ngày 4/1/2022	Học viện
H1.05.01.18	Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp	Năm 2016-2021	Học viện
H1.05.01.19	Hướng dẫn chấm điểm báo cáo thực tập và khoá luận tốt nghiệp của ngành Quản lý nhà nước	Năm 2020; 2021	Khoa CSC
H1.05.01.20	Biên bản họp về việc sửa đổi quy định đào tạo	Năm: 2015; 2018; 2020; 2021	Học viện
H1.05.01.21	Biên bản tổng kết/ sơ kết hội nghị về các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập	Năm 2016 - 2021	Khoa/BM
H1.05.01.22	Biên bản Hội thảo/Toạ đàm lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công	Năm 2016 - 2021	Học viện/Khoa
H1.05.01.23	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.05.01.24	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
H1.05.01.25	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021, 2022	Học viện
H1.05.01.26	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021, 2022	Học viện
H1.05.01.27	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021, 2022	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.01.28	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2015	Số 668/QĐ-HVCSPT, ngày 11/11/2015	Học viện
	Quyết định về việc sửa đổi Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2015	Số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2018	Số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2020	Số 658/QĐ-HVCSPT, ngày 12/8/2020	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2021	Số 619/QĐ-HVCSPT, ngày 13/8/2021	Học viện
H1.05.01.29	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy (Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công năm 2018)	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học chính quy Khóa 9 - Hệ đại trà Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công năm 2018	Số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
	Quyết định về ban hành chương trình đào tạo hệ chuẩn -Ngành quản lý nhà nước-hệ đại học	Số 659/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 655/QĐ-HVCSPT/2021	Học viện
H1.05.01.30	Quyết định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 245/QĐ-HVCSPT ngày 01/06/2015	Học viện
H1.05.01.31	Quy định tổ chức thi trực tuyến các học phần tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 420/QĐ-HVCSPT ngày 9/06/2021	Học viện
	Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 427/QĐ-HVCSPT ngày 10/06/2021	Học viện
	Quyết định V/v ban hành Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 131/QĐ-HVCSPT ngày 25/03/2022	Học viện
TIÊU CHÍ 5.2			
H1.05.02.01	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2015	Số 668/QĐ-HVCSPT, ngày 11/11/2015	Học viện
	Quyết định về việc sửa đổi Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2015	Số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2018	Số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2020	Số 658/QĐ-HVCSPT, ngày 12/8/2020	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2021	Số 619/QĐ-HVCSPT, ngày 13/8/2021	Học viện
H1.05.02.02	Quy định tổ chức thi trực tuyến các học phần tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 420/QĐ-HVCSPT ngày 9/06/2021	Học viện
	Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 427/QĐ-HVCSPT ngày 10/06/2021	Học viện
	Quyết định V/v ban hành Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 131/QĐ-HVCSPT ngày 25/03/2022	Học viện
H1.05.02.03	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.02.03	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
H1.05.02.04	Quyết định ban hành Quy định về công tác cố vấn học tập tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 387/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015	Học viện
	Quyết định v/v ban hành Quy định công tác cố vấn học tập tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 08/QĐ-HVCSPT ngày 04/01/2019	Học viện
H1.05.02.05	Sổ tay công tác cố vấn học tập	Năm 2016-2021	Học viện
H1.05.02.06	Quyết định v/v ban hành Quy chế đối với giảng viên của Học viện CSPT	Số 426/QĐ-HVCSPT ngày 09/9/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
H1.05.02.07	Website Học viện: www.apd.edu.vn	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.05.02.08	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2016	Năm 2016	
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2017	Năm 2017	
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2018	Năm 2018	
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2019	Năm 2019	
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2020	Năm 2020	
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2021	Năm 2021	
H1.05.02.09	QĐ về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2020-2021		
	QĐ về việc sửa đổi Kế hoạch học tập năm học 2019-2020	Số 976/QĐ-HVCSPT ngày 06/11/2019	Học viện
	QĐ về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2019-2020	Số 544/QĐ-HVCSPT ngày 09/07/2019	Học viện
	QĐ về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2018-2019	Số 395/QĐ-HVCSPT ngày 05/07/2018	Học viện
	QĐ về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2017-2018	Số 397/QĐ-HVCSPT ngày 06/07/2017	Học viện
	QĐ về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2016-2017	Số 368/QĐ-HVCSPT ngày 26/07/2016	Học viện
	QĐ về việc ban hành Kế hoạch học tập năm học 2015-2016	Số 348/QĐ-HVCSPT ngày 29/07/2015	Học viện
	Kế hoạch về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân năm học 2020-2021 đối với sinh viên hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển		Học viện
	Kế hoạch về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân năm học 2019-2020 đối với sinh viên hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 13/KH-HVCSPT ngày 26/07/2019	Học viện
	Kế hoạch về việc tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên" năm học 2018-2019 và khám sức khoẻ sinh viên đầu khoá	Số 10/KH-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
	Kế hoạch v/v tổ chức "Tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá đối với sinh viên khóa 8 trúng tuyển vào Học viện năm 2017"	Số 12/KH-HVCSPT Ngày 04/8/2017	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.02.10	Kế hoạch triển khai “Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu khóa học” Dành cho sinh viên hệ chính quy khóa 7, tuyển sinh năm 2016	Số 12/KH-HVCSPT Ngày 29/8/2016	Học viện
	Kế hoạch V/v tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học 2017-2018 đối với sinh viên khóa 5, 6 và Khóa 7	Số 20/KH-HVCSPT Ngày 25/9/2017	Học viện
	Kế hoạch V/v Tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học 2016-2017 đối với sinh viên Khóa 4, Khóa 5 và Khóa 6	Số 16/KH-HVCSPT Ngày 29/9/2016	Học viện
	KẾ HOẠCH Công tác sinh viên năm học 2022-2023	Số 32/KH-HVCSPT Ngày 15/7/2022	Học viện
	KẾ HOẠCH V/v Tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” giữa khóa, cuối khóa và đối thoại sinh viên năm học 2022-2023	Số 52/KH-HVCSPT Ngày 20/9/2022	Học viện
	KẾ HOẠCH Tổ chức Tuần sinh hoạt Công dân - Sinh viên đầu khóa năm học 2022 - 2023 đối với tân sinh viên Khóa 13 tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 45/KH-HVCSPT Ngày 8/8/2022	Học viện
H1.05.02.11	Quyết định công nhận kết quả Bài thu hoạch tuần sinh hoạt công dân đối với sinh viên khoá 7 trúng tuyển năm 2016	Số 555/QĐ-HVCSPT ngày 18/10/2016	Học viện
	Quyết định công nhận kết quả Bài thu hoạch tuần sinh hoạt công dân của sinh viên khoá 8 hệ chính quy trúng tuyển năm 2017	Số 803/QĐ-HVCSPT ngày 13/11/2017	Học viện
	Quyết định công nhận kết quả chấm Bài thu hoạch “Tuần sinh hoạt công dân- sinh viên” đầu khoá đối với sinh viên khoá 9, niên khoá 2018-2022	Số 717/QĐ-HVCSPT ngày 05/10/2018	Học viện
	Quyết định công nhận kết quả chấm Bài thu hoạch sinh hoạt công dân- sinh viên đầu khoá đối với sinh viên khoá 10, trúng tuyển năm học 2019-2020 và sinh viên các khoá học bổ sung	Số 827/QĐ-HVCSPT ngày 30/09/2019	Học viện
H1.05.02.12	Bài thu hoạch tuần sinh hoạt công dân của sinh viên ngành QLNN	Năm 2016-2021	Học viện
H1.05.02.13	Quyết định v/v ban hành Quy định tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế đối với sinh viên Học viện CSPT	số 761/QĐ - HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
H1.05.02.14	Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp	Năm 2018-2021, 2022	Học viện
H1.05.02.15	Hướng dẫn chấm điểm báo cáo thực tập và khoá luận tốt nghiệp của khoa Quản lý nhà nước	Năm 2020; 2021	Khoa CSC
H1.05.02.16	Quyết định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 245/QĐ-HVCSPT ngày 01/06/2015	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kỳ II năm học 2020-2021	Số 101/TB-HVCSPT ngày 11/6/2021 Số 105/TB-HVCSPT ngày 14/6/2021 Số 108/TB-HVCSPT ngày 22/6/2021 Số 109/TB-HVCSPT ngày 25/6/2021 Số 141/TB-HVCSPT ngày 9/8/2021 Số 147/TB-HVCSPT ngày 12/8/2021 Số 157/TB-HVCSPT ngày 20/8/2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.02.17	Thông báo Lịch thi học kì I 2020 - 2021	Số 185/TB-HVCSPT ngày 07/10/2020 Số 214/TB-HVCSPT ngày 17/11/2020 Số 223/TB-HVCSPT ngày 07/12/2020 Số 236/TB-HVCSPT ngày 28/12/2020 Số 01/TB-HVCSPT ngày 04/01/2021	Học viện
	Thông báo học kỳ hè năm 2020	Số 132/TB-HVCSPT ngày 03/8/2020	Học viện
	Thông báo lịch thi học kỳ II năm học 2019-2020	Số 102/TB-HVCSPT ngày 28/5/2020 Số 111/TB-HVCSPT ngày 29/6/2020	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kì I năm học 2019-2020	Số 152/TB-HVCSPT ngày 22/11/2019	Học viện
	Thông báo lịch thi học kì hè năm 2019	Số 74/TB-HVCSPT ngày 01/08/2019	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kì I năm học 2018-2019	Số 126/TB-HVCSPT ngày 22/11/2018 Số 132/TB-HVCSPT ngày 05/12/2018	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kì II năm học 2018-2019	Số 27/TB-HVCSPT ngày 22/04/2019	Học viện
	Thông báo lịch thi học kì hè năm 2018	Số 70/TB-HVCSPT ngày 24/7/2018	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kì II năm học 2017-2018	Số 42/TB-HVCSPT ngày 26/4/2018 Số 56/TB-HVCSPT ngày 22/6/2018	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kì I năm học 2017-2018	Số 107/TB-HVCSPT ngày 10/11/2017	Học viện
	Thông báo lịch thi học kì hè năm 2017	Số 54/TB-HVCSPT ngày 03/8/2016	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kì II năm học 2016-2017	Số 27/TB-HVCSPT ngày 04/05/2017	Học viện
	Thông báo Lịch thi học kì I năm học 2016-2017	Số 103/TB-HVCSPT ngày 10/11/2016 Số 108/TB-HVCSPT ngày 22/11/2016	Học viện
	Thông báo lịch thi chuẩn đầu ra tiếng Anh 2022	Số 102/TB-HVCSPT ngày 21/6/2022	Học viện
	Thông báo lịch thi kết thúc học phần giai đoạn 1, HK1, năm học 2022-2023	Số 176/TB-HVCSPT ngày 30/9/2022	Học viện
	Thông báo lịch thi kết thúc học phần giai đoạn 1, HK2, năm học 2021-2022	Số 47/TB-HVCSPT ngày 28/3/2022	Học viện
	Thông báo lịch thi lại các học phần giai đoạn 1, HK2, năm học 2021-2022	Số 78/TB-HVCSPT ngày 12/5/2022	Học viện
	Thông báo lịch thi kết thúc các học phần tốt nghiệp năm học 2021-2022	Số 87/TB-HVCSPT ngày 1/6/2022	Học viện
	Thông báo lịch thi kết thúc học phần giai đoạn 2, HK2, năm học 2021-2022	Số 93/TB-HVCSPT ngày 09/6/2022	Học viện
	H1.05.02.18	Quyết định về việc ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 148/QĐ-HVCSPT ngày 04/03/2020
H1.05.02.19	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmonhoc.apd.edu.vn	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.05.02.20	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
H1.05.02.21	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.05.02.22	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.02.23	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021,2022	Học viện
TIÊU CHÍ 5.3			
H1.05.03.01	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
H1.05.03.02	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2015	Số 668/QĐ-HVCSPT, ngày 11/11/2015	Học viện
	Quyết định về việc sửa đổi Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2015	Số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2018	Số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2020	Số 658/QĐ-HVCSPT, ngày 12/8/2020	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2021	Số 619/QĐ-HVCSPT, ngày 13/8/2021	Học viện
H1.05.03.03	Quy định tổ chức thi trực tuyến các học phần tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 420/QĐ-HVCSPT ngày 9/06/2021	Học viện
	Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 427/QĐ-HVCSPT ngày 10/06/2021	Học viện
	Quyết định V/v ban hành Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 131/QĐ-HVCSPT ngày 25/03/2022	Học viện
H1.05.03.04	Biên bản tổng kết/ sơ kết hội nghị về các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập	Năm 2016 - 2021	Khoa/BM
H1.05.03.05	Biên bản Hội thảo/Toạ đàm lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công	Năm 2016-2021	Khoa Chính sách công
H1.05.03.06	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Năm 2016-2021	Học viện
H1.05.03.07	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 6)	Số 21/KH-HVCSPT ngày 25/12/2018	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 7)	Số 28/KH-HVCSPT ngày 26/12/2019	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 8)		Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 9)		Học viện
	Kế hoạch xét tốt nghiệp đại học chính quy năm 2022	Số 70/KH-HVCSPT ngày 31/12/2021	Học viện
	Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và tổ chức các học phần tốt nghiệp năm học 2022 - 2023	Năm 2022	Học viện
	Thông báo xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2022	Số 01/TB-HVCSPT ngày 4/1/2022	Học viện
H1.05.03.08	Quyết định v/v ban hành Quy định tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế đối với sinh viên Học viện CSPT	Số 761/QĐ - HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
H1.05.03.09	Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp	Năm 2016 - 2021, 2022	Học viện
H1.05.03.10	Hướng dẫn chấm điểm báo cáo thực tập và khoá luận tốt nghiệp của khoa Quản lý nhà nước	Năm 2020; 2021	Khoa CSC
H1.05.03.11	Mẫu phiếu chấm điểm học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học	Năm 2016-2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.03.12	Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
H1.05.03.13	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
H1.05.03.14	Biên bản họp khoa rà soát đề thi	Năm 2016-2021	
	Bài thi hết học phần	Năm 2016-2022	
	Đề thi hết học phần	Năm 2016-2023	
	Đáp án đề thi hết học phần	Năm 2016-2024	
H1.05.03.15	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 1 năm học 2016-2017	Năm 2017	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 2 năm học 2016-2017	Năm 2017	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 1 năm học 2017-2018	Năm 2018	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 2 năm học 2017-2018	Năm 2018	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 1 năm học 2018-2019	Năm 2019	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 2 năm học 2018-2019	Năm 2019	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 1 năm học 2019-2020	Năm 2020	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 2 năm học 2019-2020	Năm 2020	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 1 năm học 2020-2021	Năm 2021	Trung tâm KT&ĐBCL
	Danh sách sinh viên xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 2 năm học 2020-2021 (Tổ chức thi trực tuyến)	Năm 2021	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao bài thi, xem xét lại điểm thi kết thúc học phần học kì 2, giai đoạn 2, năm học 2021-2022	Năm 2022	Trung tâm KT&ĐBCL
H1.05.03.16	Quyết định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 245/QĐ-HVCSPT ngày 01/06/2015	Học viện
H1.05.03.17	Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân	Số 143/QĐ-HVCSPT ngày 24/3/2017	Học viện
	Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân	Số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20/9/2017	Học viện
	Hướng dẫn cách mã hóa ngân hàng câu hỏi thi	Số 111/TB-HVCSPT ngày 16/11/2017	Học viện
	Kế hoạch xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân	Số 949/QĐ-HVCSPT ngày 24/10/2019	Học viện
H1.05.03.18	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học tại các địa chỉ http://qltd.apd.edu.vn ; Tinch.apd.edu.vn	Năm 2016-2021,2022	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.03.19	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
H1.05.03.20	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021,2022	Học viện
H1.05.03.21	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.05.03.22	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021,2022	Học viện
H1.05.03.23	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
H1.05.03.24	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy (Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công năm 2018)	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học chính quy Khóa 9 - Hệ đại trà Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công năm 2018	Số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
	Quyết định về ban hành chương trình đào tạo hệ chuẩn -Ngành quản lý nhà nước-hệ đại học	Số 659/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 655/QĐ-HVCSPT/2021	Học viện
H1.05.03.25	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy áp dụng từ khóa 6 – Hệ đại trà (Niên khóa 2015 – 2019)	Số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/07/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công hệ chính quy năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học chính quy áp dụng từ Khóa 9 - Hệ đại trà (Niên khoá 2018-2022)	Số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
H1.05.03.26	Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần	Số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015	Học viện
	Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân	Số 143/QĐ-HVCSPT ngày 24/3/2017	Học viện
	Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân	Số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20/9/2017	Học viện
H1.05.03.27	Website Học viện: www.apd.edu.vn	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.05.03.28	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.03.28	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
H1.05.03.29	Quyết định v/v ban hành Quy định tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế đối với sinh viên Học viện CSPT	Số 761/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
H1.05.03.30	Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp	Năm 2016-2021	Học viện
H1.05.03.31	Hướng dẫn chấm điểm báo cáo thực tập và khoá luận tốt nghiệp của ngành Quản lý nhà nước	Năm 2020; 2021	Khoa CSC
TIÊU CHÍ 5.4			
H1.05.04.01	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2015	Số 668/QĐ-HVCSPT, ngày 11/11/2015	Học viện
	Quyết định về việc sửa đổi Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2015	Số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2018	Số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2020	Số 658/QĐ-HVCSPT, ngày 12/8/2020	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2021	Số 619/QĐ-HVCSPT, ngày 13/8/2021	Học viện
H1.05.04.02	Quy định tổ chức thi trực tuyến các học phần tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 420/QĐ-HVCSPT ngày 9/06/2021	Học viện
	Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 427/QĐ-HVCSPT ngày 10/06/2021	Học viện
	Quyết định V/v ban hành Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 131/QĐ-HVCSPT ngày 25/03/2022	Học viện
H1.05.04.03	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học tại các địa chỉ http://qltd.apd.edu.vn ; Tinchi.apd.edu.vn	Năm 2016-2021	Học viện
H1.05.04.04	Sổ tay sinh viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.05.04.05	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2015	Năm 2015	Học viện
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2016	Năm 2016	Học viện
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2017	Năm 2017	Học viện
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2018	Năm 2018	Học viện
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2019	Năm 2019	Học viện
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2020	Năm 2020	Học viện
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2021	Năm 2021	Học viện
H1.05.04.06	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.04.07	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021,2022	Học viện
H1.05.04.08	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.05.04.09	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021,2022	Học viện
H1.05.04.10	Báo cáo sơ kết học kì và phương hướng, kế hoạch học tập trong học kỳ kế tiếp.	Năm 2016- 2021	Khoa CSC
H1.05.04.11	Biên bản đối thoại sinh viên các kỳ và tổng kết năm học	Năm 2016- 2021	Khoa CSC
H1.05.04.12	Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần	Số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015	Học viện
	Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân	Số 143/QĐ-HVCSPT ngày 24/3/2017	Học viện
	Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân	Số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20/9/2017	Học viện
H1.05.04.13	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy (Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công năm 2018)	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học chính quy Khóa 9 - Hệ đại trà Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công năm 2018	Số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
	Quyết định về ban hành chương trình đào tạo hệ chuẩn -Ngành quản lý nhà nước-hệ đại học	Số 659/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đạo tạo đại học hệ chính quy	Số 655/QĐ-HVCSPT/2021	Học viện
H1.05.04.14	Quyết định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 245/QĐ-HVCSPT ngày 01/06/2015	Học viện
H1.05.04.15	Website Học viện: www.apd.edu.vn. phần mềm Quản lý đào tạo		
TIÊU CHÍ 5.5			
H1.05.05.01	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2015	Số 668/QĐ-HVCSPT, ngày 11/11/2015	Học viện
	Quyết định về việc sửa đổi Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2015	Số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2018	Số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2020	Số 658/QĐ-HVCSPT, ngày 12/8/2020	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2021	Số 619/QĐ-HVCSPT, ngày 13/8/2021	Học viện
H1.05.05.02	Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 427/QĐ-HVCSPT ngày 10/06/2021	Học viện
	Quyết định V/v ban hành Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 131/QĐ-HVCSPT ngày 25/03/2022	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.05.03	Quyết định về việc ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 148/QĐ-HVCSPT ngày 04/03/2020	Học viện
H1.05.05.04	Sổ tay sinh viên	Năm 2016-2021	Học viện
H1.05.05.05	Kế hoạch về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân năm học 2020-2021 đối với sinh viên hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển		Học viện
	Kế hoạch về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân năm học 2019-2020 đối với sinh viên hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 13/KH-HVCSPT ngày 26/07/2019	Học viện
	Kế hoạch về việc tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên" năm học 2018-2019 và khám sức khỏe sinh viên đầu khoá	Số 10/KH-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
	Kế hoạch v/v tổ chức "Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa đối với sinh viên khóa 8 trúng tuyển vào Học viện năm 2017"	Số 12/KH-HVCSPT Ngày 04/8/2017	Học viện
	Kế hoạch triển khai "Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu khóa học" Dành cho sinh viên hệ chính quy khóa 7, tuyển sinh năm 2016	Số 12/KH-HVCSPT Ngày 29/8/2016	Học viện
	Kế hoạch V/v tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học 2017-2018 đối với sinh viên khóa 5, 6 và Khóa 7	Số 20/KH-HVCSPT Ngày 25/9/2017	Học viện
	Kế hoạch V/v Tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học 2016-2017 đối với sinh viên Khóa 4, Khóa 5 và Khóa 6	Số 16/KH-HVCSPT Ngày 29/9/2016	Học viện
	KẾ HOẠCH Công tác sinh viên năm học 2022-2023	Số 32/KH-HVCSPT Ngày 15/7/2022	Học viện
	KẾ HOẠCH V/v Tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên" giữa khóa, cuối khóa và đối thoại sinh viên năm học 2022-2023	Số 52/KH-HVCSPT Ngày 20/9/2022	Học viện
	KẾ HOẠCH Tổ chức Tuần sinh hoạt Công dân - Sinh viên đầu khóa năm học 2022 - 2023 đối với tân sinh viên Khóa 13 tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 45/KH-HVCSPT Ngày 8/8/2022	Học viện
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2016	Năm 2016	
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2017	Năm 2017	
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2018	Năm 2018	
	Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2019	Năm 2019	
Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2020	Năm 2020		
Tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá năm 2021	Năm 2021		
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 1 năm học 2016-2017	Năm 2017	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 2 năm học 2016-2017	Năm 2017	Trung tâm KT&ĐBCL

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.05.05.06	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 1 năm học 2017-2018	Năm 2018	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 2 năm học 2017-2018	Năm 2018	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 1 năm học 2018-2019	Năm 2019	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 2 năm học 2018-2019	Năm 2019	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 1 năm học 2019-2020	Năm 2020	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 2 năm học 2019-2020	Năm 2020	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 1 năm học 2020-2021	Năm 2021	Trung tâm KT&ĐBCL
	Biên bản rút và bàn giao bài thi, xem xét lại điểm thi kết thúc học phần học kì 2 , giai đoạn 2, năm học 2021-2022	Năm 2022	Trung tâm KT&ĐBCL
	Danh sách sinh viên xem xét lại bài thi kết thúc học phần học kì 2 năm học 2020-2021 (Tổ chức thi trực tuyến)	Năm 2021	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì I năm học 2020-2021	Số 217/TB-HVCSPT ngày 23/11/2020 Số 32/TB-HVCSPT ngày 22/02/2021	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì II, học kỳ hè năm học 2020-2021	Số 133/TB-HVCSPT ngày 30/7/2021 Số 149/TB-HVCSPT ngày 16/8/2021	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì I năm học 2019-2020	30/TB-HVCSPT ngày 20/02/2020	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì II năm học 2019-2020	Số 126/TB-HVCSPT ngày 28/7/2020	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì I năm học 2018-2019	Số 08/TB-HVCSPT ngày 21/01/2019	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì II năm học 2018-2019	Số 60/TB-HVCSPT ngày 04/7/2019	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì hè năm 2019	Số 94/TB-HVCSPT ngày 19/08/2019	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì I năm học 2017-2018	Số 08/TB-HVCSPT ngày 23/01/2018	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì II năm học 2017-2018	Số 60/TB-HVCSPT ngày 03/7/2018	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì hè năm 2018	Số 76/TB-HVCSPT ngày 8/8/2018	Trung tâm KT&ĐBCL

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì I năm học 2016-2017	Số 07/TB-HVCSPT ngày 7/02/2017	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì II năm học 2016-2017	Số 43/TB-HVCSPT ngày 26/6/2017	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì hè năm 2017	Số 25/TB-HVCSPT ngày 22/8/2017	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên thi trực tuyến ,học kì I khóa 12-đợt 1 và các khóa (giai đoạn 2 năm học 2021-2022	Số 07/TB-HVCSPT ngày 12/1/2022	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên thi trực tuyến lần 2, học kì I (giai đoạn 2) năm học 2021-2022	Số 27/TB-HVCSPT ngày 16/2/2022	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên học kì II khóa 2 năm học 2021-2022	Số 106/TB-HVCSPT ngày 27/6/2022	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v xem xét lại điểm thi học phần của sinh viên giai đoạn 1, học kì I, năm học 2022-2023	Số 205/TB-HVCSPT ngày 11/11/2022	Trung tâm KT&ĐBCL
	Thông báo v/v Gia hạn thời gian tiếp nhận đơn xem xét lại điểm thi kết thúc học phần của sinh viên giai đoạn 1, học kì I, năm học 2022-2023	Số 210/TB-HVCSPT ngày 16/11/2022	Trung tâm KT&ĐBCL
H1.05.05.07	Thống kê danh sách phức khảo của sinh viên ngành Quản lý nhà nước chuyên ngành Quản lý công	Năm 2016-2021	Khoa CSC/
H1.05.05.08	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
H1.05.05.09	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.05.05.10	Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần	Số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015	Học viện
	Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân	Số 143/QĐ-HVCSPT ngày 24/3/2017	Học viện
	Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân	Số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20/9/2017	Học viện
TIÊU CHUẨN 6			
TIÊU CHÍ 6.1			
H1.06.01.01	Quyết định V/v phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/ 2016	Học viện
	Quyết định V/v công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”	Số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”	Số 947/QĐ-HVCSPT ngày 18/12/2018	Học viện
	Chính sách chất lượng giáo dục	Số 651/QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2020	Học viện
H1.06.01.02	Quyết định về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/02/2014	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.06.01.02	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1545/ QĐ-BKHĐT ngày 9/11/2021	Học viện
H1.06.01.03	Danh sách trích ngang lý lịch đội ngũ giảng viên của Học viện	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Phiếu yêu cầu của Khoa về nhu cầu nhân lực hàng năm	Năm 2016- 2021	Khoa Chính sách công
H1.06.01.04	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2016	Số 02a/KH-HVCSPT ngày 25/02/2016	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2017	Số 04/KH-HVCSPT ngày 06/01/2017	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2018	Số 12a/KH-HVCSPT ngày 30/9/2018	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2019	Số 16a/KH-HVCSPT ngày 10/6/2019	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2020		Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2021		Học viện
H1.06.01.05	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2021) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 114/QĐ-HVCSPT ngày 02/03/2021	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2020) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 429/QĐ-HVCSPT ngày 10/06/2020	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2019) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 325/QĐ-HVCSPT ngày 07/5/2019	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2021-2026 (Rà soát 2019) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 326/QĐ-HVCSPT ngày 07/5/2019	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2021-2026 (Rà soát 2018) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 335/QĐ-HVCSPT ngày 12/6/2018	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2018) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 337/QĐ-HVCSPT ngày 12/6/2018	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2017) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 467/QĐ-HVCSPT ngày 31/7/2017	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2021-2026 của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 468/QĐ-HVCSPT ngày 31/7/2017	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2016) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 302/QĐ-HVCSPT ngày 17/6/2016	Học viện
H1.06.01.06	Quyết định v/v Ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ giảng viên giai đoạn 2016-2020	Số 24/QĐ-HVCSPT ngày 22/01/2016	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2016	Số 814/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2015	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2017	Số 768/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2018	Số 961/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2017	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2019	Số 1005/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2018	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2020		Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2021		Học viện
H1.06.01.07	Danh sách các bài báo, tạp chí, hội thảo của giảng viên	Năm 2016-2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.06.01.08	Thống kê Danh sách GV được cử đi học giai đoạn 2016-2022	Năm 2016 - 2021	Khoa Chính sách công
H1.06.01.09	Danh sách cán bộ giảng viên được cử đi học giai đoạn 2016-2022	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.01.10	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 519/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 959/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ sửa đổi	Số...../QĐ-HVCSPT ngày/2022	Học viện
H1.06.01.11	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/02/2014	Học viện
	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1545/QĐ-BKHĐT ngày 9/11/2021	Học viện
H1.06.01.12	Quyết định vv ban hành Quy trình tạm thời về tuyển dụng lao động hợp đồng của Học viện CS và PT(mới)	Số 40/QĐ-HVCSPT ngày 19/3/2012	Học viện
TIÊU CHÍ 6.2			
H1.06.02.01	Đề án tuyển sinh	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.02.02	Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy ngành Quản lý nhà nước	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.02.03	Danh sách trích ngang lý lịch đội ngũ giảng viên của Học viện	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.02.04	Thống kê số lượng sinh viên ngành Quản lý nhà nước	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.02.05	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017	Học viện
	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 426/QĐ-HVCSPT ngày 09/9/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số/QĐ-HVCSPT ngày...../2022	Học viện
H1.06.02.06	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2017	Số 500/ QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2017	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2018	Số 470/ QĐ-HVCSPT ngày 30/3/2018	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2019	Số 1182/ QĐ-HVCSPT ngày 27/12/2019	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2021	Số 766/ QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021	Học viện
H1.06.02.07	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 519/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 959/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ sửa đổi	Số...../QĐ-HVCSPT ngày/2022	Học viện
H1.06.02.08	Danh sách các bài báo, tạp chí, hội thảo trong khoa	2016 - 2021	Học viện
H1.06.02.09	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2020-2021	Số 37/BC-KHHT ngày 27/09/2021	Học viện
	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2019-2020	Số 16/BC-KHHT ngày 21/08/2020	Học viện
	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2018-2019	Số 14/BC-KHHT ngày 03/09/2019	Học viện
	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2017-2018	Số 05/BC-KHHT ngày 27/08/2018	Học viện
	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2016-2017	Số 14/BC-KHHT ngày 14/08/2017	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2015-2016	Số 22/BC-KHHT ngày 22/08/2016	Học viện
H1.06.02.10	Thông kê khối lượng giờ giảng của giảng viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.02.11	Biên bản họp khoa về công tác đào tạo bồi dưỡng hằng năm	Năm 2016- 2021	Khoa
H1.06.02.12	Danh sách cán bộ giảng viên được cử đi học giai đoạn 2016-2021	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.02.13	Quyết định bình xét hàng tháng thu nhập tăng thêm cấp Học viện	Năm 2016 - 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 6.3			
H1.06.03.01	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/02/2014	Học viện
	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1545/QĐ-BKHĐT ngày 9/11/2021	Học viện
H1.06.03.02	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017	Học viện
	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 426/QĐ-HVCSPT ngày 09/9/2015	Học viện
H1.06.03.03	Hình ảnh công bố thông tin tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.03.04	Biên bản của Khoa góp ý vào các quy chế do Học viện Ban hành: - Quy chế giảng viên. - Đề án vị trí việc làm.	Năm 2016 - 2022	Học viện
H1.06.03.05	Nghị quyết ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển điều động, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý của Học viện CS và PT(mới)	Số 04/NQ-HĐHVCSPT ngày 28/2/2022	Học viện
TIÊU CHÍ 6.4			
H1.06.04.01	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017	Học viện
	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 426/QĐ-HVCSPT ngày 09/9/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số/QĐ-HVCSPT ngày...../2022	Học viện
H1.06.04.02	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/02/2014	Học viện
	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1545/QĐ-BKHĐT ngày 9/11/2021	Học viện
H1.06.04.03	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2017	Số 500/ QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2017	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2018	Số 470/ QĐ-HVCSPT ngày 30/3/2018	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2019	Số 1182/ QĐ-HVCSPT ngày 27/12/2019	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2021	Số 766/ QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021	Học viện
H1.06.04.04	Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy ngành Quản lý nhà nước	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.04.05	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu nhập tăng thêm	Quyết định số 281/QĐ-HVCSPT	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.06.04.06	Quyết định ban hành Quy định về khảo sát ý kiến người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên	Số 688/QĐ – HVCSPT ngày 31/12/2014	Học viện
	Quyết định ban hành Quy định về khảo sát ý kiến người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên	Số 1007/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 408/QĐ-HVCSPT ngày 2/6/2020	Học viện
H1.06.04.07	Mẫu phiếu và đường link đánh giá giảng viên online	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.04.08	Kết quả đánh giá năng lực giảng viên của sinh viên các năm	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.04.09	Quy định về việc đánh giá, phân loại cán bộ công chức, viên chức	Số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015	Chính Phủ
	Quy định về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020	
H1.06.04.10	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2015-2016	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2016-2017	Số 960/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2017	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2017-2018	Số 983/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2018-2019	Số 1030/QĐ-HVCSPT ngày 18/11/2019	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2019-2020	Số 1146/QĐ-HVCSPT ngày 26/12/2020	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2020-2021	Số 1049/QĐ-HVCSPT ngày 15/12/2020	Học viện
TIÊU CHÍ 6.5			
H1.06.05.01	Kế hoạch công tác hằng năm của Giảng viên	Năm 2016 - 2021	Khoa Chính sách công
H1.06.05.02	Đề xuất nhu cầu đào tạo bồi dưỡng hàng năm của Khoa Chính sách công	Năm 2016- 2021	Khoa Chính sách công
H1.06.05.03	Quyết định v/v Ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ giảng viên giai đoạn 2016-2020	Số 511/QĐ-HVCSPT ngày 16/10/2015	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2016	Số 814/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2015	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2017	Số 768/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2018	Số 961/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2017	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2020		Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2021		Học viện
H1.06.05.04	Danh sách cán bộ giảng viên được cử đi học giai đoạn 2016-2021	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.05.05	Biên bản họp khoa về công tác đào tạo bồi dưỡng hằng năm	Năm 2016- 2021	Khoa
H1.06.05.06	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 519/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 959/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ sửa đổi	Số...../QĐ-HVCSPT ngày/2022	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
TIÊU CHÍ 6.6			
H1.06.06.01	Kế hoạch công tác hằng năm của Giảng viên	Năm 2016- 2021	Khoa Chính sách công
H1.06.06.02	Danh sách các bài báo, tạp chí, hội thảo của giảng viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.06.03	Thống kê khối lượng giờ giảng của giảng viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.06.04	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2017	Số 500/QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2017	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2018	Số 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/3/2018	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2019	Số 1182/QĐ-HVCSPT ngày 27/12/2019	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2021	Số 766/QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021	Học viện
H1.06.06.05	Biên bản họp bình xét thu nhập tăng thêm hàng tháng cấp Khoa	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.06.06	Quyết định bình xét hàng tháng thu nhập tăng thêm cấp Học viện	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.06.06.07	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2015-2016	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2016-2017	Số 960/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2017	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2017-2018	Số 983/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2018-2019	Số 1030/QĐ-HVCSPT ngày 18/11/2019	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2019-2020	Số 1146/QĐ-HVCSPT ngày 26/12/2020	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2020-2021	Số 1049/QĐ-HVCSPT ngày 15/12/2020	Học viện
H1.06.06.08	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2020-2021	Số 37/BC-KHHT ngày 27/09/2021	Học viện
	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2019-2020	Số 16/BC-KHHT ngày 21/08/2020	Học viện
	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2018-2019	Số 14/BC-KHHT ngày 03/09/2019	Học viện
	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2017-2018	Số 05/BC-KHHT ngày 27/08/2018	Học viện
	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2016-2017	Số 14/BC-KHHT ngày 14/08/2017	Học viện
	Bảng tổng hợp giờ NCKH giảng viên năm học 2015-2016	Số 22/BC-KHHT ngày 22/08/2016	Học viện
H1.06.06.09	Báo cáo công tác của thanh tra nhân dân hàng năm	Năm 2016 - 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 6.7			
H1.06.07.01	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017	Học viện
	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số 426/QĐ-HVCSPT ngày 09/9/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển	Số/QĐ-HVCSPT ngày...../2022	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.06.07.02	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2017	Số 500/QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2017	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2018	Số 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/3/2018	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2019	Số 1182/QĐ-HVCSPT ngày 27/12/2019	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2021	Số 766/QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021	Học viện
H1.06.07.03	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2021	Số 725/QĐ-HVCSPT ngày 24/9/2021	Học viện
H1.06.07.04	Danh sách các bài báo, tạp chí, hội thảo của giảng viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
TIÊU CHUẨN 7			
TIÊU CHÍ 7.1			
H1.07.01.01	Quyết định V/v phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/ 2016	Học viện
	Quyết định V/v công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”	Số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định V/v công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”	Số 947/QĐ-HVCSPT ngày 18/12/2018	Học viện
	Quyết định ban hành quy định Chính sách chất lượng giáo dục tại Học viện	Số 651/QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2020	Học viện
H1.07.01.02	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2016	Số 02a/KH-HVCSPT ngày 25/02/2016	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2017	Số 04/KH-HVCSPT ngày 06/01/2017	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2018	Số 12a/KH-HVCSPT ngày 30/9/2018	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2019	Số 16a/KH-HVCSPT ngày 10/6/2019	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2020		Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2021		Học viện
H1.07.01.03	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 519/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 959/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ sửa đổi	Số...../QĐ-HVCSPT ngày .../2022	Học viện
H1.07.01.04	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2016	Số 814/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2015	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2017	Số 768/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2018	Số 961/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2017	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2019	Số 1005/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2018	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2020		Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2021		Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.07.01.05	Thông kê Danh sách GV được cử đi học giai đoạn 2016-2021	Năm 2016 - 2021	Khoa/Viện
	Quyết định chi kinh phí cử đi học hoặc hỗ trợ sau khi cử đi học	Năm 2016 – 2021	Học viện
	Phiếu yêu cầu của Khoa về nhu cầu nhân lực hàng năm	Năm 2016- 2021	Khoa/Viện
H1.07.01.06	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/02/2014	Học viện
	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1545/QĐ-BKHĐT ngày 9/11/2021	Học viện
H1.07.01.07	Hồ sơ lý lịch đội ngũ nhân viên (thư viện, CNTT, hỗ trợ)	Năm 2016 – 2021	Học viện
H1.07.01.08	Biên bản họp bình xét thi đua hàng năm của Khoa	Năm 2016 – 2021	Học viện
	Biên bản họp bình xét thi đua hàng năm của Học viện	Năm 2016 – 2021	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2015-2016	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2016-2017	Số 960/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2017	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2017-2018	Số 983/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2018-2019	Số 1030/QĐ-HVCSPT ngày 18/11/2019	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2019-2020	Năm 2020	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2020-2021	Năm 2021	Học viện
H1.07.01.09	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 7.2			
H1.07.02.01	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2016	Số 02a/KH-HVCSPT ngày 25/02/2016	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2017	Số 04/KH-HVCSPT ngày 06/01/2017	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2018	Số 12a/KH-HVCSPT ngày 30/9/2018	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2019	Số 16a/KH-HVCSPT ngày 10/6/2019	Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2020		Học viện
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng năm 2021		Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.07.02.02	Quyết định vv ban hành Quy trình tạm thời về tuyển dụng lao động hợp đồng của Học viện CS và PT(mới)	Số 40/QĐ-HVCSPT ngày 19/3/2012	Học viện
	Nghị quyết ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển điều động, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý của Học viện CS và PT(mới)	Số 04/NQ-HĐHVCSPT ngày 28/2/2022	
H1.07.02.03	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/02/2014	Học viện
	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1545/QĐ-BKHĐT ngày 9/11/2021	Học viện
H1.07.02.04	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2015-2016	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2016-2017	Số 960/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2017	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2017-2018	Số 983/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2018-2019	Số 1030/QĐ-HVCSPT ngày 18/11/2019	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2019-2020	Năm 2020	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2020-2021	Năm 2021	Học viện
H1.07.02.05	Biên bản Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm toàn Học viện	Năm 2016-2021	Học viện
H1.07.02.06	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2021) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 114/QĐ-HVCSPT ngày 02/03/2021	P. TC-HC
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2020) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 429/QĐ-HVCSPT ngày 10/06/2020	P. TC-HC
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2019) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 325/QĐ-HVCSPT ngày 07/5/2019	P. TC-HC
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2021-2026 (Rà soát 2019) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 326/QĐ-HVCSPT ngày 07/5/2019	P. TC-HC
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2021-2026 (Rà soát 2018) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 335/QĐ-HVCSPT ngày 12/6/2018	P. TC-HC
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2018) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 337/QĐ-HVCSPT ngày 12/6/2018	P. TC-HC
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2017) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 467/QĐ-HVCSPT ngày 31/7/2017	P. TC-HC
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2021-2026 của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 468/QĐ-HVCSPT ngày 31/7/2017	P. TC-HC
	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ, lãnh đạo, quản lý các giai đoạn 2016-2021 (Rà soát 2016) của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 302/QĐ-HVCSPT ngày 17/6/2016	P. TC-HC

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
TIÊU CHÍ 7.3			
H1.07.03.01	Quyết định về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/02/2014	P. TC-HC
	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1545/ QĐ-BKHĐT ngày 9/11/2021	P. TC-HC
H1.07.03.02	Quy định về việc đánh giá, phân loại cán bộ công chức, viên chức	Số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015	Chính Phủ
	Quy định về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020	
H1.07.03.03	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2015-2016	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2016-2017	Số 960/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2017	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2017-2018	Số 983/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2018-2019	Số 1030/QĐ-HVCSPT ngày 18/11/2019	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2019-2020	Nam 2020	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2020-2021	Năm 2021	Học viện
H1.07.03.04	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2016-2021	Học viện
TIÊU CHÍ 7.4			
H1.07.04.01	Phiếu khảo sát/ Báo cáo khảo sát nhu cầu đào tạo cấp Khoa	Năm 2016-2021	Khoa
	Thông báo của phòng Tổ chức Hành chính về việc rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị thuộc Học viện	Năm 2016-2021	Học viện
H1.07.04.02	Quyết định v/v Ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ giảng viên giai đoạn 2016-2020	Số 511/QĐ-HVCSPT ngày 16/10/2015	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2016	Số 814/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2015	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2017	Số 768/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2018	Số 961/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2017	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2019	Số 1005/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2018	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2020	Năm 2020	Học viện
	Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2021	Năm 2021	Học viện
H1.07.04.03	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 519/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 959/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ sửa đổi	Số...../QĐ-HVCSPT ngày .../2022	Học viện
TIÊU CHÍ 7.5			
H1.07.05.01	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/02/2014	Học viện
	Quyết định về viện phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1545/QĐ-BKHĐT ngày 9/11/2021	Học viện
H1.07.05.02	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2015-2016	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2016-2017	Số 960/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2017	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2017-2018	Số 983/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2018-2019	Số 1030/QĐ-HVCSPT ngày 18/11/2019	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2019-2020	Năm 2020	Học viện
	Quyết định số vv khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm học 2020-2021	Năm 2021	Học viện
H1.07.05.03	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 519/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu chi nội bộ	Số 959/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017	Học viện
H1.07.05.04	Quyết định chi trả thu nhập 10% cho cán bộ	Năm 2016 – 2021	Học viện
H1.07.05.05	Biên bản Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm toàn Học viện	Năm 2016 – 2021	Học viện
H1.07.05.06	Quyết định về việc ban hành Quy chế thu nhập tăng thêm	Quyết định số 281/QĐ-HVCSPT	TT KT&ĐBCL
TIÊU CHUẨN 8			
TIÊU CHÍ 8.1			
H1.08.01.01	Đề án tuyển sinh các khóa	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.01.02	Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hàng năm của Bộ GD&ĐT	Số 03/2015/TT – BGDĐT ngày 26/02/2015	Bộ GD&ĐT
	Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hàng năm của Bộ GD&ĐT	Số 05/2017/TT- BGDĐT ngày 25/01/2017	Bộ GD&ĐT
	Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hàng năm của Bộ GD&ĐT	Số 07/2018/TT – BGDĐT ngày 01/03/2018	Bộ GD&ĐT

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hàng năm của Bộ GD&ĐT	Số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 01/6/2021	Bộ GD&ĐT
	Điều chỉnh Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hàng năm của Bộ GD&ĐT	Số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 7/5/2021	Bộ GD&ĐT
H1.08.01.03	Kế hoạch xúc tiến tuyển sinh hàng năm	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.01.04	Tờ rơi thông tin tuyển sinh hàng năm	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.01.05	Bài đăng thông tin về tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.01.06	Thông báo tuyển sinh hàng năm	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.01.07	Biên bản họp tuyển sinh ngành Quản lý nhà nước hàng năm	Năm 2016 - 2021	Khoa CSC
H1.08.01.08	Biên bản tọa đàm công tác tuyển sinh hàng năm	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.01.09	Biên bản họp hội đồng tuyển sinh về chính sách tuyển sinh hàng năm	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.01.10	Thông báo điểm trúng tuyển hàng năm/Danh sách sinh viên trúng tuyển hàng năm	Năm 2016 - 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 8.2			
H1.08.02.01	Kế hoạch tuyển sinh hàng năm	Năm 2016- 2021	Học viện
H1.08.02.02	Đề án tuyển sinh các khóa 7, 8,9,10,11,12	Năm 2016- 2021	Học viện
H1.08.02.03	Biên bản họp tuyển sinh ngành Quản lý nhà nước hàng năm	Năm 2016- 2021	Khoa CSC
H1.08.02.04	Biên bản tọa đàm công tác tuyển sinh hàng năm	Năm 2016- 2021	Học viện
H1.08.02.05	Biên bản họp hội đồng tuyển sinh về chính sách tuyển sinh hàng năm	Năm 2016- 2021	Học viện
H1.08.02.06	Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm	Năm 2016- 2021	Học viện
H1.08.02.07	Báo cáo hậu kiểm thí sinh trúng tuyển nhập học các năm	Năm 2016- 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 8.3			
H1.08.03.01	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2015	Số 668/QĐ-HVCSPT, ngày 11/11/2015	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2018	Số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2019	Số 658/QĐ-HVCSPT ngày 12/8/2020	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2020	Số 619/QĐ-HVCSPT ngày 12/8/2021	Học viện
H1.08.03.02	Quy định tổ chức thi trực tuyến các học phần tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 420/QĐ-HVCSPT ngày 9/06/2021	Học viện
	Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 427/QĐ-HVCSPT ngày 10/06/2021	Học viện
H1.08.03.03	Quyết định ban hành Quy định về công tác cố vấn học tập tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 387/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015	Học viện
	Quyết định v/v ban hành Quy định công tác cố vấn học tập tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 08/QĐ-HVCSPT ngày 04/01/2019	Học viện
H1.08.03.04	Sổ tay công tác cố vấn học tập	Năm 2016-2021	Học viện
H1.08.03.05	Quy định về việc ban hành Quy chế giảng viên của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 426/QĐ-HVCSPT ngày 09/9/2015	Học viện
	Quy định về việc ban hành Quy chế giảng viên của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
H1.08.03.06	Biên bản đối thoại sinh viên các kỳ và tổng kết năm học	Năm 2016- 2021	Khoa CSC

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.08.03.07	Quy chế xếp loại đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên	Số 685/QĐ-HVCSPT ngày 12/12/2016	Học viện
H1.08.03.08	Website Học viện: www.apd.edu.vn	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.03.09	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo, mô tả Chương trình đào tạo: http://apd.edu.vn/khoa CSC	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.03.10	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmon hoc. apd. edu.vn	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.03.11	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học tại các địa chỉ http://qldt.apd.edu.vn; Tinchi.apd.edu.vn	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.03.12	Sổ tay giảng viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.03.13	Sổ tay sinh viên	Năm 2016 - 2021	
H1.08.03.14	Báo cáo sơ kết học kì và phương hướng, kế hoạch học tập trong học kỳ kế tiếp	Năm 2016-2021	Khoa CSC
H1.08.03.15	Biên bản đối thoại sinh viên các kỳ và tổng kết năm học	Năm 2016- 2021	Khoa CSC
H1.08.03.16	Danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo về kết quả học tập	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.03.17	Biên bản họp Khoa về đánh giá kết quả điểm rèn luyện sinh viên của Khoa theo các lớp	Năm 2016 - 2021	Khoa CSC
H1.08.03.18	Bảng kết quả điểm rèn luyện sinh viên của Khoa theo các khoá, lớp	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.03.19	Sổ tay sinh viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.03.20	Ảnh chụp màn hình QLĐT hệ thống tin chỉ	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.03.21	Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.03.22	Hướng dẫn chấm điểm báo cáo thực tập và khoá luận tốt nghiệp của khoa Chính sách công	Năm 2020; 2021	Khoa CSC
H1.08.03.23	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.08.03.24	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.08.03.25	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
H1.08.03.26	Quy chế CTSV, khen thưởng, kỷ luật	2021	
TIÊU CHÍ 8.4			
H1.08.04.01	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;	Số 584/QĐ-BKH ngày 12/5/2008	BKHĐT
H1.08.04.02	Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/7/2018	BKHĐT
H1.08.04.03	Quyết định ban hành Quy định về công tác cố vấn học tập tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 387/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015	Học viện
	Quyết định v/v ban hành Quy định công tác cố vấn học tập tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 08/QĐ-HVCSPT ngày 04/01/2019	Học viện
	Sổ tay công tác cố vấn học tập	Năm 2016-2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.08.04.04	Quy định về việc ban hành Quy chế giảng viên của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 426/QĐ-HVCSPT ngày 09/9/2015	Học viện
	Quy định về việc ban hành Quy chế giảng viên của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
H1.08.04.05	Quyết định v/v ban hành Quy định tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế đối với sinh viên Học viện CSPT	số 761/QĐ - HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
H1.08.04.06	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 6)	Số 21/KH-HVCSPT ngày 25/12/2018	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 7)	Số 28/KH-HVCSPT ngày 26/12/2019	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 8)	Năm 2020	Học viện
	Kế hoạch thực tập cuối khoá, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp (Khoá 9)	Năm 2021	Học viện
H1.08.04.07	Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.04.08	Hướng dẫn chấm điểm báo cáo thực tập và khoá luận tốt nghiệp của khoa Chính sách công	Năm 2020; 2021	Khoa CSC
H1.08.04.09	Kế hoạch và Chương trình thực tế tại doanh nghiệp, mời chuyên gia	Năm 2016 - 2021	Khoa CSC
H1.08.04.10	Sổ tay sinh viên	Năm 2016 - 2021	HVCSPT
H1.08.04.11	Biên bản họp đối thoại với sinh viên tại buổi sơ kết học kỳ và tổng kết năm học cấp Khoa	Năm 2016 - 2021	Khoa CSC
H1.08.04.12	Kế hoạch về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân năm học 2020-2021 đối với sinh viên hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển	Năm 2021	Học viện
	Kế hoạch về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân năm học 2019-2020 đối với sinh viên hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 13/KH-HVCSPT ngày 26/07/2019	Học viện
	Kế hoạch về việc tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên" năm học 2018-2019 và khám sức khỏe sinh viên đầu khoá	Số 10/KH-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
	Kế hoạch v/v tổ chức "Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa đối với sinh viên khóa 8 trúng tuyển vào Học viện năm 2017"	Số 12/KH-HVCSPT	Học viện
	Kế hoạch triển khai "Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu khóa học" Dành cho sinh viên hệ chính quy khóa 7, tuyển sinh năm 2016	Số 12/KH-HVCSPT Ngày 29/8/2016	Học viện
	Kế hoạch V/v tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học 2017-2018 đối với sinh viên khóa 5, 6 và Khóa 7	Số 20/KH-HVCSPT Ngày 25/9/2017	Học viện
	Kế hoạch V/v Tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học 2016-2017 đối với sinh viên Khóa 4, Khóa 5 và Khóa 6	Số 16/KH-HVCSPT Ngày 29/9/2016	Học viện
H1.08.04.13	Quyết định về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	số 384/QĐ- HVCSPT ngày 13/8/2009	Học viện
H1.08.04.14	Quyết định v/v ban hành Quy định về việc tham gia thực hiện ngày công tác xã hội đối với sinh viên tại Học viện CSPT	số 732/QĐ - HVCSPT ngày 20/12/2016	Học viện
H1.08.04.15	Quyết định v/v ban hành Quy định xét, cấp học bổng KKHT và trợ cấp XH đối với sinh viên học theo học chế niên chế tại HVCSPT	số 241/QĐ- HVCSPT ngày 02/5/2013	Học viện
H1.08.04.16	Quyết định v/v ban hành Quy định chuẩn mực đạo đức, phong cách sinh viên tại Học viện CSPT	số 93/QĐ- HVCSPT ngày 04/4/2013	Học viện
H1.08.04.17	Quyết định về việc Ban hành quy định về hoạt động tư vấn và hỗ trợ việc làm đối với SV tại Học viện Chính sách và Phát triển	số 153/QĐ-HCVSPT ngày 29/3/2016	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.08.04.18	Danh sách các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp phối hợp với khoa trong việc hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.04.19	Kế hoạch tổ chức các hoạt động hằng năm của Đoàn Thanh niên	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.04.20	Thông báo về Chủ trương thành lập Các CLB tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 719/TB-HVCSPT ngày 05/11/2010	Học viện
H1.08.04.21	Quyết định Ban hành Quy chế thành lập các Câu lạc bộ tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 404/QĐ-HVCSPT ngày 25/8/2014	Học viện
H1.08.04.22	Quyết định thành lập CLB Võ cổ truyền Vĩnh Xuân Quyền APD tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 221/QĐ-HVCSPT ngày 25/5/2015	Học viện
	Quyết định thành lập CLB tiếng Anh tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 471/QĐ-HVCSPT ngày 19/9/2014	Học viện
	Quyết định Thành lập Câu lạc bộ Sách và Hành động APD tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 755/QĐ-HVCSPT ngày 19/12/2015	Học viện
	Quyết định thành lập Câu lạc bộ Startup & Marketing	Số 242/QĐ-HVCSPT ngày 10/4/2019	Học viện
	Cập nhật các câu lạc bộ mới nếu có		Học viện
H1.08.04.23	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2016-2017	Số 506/QĐ- HVCSPT ngày 27/09/2016	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2017-2018	Số 832/QĐ-HVCSPT ngày 15/11/2017	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2018-2019	Số 811/QĐ-HVCSPT ngày 02/11/2018	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2019-2020	Số 985/QĐ-HVCSPT ngày 07/11/2019	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2020-2021	Số 918/QĐ-HVCSPT ngày 26/10/2020	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2021-2022	Số 774/QĐ-HVCSPT ngày 05/10/2021	Học viện
H1.08.04.24	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2017	Số 500/ QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2017	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2018	Số 470/ QĐ-HVCSPT ngày 30/3/2018	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2019	Số 1182/ QĐ-HVCSPT ngày 27/12/2019	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2021	Số 766/ QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021	Học viện
H1.08.04.25	Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH của sinh viên của Khoa Chính sách công và Biên bản đối thoại sinh viên qua các năm	Năm 2016- 2021	Khoa CSC
H1.08.04.26	Thông báo số 78/TB – HVCSPT về hướng dẫn khoa quản lý sinh viên thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên cấp Khoa	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.04.27	Thông báo tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm đối với SV Học viện Chính sách và Phát triển	Thông báo số 118/TB-HVCSPT ngày 8/10/2019	Học viện
	Thông báo tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm đối với SV Học viện Chính sách và Phát triển	Năm 2026-2021	

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.08.04.28	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.08.04.29	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.08.04.30	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 8.5			
H1.08.05.01	Quyết định về việc phương án bố trí vị trí, diện tích làm việc cho các đơn vị thuộc Bộ sử dụng toà nhà Dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của Bộ Kế hoạch và Đầu tư" tại lô D25, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội	Số 690/QĐ-BKHĐT ngày 07/06/2012	Học viện
	Thông báo về việc Thống kê tổng diện tích làm việc trung bình của cán bộ, giảng viên tại tòa nhà D25	Năm 2016 - 2019	Học viện
	Quyết định về việc Quy định quản lý, sử dụng trụ sở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại lô D25	Số 1390/QĐ-BKHĐT ngày 07/10/2013	Học viện
	Biên bản bàn giao tầng 17	Ngày 17/02/2017	Học viện
H1.08.05.02	Sơ đồ bố trí các phòng học. Tổng diện tích các phòng học tại Nam An Khánh	Năm 2016 - 2019	Học viện
H1.08.05.03	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Học viện Chính sách và Phát triển	Số 136/QĐ-BKHĐT ngày 05/02/2016	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1276/QĐ-BKHĐT ngày 18/09/2017	Học viện
	Bảng thống kê số phòng làm việc, phòng học tại Nam An Khánh	Năm 2019 -2021	Học viện
	Hồ sơ thiết kế cơ sở - Basic Design Dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển	Tháng 9/2019	Học viện
H1.08.05.04	Các bảng/biên phổ biến nội quy/quy tắc ứng xử tại Học viện		Học viện
H1.08.05.05	Thông báo về Chủ trương thành lập Các CLB tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 719/TB-HVCSPT ngày 05/11/2010	Học viện
	Quyết định Ban hành Quy chế thành lập các Câu lạc bộ tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 404/QĐ-HVCSPT ngày 25/8/2014	Học viện
	Quyết định thành lập CLB Võ cổ truyền Vịnh Xuân Quyền APD tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 221/QĐ-HVCSPT ngày 25/5/2015	Học viện
	Quyết định thành lập Đội văn nghệ Đoàn	Số 03/QĐ-HVCSPT ngày 22/4/2011	Học viện
	Quyết định Thành lập Câu lạc bộ Sách và Hành động APD tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 755/QĐ-HVCSPT ngày 19/12/2015	Học viện
	Quyết định thành lập Câu lạc bộ Startup & Marketing	Số 242/QĐ-HVCSPT ngày 10/4/2019	Học viện
	Bổ sung các câu LCB mới nếu có		Học viện
H1.08.05.06	Biên bản kiểm tra/nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường	Năm 2016 - 2021	Học viện
	QĐ vv thành lập Ban Chỉ huy phòng cháy và chữa cháy Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 12/12/2013	Bộ KH&ĐT

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.08.05.07	QĐ vv thành lập Đội phòng cháy và chữa cháy tại trụ sở D25, khu đô thị mới Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Số 1141/QĐ-BKHĐT ngày 03/8/2016	Bộ KH&ĐT
	QĐ cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	Số 2253/QĐ-CSPC&CC-P6 ngày 19/9/2016	Bộ KH&ĐT
	Công văn đề nghị kiểm tra, cấp GCN huấn luyện NV PCC	Số 494/VP-PQT2 ngày 13/9/2016	Văn phòng Bộ KH&ĐT
	Công văn đề nghị lập phương án chữa cháy của trụ sở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại D25 Tôn Thất Thuyết	Số 592/VP-QT2 ngày 19/9/2014	Văn phòng Bộ KH&ĐT
	Công văn đề nghị hoàn tất hồ sơ pháp lý của công tác quản lý phòng cháy chữa cháy của Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hà Nội	Số 669/VP-QT2 ngày 30/10/2014	Văn phòng Bộ KH&ĐT
	Công văn đề nghị kiểm tra, cấp GCN huấn luyện NV PCC	Số 494/VP-PQT2 ngày 13/9/2016	Văn phòng Bộ KH&ĐT
H1.08.05.08	Kế hoạch khám sức khỏe cho sinh viên hàng năm	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Hợp đồng và thanh lý HĐ khám sức khỏe năm 2016	Số 27/HVCSPT-TCHC ngày 14/9/2016	Học viện
	Hợp đồng và thanh lý HĐ khám sức khỏe năm 2017	Số 09/HVCSPT-TCHC ngày 03/2018	Học viện
	Hợp đồng và thanh lý HĐ khám sức khỏe năm 2018	Số 159/HVCSPT-TCHC ngày 15/9/2017	Học viện
	Hợp đồng và thanh lý HĐ khám sức khỏe năm 2019	Số 46/HĐ-KSK ngày 01/10/2019	Học viện
	Hợp đồng và thanh lý HĐ khám sức khỏe năm 2020	Số 02.11/HĐ-KSK ngày 02/11/2020	Học viện
	Hợp đồng và thanh lý HĐ khám sức khỏe năm 2021	Chưa tổ chức khám do dịch sinh viên học online	Học viện
	Danh sách sinh viên tham gia bảo hiểm y tế	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.08.05.09	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.08.05.10	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.08.05.11	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
TIÊU CHUẨN 9			
TIÊU CHÍ 9.1			
H1.09.01.01	Quyết định về việc phương án bố trí vị trí, diện tích làm việc cho các đơn vị thuộc Bộ sử dụng toà nhà Dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của Bộ Kế hoạch và Đầu tư" tại lô D25, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội	Số 690/QĐ-BKHĐT ngày 07/06/2012	Bộ KH&ĐT
	Thông báo về việc Thống kê tổng diện tích làm việc trung bình của cán bộ, giảng viên tại tòa nhà D25	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Quyết định về việc Quy định quản lý, sử dụng trụ sở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại lô D25	Số 1390/QĐ-BKHĐT ngày 07/10/2013	Bộ KH&ĐT

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Biên bản bàn giao phòng làm việc tầng 17 trụ sở D25	Ngày 17/02/2017	Học viện
	Sơ đồ bố trí các phòng học. Tổng diện tích các phòng học	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.09.01.02	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Học viện Chính sách và Phát triển	Số 136/QĐ-BKHĐT ngày 05/02/2016	Bộ KH&ĐT
	Quyết định về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Học viện Chính sách và Phát triển	Số 1276/QĐ-BKHĐT ngày 18/09/2017	Bộ KH&ĐT
	Hồ sơ thiết kế cơ sở - Basic Design Dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển	Tháng 9/2019	Học viện
H1.09.01.03	Thông báo về việc phân bổ phòng học và thống kê diện tích trung bình/người học của giảng đường tại tòa nhà D25	Số 116/HVCSPT-TB ngày 30/12/2016	Học viện
	Thông báo về việc phân bổ phòng học và thống kê diện tích trung bình/người học của giảng đường tại tòa nhà D25	Số 105/HVCSPT-TB ngày 11/9/2017	Học viện
	Thông báo về việc phân bổ phòng học và thống kê diện tích trung bình/người học của giảng đường tại tòa nhà D25	Số 146/HVCSPT-TB ngày 27/12/2018	Học viện
	Thông báo về việc phân bổ phòng học và thống kê diện tích trung bình/người học của giảng đường tại tòa nhà D25	Số 164/HVCSPT-TB ngày 18/12/2019	Học viện
	Thông báo về việc phân bổ phòng học và thống kê diện tích trung bình/người học của giảng đường tại Nam An Khánh	Số 182/HVCSPT-TB ngày 31/12/2019	Học viện
	Thông báo về việc phân bổ phòng học và thống kê diện tích trung bình/người học của giảng đường tại Nam An Khánh	năm 2020	Học viện
	Thông báo về việc phân bổ phòng học và thống kê diện tích trung bình/người học của giảng đường tại Nam An Khánh	Năm 2021	Học viện
	Bảng thống kê số phòng làm việc, phòng học tại Nam An Khánh	Năm 2019 -2021	Học viện
H1.09.01.04	Thông báo về việc phân bổ chỗ ở và thống kê diện tích Ký túc xá của Học viện tại Nam An Khánh	Số 183/HVCSPT-TB	Học viện
H1.09.01.05	Thông tư Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học	Số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015	Bộ GD&ĐT
	Thông tư ban hành quy chế tuyển sinh trình độ Đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	Số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020	Bộ GD&ĐT
H1.09.01.06	Hợp đồng thuê sân cho sinh viên khóa 5 và khóa 6 tập luyện thể thao môn Cầu lông, Điền kinh và Bóng đá Học viện	Số 26/HĐTS-HVCSPT ngày 18/8/2016	Học viện
	Hợp đồng thuê sân cho sinh viên khóa 7 tập luyện thể thao môn thể dục cơ bản	Số 0809/HĐTS-HVCSPT ngày 08/9/2016	Học viện
	Hợp đồng thuê sân cho sinh viên khóa 6,7 tập luyện thể dục thể thao	Số 01/HĐTS-HVCSPT ngày 26/01/2017	Học viện
	Hợp đồng thuê sân cho sinh viên khóa 6,7 tập luyện thể dục thể thao	Số 02/HĐTS-HVCSPT ngày 20/8/2017	Học viện
	Hợp đồng thuê sân cho sinh viên khóa 8 tập luyện thể dục thể thao	Số 03/HĐTS-HVCSPT ngày 04/9/2017	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Hợp đồng thuê sân cho sinh viên khóa 7 tập luyện thể dục thể thao	Số 311217/HĐTS-HVCSPT ngày 31/12/2017	Học viện
	Hợp đồng thuê sân cho sinh viên khóa 8 tập luyện thể dục thể thao	Số 10118/HĐTS-HVCSPT ngày 10/01/2018	Học viện
	Hợp đồng thuê sân cho sinh viên khóa 7, 8, 9 tập luyện thể dục thể thao	Số 1808/HĐTS-HVCSPT ngày 18/8/2018	Học viện
	Hợp đồng thuê sân cho sinh viên khóa 8, 9 tập luyện thể dục thể thao	Số 0001/HĐTS-HVCSPT ngày 02/11/2019	Học viện
H1.09.01.07	Hợp đồng liên kết giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh	Số 23/HĐLKGD-HVCSPT ngày 19/5/2016	Học viện
	Hợp đồng liên kết đào tạo môn học giáo dục quốc phòng và an ninh	Số 05/HĐLKĐT-HVCSPT ngày 25/5/2017	Học viện
	Hợp đồng liên kết đào tạo môn học giáo dục quốc phòng và an ninh	Số 74/HĐLKĐT-HVCSPT ngày 27/6/2018	Học viện
	Hợp đồng liên kết đào tạo môn học giáo dục quốc phòng và an ninh	Số 1506/HĐLKĐT-HVCSPT ngày 15/6/2019	Học viện
	Hợp đồng liên kết đào tạo môn học giáo dục quốc phòng và an ninh	Năm 2020	Học viện
	Hợp đồng liên kết đào tạo môn học giáo dục quốc phòng và an ninh	Năm 2021	Học viện
H1.09.01.08	Danh mục các trang thiết bị được lắp đặt trong các phòng làm việc	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Thông kê tài sản tại các giảng đường	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Danh mục các trang thiết bị tại các giảng đường	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Thông kê các phiếu yêu cầu sửa chữa, bảo trì Trang thiết bị	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.09.01.09	Quyết định phê duyệt chủ trương dự án "Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển"	Số 1383/QĐ-HVCSPT ngày 22/9/2016	Học viện
	Sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học tại các phòng học	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành quy định về trang bị, quản lý và sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số 410/QĐ-HVCSPT ngày 25/8/2014	Học viện
	Quyết định về ban hành quy chế quản lý và sử dụng phòng máy tính học thực hành của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 462/QĐ-HVCSPT ngày 28/7/2017	Học viện
TIÊU CHÍ 9.2			
H1.09.02.01	Sơ đồ bố trí các phòng học. Tổng diện tích các phòng học D25	Năm 2016 - 2019	Học viện
	Sơ đồ bố trí các phòng học. Tổng diện tích các phòng học Nam An Khánh	Năm 2020 -2022	Học viện
H1.09.02.02	Danh mục các trang thiết bị được lắp đặt trong các phòng làm việc	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.09.02.03	Quyết định thành lập thư viện/thay đổi đơn vị phụ trách	Quyết định số 828/ QĐ-HVCSPT	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Nội quy Thư viện tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 179/QĐ-HVCSPT ngày 26/5/2015	Học viện
	Tài liệu tập huấn hướng dẫn sử dụng thư viện và thư viện số	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Danh sách địa chỉ email của các cán bộ, giảng viên	Năm 2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Danh mục các phần mềm	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Giao diện trang Website thư viện	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.09.02.04	Giao diện trang Website thư viện	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.09.02.05	Thống kê danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phục vụ đào tạo chuyên ngành Quản lý công	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Danh mục sách tiếng Việt tại thư viện	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.09.02.06	Danh mục hợp đồng mua tài liệu tại thư viện Học viện Chính sách và Phát triển 2012 - 2019	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Hợp đồng mua bán sách	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Hợp đồng kinh tế (mua bán sách quốc văn, ngoại văn, giáo trình, sách tham khảo, ...)	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.09.02.07	Hợp đồng mua báo và tạp chí năm 2016	Số LK157/022/HĐB ngày 02/01/2016	Học viện
	Hợp đồng mua báo và tạp chí năm 2017	Số AC216/022/HĐB ngày 28/12/2016	Học viện
	Hợp đồng mua báo và tạp chí năm 2018	Số EC216/022/HĐB năm 2018	Học viện
	Hợp đồng mua báo và tạp chí năm 2019	Số EK318/125/HĐB năm 2019	Học viện
	Hợp đồng mua báo và tạp chí năm 2020		Học viện
	Hợp đồng mua báo và tạp chí năm 2021		Học viện
H1.09.02.08	Danh mục luận văn	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Danh mục luận án	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.09.02.09	Quyết định về việc việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
	Quyết định về việc việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2021	Số 725/QĐ-HVCSPT ngày 24/9/2021	Học viện
H1.09.02.10	Hợp đồng kinh tế xây dựng website quản lý tài nguyên điện tử cho Học viện Chính sách và Phát triển	Số 291014/VNDOC-APD Ngày 29/10/2014	Học viện
H1.09.02.11	Hợp đồng kinh tế hợp tác vận hành thư viện số	Số 071114/VNDOC-APD Ngày 07/11/2014	Học viện
H1.09.02.12	Thông báo của Phòng Quản lý Đào tạo về nhu cầu mua Tài liệu, Giáo trình của các đơn vị	Năm 2016-2021	Phòng Quản lý đào tạo
H1.09.02.13	Công văn hỏi đáp của Khoa về danh mục Tài liệu, Giáo trình đề nghị mua hàng năm	Năm 2016-2021	Khoa CSC
H1.09.02.14	Thống kê tần suất sử dụng thư viện số	Năm 2016-2021	Học viện
TIÊU CHÍ 9.3			
H1.09.03.01	Thông báo về việc phân bổ phòng học và diện tích sử dụng thuộc Học viện tại tòa nhà D25 - ngõ 8 Tôn Thất Thuyết, Hà Nội	Số 103/HVCSPT-TB ngày 31/12/2013	Học viện
	Thống kê tài sản tại các giảng đường	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Danh mục các trang thiết bị tại các giảng đường	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Học viện Chính sách và Phát triển	Số 136/QĐ-BKHĐT ngày 05/02/2016	Bộ KH&ĐT

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.09.03.02	Quyết định điều chỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Học viện Chính sách và Phát triển	Số 377/QĐ-BKHĐT ngày 29/3/2016	Bộ KH&ĐT
	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết ô đất ký hiệu CT-11 trong Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Nam An Khánh và phần mở rộng – Khu B tỷ lệ 1/500.	Số 7260/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	UBND thành phố Hà Nội
	Xác nhận bản vẽ Phương án kiến trúc công trình Học viện	Văn bản số 3275/QHKT-PAKT-P5-P7	Sở Quy hoạch Kiến trúc thành phố Hà Nội
	Quyết định về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Học viện	Số 1276/QĐ-BKHĐT ngày 18/9/2017	Bộ KH&ĐT
	Quyết định về việc thu hồi 50.876m ² đất tại ô đất CQ – Khu đô thị Nam An Khánh và phần mở rộng (Khu B), xã An Thượng, huyện Hoài Đức; giao cho Học viện Chính sách và Phát triển để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Học viện Chính sách và Phát triển.	Số 4651/QĐ-UBND ngày 26/8/2016	UBND thành phố Hà Nội
H1.09.03.03	Quyết định về việc ban hành quy định về trang bị, quản lý và sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất	Số 410/QĐ-HVCSPT ngày 25/8/2014	Học viện
	Quyết định về ban hành quy chế quản lý và sử dụng phòng máy tính học thực hành của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 462/QĐ-HVCSPT ngày 28/7/2017	Học viện
H1.09.03.04	Quyết định về việc phê duyệt dự toán kinh phí sửa chữa mua sắm trang thiết bị tài sản năm 2016	Số 89/QĐ-HVCSPT ngày 26/2/2016	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt dự toán kinh phí sửa chữa mua sắm trang thiết bị tài sản năm 2017	Số 105/QĐ-HVCSPT ngày 06/3/2017	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt dự toán kinh phí sửa chữa mua sắm trang thiết bị tài sản năm 2018	Số 250/QĐ-HVCSPT ngày 07/5/2018	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt dự toán kinh phí sửa chữa mua sắm trang thiết bị tài sản năm 2019	Số 300/QĐ-HVCSPT ngày 26/4/2019	Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt dự toán kinh phí sửa chữa mua sắm trang thiết bị tài sản năm 2020		Học viện
	Quyết định về việc phê duyệt dự toán kinh phí sửa chữa mua sắm trang thiết bị tài sản năm 2021		Học viện
H1.09.03.05	Thống kê tài sản tại các giảng đường	Năm 2016-2021	Học viện
	Danh mục các trang thiết bị tại các giảng đường	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Thống kê các phiếu yêu cầu sửa chữa, bảo trì Trang thiết bị	Năm 2016-2021	Học viện
H1.09.03.06	Sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học tại các phòng học	Năm 2016-2021	Học viện
H1.09.03.07	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Phiếu thu thập ý kiến của cán bộ, giảng viên đánh giá mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và sự hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đối với hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
H1.09.03.08	Quyết định phê duyệt chủ trương dự án "Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển"	Số 1383/QĐ-HVCSPT ngày 22/9/2016	Học viện
TIÊU CHÍ 9.4			
H1.09.04.01	Hợp đồng cung cấp dịch vụ internet cho tầng 05 - 06 tòa nhà Học viện D25 Tôn Thất Thuyết	Số 0508/HĐDV-SPT-HN ngày 05/8/2018	CTCPDV Bưu chính viễn thông Sài Gòn tại TPHN
	Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Fiber Net	Số 22/17/11/16/014 ngày 12/12/2018	TTKD VNPT – HN – Chi nhánh Tổng CT DV Viễn thông
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ internet cho tầng 17 tòa nhà Học viện D25 Tôn Thất Thuyết	Số 1212/HĐDV-SPT-HN ngày 12/12/2018	Học viện
	Danh sách Wifi cho cán bộ giảng viên và sinh viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.09.04.02	Hợp đồng chuyển giao phần mềm MISA Mimoso.NET 2012, đào tạo trực tiếp tại đơn vị 02 ngày	Số 0000029 ngày 10/3/2012	Công ty Cổ phần MISA
	Chứng nhận bản quyền sử dụng phần mềm quản lý đào tạo	Cấp ngày 11/9/2014	Công ty TNHH giải pháp phần mềm CMC cấp
	Quyết định về việc thành lập tổ chuyên gia đấu thầu Gói thầu cung cấp phần mềm thư viện	Số 717/QĐ-HVCSPT ngày 28/10/2011	Học viện
	Quyết định về việc thành lập tổ thẩm định HSYS và kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp phần mềm thư viện	Số 728/QĐ-HVCSPT ngày 31/10/2011	Học viện
	Hợp đồng kinh tế (mua bán Phần mềm thư viện điện tử bao gồm: Bản quyền Phần mềm quản lý thư viện iLib 4.0, phạm vi cài đặt, tài liệu, vật mang, triển khai, đào tạo, bảo hành)	Số 107-1211/HĐKT/CMCSOFT-HVCSPT ngày 09/12/2011	Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC
	Hợp đồng kinh tế (Thiết kế giao diện website và xây dựng HTML, phân tích thiết kế CSDL, lập trình công cụ quản lý CMS website, lập trình website, hướng dẫn sử dụng và bảo trì 02 năm)	Số 291014/VDOC-APD ngày 29/10/14 ngày 07/11/2014	Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VI NA
	Hợp đồng kinh tế (hợp tác vận hành, khai thác và phát triển tài nguyên số cho website quản lý tài nguyên số của Học viện Chính sách và Phát triển)	Số 071114/VDOC-APD ngày 07/11/2014	Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VI NA
Hợp đồng kinh tế mua phần mềm "Bộ công cụ đăng ký học trực tuyến"	Số 01/2013/HĐPM/HVCSPT-VNSE ngày 11/01/2013	Công ty CP Đầu tư công nghệ và giải pháp môi trường Việt Nam	

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Hợp đồng kinh tế (Khảo sát hệ thống, phân tích thiết kế hệ thống, cài đặt triển khai)	Số 030314 - HĐKT ngày 12/02/2014	Công ty CP Đầu tư công nghệ và giải pháp môi trường Việt Nam (VNSE)
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ (cung cấp thiết bị và phần mềm diệt virus)	Số 0412/HĐ DV/HVCS-ĐMT ngày 04/12/2018	Hỗ kinh doanh Đỗ Mạnh Thập
	Hợp đồng phần mềm thi trực tuyến	Năm 2021	
H1.09.04.03	Quyết định phê duyệt chủ trương dự án "Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển"	Số 1383/QĐ-HVCSPT ngày 22/9/2016	Học viện
	Website Học viện: www.apd.edu.vn	Năm 2016-2021	Học viện
	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo, mô tả Chương trình đào tạo	Năm 2016-2021	Học viện
	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmon hoc. apd. edu.vn	Năm 2016-2021	Học viện
H1.09.04.04	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học tại các địa chỉ http://qltd.apd.edu.vn; Tinchi.apd.edu.vn	Năm 2016-2021	Học viện
	Sổ tay giảng viên	Năm 2016-2021	Học viện
	Sổ tay sinh viên	Năm 2016- 2021	Học viện
	Sách hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý đào tạo	Năm 2019	Học viện
H1.09.04.05	Ảnh chụp hoạt động của Học viện và của Khoa Chính sách công trên các trang web, youtube, facebook	Năm 2019	Khoa Chính sách công
	Danh sách email công vụ của cán bộ, giảng viên	Năm 2019	Học viện
	Ảnh chụp màn hình sinh viên đăng nhập vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo	Năm 2019	Khoa Chính sách công
	Thống kê tài sản tại các giảng đường	Năm 2016-2021	TT HTĐT
H1.09.04.06	Danh mục các trang thiết bị tại các giảng đường	Năm 2016 - 2021	TT HTĐT
	Thống kê các phiếu yêu cầu sửa chữa, bảo trì Trang thiết bị	Năm 2016-2021	TT HTĐT
	Hợp đồng chuyển giao phần mềm MISA Mimoso.NET 2012, đào tạo trực tiếp tại đơn vị 02 ngày	Số 0000029 ngày 10/3/2012	Công ty Cổ phần MISA
	Chứng nhận bản quyền sử dụng phần mềm quản lý đào tạo	Cấp ngày 11/9/2014	Công ty TNHH giải pháp phần mềm CMC cấp
	Quyết định về việc thành lập tổ chuyên gia đấu thầu Gói thầu cung cấp phần mềm thư viện	Số 717/QĐ-HVCSPT ngày 28/10/2011	Học viện
	Quyết định về việc thành lập tổ thẩm định HSYS và kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp phần mềm thư viện	Số 728/QĐ-HVCSPT ngày 31/10/2011	Học viện
	Hợp đồng kinh tế (mua bán Phần mềm thư viện điện tử bao gồm: Bản quyền Phần mềm quản lý thư viện iLib 4.0, phạm vi cài đặt, tài liệu, vật mang, triển khai, đào tạo, bảo hành)	Số 107-1211/HĐKT/CMCSOFT-HVCSPT ngày 09/12/2011	Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.09.04.07	Hợp đồng kinh tế (Thiết kế giao diện website và xây dựng HTML, phân tích thiết kế CSDL, lập trình công cụ quản lý CMS website, lập trình website, hướng dẫn sử dụng và bảo trì 02 năm)	Số 291014/VDOC-APD	Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VI NA
	Hợp đồng kinh tế (hợp tác vận hành, khai thác và phát triển tài nguyên số cho website quản lý tài nguyên số của Học viện Chính sách và Phát triển)	Số 071114/VDOC-APD	Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VI NA
	Hợp đồng kinh tế mua phần mềm "Bộ công cụ đăng ký học trực tuyến"	Số 01/2013/HĐPM/HVCSPT-VNSE ngày 11/01/2013	Công ty CP Đầu tư công nghệ và giải pháp môi trường Việt Nam
	Hợp đồng kinh tế (Khảo sát hệ thống, phân tích thiết kế hệ thống, cài đặt triển khai)	Số 030314 - HĐKT ngày 12/02/2014	Công ty CP Đầu tư công nghệ và giải pháp môi trường Việt Nam (VNSE)
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ (cung cấp thiết bị và phần mềm diệt virus)	Số 0412/HĐ DV/HVCS-ĐMT ngày 04/12/2018	Hỗ kinh doanh Đỗ Mạnh Thập
H1.09.04.08	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của cán bộ, giảng viên đánh giá mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và sự hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đối với hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 9.5			
H1.09.05.01	Ảnh chụp lối đi riêng cho người khuyết tật tại sảnh chính và tầng hầm của Học viện tại cơ sở Nam An Khánh	Năm 2021	Học viện
H1.09.05.02	Quyết định ban hành Quy định về hoạt động của Đội Thanh niên xung kích	Số 703/QĐ-HVCSPT ngày 02/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc thành lập Trung đội Tự vệ và tổ chức luyện tập Quân sự năm 2015	Số 441/QĐ-HVCSPT ngày 11/9/2015	Học viện
	Quyết định về việc thành lập Trung đội Tự vệ và tổ chức luyện tập Quân sự năm 2016	Số 504/QĐ-HVCSPT ngày 26/9/2016	Học viện
	Quyết định về việc thành lập Trung đội Tự vệ và tổ chức luyện tập Quân sự năm 2017	Số 366/QĐ-HVCSPT ngày 29/6/2017	Học viện
	Quyết định về việc thành lập Trung đội Tự vệ và tổ chức luyện tập Quân sự năm 2018	Số 409/QĐ-HVCSPT ngày 14/7/2018	Học viện
	Quyết định về việc thành lập Trung đội Tự vệ và tổ chức luyện tập Quân sự năm 2019	Số 612/QĐ-HVCSPT ngày 29/7/2019	Học viện
	Quyết định thành lập Hội đồng an ninh trật tự	Số 343/QĐ-HVCSPT ngày 14/7/2014	Học viện
Quyết định thành lập Hội đồng an ninh trật tự	Số 194/QĐ-HVCSPT ngày 17/4/2018	Học viện	
H1.09.05.03	Quyết định quy định nhiệm vụ chủ yếu của phòng Quản trị 2 thuộc Văn phòng Bộ	Số 1709/QĐ-VP ngày 19/10/2010	Văn phòng Bộ KH&ĐT
	Báo cáo cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận cán bộ, nhân viên phòng Quản trị 2 - Văn phòng Bộ	Ngày 05/6/2013	Phòng Quản trị 2
	Hợp đồng giao việc (nhân viên bảo vệ, vệ sinh)	Năm 2016 - 2021	Học viện
	Quyết định vv Ban hành tạm thời Quy chế quản lý và sử dụng Trụ sở D25	Số 252/QĐ-HVCSPT ngày 15/8/2013	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.09.05.04	Quyết định vv Quy định về quản lý, sử dụng trụ sở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại lô D25 khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội	Số 1390/QĐ-BKHĐT ngày 07/10/2013	Bộ KH&ĐT
H1.09.05.05	Quyết định về Quy chế làm việc của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 331/QĐ-HVCSPT ngày 30/11/2012	Học viện
H1.09.05.06	Quyết định vv ban hành Nội quy sử dụng giảng đường và Nội quy sử dụng thiết bị trợ giảng	Số 286/QĐ-HVCPST ngày 15/9/2013	Học viện
H1.09.05.07	Quyết định vv ban hành quy chế quản lý và sử dụng phòng máy tính học thực hành của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 462/QĐ-HVCSPT ngày 28/7/2017	Học viện
H1.09.05.08	Quyết định ban hành Quy chế công tác phòng cháy và chữa cháy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Số 594/QĐ-BKHĐT ngày 27/4/2010	Bộ KH&ĐT
	QĐ vv thành lập Ban Chỉ huy phòng cháy và chữa cháy Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 12/12/2013	Bộ KH&ĐT
	QĐ vv thành lập Đội phòng cháy và chữa cháy tại trụ sở D25, khu đô thị mới Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Số 1141/QĐ-BKHĐT ngày 03/8/2016	Bộ KH&ĐT
	QĐ cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	Số 2253/QĐ-CSPC&CC-P6 ngày 19/9/2016	Bộ KH&ĐT
	Công văn đề nghị kiểm tra, cấp GCN huấn luyện NV PCC	Số 494/VP-PQT2 ngày 13/9/2016	Văn phòng Bộ KH&ĐT
	Công văn đề nghị lập phương án chữa cháy của trụ sở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại D25 Tôn Thất Thuyết	Số 592/VP-QT2 ngày 19/9/2014	Văn phòng Bộ KH&ĐT
	Công văn đề nghị hoàn tất hồ sơ pháp lý của công tác quản lý phòng cháy chữa cháy của Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hà Nội	Số 669/VP-QT2 ngày 30/10/2014	Văn phòng Bộ KH&ĐT
H1.09.05.09	Hợp đồng khám sức khỏe năm 2016	Số 27/HVCSPT-TCHC ngày 14/9/2016	Học viện
	Hợp đồng khám sức khỏe năm 2017	Số 159/HVCSPT-TCHC ngày 25/9/2015	Học viện
	Hợp đồng khám sức khỏe năm 2018	Số 1009/HVCSPT-TCHC ngày 10/9/2018	Học viện
	Hợp đồng khám sức khỏe năm 2019	Số 09/09/HVCSPT ngày 12/9/2019	Học viện
	Hợp đồng khám sức khỏe năm 2020		Học viện
	Hợp đồng khám sức khỏe năm 2021		Học viện
	Danh sách sinh viên tham gia bảo hiểm y tế	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.09.05.10	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của cán bộ, giảng viên đánh giá mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và sự hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đối với hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 10.1			

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.10.01.01	Quyết định ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 969/QĐ – HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện
H1.10.01.02	Quyết định về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Phòng Quản lý đào tạo	Số 07/QĐ- HVCSPT ngày 28/10/2008	Học viện
H1.10.01.03	Quyết định về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm Thanh tra - Khảo thí	Số 556/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2010	Học viện
H1.10.01.04	Quyết định về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Số 758/QĐ-HVCSPT ngày 23/10/2018	Học viện
H1.10.01.05	Quyết định về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Khoa Chính sách công	Số 299, ngày 3/6/2011	Học viện
H1.10.01.06	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của HVCSPT năm 2015	Số 833/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của HVCSPT năm 2017	Số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy khóa 6 – Hệ đại trà (Niên khóa 2016 – 2020)	Số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/07/2015	Học viện
H1.10.01.07	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy (Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công năm 2018)	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học chính quy Khóa 9 - Hệ đại trà Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công năm 2018	Số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
H1.10.01.08	Quyết định thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 171/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015	Học viện
H1.10.01.09	Quyết định về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2020-2025	Số 625/QĐ-HVCSPT ngày 04/08/2020	Học viện
H1.10.01.10	Quyết định thành lập hội đồng học viện	Số 1436/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020	Học viện
H1.10.01.11	Biên bản Hội thảo lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công	Năm 2018, 2021	Khoa CSC
H1.10.01.12	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
H1.10.01.13	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.01.14	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.10.01.15	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
H1.10.01.16	Bảng so sánh chương trình đào tạo	Năm 2018, 2021	Khoa CSC
H1.10.01.17	Ma trận kỹ năng	Năm 2018, 2021	Khoa CSC
H1.10.01.18	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của HVCSPT năm 2017	Số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện
H1.10.01.19	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về nhân lực: đánh giá chất lượng ứng viên	Năm 2018; 2021	Học viện
H1.10.01.20	Biên bản đối thoại sinh viên của các học kỳ theo năm học	Năm 2016-2021	Khoa CSC
H1.10.01.21	Quyết định ban hành Quy định về công tác khảo sát của Học viện chính sách và Phát triển	Số 688/QĐ – HVCSPT ngày 31/12/2014	Học viện
	Quyết định ban hành Quy định về công tác khảo sát thu thập dữ liệu sơ cấp lấy ý kiến của các bên liên quan đảm bảo chất lượng đào tạo	Số 1007/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 408/QĐ-HVCSPT ngày 2/6/2020	Học viện
H1.10.01.22	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Năm 2016- 2021	Học viện
H1.10.01.23	Bảng hỏi, báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về nhu cầu nhân lực ngành quản lý nhà nước (chuyên ngành Quản lý công) và đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên Học viện Chính sách và Phát triển	Năm 2018-2021	Học viện
TIÊU CHÍ 10.2			
H1.10.02.01	Quy trình xây dựng chương trình đào tạo	Năm 2015, 2017	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của HVCSPT năm 2015	Số 833/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ đào tạo đại trà của HVCSPT năm 2017	Số 971/ QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện
H1.10.02.02	Biên bản họp về việc sửa đổi quy định đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Năm 2015	Học viện
	Biên bản họp về việc sửa đổi quy định đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Năm 2017	Học viện
H1.10.02.03	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy áp dụng từ khóa 6 – Hệ đại trà (Niên khóa 2015 – 2019)	Số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/07/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công hệ chính quy năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học chính quy áp dụng từ Khóa 9 - Hệ đại trà (Niên khoá 2018-2022)	Số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.10.02.04	Quyết định về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 171/QĐ-HVCSPT ngày 05/04/2015	Học viện
H1.10.02.05	Quyết định về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2020-2025	Số 625/QĐ-HVCSPT ngày 04/08/2020	Học viện
H1.10.02.06	Quyết định thành lập hội đồng học viện	Số 1436/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020	Học viện
H1.10.02.07	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2015	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
H1.10.02.08	Biên bản Hội thảo lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.02.09	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.02.10	Bảng so sánh chương trình đào tạo	Năm 2018, 2021	Khoa CSC
H1.10.02.11	Ma trận kỹ năng	Năm 2018, 2021	Khoa CSC
H1.10.02.12	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	Số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
H1.10.02.13	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của HVCSPT	Số 63/QĐ-HVCSPT ngày 29/01/2018	Học viện
H1.10.02.14	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính	Số 533/QĐ-HVCSPT, ngày 10/8/2018	Học viện
H1.10.02.15	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về nhân lực: đánh giá chất lượng ứng viên	Năm 2018; 2021	Học viện
H1.10.02.16	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.02.17	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.02.18	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.02.19	Thông tư Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	Số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017	Bộ GD&ĐT
TIÊU CHÍ 10.3			
H1.10.03.01	Hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học	Số 751/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2016	Học viện
H1.10.03.02	Quyết định ban hành Quy định về công tác khảo sát của Học viện chính sách và Phát triển	Số 688/QĐ – HVCSPT ngày 31/12/2014	Học viện
	Quyết định ban hành Quy định về công tác khảo sát thu thập dữ liệu sơ cấp lấy ý kiến của các bên liên quan đảm bảo chất lượng đào tạo	Số 1007/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 408/QĐ-HVCSPT ngày 2/6/2020	Học viện
H1.10.03.03	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2015	Số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015	Học viện
	Quyết định về việc sửa đổi Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2015	Số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2018	Số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2018	Số 658/QĐ-HVCSPT, ngày 12/8/2020	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT 2018	Số 619/QĐ-HVCSPT, ngày 13/8/2021	Học viện
H1.10.03.04	Quy định tổ chức thi trực tuyến tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 427/QĐ-HVCSPT ngày 10/06/2021	Học viện
H1.10.03.05	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
H1.10.03.06	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2018	Số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018	Học viện
H1.10.03.07	Biên bản họp Khoa về đánh giá kết quả điểm rèn luyện sinh viên của Khoa	Năm 2016 - 2021	Khoa CSC
H1.10.03.08	Bảng kết quả điểm rèn luyện sinh viên của Khoa	Năm 2016 - 2021	Khoa CSC
H1.10.03.09	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy áp dụng từ khóa 6 – Hệ đại trà (Niên khóa 2015 – 2019)	Số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/07/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công hệ chính quy năm 2018	Số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành Mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 691/QĐ-HVCSPT ngày 9/9/2021	Học viện
H1.10.03.10	Thông báo kết quả đánh giá giảng viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.10.03.11	Biên bản họp Khoa CSC trao đổi về phương pháp giảng dạy để đảm bảo tương thích và phù hợp với CĐR	Năm 2016- 2021	Khoa CSC
	Biên bản tọa đàm Khoa CSC về phương pháp giảng dạy và học tập đáp ứng chuẩn đầu ra	Năm 2016- 2021	Khoa CSC
H1.10.03.12	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.03.13	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.03.14	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
TIÊU CHÍ 10.4			

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.10.04.01	Quyết định về việc giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2016	Số 383/QĐ-HVCSPT ngày 29/03/2016	Học viện
	Quyết định về việc giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2017	Số 631/QĐ-HVCSPT ngày 18/09/2017	Học viện
	Quyết định giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2018 của đc Nguyễn Phương Lan	Số 268/QĐ-HVCSPT ngày 8/5/2018	Học viện
	Quyết định giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2018 của đc Nguyễn Văn Tuấn	Số 267/QĐ-HVCSPT ngày 8/5/2018	Học viện
	Quyết định giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2018 của đc Ngô Minh Thuận	Số 266/QĐ-HVCSPT ngày 8/5/2018	Học viện
	Quyết định giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2018 của đc Phùng Thế Đông	Số 265/QĐ-HVCSPT ngày 8/5/2018	Học viện
	Quyết định giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2019 của đc Bùi Thúy Vân	Số 191/QĐ-HVCSPT ngày 19/3/2019	Học viện
	Quyết định giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2019 của đc Phan Lê Nga	Số 190/QĐ-HVCSPT ngày 19/3/2019	Học viện
	Quyết định giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2019 của đc Nguyễn Thế Vinh	Số 189/QĐ-HVCSPT ngày 19/3/2019	Học viện
	Quyết định giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2019 của đc Trịnh Tùng	Số 188/QĐ-HVCSPT ngày 19/3/2019	Học viện
	Quyết định về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đợt 2 năm 2019	Số 582/QĐ-HVCSPT ngày 23/07/2019	Học viện
	Quyết định về việc giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2020	Số 1043/QĐ-HVCSPT ngày 29/11/2019	Học viện
	Quyết định về việc giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2021	Số 911/QĐ-HVCSPT ngày 22/10/2020	Học viện
Quyết định về việc giao nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học năm 2022	Số 716/QĐ-HVCSPT ngày 23/09/2021	Học viện	
H1.10.04.02	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2016-2017	Số 15/KH-HVCSPT ngày 26/9/2016	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2017-2018	Số 22/KH-HVCSPT ngày 08/11/2017	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2018-2019	Số 14/KH-HVCSPT ngày 01/11/2018	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2019-2020	Số 20/KH-HVCSPT ngày 07/11/2019	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2020-2021	số 48/KH-HVCSPT ngày 20/10/2020	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2021-2022	số 43/KH-HVCSPT ngày 04/10/2021	Học viện
H1.10.04.03	Danh mục các đề tài NCKH từ năm 2016 đến năm 2019	Năm 2016-2021	P.KHHT
H1.10.04.04	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2016-2017	Số 506/QĐ- HVCSPT ngày 27/09/2016	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2017-2018	Số 832/QĐ-HVCSPT ngày 15/11/2017	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2018-2019	Số 811/QĐ-HVCSPT ngày 02/11/2018	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2019-2020	Số 985/QĐ-HVCSPT ngày 07/11/2019	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2020-2021	Số 918/QĐ-HVCSPT ngày 26/10/2020	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2021-2022	Số 774/QĐ-HVCSPT ngày 05/10/2021	Học viện
H1.10.04.05	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 443/QĐ-HVCSPT ngày 14/09/2015	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.10.04.05	Quyết định về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy	Số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018	Học viện
H1.10.04.06	Giáo trình nội bộ Khoa CSC	Năm 2021	Học viện
H1.10.04.07	Thuyết minh đề tài NCKH cấp cơ sở của Khoa CSC	Năm 2016-2021	Khoa CSC
H1.10.04.08	Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH của sinh viên của Khoa Chính sách công và Biên bản đối thoại sinh viên qua các năm	Năm 2016- 2021	Khoa CSC
TIÊU CHÍ 10.5			
H1.10.05.01	Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.	Số 135/QĐ-HVCSPT ngày 16/3/2017	Học viện
H1.10.05.02	Quyết định về việc ban hành quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 969/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện
H1.10.05.03	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 688/QĐ – HVCSPT ngày 31/12/2014	Học viện
	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 1007/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 408/QĐ-HVCSPT ngày 2/6/2020	Học viện
H1.10.05.04	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
H1.10.05.05	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.05.06	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.05.07	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
H1.10.05.08	Phiếu thu thập ý kiến của cán bộ, giảng viên đánh giá mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và sự hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đối với hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.10.05.09	Báo cáo một số thay đổi của thư viện	Năm 2017, 2019	Học viện
H1.10.05.10	Báo cáo Tổng kết công tác tư vấn, giới thiệu và hỗ trợ việc làm đối với sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển	Năm 2016- 2021	Học viện
H1.10.05.11	Quyết định về việc ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 148/QĐ-HVCSPT ngày 04/03/2020	Học viện
H1.10.05.12	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 408/QĐ-HVCSPT ngày 2/6/2020	Học viện
H1.10.05.13	Kế hoạch tổ chức khảo sát nâng cao chất lượng đào tạo, quản lý tại Học viện Chính sách và Phát triển	Năm 2016-2021	Học viện
TIÊU CHÍ 10.6			

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.10.06.01	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 688/QĐ – HVCSPT ngày 31/12/2014	HVCSPT
	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 1007/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	HVCSPT
	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 408/QĐ-HVCSPT ngày 2/6/2020	Học viện
H1.10.06.02	Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.	Số 135/QĐ-HVCSPT ngày 16/3/2017	HVCSPT
H1.10.06.03	Quyết định về việc ban hành quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 969/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	HVCSPT
H1.10.06.04	Kế hoạch tổ chức khảo sát nâng cao chất lượng đào tạo, quản lý tại Học viện Chính sách và Phát triển	Năm 2016-2021	Học viện
H1.10.06.05	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
H1.10.06.06	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.06.07	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
H1.10.06.08	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
H1.10.06.09	Phiếu thu thập ý kiến của cán bộ, giảng viên đánh giá mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và sự hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đối với hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2016-2021	Học viện
H1.10.06.10	Bảng hỏi, báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về nhu cầu nhân lực ngành Kinh tế quốc tế và đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên Học viện Chính sách và Phát triển	Năm 2016-2021	Khoa CSC
H1.10.06.11	Nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Số 13/NQ-HĐKĐCLGD ngày 28/05/2018	HĐKĐCLGD
H1.10.06.12	Kế hoạch cải tiến chất lượng sau kiểm định Học viện chính sách và phát triển giai đoạn 2020-2023	Số 66/KH-HVCSPT ngày 30/12/2020	Học viện
H1.10.06.13	Quyết định về việc ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 148/QĐ-HVCSPT ngày 04/03/2020	Học viện
H1.10.06.14	Nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Số 20/NQ-HĐKĐCLGD ngày 01/9/2020	HĐKĐCLGD
H1.10.06.15	Kế hoạch cải tiến chất lượng sau kiểm định Học viện chính sách và phát triển giai đoạn 2020-2023	Số 66/KH-HVCSPT ngày 30/12/2020	Học viện
H1.10.06.16	Quyết định về việc ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển	Số 148/QĐ-HVCSPT ngày 04/03/2020	Học viện
H1.10.06.17	Quy định đào tạo trực tuyến	Số 409/2021	

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
TIÊU CHUẨN 11			
TIÊU CHÍ 11.1			
H1.11.01.01	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên khóa 3 đợt 1 tại Học viện Chính sách và Phát triển.	Số 385/QĐ-HVCSPT ngày 29/7/2016	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên khóa 3 đợt 2 tại Học viện Chính sách và Phát triển.	Số 624/QĐ-HVCSPT ngày 17/11/2016	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 1 cho sinh viên khóa 4 của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 417/QĐ-HVCSPT ngày 17/7/2017	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 2 cho sinh viên của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 510/QĐ-HVCSPT ngày 14/8 /2017	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy Đợt 1 năm 2018	Số 116/QĐ-HVCSPT 13/3/2018	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy Đợt 2/2018	Số 440/QĐ-HVCSPT 18/7/2018	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy Đợt 2 (Bổ sung lần 1) năm 2018	Số 458/QĐ-HVCSPT 23/7/2018	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy Đợt 2 (Bổ sung lần 2) năm 2018	Số 477/QĐ-HVCSPT 1/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên khóa 5 đợt 3/2018 (bổ sung lần 2) năm 2018 tại HVCSPT	Số 890/QĐ-HVCSPT 30/11/2018	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên đợt 1 năm 2019 của HVCSPT	Số 59/QĐ-HVCSPT 22/1/2019	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 2 năm 2019 của HVCSPT	Số 655/QĐ-HVCSPT 8/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 2 (Bổ sung lần 1) năm 2019	Số 867/QĐ-HVCSPT 10/8/2019	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 2 (Bổ sung lần 2) năm 2019	Số 977/QĐ-HVCSPT 11/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên đợt 1 năm 2020 của HVCSPT	Số 39/QĐ-HVCSPT 13/01/2020	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 2 năm 2020 của HVCSPT	Số 646/QĐ-HVCSPT 10/08/2020	Học viện
Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 3 năm 2020 của HVCSPT	Số 898/QĐ-HVCSPT 22/10/2020	Học viện	
Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 4 năm 2020 của HVCSPT	Số 1068/QĐ-HVCSPT 07/12/2020	Học viện	
Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên đợt 1 năm 2021 của HVCSPT	Số 89/QĐ-HVCSPT 17/02/2021	Học viện	
Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 2 năm 2021 của HVCSPT	Số 595/QĐ-HVCSPT 12/08/2021	Học viện	

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 3 nam 2021 của HVCSPT	Số 1080/QĐ-HVCSPT 24/12/2021	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 1 năm 2022 của HVCSPT	Số 159/QĐ-HVCSPT 31/3/2022	
H1.11.01.02	Thông kê tỉ lệ tốt nghiệp hằng năm	Năm 2016 - 2022	Học viện
	Thông kê danh sách sinh viên nghỉ học, tỉ lệ thôi học	Năm 2016 - 2022	Phòng QLĐT
H1.11.01.03	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2015	Số 668/QĐ-HVCSPT, ngày 11/11/2015	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2018	Số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2019	Số 658/QĐ-HVCSPT, ngày 12/8/2020	Học viện
	Quyết định v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2019	Số 688/QĐ-HVCSPT, ngày 8/9/2021	
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2020	Số 619/QĐ-HVCSPT, ngày 13/8/2021	Học viện
H1.11.01.04	Biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cấp Học viện hàng năm	Năm 2016 - 2022	Học viện
	Biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cấp Khoa	Năm 2018 - 2022	Khoa Chính sách công
	Biên bản họp khoa về việc người học tốt nghiệp muộn	Năm 2018 - 2022	Khoa Chính sách công
	Biên bản họp khoa về tình hình sinh viên nghỉ học	Năm 2016 - 2022	Học viện
H1.11.01.05	Báo cáo sơ kết học kì và phương hướng, kế hoạch học tập trong học kỳ kế tiếp	Năm 2016- 2022	Khoa Chính sách công
H1.11.01.06	Biên bản đối thoại sinh viên các kỳ và tổng kết năm học	Năm 2016- 2022	Khoa Chính sách công
TIÊU CHÍ 11.2			
H1.11.02.01	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2015	Số 668/QĐ-HVCSPT, ngày 11/11/2015	Học viện
	Quyết định về việc sửa đổi Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển 2015	Số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2018	Số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018	Học viện
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2019	Số 658/QĐ-HVCSPT, ngày 12/8/2020	Học viện
	Quyết định v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2019	Số 688/QĐ-HVCSPT, ngày 8/9/2021	
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển 2020	Số 619/QĐ-HVCSPT, ngày 13/8/2021	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên khóa 3 đợt 1 tại Học viện Chính sách và Phát triển.	Số 385/QĐ-HVCSPT ngày 29/7/2016	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên khóa 3 đợt 2 tại Học viện Chính sách và Phát triển.	Số 624/QĐ-HVCSPT ngày 17/11/2016	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 1 cho sinh viên khóa 4 của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 417/QĐ-HVCSPT ngày 17/7/2017	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 2 cho sinh viên của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 510/QĐ-HVCSPT ngày 14/8 /2017	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy Đợt 1 năm 2018	Số 116/QĐ-HVCSPT 13/3/2018	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.11.02.02	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy Đợt 2/2018	Số 440/QĐ-HVCSPT 18/7/2018	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy Đợt 2 (Bổ sung lần 1) năm 2018	Số 458/QĐ-HVCSPT 23/7/2018	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy Đợt 2 (Bổ sung lần 2) năm 2018	Số 477/QĐ-HVCSPT 1/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên khóa 5 đợt 3/2018 (bổ sung lần 2) năm 2018 tại HVCSPT	Số 890/QĐ-HVCSPT 30/11/2018	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên đợt 1 năm 2019 của HVCSPT	Số 59/QĐ-HVCSPT 22/1/2019	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 2 năm 2019 của HVCSPT	Số 655/QĐ-HVCSPT 8/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 2 (Bổ sung lần 1) năm 2019	Số 867/QĐ-HVCSPT 10/8/2019	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy đợt 2 (Bổ sung lần 2) năm 2019	Số 977/QĐ-HVCSPT 11/7/2019	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên đợt 1 năm 2020 của HVCSPT	Số 39/QĐ-HVCSPT 13/01/2020	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 2 năm 2020 của HVCSPT	Số 646/QĐ-HVCSPT 10/08/2020	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 3 năm 2020 của HVCSPT	Số 898/QĐ-HVCSPT 22/10/2020	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 4 năm 2020 của HVCSPT	Số 1068/QĐ-HVCSPT 07/12/2020	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy cho sinh viên đợt 1 năm 2021 của HVCSPT	Số 89/QĐ-HVCSPT 17/02/2021	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 2 năm 2021 của HVCSPT	Số 595/QĐ-HVCSPT 12/08/2021	Học viện
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 3 năm 2021 của HVCSPT	Số 1080/QĐ-HVCSPT 24/12/2021	Học viện
Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp đại học chính quy đợt 1 năm 2022 của HVCSPT	Số 159/QĐ-HVCSPT 31/3/2022		
	Thông kê tỉ lệ tốt nghiệp hằng năm	Năm 2016 - 2022	Học viện
H1.11.02.03	Báo cáo sơ kết học kì và phương hướng, kế hoạch học tập trong học kỳ kế tiếp	Năm 2016- 2022	Khoa Chính sách công
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy năm 2015	Số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2018	Số 533/QĐ-HVCSPT, ngày 10/8/2018	Học viện
	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2019.	Số 564/QĐ-HVCSPT, ngày 16/7/2019	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.11.02.04	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2021	Số 655/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2021	
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2018	Số 63/QĐ-HVCSPT ngày 29/01/2018	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2018	SốQĐ-HVCSPT ngày 2018	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 752/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2020	Số 751/QĐ-HVCSPT ngày 14/9/2020	Học viện
	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với các ngành đào tạo hệ đại học năm 2021	Số 687/QĐ-HVCSPT ngày 7/9/2021	Học viện
H1.11.02.05	Thông báo về các đợt xét tốt nghiệp trong năm	Năm 2016 - 2022	Học viện
H1.11.02.06	Báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm	Năm 2016 - 2022	Học viện
TIÊU CHÍ 11.3			
H1.11.03.01	Quy định về việc ban hành quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện Chính sách và Phát triển	Số 969/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017	Học viện
H1.11.03.02	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 688/QĐ – HVCSPT ngày 31/12/2014	Học viện
	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 1007/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 408/QĐ-HVCSPT ngày 2/6/2020	Học viện
H1.11.03.03	Hướng dẫn hoạt động Ban liên lạc cựu sinh viên	Năm 2016 - 2021	Học viện
H1.11.03.04	Báo cáo sơ kết học kì và phương hướng, kế hoạch học tập trong học kỳ kế tiếp	Năm 2016- 2022	Khoa Chính sách công
H1.11.03.05	Bảng so sánh chương trình đào tạo	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
	Ma trận kỹ năng	Năm 2018, 2021	Khoa Chính sách công
H1.11.03.06	Thông tin hỗ trợ việc làm	Năm 2016 - 2022	Học viện
TIÊU CHÍ 11.4			
H1.11.04.01	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2016-2017	Số 15/KH-HVCSPT ngày 26/9/2016	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2017-2018	Số 22/KH-HVCSPT ngày 08/11/2017	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2018-2019	Số 14/KH-HVCSPT ngày 01/11/2018	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2019-2020	Số 20/KH-HVCSPT ngày 07/11/2019	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2020-2021	số 48/KH-HVCSPT ngày 20/10/2020	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2021-2022	số 43/KH-HVCSPT ngày 04/10/2021	Học viện
	Kế hoạch nghiên cứu khoa học sinh viên hằng năm của Khoa Chính sách công	Năm 2016 - 2022	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2017	Số 500/ QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2017	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2018	Số 470/ QĐ-HVCSPT ngày 30/3/2018	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.11.04.02	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2019	Số 1182/ QĐ-HVCSPT ngày 27/12/2019	Học viện
	Quyết định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ 2021	Số 766/ QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021	Học viện
H1.11.04.03	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030.	Số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/ 2016	Học viện
	Quyết định về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển”	Số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Học viện
H1.11.04.04	Biên bản họp Hội đồng Khoa Chính sách công quyết định tên đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên	Năm 2016 - 2021	Khoa Chính sách công
H1.11.04.05	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2016-2017	Số 15/KH-HVCSPT ngày 26/9/2016	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2017-2018	Số 22/KH-HVCSPT ngày 08/11/2017	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2018-2019	Số 14/KH-HVCSPT ngày 01/11/2018	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2019-2020	Số 20/KH-HVCSPT ngày 07/11/2019	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2020-2021	số 48/KH-HVCSPT ngày 20/10/2020	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2021-2022	số 43/KH-HVCSPT ngày 04/10/2021	Học viện
	Kế hoạch Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2022-2023	số 62/KH-HVCSPT ngày 03/10/2022	
H1.11.04.06	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2016-2017	Số 506/QĐ- HVCSPT ngày 27/09/2016	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2017-2018	Số 832/QĐ-HVCSPT ngày 15/11/2017	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2018-2019	Số 811/QĐ-HVCSPT ngày 02/11/2018	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2019-2020	Số 985/QĐ-HVCSPT ngày 07/11/2019	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2020-2021	Số 918/QĐ-HVCSPT ngày 26/10/2020	Học viện
	Quyết định Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2021-2022	Số 774/QĐ-HVCSPT ngày 05/10/2021	Học viện
H1.11.04.07	Quyết định vv thành lập hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm 2015 - 2016	Số 205/QĐ-HVCSPT ngày 22/04/2016	Học viện
	Quyết định vv thành lập hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm 2016 - 2017	Số 341/QĐ-HVCSPT ngày 20/06/2017	Học viện
	Quyết định vv thành lập hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm 2018 - 2019	Số 376/QĐ-HVCSPT ngày 17/05/2019	Học viện
	Quyết định vv thành lập hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm 2021 - 2022	Số 380/QĐ-HVCSPT ngày 30/05/2022	
H1.11.04.08	Quyết định vv tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện năm học 2015 - 2016	Số 204/QĐ-HVCSPT ngày 22/04/2016	Học viện
	Quyết định vv tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện năm học 2016 - 2017	Số 322/QĐ-HVCSPT ngày 07/6/2017	Học viện

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.11.04.08	Quyết định vv tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện năm học 2018 - 2019	Số 375/QĐ-HVCSPT ngày 17/5/2019	Học viện
	Quyết định vv tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện năm học 2021 - 2022	Số 383/QĐ-HVCSPT ngày 30/5/2022	Học viện
H1.11.04.09	Báo cáo tổng kết NCKH sinh viên năm học 2016-2017	Số 12/BC-KHHT ngày 20/4/2016	Học viện
	Báo cáo tổng kết NCKH sinh viên năm học 2017-2018	Số 15/BC-KHHT ngày 20/6/2017	Học viện
	Báo cáo tổng kết NCKH sinh viên năm học 2018-2019		Học viện
	Báo cáo tổng kết NCKH sinh viên năm học 2019-2020	Số /BC-KHHT ngày 28/9/2020	Học viện
	Báo cáo tổng kết NCKH sinh viên năm học 2020-2021	Số /BC-KHHT ngày /5/2021	
H1.11.04.10	Thời khóa biểu năm học 2016 - 2022	Năm 2016 - 2022	Học viện
H1.11.04.11	Đảm sách tên đề tài và tên nhóm sinh viên môn Phương pháp nghiên cứu khoa học năm 2017 - 2021	Năm 2017 - 2022	Khoa
H1.11.04.12	Biên bản tọa đàm nghiên cứu khoa học sinh viên năm 2018 - 2022	Năm 2018 - 2022	Khoa
H1.11.04.13	Biên bản hội nghị khoa học sinh viên cấp khoa các năm	Năm 2016 - 2022	Khoa
H1.11.04.14	Quyết định tổ chức Tọa đàm và làm việc giữa Học viện Chính sách và Phát triển và Tổ chức trao đổi nguồn lực quốc tế (REI)	Số 124/QĐ-HVCSPT Ngày 18/3/2016	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm "Thái độ quyết định số phận";	Số 746/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2016;	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm và làm việc giữa HVCSPT và Tổ chức trao đổi nguồn lực REI	Số 180a/QĐ-HVCSPT ngày 4/4/2017	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm mô hình định lượng cho tăng trưởng kinh tế, bất bình đẳng và an ninh lương thực;	Số 218/QĐ-HVCSPT ngày 18/4/2017;	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm "Optimal growth strategy under dynamic threshold";	Số 326/QĐ-HVCSPT ngày 8/6/2017;	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm "Phương pháp tiếp cận nghiên cứu kinh tế vĩ mô"	Số 641/QĐ-HVCSPT ngày 25/11/2017;	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm : "Fintech and regulation"	Số 675/QĐ-HVCSPT ngày 10/10/2017	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm "Corporate governance"	Số 747/QĐ-HVCSPT ngày 25/10/2017	Học viện
	Quyết định tổ chức tọa đàm và làm việc giữa HVCSPT và Tổ chức trao đổi nguồn lực REI	Số 790/QĐ-HVCSPT ngày 7/11/2017	Học viện
TIÊU CHÍ 11.5			
H1.11.05.01	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 688/QĐ – HVCSPT ngày 31/12/2014	Học viện
	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 1007/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018	Học viện
	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện CS&PT	Số 408/QĐ-HVCSPT ngày 2/6/2020	Học viện
	Mẫu phiếu và đường link đánh giá giảng viên online	Năm 2016 - 2022	Học viện
	Kết quả đánh giá năng lực giảng viên của sinh viên các năm	Năm 2016 - 2022	Học viện
	Phiếu xin góp ý về phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước và báo cáo khảo sát	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công

Mã minh chứng	Tên các minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành
H1.11.05.02	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng chương trình học tại Học viện Chính sách và Phát triển và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018, 2021	Học viện
	Phiếu thu thập thông tin của người đã tốt nghiệp tại Học viện Chính sách và Phát triển về tình hình thu nhập, việc làm và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
	Phiếu thu thập ý kiến của cán bộ, giảng viên đánh giá mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và sự hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đối với hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học và Báo cáo kết quả khảo sát	Năm 2018; 2021	Học viện
H1.11.05.03	Báo cáo sơ kết học kì và phương hướng, kế hoạch học tập trong học kỳ kế tiếp	Năm 2016-2022	Khoa Chính sách công
	Biên bản đối thoại sinh viên các kỳ và tổng kết năm học	Năm 2016- 2022	Khoa Chính sách công
H1.11.05.04	Bảng so sánh chương trình đào tạo	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công
	Ma trận kỹ năng	Năm 2018; 2021	Khoa Chính sách công